

Diary In Grey Tower

Contents

Diary In Grey Tower	2
1. Chương 1	2
2. Chương 2	4
3. Chương 3	7
4. Chương 4	11
5. Chương 5	15
6. Chương 6	18
7. Chương 7	21
8. Chương 8	24
9. Chương 9	28
10. Chương 10	30
11. Chương 11	33
12. Chương 12	36
13. Chương 13	39
14. Chương 14	43
15. Chương 15	47
16. Chương 16	51
17. Chương 17	54
18. Chương 18	57
19. Chương 19	61
20. Chương 20	64
21. Chương 21	67
22. Chương 22	70
23. Chương 23	74
24. Chương 24	78
25. Chương 25	82
26. Chương 26	86
27. Chương 27	89
28. Chương 28	92
29. Chương 29	95
30. Chương 30	98
31. Chương 31	101
32. Chương 32	104
33. Chương 33	106
34. Chương 34	109
35. Chương 35	112
36. Chương 36	115
37. Chương 37	118
38. Chương 38	122
39. Chương 39	124
40. Chương 40	128
41. Chương 41: Pn1	133

Diary In Grey Tower



Giới thiệu

Edit: Du DuThế loại: đam mỹ, cường cường, phương Tây (còn nữa nhưng bạn không nói đâu :")) ~).

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/diary-in-grey-tower>

1. Chương 1

Trước chiến tranh London thật là sầm uất, người ta theo nhau lui tới rạp hát và quán bar, giá rượu Brandy lẫn rượu nho chưa bao giờ đắt đỏ đến như những năm 1940. Mà Cambridge, cách London chỉ chín mươi dặm ấy, trong trí nhớ của tôi vẫn là một thiên đường trong mơ.

Ngày tôi trúng tuyển vào King's College Cambridge chú ruột tôi bảo rõ là trò đùa. Ông nổi giận ùng ùng, thiếu chút nữa thì liệng luôn lá thư còn nguyên dấu xi Cambridge vào lò lửa. Nhưng hai tháng sau đó, tôi vẫn đáp xe lửa từ quận Bedford lên London, ôm rương hành lý ra khỏi nhà ga, nhảy xe ca đường dài, và xuống giữa đường ở Cambridge. Khoảnh khắc xuống xe, hoàng hôn ngợp mắt, đỉnh tháp cao tít đằng xa và tòa hội trường được rải thảm màu cam thân diệu, chói lóa đến nỗi tôi phải giơ tay chắn bớt mắt mình. Dưới mây chiều, thế giới sao mà bình yên tươi đẹp.

Cầm thư giới thiệu, tôi vội vã tìm được nhà số 72 đường Bò Cầu Xám. Chủ nhà là người quen của cô tôi, một quý bà London độc thân hiền hậu. Nhà gạch đỏ hai tầng, trước cửa có hàng rào trắng quây thành một khu vườn nho nhỏ, trồng đủ loại hoa kim tước. Trên rào treo xiêu xiêu một thùng gỗ đựng sữa giao ban sáng.

Tôi sống ở nơi này năm năm, năm thứ hai tôi gặp Andemund, năm thứ tư anh ấy bỏ tôi. Một năm sau đó tôi ở đây đợi anh ấy.

Ở King's College Cambridge tôi học số học, thành tích không hề tệ. Chú tôi từng nói rằng, ngoài số học ra cái gì tôi cũng dốt. Gặp Andemund xong thì tôi ngộ ra, đi so với anh ấy, số học mình cũng dốt nốt.

Lần đầu tiên tôi thấy Andemund là ở dưới tầng cây táo đang trổ đầy hoa hồng nhạt li ti trước thư viện. Cambridge mùa xuân rất đẹp, tôi ôm hai cuốn tiểu thuyết diễm tình đi ra khỏi cổng vòm thư viện, chần chừ nghĩ có nên bùng tiết Tân Giáo của năm thứ hai hôm ấy không. Trong khoa số học của trường cao đẳng người ta nói rằng, có vị nọ học thuật cao siêu không không chỉ sở hữu tài năng về số học logic, cơ học lượng tử mà còn nghiên cứu thêm cả mật mã học, rồi vinh dự được mấy giải thưởng đủ đề chết người. Tôi thì không thèm hứng thú với ông già râu ria xồm xoàm ấy, thành ra đã bùng liên bốn buổi. Edgar đi điểm danh giùm tôi lại bị bắt được, về rồi cậu ta nói lại rằng ông thầy bảo không đi học cũng được, nhưng luận văn cuối kỳ nộp nhất định phải mang tận nơi trình ông. (Ồ phải, Edgar là bạn tôi, học mỹ thuật, bình thường hay đi điểm danh lớp số học giùm tôi.)

Cây táo không cao lắm, Andemund đứng dưới dựa vào thân cây, tay dứt túi quần, trên vai lắc rắc vụn hoa rụng. Dáng người ảnh cao gầy, mặc sơ-mi trắng đường hoàng chần chu, ánh nắng len qua hoa lẫn những lớp lá hình oval để chiếu trên mình anh ấy, trông như tranh của Edgar, màu dịu dàng mà ấm áp. Cạnh ảnh lúc ấy là một vòng vây sinh viên, hình như đang hỏi bài số học, Edgar cũng đứng trong đám đó. Vậy là tôi chen chân lách qua.

Tôi nhập học là năm 1936, lúc ấy tình hình chính trị đã khá nhạy cảm, những chuyện mật mã hay gì gì giống vậy thường rất ít người bàn luận công khai. Thấy tôi qua Edgar mới dúm cho một mảnh giấy, cầm đọc thì thấy một hàng chữ dài. Tôi cau mày nhìn một hồi, thuận miệng đọc luôn: “I love Professor Andemund Wilson.”

Đám đông xung quanh lập tức cười phá lên. Edgar mặt trắng bệch lắp bắp nói: “Alan, cậu đừng có giỡn kiểu đó.”

Tôi vội vàng liệng tờ giấy đi: “Nó viết thế mà, chứ đời nào tôi thêm cái ông già đó.”

Người đang đứng dựa cây đột nhiên lên tiếng: “Cậu ta dịch đúng rồi, đó là mật mã Ceasar dịch lùi sáu bước, thêm một vòng rào. Nó là của một nữ sinh đưa cho giáo sư Wilson hôm nay. Cậu là?”

“Alan. Alan Castor.” Tôi nhìn mặt anh ta, đáp nhanh như chớp.

Có thể vì quanh năm nhốt mình trong phòng tư liệu không gặp ánh mặt trời, gương mặt anh ta hình như trắng nhợt hơn người thường. Xương gò má hơi cao, lông mi mảnh dài, cặp mắt màu lục thắm bên dưới xinh đẹp như những viên ngọc mắt mèo trong tiệm đồ cổ. Khi anh ta cười khóe miệng cong cong thành một đường vòng cung hoàn hảo, vừa đủ để tôi nhìn muốn thất thần.

Đợi tôi sực tỉnh, thì chúng tôi đã ngồi cùng nhau trong quán cà phê.

Anh ta tự tay rót cà phê, rồi nhẹ nhàng nhấp một ngụm: “Bình thường cậu có nghiên cứu mật mã sao?”

Giọng anh ta rất nhẹ, khiến tôi tự dưng mơ tưởng đến chùm chuông gió vẫn lung lay ngày này qua ngày khác trước cửa quán cà phê.

Tôi nhún nhún vai: “Không, ba mẹ tôi từng nghiên cứu mật mã, họ để lại cho tôi ít sách... hồi bé có đọc thôi. Với lại cái mã ban nãy đâu có khó... các chữ dịch lùi năm vị trí, chia làm hai hàng dọc mà đọc thôi.”

“Đúng là nó không khó.” Hình như anh ta đột nhiên thấy rất hứng thú, hai mắt màu lục bắt đầu hấp háy: “Tha lỗi cho tôi tò mò, ba mẹ cậu làm việc cho cơ quan nào vậy?”

“Không biết. Họ mất hồi tôi năm tuổi rồi.” Tôi thực tình không muốn nói chuyện này nữa: “Hi, chứ anh tên gì? Học bên nào vậy?”

“Cậu họ Castor.” Anh ta trầm ngâm một lát: “Vợ chồng Castor... hình như đã nghe ở đâu rồi.”

Anh ta vội vã đứng dậy, bắt tay tôi một cái rồi bỏ đi. Tôi lẳng lặng gọi bồi bàn ra thanh toán, mới biết anh ta đã kịp trả tiền rồi.

Mà nản hơn nữa là, tôi nhận ra mình còn chẳng biết anh ta tên là gì.

Nhưng rất nhanh sau đó tôi đã biết. Đi học tiết số học đầu tiên trong kỳ, tôi thấy anh ta xách sổ da bìa đen bước vào giảng đường. Anh ta là vị giáo sư mới, cái người đã vinh dự được giải thưởng đề chết, tên nguyên văn là Andemund Wilson, đang danh tiếng lẫy lừng trong giới số học. Đi qua bàn tôi anh ta dừng lại một chút, nhướn mi trái nói: “Alan, em chưa nộp bài tập lớp năm. Chắc em vui lòng ở lại nói chuyện với tôi sau giờ học chứ?”

Tôi bị đất hỏi Edgar: “Này cậu nghĩ hôm bữa ông nghe thấy tôi gọi ông là ông già không?”

Mấy tháng sau đó Andemund đi tôi mới thật kinh người. Anh ta là giáo sư, đi học điểm danh người đầu tiên được xưng tên là Alan Castor, bài tập nộp lên được chữa tỉ mỉ chưa từng thấy, mỗi ngày tính bùng học liền bị gọi lên hỏi một loạt tràng giang đại hải các loại câu.

Tôi kiệt sức bảo Edgar: “Chắc tôi không dám tán ông nữa.”

Mặt Edgar lại trắng bệch: “Cậu đừng có đùa.”

Bọn tôi bùng học ngồi cà phê trưa ngoài trời bên bờ sông Cam: “Tôi nghĩ cục cưng Andemund yêu quý ghét tôi rồi, vì lần trước tôi kêu ổng là ông già. Mà tình yêu à, cậu không biết bị sét đánh nó như nào đâu, lòng dạ người ta tan nát lắm ấy.”

Edgar rất chi nghiêm túc bảo: “Đồng tính luyến ái là phạm pháp đấy!”

Cậu ta là một người thật chảnh chu, đối đãi với bạn bè thì cậu nệ, dáng người cao hơn tôi một chút xíu, tóc lộn quăn màu hạt dẻ, mũi Hy Lạp điển hình, rất được mắt các cô gái. Bọn tôi cũng gặp nhau trên bờ sông Cam, tôi làm người mẫu miễn phí cho cậu ta, cậu ta đi học điểm danh giùm tôi.

Tôi chọc ghẹo nhỏ bởi bàn mặc váy ngắn ca-rô, cậu ta ngồi cặm cụi vẽ; tôi nằm trên cỏ đọc sách, cậu ta cặm cụi vẽ; tôi ngồi lải nhải về Andemund, cậu ta vẫn cặm cụi cặm cụi vẽ... đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao thứ người tử tử cẩn thận như cậu ta lại đánh bạn với tôi được, mà lại còn thành bạn thân.

Lúc ấy thiệt tình tôi cũng chỉ tính giỡn chơi với Andemund mà thôi, Edgar cũng chẳng định coi chuyện ấy là thật. Tôi bình thường mỗi tuần tán một em, bất quá lần này em đổi thành anh.

Tôi nằm dài ra băng ghế trắng thật thoải mái, đắp cái áo khoác cũ trên ngực. Vừa lười biếng mở mắt nhìn trời thì thấy mặt Andemund, sợ đến thiếu điều bay lên gặp Thượng Đế.

Đã sang mùa xuân, anh ta vẫn mặc áo măng-tô màu xám nhạt, tay cầm sổ bìa đen như mọi khi. Anh ta đã nghe được không thiếu chữ nào, vậy là cúi xuống tùm tùm cười nhìn tôi: “Alan, đồng tính luyến ái ở nước ta là luật cấm đó.”

Anh ta rút một mảnh giấy trong sổ ra đưa cho tôi, bảo tôi đi cùng anh ta. Tôi tiu nghỉu lê gót theo, thấy cái cổ trắng trắng lộ trên lai áo măng-tô, sao mà tinh tế động lòng~ Tôi chạy thất thểu lên chắn phía trước anh: “Giáo sư à, em nói thiệt đó. Em thích thầy mà.”

Anh ta không đáp, chỉ cười cười, bước qua tôi để lấy chìa khóa gắn trên dây đồng hồ ra mở cửa ban công, để tôi đứng ngoài, một mình vào trong gọi điện thoại.

Tôi nghe câu được câu mất.

“... cha mẹ đều từng là chuyên viên giải mã... đơn giản thôi, nhưng đúng là nhìn qua đã dịch được, nên tôi muốn cho cậu ta xem thử mã mười ba. Tôi sẽ biết chừng mực.”

Anh ta gác máy, gọi tôi vào. Tôi tưởng tính phạt tôi tội bùng học, cơ mà anh ta chỉ bảo tôi xem tờ giấy trên tay. Nãy giờ chỉ lo để ý anh ta, giờ mới thấy tờ giấy toàn những hình tròn hình vuông, mặt trắng sao hỏa khó hiểu. Hình vẽ bằng mực xanh chỉ chit kín đầy một mặt giấy. “Alan.” Andemund ra hiệu cho tôi ngồi xuống: “Nếu em thật sự không muốn làm bài phân tích định lý Godel hôm nay, vậy thử xem em có thể giải giúp tôi mật mã đó không. Đó là tang vật của một vụ giết người tại London, thủ phạm gửi nó cho một tòa soạn. Bạn tôi ở Scotland Yard biết tôi có nghiên cứu về mật mã nên giao nó cho tôi.”

Anh ta rung chuông gọi cà phê, rồi nhìn tôi mỉm cười: “Tôi chưa giải được, có lẽ em nên thử xem.”

2. Chương 2

Andemund cười quả nhiên rất dễ coi, hại tôi một chút xíu chống cự cũng không có nổi.

Một tuần sau đó tôi ngồi nghiền ngẫm mảnh giấy ấy, nhai bánh mì dài ngồi trong thư viện xoay ngang xoay ngửa, nhưng nhìn cách nào vẫn chỉ thấy như tờ giấy lộn toàn trắng với sao, xem đến phát bực.

Tôi nhớ hồi bé, cả nhà sống trong một nhà trọ ở London. Tối mùa đông ba mẹ luôn ngồi cạnh lò sưởi ấm tường, cặm cụi giải toán bằng bút chì và tập vở, giống như những gia đình khác quen ngồi cùng đọc báo bên lò sưởi. Đột nhiên đến một ngày, họ mang tôi và những chiếc hòm to đại đựng đầy giấy tờ, thư tín về nông trại của bác ở Bedford. Mẹ hôn hôn trán tôi, nói rằng đời tình hình bình yên nhất định sẽ đón tôi về.

Ba chỉ xoa đầu tôi, rồi an ủi mẹ rằng tôi đã là một chàng trai nhỏ, tôi sẽ tự biết chăm sóc cho mình. Đó là lần cuối cùng tôi được thấy họ, ở nhà ga London năm ấy.

Ba tháng sau, bác tôi nhận được thư từ London, nói rằng nhà trọ gia đình tôi ở gặp hoả hoạn, ba mẹ không may đã thiệt mạng.

Thật tình mà nói, bác đối với tôi không tồi, dù không dạy dỗ gì, nhưng chưa bao giờ bác để tôi đói. Ông nghiêm khắc phần đối tôi học toán, nhưng hình như càng cấm tôi chỉ càng thấy ham hơn. Còn nhớ lúc nhỏ tôi thường trốn sau cái hòm lớn trong nhà kho, ngồi co ro dựa tường lên đọc những bản ghi chép của mẹ, rồi hí hoáy vẽ vời lên sàn nhà bằng màu bút chì. Đến một bữa bác vào kho lấy búa, thấy chữ số, phép tính công trừ chấm phẩy chỉ chít như giun trên sàn. Ông đánh tôi một trận nên thân, đến hôm sau thì đưa tôi đi trường quận học.

Cuối cùng tôi đến được King's College Cambridge.

Ngày trước tôi cũng chẳng biết những ghi chép của mẹ gọi là tài liệu giải mã, chỉ thấy những chữ số – mẫu tự thật thú vị, rồi cứ thế miệt mài vui đầu vào, chơi hoài không chán.

Phải, mật mã là một trò chơi. Một đám người nghĩ đủ mọi cách che giấu, để một đám người khác vất óc cố giải bằng ra. Khi ta muốn nói một bí mật cho ai đó, ta sẽ nhào nặn nó bằng những cách chỉ hai người chúng ta biết, rồi chuyển cho người đó, người nhận được tin lại biến thông điệp trở về như ban đầu bằng cách đã hẹn. Thông điệp sau khi nhào nặn gọi là văn bản mã hóa, sau khi được giải mã nó trở thành văn bản trơn, còn cách người ta ấn định với nhau để giải mã là khóa giải mã.

Ví dụ, nếu tôi muốn nói với Andemund em yêu thầy, tôi sẽ không ghi thẳng I LOVE YOU, thay vào đó tôi viết kiểu mật mã thành hknudxnt, mỗi mẫu tự trong bảng chữ cái được lùi một vị trí, I thành H, L thành K... Andemund nhận được mảnh giấy trông như vô nghĩa ấy, rồi so bảng chữ cái, tiến mỗi chữ một bước, có thể hiểu nguyên văn ý đồ của tôi. Đó là cách Ceasar đại đế năm xưa dùng để truyền tin mật cho các tướng quân của ông ta, mật mã Ceasar kinh điển.

Chỉ cần biết khóa giải mã “lùi một bước”, có thể dễ dàng hiểu thông điệp. Có điều thông thường chuyên viên giải mã không thể biết được khóa của địch, họ chỉ suy đoán phương pháp mã hóa của đối phương từ đoạn tin mật thu được, rồi mới mày mò giải mã. Đó cũng chính là việc tôi đang làm lúc này, ngồi nặn óc cố tìm tòi chút ý nghĩa chết tiệt từ một mảnh giấy chỉ chít trắng sao.

Mật mã học và toán học vốn không thể tách biệt rõ ràng, chuyên viên giải mã thường cũng có bộ não của thiên tài toán học. Họ phải nhặt ra những mối liên kết ẩn giấu sau hàng tỉ tỉ văn bản, để giải nghĩa một đoạn thông điệp mã hóa.

Nghe nói những thiên tài mật mã đều là bọn biến thái trong đám tinh tú của giới toán học, những đề toán khó xơi bình thường không đủ thỏa mãn họ, vì thế họ tìm đến lĩnh vực giải mã.

Sau này thì tôi biết, Andemund là đồ biến thái nhất trong những đồ biến thái.

Edgar đến thư viện tìm tôi ba lần, mang theo cả báo mấy hôm rồi. Tiệp Khắc đòi độc lập, người Đức đã có động thái, cơ mà cái ấy thì liên quan gì đến tôi? Tôi chỉ quan tâm đến Andemund của tôi thôi.

Chiều cuối tuần, thư viện vắng teo, mùi hương hoa táo ngọt ngào lan tỏa trong không khí, tôi nằm bò trên bàn mơ mơ ngủ. Cảm giác có người đến, ngồi xuống cạnh tôi, còn cảm tập vở nháp công thức của tôi lên lật coi soát soát. Tôi mở choàng mắt, thấy Andemund đang nheo mắt nhìn mình.

Anh ấy cầm bút mực đỏ gạch trên trang vở của tôi: “Làm sao em chuyển hết hình vẽ thành chữ cái được?”

Tôi gục xuống bàn, híp mắt nhìn anh, đáp thật lưu manh: “Cưng à, thầy ghé lại đây em nói cho nghe.”

Sau đó tôi gơ tay tóm cà-vạt anh, ngoi đầu dậy, hôn anh.

Trong nháy mắt tôi cảm giác được Andemund cứng đờ người, anh ấy không hề đề phòng, thành ra tôi hôn được cả phút đồng hồ. Gió xuân thật dễ chịu, trên áo Andemund còn mơ hồ vương mùi lá cây râm thơm ngát. Cũng may góc tôi ngồi không có ai, bởi vì giây tiếp theo anh đã vật ngã tôi xuống bàn, cổ tay tôi đau tưởng gãy mất tiêu rồi. Mặt anh cách tôi rất gần, anh nhìn chăm chú tôi một lúc lâu, rồi buông ra, đứng thẳng dậy.

Andemund cười vẫn ưa mắt vậy. Anh ấy cầm quyển vở của tôi lên, xé thành từng mảnh, giấy vụn nhăm nhở bay là là xuống sàn.

“Tôi đổi ý rồi, Alan.” anh ấy nói: “Tôi quyết định không để em giải cái này nữa.”

Biết vừa giỡn quá đà, tôi đành đứng dậy, thành thật bảo: “Em thích thầy thật đấy.”

Tôi chạy theo sau anh, lải nhải giải thích: “Cùng à thầy nghe em nói nè, cái đó nhìn qua đúng là hình trăng sao, nhưng thầy để ý không? Có một số sao chỉ có ba cánh, có cái lại có bảy cánh lặn, vị trí cánh cũng khác nhau, còn trăng thì chỉ có một kiểu. Nếu một sao để thay cho một chữ cái, thế thì không thể có chuyện cả một câu dài không lặp lại chữ nào. Em đang nghĩ không chừng đây là mật mã Bacon cải tiến.”

Andemund dừng lại, nhướn mày có vẻ hứng thú: “Và?”

Tôi nói: “Thật ra các ngôi sao khác nhau không mang ý nghĩa gì đặc biệt cả, chẳng qua là để làm rối mắt chúng ta. Em đoán hung thủ đã mã hóa thế này...”

Hắn ta dùng sao thay cho chữ viết thường, trăng thay cho chữ hoa.

Đầu tiên hắn ta lập bảng mã tùy ý.

Ví dụ ba chữ thường bất kỳ là A (như ddd), hai chữ thường bất kỳ và một chữ hoa (như ssT) là B, cứ thế suy rộng ra. Nếu hung thủ muốn viết AB, hắn sẽ viết thành dddssT, hoặc wasiuR.

Sau đó hắn ta đổi những chữ thường thành hình ngôi sao các loại, chữ hoa thành mặt trăng.

Tôi nhìn đôi mắt xanh biếc của anh ấy, nhún nhún vai: “Thế đấy, nên chúng ta thấy toàn trăng với sao không à.”

“Em giải được rồi sao?”

“Chưa.” tôi thở dài: “Em cố xài phân tích tần suất để chuyển thành chữ cái, kết quả ra chẳng có nghĩa gì cả, không hiểu lộn chỗ nào không.”

“Còn lại để cho tôi.” Andemund gật đầu, lại còn lừ mắt với tôi, ra điều cảnh cáo: “Alan, em không cần nghĩ đến chuyện này nữa.”

Andemund tưởng xé được tờ giấy của anh là xong, cơ mà với người ngồi ngấm nó bảy ngày liền như tôi, tôi chẳng nhớ hết từ khuya rồi.

Rốt cuộc tôi chặn đường Andemund lần nữa ở giáo đường. King’s College Cambridge có riêng một giáo đường, trần thật là cao, kính màu lộng lẫy hắt nắng xuống khoảng không u ám, khiến cả sảnh cũng rực rỡ theo. Anh ấy quỳ trước tượng chúa Jesus, gương mặt nghiêm túc, hai mắt nhắm nghiền, hàng mi óng óng vàng khê run run. Biểu cảm như đang đau khổ, quỳ mà lưng vẫn rướn thẳng tắp.

Tôi không hiểu anh đau khổ chuyện gì, bởi vậy tôi định đặt tay lên vai anh. Nhưng vừa mới giơ tay đã bị ai đó chụp lấy bả vai, rồi vật xuống. Định thần lại đã thấy mình nằm trên sàn nhà lạnh lẽo, bụng ăn một đấm ra trò.

Ở quận Cambridge rất hiếm thấy người mặc quân phục, quần áo màu lam, giày bó ống bóng loáng, dưới vành mũ thấp là cặp mắt xanh lạnh lùng. Anh ta đứng nhìn tôi, định giáng thêm đấm nữa thì bị Andemund đứng sau chụp lấy nắm tay.

“Bỏ ra, Peter. Đây là học trò của tôi.” giọng Andemund rất nhẹ, mà không hiểu sao nghe nghiêm khắc lạ. Anh ấy nhìn tôi cười cười: “Dù cậu ta chưa bao giờ tự coi mình là học trò cả.”

Tôi bò dậy, cố tình thẳng lưng ưỡn ngực: “Tôi muốn nói chuyện riêng với giáo sư Wilson.”

Andemund vẫy tay ra hiệu, người đàn ông kia liền quay đầu đi ra đứng ngoài cửa giáo đường. Tôi hỏi anh ấy: “Thầy có quan hệ với quân đội hả? Hồi nào sao em không biết.”

“Chuyện em không biết còn nhiều nữa kia.” Anh ấy cười nói: “Alan, em đến đúng lúc lắm, tôi đang định tạm biệt em. Tôi phải rời Cambridge, tới viện nghiên cứu tại Trang trại Plymton ở ngoại ô London. Đừng có nhìn tôi như vậy, tôi chỉ đi tiếp tục công trình học thuật của mình thôi.”

“Thầy làm việc cho quân đội.” tôi nhìn thẳng vào mắt anh, giọng nói ra cũng kìm không được sự nôn nóng: “Em giải được mật mã rồi. Em đoán không lầm đâu, đúng là hần chuyển thành chữ cái rồi tiếp tục mã hóa ba lần nữa bằng cách đó. Đây rõ ràng không phải mật mã nghi phạm giết người gửi tòa soạn gì hết...”

Andemund đặt ngón trỏ lên môi, ra hiệu “Suyt...”.

Tôi nói một lèo còn trôi chảy hơn nhìn sách đọc ra: “Ngài phải nhanh chóng đến London, tới chỗ tướng quân F lấy báo cáo tình hình diễn tập ngày 5 của quân Anh, giao cho Ứng Non.” Tôi dựa lưng vào cây cột trong giáo đường, khoanh tay, hắt hắt mũi chân: “Cưng à, đây là một thông điệp tình báo, Ứng Non là ai thế?”

Đôi mắt xanh biếc của Andemund bình thần chiếu vào tôi, rốt cuộc anh ấy thở dài: “Alan, tôi vốn chỉ định thử em. Em không nên hấp dẫn tôi ngay khi tôi đối ý như thế.”

“Tôi để em thôi giải mật mã, là xuất phát từ lòng kính trọng với cha mẹ đã mất của em.”

3. Chương 3

Andemund chỉ ở lại Cambridge ba tháng, không tổ chức tiệc chia tay, cả thi cuối kỳ anh cũng không xuất hiện, chỉ để lại một đề toán trên bảng vào tiết học cuối cùng.

Anh ấy mỉm cười với bọn sinh viên ngồi đông nghịt trong giảng đường, xoay xoay mẫu phần kẹp giữa hai ngón tay, nói: “Các em có hai lựa chọn... qua bài thi cuối kỳ của tôi, hoặc giải được đề bài này trước khi kỳ thi bắt đầu, cứ gọi điện báo cho tôi.”

Đề thi Andemund ra khó chết đi được, thành ra hầu hết chẳng có ai qua. Bảng điểm dán trên bảng thông báo ngoài thư viện, tôi chen chân vào xem, thấy tên mình nằm hoành tráng ngay đầu bảng trượt.

Tôi túm cổ áo Edgar lắc lắc điên loạn, không đời nào thể được, rõ ràng đã làm hết từ đầu đến cuối mà!!

“Chắc cậu tính sai chỗ nào rồi.” cậu ta dành ngừng vẽ, giơ cao hai tay: “Cậu nên đi tìm giáo sư Wilson xin phúc tra đi.”

Cơ mà Andemund đã tới trang trại Plymton rồi còn đâu. Thậm chí anh đi từ trước khi kỳ thi bắt đầu, hôm thi cũng để trợ giảng phát đề thay.

Giáo viên trợ giảng là một cô nàng ưa mặc cỡ, cao chỉ tới vai tôi. Cô lấy bài thi của tôi ra, lại lấy cả bảng điểm Andemund đã ký, xem rồi nhú mày nói: “Alan Castor phải không? Điểm chuyên cần lên lớp của em là 0.”

Quy định của Andemund là điểm thi và điểm chuyên cần chia 50/50. Tôi nghĩ mà ức: “Em nhớ là em có lên lớp mấy buổi mà, sao 0 điểm được? Hay bị nhầm ở đâu rồi ă?”

Cô ta tiếc nuối thu lại bài thi: “Giáo sư Wilson nói điểm số này không thể sửa được.”

Edgar vỗ vai tôi: “Cậu bị trả thù rồi. Cậu làm gì ổng rồi hả?”

Nào tôi đã làm gì đâu, chỉ hôn anh có một cái thôi mà...

Bác tôi rất quan tâm đến bảng điểm trường gửi về, điểm số trong ấy can hệ trực tiếp đến trợ cấp sinh hoạt phí của tôi. Bởi vậy giờ chỉ còn một cách...

“Chỉ còn một cách thôi.” tôi thăm thưng nhìn Edgar: “Trượt một môn thì tháng sau bánh mì tôi cũng không có mà gặm.”

Tôi không muốn đến gõ cửa Lindon, nhưng chẳng còn đường nào nữa.

Cậu ta ở tầng trên cùng một khu nhà trọ cho sinh viên. Cửa khép hờ, đẩy ra ngó vào thấy vắng vẻ như không người. Cửa sổ thì mở, đối diện cửa sổ là một cái bàn màu xanh nhạt, nước sơn đã muốn bong tróc

tùm lum. Trên bàn bày giấy tờ bừa bộn, cửa bị đẩy ra làm gió ùa vào, vài tờ giấy đã bay tung lên. Tôi bắt được một tờ, thấy toàn số với công thức viết ngoáy.

Bút máy nằm trên tập giấy, bình mực vẫn mở. Tôi đá ván giường, ngồi xuống lôi một cái xác dưới gầm ra, tuyệt vọng nói: “Lindon à, mình nhất định phải hợp tác.”

Cái thằng dưới gầm giường coi bộ còn chán đời hơn cả tôi. Râu cậu ta chắc cả tuần rồi không cạo, tóc tai bù xù như cỏ khô. Cậu ta gọi chủ nhà mang thịt xông khói và cà phê lên, ăn một lèo xong đẩy gọng kính, thở dài nói: “Alan, tôi không giải được.”

Lindon là bạn học trung học với tôi, thư báo trúng tuyển của chúng tôi cũng được ký cùng một ngày. Thành tích các môn của cậu ấy luôn xếp thứ nhất, là thiên tài từ số học trở đi, đã từng tự mình chứng minh được định lý nổi tiếng. Một trong những niềm vui của cậu ta là vác quả đầu như cỏ khô, ngồi xỏm cạnh bãi tập xem người ta chơi bóng bầu dục, rồi dựa vào lực ném và góc độ để lăm rằm tính xem bóng có đến được cầu môn hay không.

Có bữa tôi vừa đi ngang qua, nghe thấy cậu ta hét: “Vào được!”

Tôi bảo: “Trượt cho xem.”

Quả nhiên bóng bay trượt. Lindon hỏi tôi sao lại thế, theo cậu ấy tính chắc chắn phải vào.

“Thì có gió mà.” Tôi lười biếng đáp.

Từ đó trở đi chúng tôi thành địch thủ. Cậu ấy vẫn xếp thứ nhất tất cả các môn, tôi chỉ nhất được mỗi số học. Có điều đến tận khi tốt nghiệp, điểm số học của cậu ấy chưa bao giờ vượt được tôi.

Kỳ thi lần này tôi trượt vì Andemund cố tình trả thù, Lindon trượt vì thật tình cậu ta bùng học lắm quá. Gặp đề bài không giải ra, tôi thường ra cửa thư viện ngồi xỏm ngấm nữ sinh lượn qua lượn lại, chờ linh cảm chủ động đến viếng thăm mình. Cách của cậu ta thì cực đoan hơn... chui gầm giường nằm, kéo ra giường xuống che kín hết ánh sáng, rồi nghĩ trong bóng tối. Không tìm ra đáp án sẽ không chui ra.

Nếu bài khó quá, cậu ta sẽ nằm dưới gầm giường cả ngày, giờ học nào cũng bỏ hết.

“Lần này cậu nằm gầm giường bao lâu rồi?” tôi hỏi.

Lindon bẻ một mẩu bánh mì: “Không nhớ lắm, hình như vào từ hôm thứ ba.”

Ba ngày liền... tôi nghĩ.

“Vấn cái đề giáo sư Wilson viết lên bảng đấy.” cậu ấy nhún vai, quay lại nhìn tôi chằm chằm: “Có liên quan đến Vấn đề của Warren. Alan, tôi biết cậu định làm gì rồi, nhưng tôi phải nói với cậu là cái này mình không thể giải được đâu.”

Tôi biết Andemund viết lên bảng một đề bài, chỉ hai dòng, nhưng tôi không biết nó là Vấn đề của Warren.

Đó là suy đoán về bình phương của số nguyên E. Warren đưa ra năm 1770, gần hai trăm năm nay, chưa một ai có thể trình bày và chứng minh được nó.

Tôi ngồi trong thư viện, tuyệt vọng cùng cực. Lật coi hết mọi cuốn sách đề cập đến định lý Warren, tuyệt nhiên không có manh mối gì cả. Edgar lại đến an ủi tôi, bảo tôi thôi bỏ đi, sinh hoạt phí tháng tới cậu ta sẽ cho tôi mượn.

Tôi cười giễu cậu ấy: “Chứ cậu lấy đâu ra tiền? Bán tranh hở?”

Kết quả là cậu ta nghiêm túc gật đầu: “Ít ra tôi còn có thể bán tranh, còn cậu chẳng có cách nào kiếm tiền cả, cứ hành xác thế này, chẳng bằng đi về với tôi đi. Đề toán học búa nổi tiếng thế giới đâu phải sinh viên năm hai chứng minh được.”

“Trông cậu chán lắm rồi đấy, cứ thế này mãi rồi làm sao làm mẫu cho tôi được nữa... tôi không định vẽ bộ xương khô suốt ngày đâu.” cậu ta nói.

Tôi ngồi trong thư viện hai tuần lễ, giấy nháp chất được một đồng cao nửa foot. Không biết có viết lộn chỗ nào không, mà điều kiện đề bài Andemund cho tính ra lại có những điểm khác biệt rất tinh vi so với định lý Warren kinh điển, dẫn đến tính toán xong mới thấy thiếu mất mấy chữ số quan trọng.

Chính xác là thiếu sáu chữ số, vậy là tôi hết đường xoay xở.

Tôi tính gọi cho Lindon, hỏi ý kiến cậu ta (nhà trọ cậu ta ở có mắc điện thoại), liền ra buồng điện thoại công cộng. Trong đầu tôi lúc ấy chỉ quay quay sáu con số kia, rồi không hiểu ma xui quỷ khiến thế nào cứ thế bấm gọi đúng sáu số ấy.

Chỉ một lát, đầu dây bên kia vang lên giọng nữ dịu dàng: “Xin chào, đây là trang trại Plymton.”

Tôi cầm ống nghe, hóa đá luôn trong buồng điện thoại, lại thấy bên kia hỏi: “Xin hỏi ngài tìm ai?”

“Giáo sư Wilson.” tôi đáp.

“Ở đây không có giáo sư Wilson.” cô gái nhận điện thoại có vẻ khó hiểu: “Đây là đường dây của cố vấn Garcia.”

“Ồ đó có người tên là Andemund Wilson chứ? Tôi nhớ tháng trước giáo sư Wilson nói sẽ đến đó làm việc mà.”

“Cậu ở Cambridge phải không?” có lẽ tôi nói năng nghe ra giọng sinh viên quá, thành ra cô kia bật cười. Lúc sau cô ta nói với ai đó: “Ngài Garcia, có sinh viên tìm được chúng ta thật này. Gọi cậu ấy đến đây ngay nhé?”

Tôi nghe thấy giọng Andemund trả lời: “Hồi giữm tôi tên cậu ta, nếu là họ Castor, cô bảo cậu ta gọi nhầm số rồi.”

Đến lúc cô gái kia hỏi, tôi nuốt nước miếng, cố giữ giọng bình thường: “Lindon, tôi là Lindon Brown.”

Chiều hôm sau, tôi nhảy xe đi London, tìm đến trang trại Plymton ở ngoại thành.

Mới tháng sáu đầu hè, những cây hòe già hai bên đại lộ trở lá xum xuê. Xuống xe, đi bộ đến cuối đường là trang trại Plymton. Trời đã hơi nóng, tôi vừa đi vừa cởi bớt hai cúc áo sơ-mi. Từ cổng sắt nhìn vào chỉ thấy một khu nhà gạch kiểu xưa, cơ man cây leo màu xanh lục quấn rủ trên bức tường thấp, cùng rung rinh theo một cơn gió xé trưa. Ngoại ô London có vô số trang trại, nơi này thật sự chẳng có gì khiến người ta chú ý.

Ngoại trừ lính gác bông súng đứng cạnh cổng.

Tôi báo danh, lúc sau có một cô gái mặc sơ-mi, quần dài xuất hiện dẫn tôi vào. Thời ấy phụ nữ mặc quần áo như vậy thật sự rất hiếm, vì thế gương mặt xinh đẹp và vóc dáng đầy đặn của cô ấy đã làm tôi rất ấn tượng.

“Tôi là Annie, trợ lý của ngài Garcia.” nghe ra đây là giọng cô gái tiếp điện thoại của tôi hôm qua. Thì ra không phải tổng đài viên, là trợ lý nữ.

Annie dẫn tôi đi qua hơn nửa trang trại, vào một tòa nhà gạch đỏ biệt lập: “Ngài Garcia là Tổng cố vấn của chúng tôi, cậu ngồi đợi một lát ngài ấy sẽ ra gặp cậu.”

Cô ấy mở cửa một phòng làm việc, để tôi vào đó ngồi chờ.

Mười phút sau, Andemund đến.

Vừa đẩy cửa vào, nhìn thấy tôi, anh ấy liền nhú mày: “Alan, em không nên tới đây.”

Tôi cũng kinh hoàng thực sự: “Anh không phải giáo sư Andemund Wilson chuyên nghiên cứu giải tích học sao?”

Anh ấy gõ cà-vạt vắt lên lưng ghế: “Nói cho đúng, tôi vừa là Andemund Wilson, vừa là Andemund Garcia. Cái đó tùy thuộc vào việc tôi ở giới học thuật hay trang trại Plymton.”

Edgar nói đúng, Andemund không đời nào trông chờ bọn sinh viên số học năm hai của Cambridge chứng minh được một đề bài hai trăm năm. Anh ấy gài vào câu đố một mã số, hy vọng ai đó sẽ tìm ra nó, và còn đoán được chính xác phải dùng nó thế nào.

Nói cách khác, anh ấy không phải đang ra một đề số học, mà là một mật mã.

Nhưng Andemund không để tôi có cơ hội giải thích, anh xách cổ tôi quăng luôn ra ngoài. Người đẹp trợ lý đứng trực ở cửa, tôi đành dỗi mắt trần trề hy vọng nhìn Andemund ngồi xử lý tài liệu trên cái bàn ngoại cỡ, mà không thể nào bước nửa bước vào phòng.

“Anh đã bảo giải được đề bài là đạt mà.” Tôi phản đối.

Andemund không buồn ngẩng lên: “Giờ em qua rồi đó, tôi sẽ điện cho trường ngay đây, em về được rồi.”

“Anh không có quyền cho tôi 0 điểm chuyên cần... đây là trả thù trắng trợn!”

Anh ấy ngừng viết: “Tôi không nhớ em có gì để tôi phải trả thù.”

Sau đó thì anh quyết không nói với tôi câu nào nữa.

Đến khi Andemund bước ra khỏi phòng làm việc, trời đã tối sập. Tối đến còn oi bức hơn ban ngày, thấy tôi vẫn đứng dựa tường đợi, Andemund hình như rất bất ngờ.

“Cứng à, em nghĩ không chừng anh không nở để em đi đâu, thế nên em đành ở lại thôi.” Tôi vẫn dựa tường, vẩy vẩy chân: “Ba mẹ em là chuyên viên giải mã, thành ra ít nhiều em cũng đoán được đấy. Chỗ này không phải trang trại bình thường, hẳn là cơ sở nghiên cứu mật mã thuộc cục tình báo của chúng ta rồi. Anh thiếu người, thiếu nhiều kìa, nên mới phải đến Cambridge tuyển. Anh xem, em đã biết địa điểm nghiên cứu bí mật của mấy người rồi, còn được tham quan cả bên trong nữa...”

Andemund nhẹ nhàng nói: “Nói tiếp đi.”

Cặp mắt màu lục của anh nhìn tôi chăm chú, nhìn một hồi hại tôi lạnh toát sống lưng. Vậy là tôi im.

Anh ấy thở dài: “Đi ăn với tôi.”

Tầng hai có một nhà ăn rộng rãi sáng sủa, hẳn là phòng chuyên dành cho Tổng cố vấn. Tôi không ý kiến gì nữa, gọi luôn chân giò hun khói, thịt nguội, trứng tráng và một miếng to bánh mì nướng, Andemund làm việc cả ngày mà ăn có chút xiu, cà phê đen lại uống liền ba ly.

“Thế không tốt cho dạ dày đâu.” tôi nhắc nhở anh: “Mẹ em cũng quen uống cà phê đen, hồi bé em nhớ bà vẫn mất ngủ vì đau dạ dày.”

Andemund đặt ly cà phê xuống, cười cười: “Mắt em rất giống phu nhân Castor, lúc chăm chú thì càng giống. Tôi đã từng gặp bà ấy, bà ấy là một chuyên gia mật mã rất giỏi.”

Tôi không biết Andemund từng gặp mẹ mình rồi, lần đầu gặp nhau lúc anh nhắc đến ba mẹ tôi, cũng đâu có vẻ quen thuộc gì.

Andemund có vẻ rất mệt mỏi, tôi hỏi anh: “Mọi hôm anh vẫn ăn muộn vậy hả?”

Anh ấy ngả người ra ghế, ngẩng đầu lên, giơ tay bưng mắt: “Mê, muốn giải thật quá khó.”

Anh ấy nói: “Em nói đúng, Alan. Chỗ này là đơn vị bí mật trực thuộc cơ quan tình báo, nội bộ chúng tôi gọi là Học viện mật mã, với bên ngoài thường là Hội nghiên cứu golf và cờ vua. Ý đồ của Đức rất khó nắm bắt, để tránh thâm kích chiến tranh, có một số mật mã quan trọng chúng tôi phải giải cho ra. Ba Lan thu được máy mã hóa của Đức, Nga chặn được một số bản mật mã cũ của chúng, nhưng bọn họ đều chịu thua. Giờ máy mã hóa “Mê” và bản phục chế những mật mã cũ đó đã được chuyển về đây, nước Anh không thể bỏ qua cơ hội này. Đúng là chúng tôi đang rất thiếu nhân tài.”

Thế nên việc Andemund mới đến Cambridge dạy học là được sắp đặt, để chọn lựa chuyên viên giải mã ưu tú nhất cho MI-6. Anh ấy đã chọn bằng hai cách, một là ba người đứng đầu kỳ thi, hai là người phát hiện ra cách liên lạc anh ấy cài vào đề bài.

Tôi thi đương nhiên là ổn, coi bộ Andemund bị tôi lẳng nhăng chạy theo mãi phát chán, thành ra cho luôn 0 điểm chuyên cần, ai biết đâu tôi vẫn đuổi được đến đây.

Giờ này có vẻ cũng chẳng kịp, Annie xếp cho tôi một phòng nghỉ qua đêm. Hôm sau Andemund đích thân lái xe đưa tôi về trường, một chiếc xe thân dài màu đen hết sức xa xỉ. Tôi không biết đây là xe gì, chỉ nhớ

hồi đó xe riêng có rèm che không nhiều lắm, đi ngoài đường thì hết sức bắt mắt, làm tôi tự dưng tưởng tượng rằng chúng tôi đang cùng đi hóng gió.

Đến Cambridge, tự dưng anh ấy bảo, Alan, chuyện nói hôm qua phải quên hết đi. Coi như em chưa từng nghe gì cả.

Andemund đậu xe dưới ký túc của tôi, tôi xuống xe rồi, gõ gõ cửa kính cúi xuống bảo: “Andemund, em yêu anh, em nói nghiêm túc đấy. Nếu “Mê” thực sự khó vậy, em sẵn sàng giúp anh một tay.”

Anh ấy nheo mắt cười, đột nhiên mở cửa bên kia, xuống xe, đi vòng đầu xe đến chỗ tôi. Tôi còn chưa kịp phản ứng, đã bị anh đẩy ngã lên cửa xe.

4. Chương 4

Anh ấy nheo mắt cười, đột nhiên mở cửa bên kia, xuống xe, đi vòng đầu xe đến chỗ tôi. Tôi còn chưa kịp phản ứng, đã bị anh đẩy ngã lên cửa xe.

“Cài áo vào.” anh ấy nói.

Vì trời hơi nóng, tôi vẫn cởi hai cúc áo sơ-mi, để phanh hở cổ. Sững sốt một hồi, tôi hất mặt bảo: “Dáng em đẹp chán, để đây cho các em ngoài phố thưởng thức.”

Anh ấy lại nheo mắt cười, không nói lời nào, đột ngột dấn tay trái trên ngực tôi, tay phải thô bạo cài lại cúc áo cho tôi. Tất cả chỉ diễn ra trong một chớp mắt, tôi hoàn toàn không thể cử động.

Sau này tôi hỏi anh làm sao làm được thế, anh tùy tiện đáp: “MI-6 là cơ quan tình báo, phải có võ.”

Andemund thả tôi ra, có vẻ đắm chiêu, nói: “Có lẽ chúng ta thử yêu nhau một thời gian xem sao.”

Edgar chỉ mặt tôi bảo: “Alan, mấy hôm nay cậu ngơ ngẩn lắm đấy. Đứng nhìn cột điện cười hết nửa giờ.”

Tôi mơ màng kể với cậu ta chuyện tôi đi tìm Andemund đòi sửa điểm, anh đồng ý thử yêu tôi rồi. Riêng chuyện trang trại Plymton bỏ đi không nói.

“Một tháng bọn tôi hẹn ở London hai lần, anh lái xe đến đón tôi. Anh nói anh không ghét con trai, với lại không thử sao biết được ai hợp với mình há?”

Lúc ấy Edgar đang vẽ, tôi làm người mẫu cho cậu ta. Trong bức tranh sơn dầu trên khung vải là một thanh niên cao lớn, hai mắt sáng ngời, ngồi dưới tàng cây, đọc một cuốn sách dày bìa cứng trong làn gió nhẹ.

“Tóc tôi màu nâu sẫm, không phải vàng sáng. Gió thổi thôi mà thành đẹp vậy được hả. Mà nữa, mắt tôi không màu lam thế nhé, rõ ràng là màu lam xám.” tôi phản đối: “Cậu chẳng thể hiện được phong thái hào hoa của tôi gì hết.”

Edgar nói: “Tôi thấy chuyện này lạ lắm, Alan, tốt nhất cậu nên cách xa Andemund một chút.”

Cậu ta còn nhắc tôi: “Đồng tính luyến ái là phạm pháp.”

Andemund rất giữ lời. Mỗi tháng anh ấy đến Cambridge đón tôi hai lần. Bọn tôi qua những con phố náo nhiệt phồn hoa của London, đi ăn nhà hàng, rồi xem xi-nê. Nhà hàng bao giờ cũng là Andemund chọn, lần lượt thử hết đồ ăn Pháp, Đức, Italia. Tôi chỉ chăm chăm lo ăn, anh ngồi nhìn tôi, có vẻ rất hứng thú: “Em không chống cự tôi hôn em nhỉ.”

Vớ vẩn, người ta mơ còn chẳng được.

“Vậy lên giường thì sao?”

Tôi tròn mắt nhìn anh: “Cùng à, hay mình thử đi?”

Andemund lại còn nghĩ rất chi nghiêm túc, một hồi sau mới lắc đầu, cầm cái thìa bạc nhẹ nhàng khuấy khuấy tách cà phê, tiếng kêu lanh canh như chuông gió: “Alan, em còn nhỏ quá.”

Thỉnh thoảng anh lại nói chuyện tình hình thế giới với tôi. Hitler công bố thuyết chủng tộc ưu việt, ra sức đàn áp, bài xích người Do Thái trong nước, người của đảng Nazi vô cùng điên loạn. Xô Viết đang ngấp nghé Ba Lan, Italia bắt đầu theo hướng độc tài. Andemund nói, thế giới sắp có chiến tranh.

Khi nói những điều đó, anh ấy luôn hơi nghiêng đầu, hình như đang nhìn một nơi rất xa bên ngoài nhà hàng. Tôi quay lại nhìn theo ánh mắt anh ấy, chỉ thấy bầu trời màu xanh xám cùng những dải mây dài bất tận.

Anh ấy còn nói đến cả mật mã.

Từ thế chiến hai mươi năm trước, mật mã đã được sử dụng rộng rãi. Trong chiến tranh, sóng vô tuyến có thể liên kết cả lính bộ, máy bay trên bầu trời, tàu chiến ngoài khơi, tàu ngầm dưới nước thành một khối vững chắc. Tin tình báo quân sự quan trọng thường được truyền đạt thông qua sóng vô tuyến.

Nhưng vô tuyến điện không chỉ đến được với riêng đài bộ đội, quân địch cũng có thể nghe lén. Khắp nơi trên nước Anh đều có trạm bắt sóng, mật mã những vô tuyến điện này thu được sau đó đều được chuyển trực tiếp cho Andemund để giải mã. Nếu địch được mật mã Đức gửi qua vô tuyến điện, chúng ta có thể hiểu rõ Hitler và đảng Nazi rốt cuộc âm mưu điều gì.

Thế chiến lần trước tôi còn chưa sinh ra. Đến khi tôi ra đời tất cả đã kết thúc, nền kinh tế dần được khôi phục, dân số tăng lên, thành thị và nông thôn đều trở nên sung túc và trù phú. Thời gian sẽ chậm rãi trôi đi trong sách vở và những bức tranh của Edgar. Tôi nhớ đến ba mẹ, nhưng không thấy hối hận. Nếu không nhờ Andemund, tôi không thể biết đến mối nguy cơ phía sau cảnh bình yên giàu có này. Khi mọi người chìm đắm trong hòa bình, Andemund giải mật mã và kết luận (kết luận ấy lúc này có lẽ là chính xác), rằng thế giới sắp có chiến tranh.

“Nếu chiến tranh thực sự xảy ra...” anh ấy nói, “Chúng ta chỉ có thể khiến nó kết thúc nhanh chóng, chiến thắng càng nhanh càng tốt.”

Phải thừa nhận những cuộc hẹn của Andemund rất hoàn hảo, nhưng bất kể đi đến đâu đều bị sĩ quan phụ tá của anh bám theo làm tôi rất chi bức mình. Tài xế kiêm phụ tá của anh chính là tay Peter từng vật tôi xuống sân giáo đường ở King’s College Cambridge. Peter lúc nào cũng đeo cái mặt lạnh lùng, đang ngồi ăn mà muốn nhìn phong cảnh ngoài cửa sổ một tí, mắt sẽ đùng ngay phải anh ta đương đứng cạnh cửa, lưng thẳng tắp; đi hóng gió muốn thừa cơ thò tay sờ mó thắt lưng Andemund một cái, anh ta sẽ bắt thần quẹo xe, mặt vẫn tỉnh như không.

“Công việc của anh rất quan trọng, ra ngoài không thể không dẫn phụ tá theo.” thấy tôi than phiền cơ sở lần, cuối cùng Andemund xin lỗi, bảo: “Trừ khi em đến nhà anh.”

Tôi biết Andemund có quân hàm, nhưng không biết đến cấp nào, vì chưa gặp anh mặc quân phục bao giờ. Có bữa đi hỏi Peter, anh ta nghĩ nghĩ một hồi rồi trả lời tôi, cơ mà không chịu nói thẳng: “Tôi là tài xế của ngài Garcia, quân hàm của tôi là thượng úy.”

Sau đó thì chúng tôi hẹn luôn ở nhà riêng của Andemund ở nội thành London. Peter lái xe đưa tôi đến cổng, rồi quay về trang trại Plymton.

Andemund thường đợi tôi trước cây đàn dương cầm. Chỗ ở của anh ấy đơn giản hơn nhiều so với tưởng tượng của tôi. Nhà một tòa, hai tầng, vườn hoa đằng sau trồng trái mọng đầy cỏ dại. Anh ấy ở một mình, chỉ có một người hầu già trong nhà, thành ra nhà cửa cũng có vẻ hiu quạnh.

Phòng khách bài trí gọn gàng, sàn gỗ trải thảm hoa lông dê, sofa vải kaki, vì chẳng mấy khi có khách đến nên vẫn bọc trong vỏ. Bốn bức tường treo một số tranh của họa sĩ nổi tiếng. Sau này tôi biết được chúng đều là tranh bản gốc.

Tầng trên là phòng làm việc và phòng ngủ, kể đến là một gian phòng lớn đặt đàn dương cầm. Diện tích rộng đến trống trải, chỉ kê mỗi một chiếc dương cầm ba góc màu đen cạnh cửa sổ.

“Anh ở đơn giản há.” Tôi nhìn quanh.

“Chỗ này là ở tạm thôi, trang trại của dòng họ anh đều ở New Castle và Darlington. Sang thu thời tiết tốt, có thể đưa em đến đó đi săn.” anh ấy cười giải thích.

Đến đây thì tôi biết Andemund biết chơi đàn dương cầm. Anh ấy luôn chỉ chơi một bản, chơi đi chơi lại, nghe du dương và bí ẩn, giống như giọng tình nhân thì thầm mỗi đêm.

“Đây là bản “Biến thể Enigma” của Edward Elgar. Người phát minh ra “Mê” dùng nó để đặt tên máy giải mã. Khả năng khai triển “Mê” là 3×10^{14} , mà số nguyên tử chúng ta quan sát được trong vũ trụ chỉ có 10^{79} . Tức là về lý thuyết mà nói, đó là mật mã không thể giải được.”

Khi chơi đàn Andemund luôn rất say mê, hai mắt khép hờ, hàng mi che rợp trên mí mắt. Giai điệu uyển chuyển vang lên từ những ngón tay thon dài của anh ấy, để rồi lan tỏa khắp căn phòng rộng.

Thú vui ở nhà của Andemund thật đơn giản, chơi đàn, ngồi sofa trò chuyện với tôi, đọc sách. Phần lớn thời gian anh đều ngồi trong phòng làm việc tính toán tới khuya, giấy nháp chất thành từng chồng trên bàn, màu mực viết kéo thành những dải thật dài.

Tôi nhìn mà sốt ruột, cuối cùng nhảy vào thử giúp anh.

Ngoài “Mê”, Đức còn có một số mật mã cấp thấp hơn, Italia cũng có nhiều thông điệp cần giải mã. Những thông điệp còn mã hóa ấy chất đống trên bàn, vô dụng như giấy lộn.

Andemund cho tôi mã số S. Đó là một loại mã người Đức dùng không nhiều lắm, nhưng độ khó lại hơn cả mật mã. Thông điệp mã hóa thu được cũng ít, đều bị nhét dưới ngăn cuối cùng của két sắt.

Mẹ kiếp lại có kiểu hên hờ như thế. Mỗi người ôm một góc phòng làm việc, ảnh tính “Mê”, tôi nghiền ngẫm S. Lắm khi rất lâu chúng tôi không nói câu nào với nhau, chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sần sật trên giấy. Mà tôi còn phải học tiếng Đức, vì hiển nhiên bản dịch mật mã của người Đức phải viết bằng tiếng Đức rồi.

Tôi cầm cuốn Tiếng Đức Nhập Môn, dựa cửa sổ phòng làm việc lầm rầm đọc từ. Tiếng Đức của tôi thật tình tẻ hại vô cùng, có lúc Andemund dừng viết, tới sau lưng ôm tôi, chỉ tôi nghe đọc sai chỗ nào. Tôi quay lại hôn má anh, anh cũng không phản đối.

Sau này Andemund thừa nhận chẳng qua thấy tôi quấy rầy anh quá, anh mới đưa mã số S cho để tôi yên đi một chút, căn bản không hề hy vọng tôi giải được.

Điều kiện giải mã tốt nhất là có cả văn bản trơn lẫn văn bản mã hóa, có khóa giải mã cũ càng tốt. Mà tôi chỉ có mỗi bản mã hóa. Tôi thử phân tích xác suất, rồi ướm qua vô số loại mật mã kinh điển, nhưng không có manh mối. Thậm chí tôi dùng các loại bản nhạc dương cầm thịnh hành ở Đức để áp vào giải mã, vì có trời biết người mã hóa sẽ giấu khóa ở đâu. Có bữa ngồi tán chuyện với Andemund, anh nói mã số S được dùng nhiều nhất trong hệ thống dự báo thời tiết của quân đội Đức. Để đảm bảo an toàn cho tàu chiến trên biển, định kỳ quân Đức ở gần bờ biển Na Uy sẽ phái tàu tuần tra thời tiết. Đội tàu này mỗi lần ra khơi sẽ mất khoảng hai tháng, trong thời gian đó họ liên hệ với nhau bằng sóng vô tuyến thông qua mã số S.

“Thế tức là nội dung sẽ tương đối giống nhau chứ gì.” Tôi nói: “Tình hình thời tiết này, độ ẩm này, hướng gió này... còn gì nữa?”

Andemund suy nghĩ một lát: “Không những nội dung giống nhau, mà đối tượng nhận tin cũng thống nhất nữa.”

Anh kéo tay tôi: “Alan, em sao thế?!”

Tôi cuống quýt lật giở đống mật mã, tỉ mỉ sẫm soi lại từng từ rồi quay lại chộp vai Andemund: “Còn thu được bản mã hóa nào không? Càng nhiều càng tốt!”

Linh cảm luôn luôn đến đúng lúc ta tưởng mình phải bỏ cuộc rồi.

Thật ra rất đơn giản, trước kia tôi luôn thử phân tích theo tần số xuất hiện của chữ cái, tìm ra chữ cái xuất hiện thường xuyên nhất trong tiếng Đức, rồi so sánh các văn bản mã hóa, cố tìm ra sự tương ứng giữa chúng.

Hóa ra tôi nhầm rồi, cái cần phân tích không phải chữ cái, mà là tổ hợp từ.

Tôi phải tìm ra những từ thường dùng nhất trong dự báo thời tiết, ví dụ như “hướng gió”, “nhiều mây”, “gió Bắc”, vân vân, rồi đối chiếu với tình hình thời tiết bờ biển Nauy trong tháng thu được đoạn mã, suy đoán ra những tổ hợp từ có thể xuất hiện trong thông điệp.

Quan trọng nhất và chắc chắn nhất là, Andemund đã nói người nhận tin từ tàu khí tượng là cố định, tức là đoạn đầu thông điệp rất có thể sẽ có danh xưng của đối tượng nhận tin.

Tôi giải ra câu đầu tiên trong thông điệp là tổ hợp từ đã xuất hiện ba lần:

Kính gửi Thượng tá Lyon

Giải mã số S làm tôi mất ba tháng ròng. Andemund không cho tôi mang văn bản mã hóa về Cambridge, lần nào trước khi về tôi cũng phải lấy một số ra, chép vào sổ, để mang theo người nghiên cứu.

Edgar nói tôi thay đổi rồi, còn gầy đi nữa.

Trước kia chúng tôi ngồi dưới bóng cây bên bờ sông Cam giết thời gian, toàn là cậu ta ngồi phác họa, tôi thì ngắm nghía và bình phẩm về mặt mũi và dáng người các em qua đường. Giờ thì tôi nằm dài ra đất, xem sổ ghi chép, cậu ta bắt đầu tán chuyện câu được câu chăng.

“Hồi này cậu mê số học rồi hả?” cậu ta hỏi.

“Không, tôi mê Andemund.” tôi đáp: “Tiếng sét ái tình, cậu không thể nào hiểu đâu.”

“Tôi với cậu cũng là tiếng sét ái tình.” Cậu ấy phản đối.

Tôi nói: “Cút cút, đưa nào bảo muốn hiến dâng tình yêu trọn đời cho tranh vẽ hả?”

Đoạn mã cuối cùng giải xong, tôi nhảy tung tung khỏi cái bàn trong thư viện. Cả phòng đọc cùng quay lại nhìn, tôi kệ luôn. Tôi chạy vèo ra hành lang hình vòm của thư viện, ngửa mặt lên trời gào lên cơ sở tiếng vô nghĩa, rồi nhảy xe đến trang trại Plymton.

Nghe tiếng Edgar gọi sau lưng, tôi chỉ hững hờ quay lại vẫy tay với cậu ấy.

Nhưng tôi bị chặn lại ngoài cổng trang trại Plymton, bởi vì lần này tôi không được mời. Andemund không ở đó, lính gác liền gọi cho trợ lý Annie của anh. Chỉ một lát sau người đẹp tóc vàng đã ra đón tôi, đưa tôi vào căn phòng lần trước đợi Andemund.

“Lần trước cậu giả danh Lindon.” cô ấy nhìn tôi cảnh cáo: “Đây là MI-6, nếu không phải ngài Garcia giải thích cho cậu, suýt nữa cậu đã bị bắt như gián điệp rồi đó.”

Tôi ngồi sô-pha đợi Andemund, đợi đến chán chết đi được. Bàn làm việc của anh ấy bày một khung ảnh, là hình Andemund thời niên thiếu, ngực đeo huân chương số học của Princeton. Hồi đó đến giờ ảnh chẳng thay đổi gì mấy, bộ dạng nghiêm túc, lại vì cặp mắt rất sâu, nên có thể từ đôi mắt màu lục của anh ấy để nhận ra sự u sầu không hề hợp với tuổi tác.

Tôi cầm khung hình lên, định lấy ảnh ra nhìn cho kĩ. Một bức ảnh khác bị nhét phía sau rơi ra.

Tôi giật mình.

Bức ảnh bị giấu đi ấy là của một người phụ nữ tóc quăn màu hạt dẻ. Bà ấy đứng một mình bên cửa sổ, nghiêng đầu mỉm cười với ống kính. Nụ cười của bà hiền hòa và tươi tắn, đôi mắt màu lam xám trông dịu dàng vô cùng.

Tôi biết đôi mắt dịu dàng này, chúng đã nhìn tôi năm năm.

Vì đó là mẹ tôi.

Andemund từng nói rằng: “Tôi để em thôi giải mật mã, là xuất phát từ lòng kính trọng với cha mẹ đã mất của em.”

5. Chương 5

Tôi đứng cạnh cửa sổ, thấy xe Andemund đã xuất hiện từ đầu đường, rồi dừng bánh dưới tầng. Xuống xe, anh ngẩng lên nhìn thấy tôi, mỉm cười. Lát sau anh ấy đẩy cửa bước vào, ngồi xuống sofa, có vẻ mệt mỏi: “Alan, em tới thì nói với anh một tiếng chứ.”

Tôi chìa tấm hình cho anh ấy: “Nhét trong khung ảnh kia. Em tưởng anh không quen mẹ em?”

Đang nói cà-vạt, Andemund chợt khựng lại. Anh ấy cầm bức hình, gương mặt bỗng nhiên trở nên quái lạ. Tôi vẫn đợi anh ấy giải thích, nhưng anh chỉ rút cuốn Emile của Jean-Jacques Rousseau khỏi giá sách, rồi cẩn thận cất tấm ảnh vào đó.

“Em không nên tự tiện lục đồ của anh.” anh ấy mở cửa ra: “Để Annie dẫn em lên nhà ăn trên lầu. Trưa nay đợi anh, tối muốn ăn gì?”

Tôi quyết không để anh lãng chuyện: “Cái ảnh ấy em cũng chưa thấy bao giờ.”

Andemund gật đầu: “VẬY Ờ?”

Tôi cũng chẳng biết phải nói gì nữa, rốt cuộc trước Andemund tôi luôn cảm thấy nhụt chí như thế. Tôi không hiểu vì sao anh ấy giữ một bức ảnh từ bao nhiêu năm trước của mẹ tôi bên cạnh, không hiểu thực ra anh ấy là ai, kể cả vì sao anh ấy đồng ý thử yêu tôi, anh ấy có tình cảm với tôi thật hay không tôi cũng không biết. Chậm chạp lê bước ra cửa, đột nhiên tôi nghe giọng anh ấy vang lên sau lưng:

“Đây là hình phu nhân Castor chụp khi tham dự lễ trao huân chương số học Pulitzer của anh, lúc đó em mới năm tuổi. Anh đã rất ngưỡng mộ những quan điểm của mẹ em về mật mã học. Bà ấy là thần tượng của anh thời thanh niên... chỉ đơn thuần về học thuật mà thôi.”

Ra hành lang tôi gặp Lindon Brown. Cậu ta ôm một tập sách đi sượt qua tôi. Cả hai chúng tôi đều kinh ngạc. Gần đây tôi không thấy cậu ta, cứ nghĩ cậu ta lại bùng tiết nữa rồi. Không ngờ là đến đây.

“Cậu chứng minh được Vấn đề của Warren rồi à?!”

Lindon thận trọng đặt chồng sách trong lòng xuống bậc cửa sổ: “Cậu chứng minh ra rồi sao?!”

Chúng tôi cùng lắc đầu quầy quậy.

“Một số dữ kiện quan trọng không giống. Tôi liệt kê ra mọi điểm có thể chứng minh được, rồi nhờ trường chuyển cho giáo sư, sau đó thì được đưa đến đây. Cậu thì sao?”

Tôi nhún vai: “Tôi lấy mấy dữ kiện quan trọng ấy làm số điện thoại, gọi thì tới đây. Tôi cũng muốn vào, cơ mà ngài Garcia không thèm tôi. Nhưng tôi sắp giải xong mã số S rồi, nhất định ổng sẽ đổi ý.”

Lindon nhìn tôi hết sức kỳ dị: “Không thể nào, Alan. Cậu đã được đào tạo đâu, làm sao giải được mật mã cao cấp như thế? Những chuyện ấy đừng nói giỡn.” Cậu ta lại vội vàng ôm sách lên: “Sắp đến giờ tập huấn rồi, tôi đi đây.”

Đến bữa ăn, tôi ám ức trách Andemund: “Sao Lindon thì được mà em anh lại không muốn?”

Anh nheo mắt cười, hôn má tôi: “Cưng à, không phải mình đang yêu nhau sao?”

“Em giải được S rồi, sao vẫn không cho em vào trang trại Plymton?... rõ ràng anh đã bảo nó rất khó mà!”

Andemund gật đầu, lại cười: “Ừm, anh đã nói vậy. Nhưng nó chỉ được sử dụng trong bộ phận khí tượng của hải quân, vốn không có gì quan trọng cả.”

“Không quan trọng sao còn bảo em giải! Mẹ kiếp sao anh không tự đi mà làm!”

Câu trả lời của anh rất đương nhiên, ấy là vì anh bận.

“Nếu anh tập trung hết sức, không cần đến ba tháng, có lẽ chỉ ba tuần sẽ giải xong. Hơn nữa dưới anh còn cả một đội chuyên gia mật mã... có điều hầu hết những đoạn mã đó đã quá lâu rồi, mà trọng tâm công việc của anh không phải chỉ có thế.” Andemund bước tới, ôm vai tôi, rồi cúi xuống hôn tôi.

“Alan, em rất xuất sắc, xuất sắc còn hơn anh tưởng. Nhưng em không thể vào trang trại Plymton.”

Đây là lần đầu tiên Andemund chủ động hôn tôi.

Anh ấy hôn rất nhẹ. Đường như còn muốn cho tôi thời gian thích ứng, mới đầu chỉ là khẽ chạm môi một chút, rồi khéo léo trượt lưỡi vào, nhẹ nhàng tiếp xúc với đầu lưỡi tôi. Mỗi cử động dù thật nhỏ của lưỡi anh ấy đều có thể khiến toàn thân tôi run rẩy.

Nụ hôn của Andemund thật thanh khiết, khiến tôi nhớ đến những buổi nghỉ mát ở biệt thự bên bờ biển, để gió biển khoan khoái phả trên mặt mỗi lần mở cửa sổ ra. Quần áo anh ấy vẫn luôn mang mùi hương dịu mát của lá cây râm như thế. Tôi muốn hôn lại anh ấy, nhưng quyền chủ động không thuộc về tôi. Cánh tay anh ấy ôm ngang thắt lưng tôi quá mạnh, anh ấy ép tôi tì người lên cửa sổ, làm tôi không cách nào cử động được.

Trong trí nhớ của tôi, nụ hôn ấy rất dài, cho đến khi anh ấy buông ta, tôi đã muốn thở hết nổi.

Như thể một nụ hôn già biệt.

“Alan, cha mẹ em... không mất trong hỏa hoạn. Họ đưa em về vùng quê Bedford là để bảo vệ em. Dòng họ Castor đã hy sinh hai con người cho nước Anh, anh không hy vọng em trở thành người thứ ba. Nơi này một khi đã dần thân vào, em sẽ không thể bước ra được nữa.”

“Nếu em chỉ là chán số học, cảm thấy mệt mỏi thú vị hơn...” anh ấy nói: “Em có thể đến biệt thự của anh, ở đó có rất nhiều mệt mỏi giống như S để em giải trí.”

Andemund nói đúng. Trang trại Plymton là trường dạy mật mã chính quy của MI-6, nơi một khi đã bước vào, rất khó để thoát ra.

“Alan, ở đây người ta làm việc vì tổ quốc. Mạng sống của em sẽ không còn thuộc về em nữa.” Giọng Andemund thật nhẹ: “Sẽ có gián điệp nước ngoài âm mưu tiếp cận em. Nếu cần thiết, cuộc sống riêng tư của em cũng bị giám sát. Nếu bị phán quyết phản quốc, em sẽ bị xử lý trong im lặng. Nếu cấp trên nghi ngờ em phản quốc mà không có chứng cứ, rất có thể có một ngày em sẽ bất cẩn ngã khỏi xe khách, vừa hay gãy cổ. Đó là quy định của tổ chức, vì sự an toàn của tất cả mọi người.”

Tôi hỏi vặn lại anh ấy: “Sắp đặt tai nạn để giải quyết thành viên không còn được tín nhiệm... anh là người ra những mệnh lệnh ấy hả?”

Andemund cúp mắt, che giấu hai con ngươi màu lục sẫm.

Anh ấy im lặng hồi lâu, tôi đã cho rằng anh sẽ không nói nữa, rồi lại nghe anh ấy trả lời: “Không phải toàn bộ, nhưng anh đã từng ra lệnh. Có điều mệnh lệnh với cha mẹ em không phải anh đưa ra. Khi đó anh chưa đến trang trại Plymton.”

Mệnh lệnh với cha mẹ em không phải anh đưa ra.

Peter lái xe đưa tôi về Cambridge. Nhiều ngày sau đó tôi hoàn toàn chán đời. Edgar lôi tôi dậy từ trên giường, nhồi tôi vào áo quần, rồi quăng tôi xuống quán bar, chúc tôi uống. Bar rất đông, một nàng gái gọi nóng bỏng lại gần bên tôi, ngỏ ý hỏi có thể mời nàng một ly không. Quả nhiên là người đẹp, ngực đồ sộ, mà tôi không ưa mùi son phấn trên người cô ta.

Edgar khuyên tôi hãy bình thường chút đi.

“Cả con gái cậu cũng chán rồi.” Cậu ta nói.

Từ hôm đó tôi không hề chủ động liên lạc với Andemund nữa. Anh ta nói thì khéo léo lắm, nhưng tôi thừa hiểu. Tôi không thể vào trang trại Plymton, không phải vì khả năng của tôi không đủ, mà là Andemund không tin tôi. Anh ta đi điều tra lý lịch tôi, cha mẹ tôi có tì vết, họ không chết vì hỏa hoạn, mà là bị cơ quan tình báo của chính phủ “xử lý” vì tình nghi họ để lộ thông tin.

Andemund nói quá rõ ràng, tôi có vết nhơ trong lý lịch. Một ngày không còn được tín nhiệm, rất có thể tôi cũng sẽ bị chính phủ “xử lý” giống như cha mẹ mình.

Mệnh lệnh đó sẽ từ chính anh ấy.

Tôi tin rằng điều ấy với tôi, với cả anh ấy mà nói, đều là một sự dần vật. Mà tôi theo đuổi anh ấy, thật tình cũng là một nỗi phiền nhiễu ghê gớm với Andemund.

“Tôi không thích Andemund nữa.” Tôi thề thốt với Edgar: “Từ sau nếu cậu thấy tôi đi London, phải lôi tôi xuống xe. Nếu tôi chống cự, cho cậu đánh tôi một trận.”

Mùa hè năm ấy qua rất nhanh. Chớp mắt đã thấy lá thu rụng đầy mặt đất. Cambridge cũng có rất nhiều quán rượu nhỏ yên tĩnh, ngoài cửa treo chùm chuông gió thủy tinh, mỗi lần gió thổi thì kêu lanh canh trong vắt. Từ bữa Edgar lôi tôi xuống quán bar, tôi cũng ít muốn bỏ đi đâu khác. Vốn chỉ định xuống uống một ly nhỏ, nhưng bất giác cứ thế ngồi đến lúc mặt trời lặn. Khách về hết cả, bóng ghế dựa tà tà ngã xiêu vẹo từ đầu này qua đầu kia phòng.

Tôi cho rằng mình vốn không phải đồng tính luyến ái, chẳng qua số xui xẻo, tự dưng Andemund lại là đàn ông. Nhưng Cambridge ít sinh viên nữ, thành ra dân đồng tính ngầm không hề thiếu.

Có bữa tôi đã uống rất nhiều, một gã sinh viên cao lớn đến gần ghé sát cạnh tôi bảo, cưng à, gần đây có nhà trọ qua đêm được đấy, muốn đi chơi không?

Lúc ấy là chập tối, ngoài trời gió to, trong quán chỉ có hai chúng tôi là khách. Chủ quán hình như đang đứng xa xa cầm cùi chui ly. Mới đầu tôi không hiểu hắn ta định làm gì, đến khi hắn xốc tôi đang ngồi nhún một đồng trên ghế dậy, tha tôi ra cửa.

Dù khổ vai hắn rất rộng, coi bộ khỏe ra trò, nhưng tôi nghĩ mình dư sức ẩu đả với hắn một trận... ấy là nếu tôi chưa uống nhiều như này.

Nốc lăm rum quá, tôi đứng dậy mới thấy đầu óc choáng váng. Hắn ta cười cười đỡ tôi, còn thừa dịp thò tay vào áo tôi.

Hình như lúc ấy uống nhiều thật, tôi nghĩ mình nhìn thấy chiếc xe màu đen của Andemund chạy đến, cán vụn lá khô, rồi dừng ngoài cửa quán rượu. Peter xuống xe, mặt lạnh như tiền mở cửa sau. Andemund bước xuống, đi qua cánh cửa kính quay tròn để tiến về phía tôi. Peter thúi cho gã sinh viên kia một đấm, lôi hắn quăng ra cửa, rồi xốc tôi ngồi xuống ghế.

Từ đầu đến cuối Andemund chỉ đứng tựa vào quầy bar, không nói lời nào. Hôm ấy anh ấy mặc Âu phục màu trắng, thắt cà vạt đen mảnh, tay rút túi quần. Khi những cuộn lá vàng theo gió cuốn qua ô cửa sổ sau lưng anh ấy, trông anh ấy như được chạm nổi giữa một khung tranh.

Rốt cuộc anh ấy nói: “Alan, bỏ anh, không có nghĩa là em được tùy tiện tìm đàn ông.”

Edgar thuyết phục tôi rằng ấy đích thị là tôi xin quá nên bị ảo giác. Bởi vì chính là cậu ấy đưa tôi từ quán rượu về nhà trọ, chỉ thấy tôi nằm bò trên bàn ngủ như lợn chết, chẳng có chuyện gì xảy ra hết.

Cậu ta ném tôi lên giường, đấm tôi một cú, đánh đến tôi tỉnh thì thôi. Mở mắt dậy, thấy Edgar đang lật coi sổ tay của tôi. Tôi giật lại, cậu ấy xòe tay: “Viết cái gì tôi đọc chẳng hiểu.”

Hôm sau tôi hủy hết mọi giấy tờ ghi chép quá trình giải mã số S.

“Cứ thế này học kỳ này của cậu tiêu rồi.” Edgar vẽ bộ dạng say khướt của tôi thành tranh đả kích, xong lấy ra dọa tôi: “Nếu cậu dám học lại, tôi sẽ chép bức này thành một trăm bản, dán khắp đường ngang ngõ tắt Cambridge.”

Tôi lại đụng độ Lindon. Cậu ta vác quả đầu cỏ khô đến nhận bằng tốt nghiệp, từ sau này sẽ vào trang trại Plymton, phục vụ tổ quốc. Bọn tôi trước giờ không quá ưa nhau, nhưng cũng không đến nỗi kiêng mặt. Cậu ta hỏi lại chuyện tôi nói về mã số S lần trước, tôi nhún vai: “Giờ đó.”

Lindon cười toe, khoe mấy cái răng trắng, rồi chỉ chỉ tôi: “Cuối cùng cậu thua nhé, tôi vào trang trại Plymton, cậu bị loại rồi.”

Tôi hỏi đùa Edgar, nếu cha mẹ cậu bị tình nghi phản quốc, cậu sẽ làm gì?

Edgar đang vẽ, tôi làm người mẫu miễn phí, đứng một tư thế độ khó hơi bị cao. Đột nhiên cậu ta dừng lại, quay sang ôm tôi, thở dài: “Cha mẹ mình còn không tin, cậu sẽ tin ai nữa đây? Phải không, Alan?”

Khi cậu ta thở dài, tôi thực sự cảm thấy điều gì đó trong ánh mắt cậu ta. Hoàn cảnh gia đình Edgar tôi vốn chẳng biết gì. Chỉ biết nhà cậu ta không dư giả, trước nay vẫn tự bán tranh để đóng học phí. Cậu ta quen thân với mọi phòng triển lãm ở đây, vẫn thường mang tranh vẽ xong đi bán, xong lại bê tranh của người khác về vẽ lại.

Tôi từng xem tranh của cậu ta, có phong cảnh, có sự vật, có chân dung, lắm khi tranh vẽ tôi cậu ta cũng đem bán lấy tiền luôn. Còn cả mấy bức trường phái ấn tượng, lúc ấy là một môn tiên phong trong giới mỹ thuật tạo hình, toàn là những đường màu vòng vèo lẫn lộn nhìn không hiểu nổi. Tôi vẫn bảo tranh ấn tượng thì để đó tôi làm giùm cho cũng được, riêng cái ấy tôi biết vẽ từ hồi ba tuổi.

Giáng sinh tôi về nhà chú ở Bedford hai tuần. Edgar không về nhà, ở lại nhà trọ bán tranh. Hai tuần sau tôi trở lại, cậu ta nói Andemund đến tìm tôi. Anh ấy đến một mình.

“Tôi bảo cậu về nhà rồi, anh ta đi luôn.”

Lúc ấy là năm 1937, ba đế quốc đang trỗi dậy, Italia ly khai Liên minh Quốc tế, ký kết đồng minh quân sự với Đức và Nhật, Tây Ban Nha xảy ra nội chiến.

Tôi gửi hai hòm đựng sách và các ghi chép của cha mẹ ở Bedford lên London, bắt đầu quá trình học tập dài đằng đẳng. Đọc xong quyển nào tôi đốt quyển đó, đến mùa hè năm 1938, chính thức đốt hết hai hòm sách.

6. Chương 6

Quãng thời gian ấy, cuối cùng tôi cũng nhớ lại về mẹ mình. Tôi đọc ghi chép của bà, cạnh những hàng chữ thanh tú của bà thường có dòng nhận xét viết bằng bút máy của cha tôi. Trong trí nhớ của tôi mẹ luôn ngồi trên cái sofa lót đệm rất dày, đọc sách, mỗi lần tôi chấp chững chạy đến, bà sẽ đặt sách xuống để bế tôi ngồi lên đùi mình, dịu dàng hát cho tôi nghe.

Edgar nói đúng, cha mẹ mình còn không tin, tôi sẽ tin ai đây?

Đôi mắt màu lam xám của mẹ rất đẹp, luôn dịu dàng hướng đến những người cùng bà trò chuyện. Ánh mắt ấy từng nhìn tôi, nhìn cha tôi, và nhìn cả Andemund.

Andemund nói, mẹ tôi có cách nhìn độc đáo về mật mã học. Xem những ghi chép hàng ngày của mẹ, tôi nhận ra tài năng thiên phú đích thực của bà là số học kia, nhưng bà đã bỏ công sức cả đời để giải mật mã vì tổ quốc. Thậm chí sau khi đã về nghỉ nhiều năm, bà vẫn tìm cách quy nạp những phương pháp giải mã thành công thức số học. Những công thức ấy được áp dụng vào dạng tiền sinh của “Mê”... tức là máy mã hóa thô sơ khi đó.

Tôi nghĩ đúng là tình yêu với nước Anh đã tiếp sức cho bà tiến xa đến thế.

Cuộc đời ngắn ngủi của bà đã dừng lại trong những bức ảnh, bà mãi mãi là thiếu phụ nhã nhặn dịu dàng đó.

Lúc rảnh rỗi, tôi bắt đầu thử phân tích các công thức bà để lại. Thời gian ấy tôi gặp Andemund một lần.

Chỉ là trùng hợp. Niềm hứng thú của tôi đã trở về với số học. Cambridge là nơi tụ hội của những thiên tài số học, chỉ cần ta sẵn sàng, chẳng bao giờ thiếu người cho ta giao lưu học hỏi. Tôi gia nhập vài câu lạc bộ học tập, quen biết thêm nhiều bạn bè. Emily Roth, năm thứ hai đại học cô ấy đã được đăng luận văn về Đại số trừu tượng trên tạp chí học thuật. Còn cả Adam Mensah, người Mỹ, giáo sư thỉnh giảng hai mươi sáu tuổi của Cambridge. Cuối tuần thỉnh thoảng Lindon cũng đến tham gia với chúng tôi, nhắc đến công việc, cậu ta luôn nói đang làm ở “Hội nghiên cứu Golf và Cờ vua”. Dưới sự cổ vũ của bạn bè, tôi làm một bài luận văn về Lý thuyết nhóm, nhờ Emily giới thiệu, tôi quyết định đem đến xin một vị giáo sư ở nội thành London góp ý cho, là Dr. Hasson Watts – ngôi sao sáng trong giới số học đương thời.

Lúc ấy là mùa đông, tuyết mới ngừng rơi. Quần gia để tôi đợi ngoài phòng đọc. Một lát sau cửa mở, giáo sư Watts và Andemund bước ra. Sau lưng bọn họ còn có một người mặc quân phục, đeo kính gọng vàng. Thấy

tôi Andemund ngẩn người, giáo sư Watts cười giải thích: “Đây là Alan Castor, học năm ba ở Cambridge, một tài năng số học đấy. Cậu ấy viết một luận văn rất thú vị về Lý thuyết nhóm. Andemund thân mến, có lẽ anh sẽ thấy hứng thú... a, hai người biết nhau sao?”

Ảnh liếc mắt qua tôi: “Alan là sinh viên cũ của tôi... Dr. Watts, nếu ngài cảm thấy hứng thú với công việc ở trang trại Plymton, xin hãy liên lạc với tôi.”

Tôi chạy đuổi theo, Andemund đi rất nhanh, không buồn tỏ ý muốn dừng lại chờ tôi.

Lại đến lượt gã đeo kính gọng vàng mặc quân phục đi theo nhắc ảnh: “Cậu sinh viên đó theo ra kia.”

“Edgar nói anh tới tìm em hả?” Tôi cao giọng hỏi.

Ảnh quay đầu nhìn tôi, cặp mắt màu lục nheo lại.

“Không, bạn em nhận lầm người rồi.”

Tôi nói thật nhanh: “Em biết anh nghi ngờ em. Em chỉ muốn nói với anh, cha mẹ em, họ trong sạch.”

Chiếc xe màu đen của Andemund đậu dưới tàng cây mùa đông trụi lủi bên đường sau vườn nhà giáo sư, nóc xe đã phủ một lớp bông tuyết mỏng. Ảnh ấy mặc áo măng-tô dày. Peter đứng thẳng tắp cạnh cửa xe chờ ảnh.

Nửa năm không gặp, Andemund hầu như không thay đổi, chỉ là trông mệt mỏi hơn một chút. Tự dưng tôi như bị điện sao sao đó, buột miệng nói: “Anh thiếu người đúng không, anh đang mời Dr. Watts tham gia. Nếu anh tin được em, em có thể giúp anh. Anh biết em thích anh mà.”

Peter mở cửa xe cho ảnh, nhưng Andemund không vào, lại quay người nhìn tôi. Đột nhiên ảnh ấy bước nhanh về phía tôi, tôi còn chẳng kịp đề phòng. Thoáng cái mặt chúng tôi đã ở sát nhau, tôi cảm giác được cả hơi thở của ảnh ấy phả trên má mình.

“Rời khỏi “Câu lạc bộ số học” em tham gia đi.” ảnh ấy nói: “Thôi cả việc cố công bỏ luận văn trong giới học thuật nữa.”

Tôi không hiểu Andemund lên cơn gì nữa: “Anh không có quyền can thiệp vào tự do của em!”

“Còn nữa, đừng tùy tiện đến quán bar “kết bạn”.”

Tôi không dám tin vào tai mình: “Anh theo dõi tôi à?!”

Sau khi chia tay Andemund, có một thời gian tôi chìm đắm trong những quán bar, sau này bị Edgar đánh cho tỉnh. Nam sinh đồng tính luyến ái ở Cambridge chẳng phải có mình tôi. Tôi “kết bạn” với vài người, nhưng không hề phát triển quan hệ sâu sắc. Tôi vẫn nghĩ mình rất kín đáo, cả Edgar nhất định cũng không biết.

Nhưng Andemund đã biết.

“Em biết bí mật của Plymton, tất nhiên sẽ bị điều tra.” Ảnh ấy ngừng một lát, đột nhiên hạ giọng: “Yên tâm, chỉ một thời gian thôi, không ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của em đâu.”

“Anh vẫn không tin tôi.”

Andemund gật đầu.

“Thế nên chúng ta chia tay.”

Ảnh ấy thoáng giật mình, hình như đang ngẫm lại quan hệ nhân quả của vấn đề, lúc sau lại gật đầu lần nữa.

“Thế nên anh không có quyền can thiệp vào sinh hoạt cá nhân của tôi. Tôi và bạn bè tôi làm gì, không liên quan đến anh.”

Andemund trầm mặc một lát, rồi nói “Tùy em.”, sau đó ảnh ấy quay lại xe, Peter mở cửa. Gã kính gọng vàng đứng một bên đợi ảnh ấy, lúc lên xe còn đưa mắt nhìn tôi có vẻ hứng thú.

Thử yêu đương với Andemund chỉ là trò tiêu khiển lúc buồn chán, mẹ kiếp tôi lại đi coi là thật hết một năm. Tôi thích Andemund. Tôi nghĩ nếu anh ấy không thể tin tôi, chúng tôi không thể ở bên nhau, vậy thì trở về như cũ đi. Tôi thề không bao giờ cầu cạnh để được gần anh ấy nữa.

Edgar tán dương tôi đã nghĩ thông suốt rồi: “Hay cậu thử đổi người yêu xem... ví dụ tôi này.”

Tôi xua cậu ấy: “Người yêu cậu không phải Venus cụt tay hả... bày trong phòng mỹ thuật tạo hình kia kìa.”

Tôi ra sức đưa cuộc sống của mình trở lại như trước khi gặp Andemund, nhưng mấy tháng sau đó đời tôi bị dấn đến đỉnh điểm. Thuê xe hẹn bạn quen trong bar đi hóng gió, xe chạy nửa đường chết máy; quen một đứa nam sinh mặt mũi ưa nhìn, góp tiền mời nó đi ăn nhà hàng, hết bàn; kể cả đi xem triển lãm tranh với Edgar cũng không mua được vé. Người bán vé cầm một xấp vé còn nguyên, cười tùm tùm bảo chúng tôi: “Được mua cả rồi.”

Edgar đôi co với ông ta, tôi thì thầm chửi rửa Andemund một tí tí lần.

Hết lựa chọn, tôi dành ngày ngày giết thời gian trong câu lạc bộ số học trên tầng ba thư viện. Những thành viên khác thường đến đây uống cà phê sau giờ cơm tối, cùng thảo luận trao đổi, chỉ có tôi chẳng có gì làm, ngồi lì ở đây cả ngày. Ngoài tôi, Lindon là người ở đây lâu nhất. Cậu ta chỉ đến vào cuối tuần, bộ dạng lôi thôi lếch thếch, râu ria xồm xoàm, ngồi đến khuya còn không chịu về. Trong khi mọi người bàn luận sôi nổi, cậu ta chỉ yên vị trong một góc, im lặng nghe.

Có một bữa, cậu ta gọi tôi lại: “Alan, uống với tôi một ly chứ?”

Lindon đã uống là sẽ uống đến nửa đêm, sinh viên trong thư viện đã về gần hết, tán hươu tán vượn nửa ngày, cuối cùng tôi hỏi cậu ta: “Cậu không muốn về trang trại Plymton đến thế cơ à?”

Cậu ta vò đầu: “Thấy rõ vậy sao?”

Dưới ánh đèn khí dờ sáng dờ tối, cậu ta hỏi tôi: “Alan, cậu giải được mã số S thật hả?”

Tôi nhún vai, không đáp.

“Tôi nghe sĩ quan phụ tá của ngài Garcia nhắc đến cậu. Anh ta hỏi ngài Garcia, vì sao cậu đã giải được mã số S mà không được vào trang trại Plymton? Lúc ấy tôi tình cờ đi ngang qua...”

“Tôi không thể vào được.” Tôi trả lời ngắn gọn.

Tối tăm quá không nhìn ra được vẻ mặt Lindon, chỉ nghe cậu ta nói: “Ồ đó ai cũng là thiên tài, ngày nào cũng là những buổi họp không bao giờ kết thúc, công việc thì hoàn toàn không hiệu quả... đó là địa ngục.”

Giải mã ở trang trại Plymton có thể chia làm hai loại, một là giải ngay tức thì, còn lại phải có một đội, mười mấy người tập trung vài tuần để phân tích một thông điệp. Những mật mã có thể giải ngay lập tức thường có quy tắc mã hóa tương đối đơn giản, bởi vậy nội dung của chúng cũng không mấy quan trọng. Lindon là người mới, được giao cho giải mã tức thì cũng chẳng có gì lạ.

Nhưng thành tích của cậu ta tuyệt nhiên không lý tưởng.

Từ nhỏ Lindon đã được coi là thiên tài số học, nghiêm nhiên vào Cambridge, tài năng của cậu ta càng bộc lộ rõ ràng. Nhưng trang trại Plymton thì khác, ở đó “thiên tài” chỉ là điều kiện căn bản, mỗi người ở đó đều sở hữu năng lực đặc biệt trong lĩnh vực nào đó. Andemund không chỉ chiêu mộ thiên tài số học, anh ấy biến thái đến mức góp nhặt cả quán quân cờ vua lẫn chuyên gia ngôn ngữ học. Hiển nhiên, Lindon chẳng có gì xuất chúng giữa họ.

Chúng tôi vốn không phải quá ưa nhau. Nhưng cậu ta đã đưa ra một quyết định hoàn toàn trái với luật lệ trang trại Plymton. Cậu ta nhờ tôi giúp đỡ.

Cậu ta lén lút rút ra một đoạn văn mã hóa.

“Giúp tôi đi, Alan. Tôi chẳng còn ai khác để nhờ nữa.” Cậu ta nói vậy với tôi.

Bước đầu tiên để giải mã là suy đoán phương thức mã hóa của đối phương. Trước tiên phải nhận định đối phương dùng cái gì để mã hóa thông điệp, mới có thể xoay ngược lại, phân tích được nó. Thế chiến lần trước người ta thường dùng mật mã chuyển hoán: ví dụ r thay thế cho a, o thay cho p, f thay cho l, w thay

cho e. Như vậy trái táo – apple được mã hóa thành roofw. Loại mật mã đó thật ra cực kỳ dễ giải, vì tần số xuất hiện của mỗi chữ cái trong văn bản là không đổi, ví dụ trong tiếng Anh chữ e có tỉ lệ sử dụng cao nhất, z là thấp nhất. Tỉ lệ xuất hiện tổ hợp “eh” thấp hơn nhiều so với “he”. Từ sau khi phân tích xác suất phát triển, loại mật mã này bị loại bỏ.

Còn mật mã Lindon đưa cho tôi, chẳng qua chỉ là bản cải tiến của phân tích chữ cái mà thôi.

Đối phương rất thông minh, để tránh phương pháp phân tích tần suất, trước tiên hẳn ta tạo một bảng chuyển hoán chữ cái. Khi mã hóa văn bản trơn, chữ cái xuất hiện lần đầu tiên sử dụng cột chuyển hoán thứ nhất, xuất hiện lần thứ hai lại đổi sang cột chuyển hoán thứ hai, cứ thế mã hóa tiếp.

“Thế này sẽ giấu được tần số xuất hiện của một chữ cái.” tôi nói với Lindon: “Cũng không khó lắm.”

Bọn tôi ngồi tính toán dưới ánh đèn khí trong phòng câu lạc bộ số học, vèo vèo đến bốn giờ, tôi đưa cho cậu ta tờ kết quả.

“Bất kể đổi thế nào, đến hết bảng chuyển hoán sẽ phải quay vòng từ đầu. Chỉ cần đoạn văn đủ dài là dịch được.”

Đó là lần đầu tiên tôi giúp Lindon giải mã. Tôi biết mình làm trái với quy định Andemund đặt ra cho trang trại Plymton, tôi đơn giản chỉ muốn chứng minh lòng trung thành với nước Anh, và rằng mình đủ năng lực vào trang trại Plymton, cống hiến cho tổ quốc. Tôi quá tin vào chính mình, và cũng hoàn toàn tin vào Lindon.

7. Chương 7

Edgar luôn lấy tôi làm người mẫu vẽ, sau này có bữa lật coi tập phác thảo của cậu ta, thấy bức vẽ một gã thanh niên lồi thối nhếch nhác, gầy hom hem tiêu điều, tôi liền ý kiến: “Cậu lụi nghề hả? Tranh vẽ chả giống gì hết.”

Edgar nói ấy chính là bộ dạng của tôi từ cuối năm ba đến năm tư ở Cambridge. Bùng học, tóc không cắt, suốt ngày ngồi lì trong phòng sinh hoạt câu lạc bộ toán học cặm cụi giải mã, bữa trưa bữa tối toàn gặm bánh mì nướng tạm bợ với cà phê đen.

Mỗi tuần Lindon đến hai lần. Nửa đêm bọn tôi khóa cửa phòng sinh hoạt, cậu ta bắt đầu chép ra giấy những đoạn mã không giải được trong tuần theo trí nhớ, rồi đưa cho tôi, tôi đưa kết quả giải mã và những ý kiến nghĩ ra trong tuần trước cho cậu ta. Sau đó chúng tôi tự hủy giấy của mình.

Những mật mã này hầu hết là tôi giải một mình, một phần nhỏ là Lindon tự nghĩ ra, một phần nữa là không thể giải được, buộc phải để nguyên mà hủy.

Bọn tôi tắt đèn, Lindon thích nhất ngồi suy nghĩ và trao đổi trong bóng tối.

Lindon vô cùng sùng bái Andemund, nói rằng tự ảnh độc lập giải được rất nhiều mật mã cao cấp của nước ngoài, hơn nữa cách tư duy lại độc nhất vô nhị, giỏi như thần luôn... “Cả giáo trình huấn luyện thành viên mới của bọn tôi cũng do ngài ấy viết!”

Bóng tối có thể khiến tư duy người ta tập trung hơn rất nhiều, mà chìa khóa giải mã thường thường loáng lên trước mắt ta giống như một vệt sáng lòe trong đêm đen, khiến ta kích động vô cùng.

Mật mã Lindon mang đến cũng không khó lắm, thậm chí cấp độ còn thấp hơn mã số S tôi giải trước kia. Cậu ta vẫn là người mới, thành tích chưa có gì, không đời nào được tiếp cận với những thông tin cơ mật. Những đoạn tin tôi dịch được nhờ vào vốn tiếng Đức nghèo nàn của mình phần lớn đều là lệnh điều động nhân sự, trả lương và các món vay cho gián điệp ở hải ngoại, vân vân. Có một số tin còn nhắc đến cái tên “Ứng non” trong đoạn mã tôi giải hồi mới gặp Andemund. Người đó hình như đang được bố trí ở cạnh một đối tượng rất quan trọng, tổng cục tình báo Đức đã chấp nhận tăng lương cho hẳn ta.

Đến một hôm, đột nhiên Lindon hớn hở đến tìm tôi, bảo tháng này thành tích của cậu ta đứng đầu cả đội, phải mời tôi ăn một bữa.

Những gì tôi làm cho cậu ta không phải một hai bữa cơm mà đền đáp được. Đói bụng tôi đã có Edgar để vay tiền, chưa bao giờ tôi phải sầu đời vì miếng ăn. Tôi giúp Lindon là để chứng minh với Andemund năng lực của tôi, và cả lòng trung thành với nước Anh.

Andemund, em đáng được tin tưởng, kể cả anh không tin em.

Lindon mời tôi đến một nhà hàng rất được gần đó. Giữa bữa, cậu ta ngậm bánh mì hỏi tôi: “Alan, cậu họ Castor hả?”

Tôi đáp: “Vớ vẩn.”

Cậu ta nghĩ nghĩ: “Họp đánh giá tháng này, ngài Garcia khen tôi, bảo tư duy giải mã của tôi rất tương đồng với phu nhân Castor... phu nhân Castor là chuyên gia giải mã rất nổi tiếng đó, cậu biết không? Tự đừng tôi nhớ ra hai người cùng họ.”

“Đó là mẹ tôi. Trước kia bà là chuyên viên nghiên cứu mật mã.” Tôi cố hết sức giữ giọng bình thản: “Bà mất năm tôi năm tuổi, nhưng chưa ai bảo với tôi... bà rất nổi tiếng.”

Kiến thức về mật mã của tôi phần lớn đều từ những ghi chép và sách mẹ tôi để lại, lối tư duy của tôi tương tự với bà là không thể tránh được.

Cánh tay đang với đĩa ăn của Lindon khựng lại.

“Xin lỗi nhé.” cậu ta phân bua.

“Không sao.” tôi nói.

“Ngài Garcia muốn chuyển tôi lên văn phòng số 1, công việc sau này chắc sẽ khó hơn nhiều.” cậu ta nói với vẻ ngượng ngịu: “Alan, cảm ơn cậu đã giúp tôi.”

Trang trại Plymton có rất nhiều đội giải mã, sắp xếp theo độ quan trọng từ văn phòng số 1 trở xuống, mỗi phòng được quản lý bởi một chuyên gia mật mã khác nhau. Văn phòng số 1 là đội trực thuộc Andemund, phụ trách dịch những mật mã cao cấp nhất.

“Vậy chắc là phải giải ‘Mê’” tôi tiện miệng nói.

Trong một giây, biểu cảm trên mặt Lindon như kiểu cậu ta vừa thấy em bồi bàn không mặc quần áo.

“Báo có đăng mà.” tôi không thể nói Andemund nói cho tôi biết, đành phải giải thích: “Người Đức đưa loại mật mã thương mại này vào dùng trong quân đội, nghe nói là không thể giải được.”

Có ý kiến cho rằng, hệ thống mã hóa càng hoàn hảo càng không ngại bị công bố rộng rãi. Kể cả có được máy mã hóa hay một vài đoạn tin trao đổi thì phương pháp mã hóa phức tạp của nó cũng khiến ta bất lực. Người Đức vẫn tự tin vào khả năng mã hóa “Mê” của mình, vì vậy họ không hề giấu giếm sự tồn tại của nó.

Cậu ta thở phào: “Đúng là “Mê” đấy, bọn tôi vẫn luôn muốn giải nó.”

Nhà ăn rộng rãi sáng sủa, nhưng thực khách còn thưa thớt. Bọn tôi ngồi trong một góc chẳng ai để ý, lại vi phạm quy định của tổ chức, Lindon thì thảo giải thích cho tôi nguyên lý mã hóa “Mê”. Cơ quan tình báo Balan phục chế được một cỗ máy mã hóa “Mê” từ Sứ quán Đức, còn cái chúng tôi đang có là phục chế lại từ chiếc phục chế đó.

Bề ngoài nó giống một cái máy chữ, cấu tạo gồm ba bánh quay chuyển hoán có khắc chữ cái, một bánh quay phản xạ, sáu ổ giắc và hai bảng chữ cái. Sáu ổ giắc quyết định sáu cặp chữ cái sẽ đổi vị trí lẫn nhau. Khi gõ một chữ cái lên bảng chữ cái A, qua bánh quay chuyển hoán và phản xạ, sẽ sinh ra ít nhất 4-7 dạng mã hóa, sau đó tín hiệu truyền đến bảng B, trở thành văn bản mã hóa.

“3 bánh quay chuyển hoán sẽ có 6 phương pháp sắp xếp, mỗi bánh quay chuyển hoán có 26 chữ cái.”

“17 576 cách chuyển động bánh quay.” Tôi thốt lên.

Lindon gật đầu: “Nhân lên sáu cặp chuyển hoán chữ cái sẽ thành... 105869...”

“1 058 691 676 442 000 khả năng.” tôi thấy não mình muốn nổ tung luôn.

Lindon nhún vai: “Rất nhiều người nói ngài Garcia đang phụ trách một mật mã cơ bản không thể giải được.”

Tôi nghĩ chỉ cần có Andemund ở đó, tuyệt đối không có mật mã không thể giải được. Nếu bảo về toán học tôi và Lindon là thiên tài, thì anh ấy phải là đồ biến thái. Trong khi bọn tôi còn đang mày mò tìm kiếm quy luật từ một đồng số má lộn xộn, thì anh đã lập được một đội ngũ chuyên gia giải mã từ nhà toán học, ngôn ngữ học đến kiện tướng cờ vua, biến họ thành những bóng ma chen trên yết hầu người Đức trong đêm.

Sau khi vào văn phòng số 1, Lindon được tiếp xúc với thần tượng thường xuyên hơn. Đương nhiên là cậu ta rất hưng phấn, bởi vậy mỗi lần gặp mặt tôi lại bị bắt nghe cả đồng chuyện về Andemund... nào ảnh công khai khen ngợi thành tích của Lindon (mà hầu hết là của tôi) trước mặt mọi người, nào ảnh cùng Lindon ăn tối... thật ra chỉ là uống cà phê, nào là ảnh giữ cậu ta lại bàn bạc công việc sau giờ cơm chiều. Riêng với chuyện cuối cùng, tôi hơi bức mình. Tôi vẫn nghĩ mình là người duy nhất được ở cạnh Andemund lúc anh ấy làm việc, giờ hiển nhiên là không phải thế.

Ý kiến Lindon tự đề xuất luôn luôn dở tệ, lắm lúc tôi tức quá, hỏi thẳng cậu ta: “Cuối cùng thì Andemund ưng ý cậu chỗ nào nhất hả?”

“Ngài ấy nói cách tư duy của tôi rất độc đáo, từ góc độ nào đó mà nói thì rất tương tự với ngài ấy.”

Một thời gian ngắn lúc đầu, tôi và Andemund đều bó tay với “Mê”. Sau khi có được máy mã hóa phục chế, điệp báo viên của anh ấy cung cấp cho chúng tôi rất nhiều văn bản mã hóa cũ từ cục mật mã Đức, lại được ảnh biến thái mò ra được luôn phương pháp mã hóa. Nhưng bảng mã “Mê” biến đổi mỗi ngày, chưa nói phương thức mã hóa quá sức phức tạp, bất kể việc chỉ cần đến đó thôi đã đủ vượt quá khả năng phân tích của chúng tôi.

“Mê” không chỉ đơn giản là một cái tên.

Sau đó đến một ngày, tôi chợt nghĩ đến những ghi chép của mẹ. Đó là mùa hè năm 1938, tôi đã đốt đến cuốn vở cuối cùng mẹ để lại. Nhớ đến ý tưởng lợi dụng công thức toán học để giải mã của bà, tôi định bám vào đó để suy diễn tiếp, rồi vận dụng vào “Mê”.

Tôi suy nghĩ rất lâu, viết hết những ý tưởng ấy ra được ba tờ bản thảo, bổ sung luận chứng nữa là tròn ba chục trang rồi đưa cho Lindon. Lindon coi nó như trò cười: “Quy nạp phương pháp giải “Mê” thành công thức số học á? Chà, cậu điên rồi Alan!”

Cuối cùng, sau nhiều sự nài nỉ lần quyết liệt yêu cầu, cậu ta cũng miễn cưỡng trình lý luận của tôi lên.

Trong ký ức của tôi, mùa hè năm 1938 vô cùng dịu dàng. Ánh mặt trời vẫn ấm áp, ngày lại không quá nóng nực. Tôi và Lindon đi cùng một số thành viên khác của câu lạc bộ toán học ra khỏi thư viện, nắng bên ngoài rọi chói mắt. Tôi thấy Andemund và xe của anh, đứng sừng sững cạnh thảm cỏ trước thư viện.

Tôi hoàn toàn không nghĩ anh ấy sẽ đến, thành ra đã bị sững người một hồi.

Lúc sau tôi lười biếng tiến về phía anh: “Chào người đẹp, nhớ em sao?”

Andemund liếc mắt nhìn tôi, như kiểu đang cười. Ảnh lướt qua tôi để đi thẳng đến trước mặt Lindon: “Công thức quy nạp lần trước cậu trình lên không tôi chút nào. Giờ sắp có họp khẩn, ta sẽ cùng về.”

Andemund chưa bao giờ cười cổ vũ tôi như thế. Ảnh lúc nào cũng nói, Alan, em còn nhỏ, Alan, cái đó không quan trọng, Alan, em không thể vào trang trại Plymton.

Tôi cũng chưa từng thấy Lindon cười lộ liễu như thế, một hàng răng trắng phơ ra hết trơn.

Tôi nghe được họ nói với nhau lúc lên xe, giọng Andemund có vẻ rất sung sướng: “Lindon, lần trước phương pháp đặt vấn đề cậu nghĩ ra sau khi giam mình dưới gầm giường đúng là rất thú vị...”

Không thể nói là không có cảm giác gì. Tôi nhận ra hình như mình và Lindon đang đổi chỗ cho nhau mất rồi. Tôi suốt ngày ngồi thu lu trong phòng sinh hoạt câu lạc bộ toán học giải mã, trở nên giống hệt thằng Lindon lười thôi lếch thếch, tóc tai bù xù như cỏ khô trước kia, còn Lindon lại bắt đầu xúng xính sơ-mi, quần âu,裳裳 hoàng và bóng bẩy như ai. Trước kia tôi vào quán bar còn được các em bồi bàn đá lông nheo chúc chúc, giờ tôi có tò tò bám theo móng con gái cũng chẳng ai thèm để mắt.

Đột nhiên có người vỗ vai, hại tôi suýt nhảy dựng.

“Hôm nay ngài Garcia đặc biệt đến quận Cambridge đón người ta đấy nhé.”

Là gã đeo kính gọng vàng đi theo Andemund lần trước.

Anh ta đi chung xe với Andemund tới, nhưng không về cùng.

“Alan, hai mắt cậu đang tóe lửa kìa.” anh ta cười tùm tùm, chìa tay ra với tôi, tự giới thiệu: “Ta đã gặp nhau rồi, tôi là Arnold Visco, làm ở “Hội nghiên cứu golf và cờ vua”. Nghe nói cậu biết chỗ đó rồi.”

Tôi nhún nhún vai: “Hôm nay anh không mặc quân phục hả.”

Kính gọng vàng bữa nay mặc rất tùy tiện, áo ba lỗ đen khoác ngoài bằng sơ-mi rộng thùng thình. Anh ta cười hiền lành: “Bởi vì hôm nay tôi không tới gặp cậu dưới danh nghĩa trang trại Plymton, tôi chỉ đi xử lý việc riêng cho ngài Garcia.”

Arnold Visco là bác sĩ tâm lý của MI-6, phụ trách phân tích tình báo ở trang trại Plymton, thuộc quyền quản lý trực tiếp của Andemund.

“Việc riêng Andemund sai anh làm thì liên quan gì đến tôi?”

Chúng tôi vào ngồi quán rượu tôi vẫn ghé hồi trước. Gió xé trưa nóng quá, tôi gọi một vai bia thường, anh ta gọi Blue Margarita. Cầm Arnold nhón hoắt, cặp mắt mảnh dài sau cái kính gọng vàng luôn nheo nheo lại, khiến người ta khó đoán được ý đồ của anh ta.

Có điều anh ta lại rất thẳng thắn: “Cậu biết đấy, tôi là bác sĩ tâm lý. Tình cảm của cậu với ngài Garcia làm phiền ngài ấy rất nhiều. Vậy nên ngài ấy bảo tôi... làm cho cậu không thích ngài ấy nữa.

8. Chương 8

Tôi và Andemund rõ là đã chia tay, chẳng ai dính gì đến ai nữa. Tôi chán chính quan hệ với đám bạn không đứng đắn trong quán bar xong, gần một năm nay anh ấy cũng không xuất hiện làm phiền tôi nữa.

“Bọn tôi chẳng còn gì hết.” tôi nói với Arnold: “Tôi hết thích anh ta rồi.”

Anh ta nhắc nhở tôi: “Vừa rồi lúc nhìn Lindon, trông cậu giống muốn ăn tươi nuốt sống cậu ta lắm.”

Tôi ngậm bật, bắt đầu uống bia, rồi nghiêng cổ nhìn ra ngoài cửa sổ. Nắng sáng rực rỡ.

“Tôi là bác sĩ tâm lý. Tôi có thể giúp cậu thực sự không còn thích ngài ấy nữa. Lúc đó cậu nhìn thấy ngài ấy sẽ giống như nhìn cây táo ngoài kia thôi, tuyệt nhiên không cảm thấy gì hết.”

Tôi liếc mắt nhìn một cái, nhận ra cây táo dưới ánh mặt trời thật đẹp.

Tôi lại nhớ đến Andemund, cánh hoa táo màu hồng nhạt lắc rắc rơi đầy trên vai anh ấy.

“Ngài Garcia không giống cậu. Cậu biết chứ, ngài ấy là nhân vật cấp cao trong MI-6, gánh vác... ừm, sứ mệnh với đất nước. Nếu hai người đã chia tay, tình cảm của cậu với ngài ấy trở nên rất phức tạp. Không thể loại trừ khả năng có người lợi dụng tình cảm của cậu để gây bất lợi cho ngài ấy.”

“Anh làm được thật à?” tôi nghi ngờ.

Anh ta nâng ly rượu lên, lắc lắc, cốc-tai màu lam còn non nửa trong ly sáng sủa thật đẹp mắt: “Chỉ cần cậu đồng ý, thậm chí tôi còn có thể xóa cả trí nhớ của cậu.”

“Phẫu thuật à?” Hay là dùng thuốc?”

“Dùng thuốc.” anh ta nói: “Nhưng chỉ khiến cậu hết thích một người thì đơn giản hơn nhiều, trò chuyện là đủ.”

Đương nhiên tôi không thêm để ý đến anh ta. Tôi còn phải dồn hết thời gian tâm trí vào việc giải “Mê”, không hơi đâu ngồi tán chuyện với anh ta.

Nhưng Arnold cứ như quỷ ấy, toàn nhảy ra những lúc không ai ngờ, rồi hỏi những câu cũng không ai ngờ được luôn. Đợi đến khi tôi nhận ra anh ta đã thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của mình, tính đập anh ta bay ra ngoài, thì đã muộn.

Gã bác sĩ tâm lý miệng cười tủm tỉm, che giấu cảm xúc hoàn hảo sau cặp mắt kính ấy.

Có bữa tôi đang ngồi tính toán, tự dưng có người mở cửa phòng sinh hoạt, tôi tưởng Edgar, ngẩng đầu nhìn hóa ra là Arnold. Anh ta thản nhiên ngồi xuống ghế đối diện tôi, cởi áo khoác vắt lên lưng ghế tựa.

Lần nào anh ta cũng hỏi thẳng tuột: “Cậu thích điểm nào nhất ở Andemund Garcia?”

Tôi đáp, không thêm ngần ngại: “Đẹp.”

Thật ra giờ nghĩ lại, tôi thích Andemund đến thế, không phải vì bề ngoài của anh. Tôi xa cha mẹ từ nhỏ, sống nhờ sự che chở của bác. Bụng dạ bác tôi lương thiện, mà tính tình thì táo bạo. Trong đầu tôi lúc ấy luôn nghĩ, đã thích cái gì, nhất định phải cố sức mà cướp lấy. Tình cảm với Andemund là ánh mặt trời tôi phải trả giá rất nhiều mới giành được, mà một khi có rồi, không bao giờ muốn buông nữa. Anh trầm lặng và ôn hòa, mỗi lần cười lại đẹp mắt như thế, ở bên nhau thì luôn chiều lòng tôi. Tôi nghĩ chỉ cần mình trả giá nhiều hơn nữa, chúng tôi có thể tiếp tục sánh bước bên nhau, êm ả cùng nhau trải qua thật nhiều năm tháng sau này.

Sau này tôi mới phát hiện thật tình anh chỉ là đồ biến thái đẹp chết đi được. Nhưng hồi ấy tôi chưa ý thức hết về đầu, thành ra mới nói với kính gọng vàng rằng chỉ vì anh đẹp.

Tôi hỏi anh ta: “Sao anh hỏi tôi chuyện ấy?”

Cặp mắt màu nâu sẫm của Arnold nhìn tôi chằm chằm: “Vì tôi là bác sĩ tâm lý. Để chữa bệnh, tôi phải biết nguồn gốc nguyên nhân. Muốn cậu không thích ngài Garcia nữa, tôi cần biết vì sao cậu thích ngài ấy.”

Tôi nói: “Đồng tính luyến ái không phải bệnh.”

Arnold lôi tôi đến một quán bar ngầm. Quán ồn như chợ vỡ, đàn ông đeo xích bạc, xăm trổ đầy người, các em gái gọi quán cổ bọn đàn ông đến uống rượu bằng những cánh tay trắng muốt. Em nào em nấy đánh son đỏ chói, ngực nhô ngất ngưỡng, vãi vấy coi bộ át không được da đùi.

Anh ta lôi tôi vào ngồi trong góc, gọi hai vai bia, gỡ kính gọng vàng xuống, gác chân lên ghế bên cạnh, bắt đầu sành sỏi bình luận về các em. Arnold bỏ kính ra trông nhã nhặn lịch thiệp hơn nhiều, nếu không phải nghe rõ anh ta đang nói cái gì, chắc tôi đã nghĩ anh ta là một gã học giả lạc đường vào đây.

“Cậu trông cái em đứng cạnh quầy bar kia... đó đó, quả ngực cỡ D đó. Có vẻ ít nói nhé, nhìn kỹ mặt mà xem, hơi bị được luôn, lên giường đảm bảo số dzách. Nè Alan, phải cậu thích mấy em nhiệt tình trên giường hơn không?”

Tự dưng tôi cảm thấy hồi trước mình với Edgar ngồi bình luận về các em phục vụ trong quán cà phê bên bờ sông Cam vẫn còn lành mạnh lắm, tuyệt nhiên chưa ăn nhằm gì so với đẳng cấp của gã bác sĩ Arnold này.

Tôi hỏi anh ta: “Anh hay đến mấy chỗ thế này lắm à?”

Anh ta cười cười: “Một cách giết thời gian.”

“Coi kìa, em đứng cạnh bức tranh sơn dầu kia đảm bảo đẹp hơn Andemund nhà cậu.”

Tôi đưa mắt nhìn theo ngón tay anh ta chỉ, ừ ừ nói: “Tôi thích ai là việc của tôi, giờ tôi về được chưa?”

Arnold chop tay tôi, ấn tôi lại ghế: “Alan, nhìn nhiều phụ nữ thế này mà cậu không thấy hứng thú chút nào thật hả?”

Vấn đề không phải nam hay nữ, mà là họ không phải là Andemund.

Andemund đứng dưới tàng cây táo, vai vương đầy cánh hoa hồng li ti, nheo đôi mắt màu xanh biếc mỉm cười với tôi.

Arnold nói yêu một người chỉ cần một lý do, mà để không còn yêu nữa lại cần rất rất nhiều lý do. Anh ta đang cố tìm ra lý do xác đáng nhất có thể khiến tôi bỏ cuộc với Andemund.

Thật ra không cần phải tìm, tôi bỏ cuộc rồi đấy chứ.

Chẳng qua muốn thực sự vô cảm được, còn cần một thời gian nữa.

Tôi không phải loại người máu lạnh như Andemund, lúc ở với nhau thì dung dăng dung dẻ, hễ chia tay rồi cả trái tim người ta cũng muốn giật lấy. Mà trắng mà trơn, quyết không để lại dấu tích gì trong đời nhau nữa.

Arnold tốn công đi theo tôi mấy ngày, rốt cuộc anh ta rầu rĩ bảo tôi: “Alan, xem ra tôi phải đổi mới chiến thuật thôi. Ngài Garcia là sếp tôi đó, việc nhỏ này ngài ấy giao tôi cũng làm không xong, rồi biết ăn nói thế nào bây giờ?”

Anh ta áy náy nói: “Ngại quá, mỗi tuần sẽ phải tốn của cậu chút thời gian rồi.”

Tôi tự nhủ, nếu Andemund đã muốn phủ sạch chuyện nửa năm qua, tôi cũng chẳng việc gì phải cố giữ. Bởi vậy tôi quyết định hợp tác với Arnold.

Sự “tốn chút thời gian” anh ta nói, ấy là hẹn hò.

Cuối tuần nào anh ta cũng tới, trước khi Lindon đến tìm tôi, rồi hẹn tôi ra quán cà phê. Thường là lúc quá trưa, nắng chói chang, bàn bao giờ cũng cạnh cửa sổ, chỉ nghiêng đầu là thấy được bầu trời nước Anh xanh thăm thẳm tít trên cao. Thời cuộc lúc ấy đã bắt đầu căng thẳng, hàng hóa tăng giá, nhưng Arnold lần nào cũng gọi cà phê loại ngon nhất, lại nhất quyết trả tiền cho tôi.

Bọn tôi chủ yếu là tán gẫu.

Anh ta nhấm nháp cà phê: “Alan, tôi không thể đưa ra phương án điều trị hiệu quả được, vì tôi chưa hiểu đủ về cậu.”

Bọn tôi nói tràn lan từ chuyện thời thế, kinh tế, chính trị đến những chuyện xưa xưa hồi bé. Anh ta viện có điều trị, bắt đầu hỏi lần la về ba mẹ tôi, hỏi cả mối tình đầu của tôi như nào nữa. Tôi kể cho anh ta chuyện hồi ở nhờ nhà bác, tôi đi tán nhỏ hàng xóm, mồm ngậm hoa hồng còn hát tình ca, xong bị gai chọc phũ phỡ. Arnold cười khùng khục, nghiêng ngả cả người, cả quán cà phê đều quay lại nhìn anh ta, hại tôi bực cả mình.

Sau đó tôi nhắc nhở anh ta, tôi nói bao nhiêu như thế, mà anh chẳng nói gì hết.

Arnold gỡ kính gọng vàng xuống, rút khăn ra lau mắt kính, một hồi lâu không nói gì. Cặp mắt anh ta dài mảnh, mũi rất cao, bỏ kính ra trông thanh tú hơn tôi tưởng nhiều. Cuối cùng anh ta cười cười, trình bày ngắn gọn.

Dòng họ Arnold phục vụ cho quân đội của Nữ hoàng, từ nhỏ anh ta đã được kỳ vọng sẽ trở thành một quân nhân bảo vệ tổ quốc. Khi ấy anh ta bị bắt đọc rất nhiều sách, đến mười bảy tuổi vào Học viện Y học Hoàng gia, bốn năm sau thì tốt nghiệp với điểm số đứng đầu.

“Trong trường tôi có trình bày một vài luận văn về tâm lý học. Lúc đầu nghĩ mấy chủ đề buồn tẻ ấy chắc chẳng ai thèm để ý, nhưng tốt nghiệp xong tự dưng có người của MI-6 đến tìm tôi, hỏi tôi có muốn phục vụ nước Anh theo một cách đặc biệt không.”

“Nghe chán nhì.” tôi bình luận.

“Ừ phải.” anh ta bật cười: “Nhà tôi bài bản lắm, nên sẽ không có chuyện lên bỏ muối vào sữa tươi nhà hàng xóm, hay ngồi xồm cạnh đường chờ xem gió thổi tốc váy con gái người ta đâu.”

Tôi đang định đồng tình, anh ta đã nói tiếp: “Vì các em tôi thích đều chủ động leo lên giường tôi hết. Hồi đại học tôi nhiều bạn gái cực, ba tôi nhìn hoài cũng ngứa mắt, nên nhân cơ hội đó tôi trốn đến trang trại Plymton luôn.”

Tôi không hỏi sâu nữa về dòng họ Arnold, vì tôi nghĩ có hỏi anh ta cũng sẽ không nói.

Thời gian ấy, việc giải “Mê” của tôi và Andemund hầu như giậm chân tại chỗ.

Giải mã thực ra là một quá trình tìm tòi sơ hở của người viết mã, có những mật mã đầy lỗ hổng, cũng có những mật mã nhìn qua đã thấy kiên cố như tường thành. Nhưng mặc kệ chúng kín kẽ cơ nào, vẫn phải có một ô cửa sổ. Việc ta phải làm là mò mẫm trong bóng tối, tìm ra cánh cửa ấy, đẩy mở nó, để ánh sáng soi rọi vào.

Tôi và Andemund vẫn đang hoàn thiện công thức tôi đưa ra.

Tôi trình bày ý tưởng với Lindon, Lindon thảo luận với Andemund rồi truyền đạt lại phản hồi của anh cho tôi.

Hai tuần đầu có lẽ là hoàn toàn mịt mù.

Tôi viết công thức, Andemund phủ định.

Tôi viết lại công thức, Andemund lại phủ định.

Giữa chừng, tôi phát hiện ra hệ thống mã hóa “Mê” có nhược điểm. Quá trình mã hóa nó có ba vòng chuyển hoán và một vòng phản xạ. Bởi vậy phương pháp mã hóa chắc chắn sẽ bị nghịch đảo. Nếu qua bánh quay phản xạ A mã hóa thành F, như vậy F mã hóa ngược lại nhất định là A. Nếu biết khai thác, đó chính là một nhược điểm trí mạng của “Mê”. Điểm này sẽ giúp giản lược bớt công thức toán học của chúng tôi biết bao nhiêu lần.

Cũng vì vậy, một tuần Lindon phải chạy về Cambridge hai ba lần.

Bữa nay cậu ta thất cái nơ con con trên áo sơ mi, tôi nhoi người sang hít hít: “Nước hoa.”

“Tôi đi ra hồ hóng gió với ngài Garcia.” cậu ta nói: “Ngài ấy nói không khí ngoại ô cũng có ích cho tư duy lắm.”

Phản ứng đầu tiên của tôi là vọt miệng hỏi mắc gì lúc trước tôi giải ra S Andemund không đưa tôi đi hóng gió.

Lindon đáp thản nhiên: “Ngài ấy nói ngài ấy thích cách tư duy của tôi, rất độc đáo.”

Tôi nhắc nhở cậu ta: “Đó là cách tư duy của tôi.”

Cậu ta nhìn tôi rất quái dị: “Nhưng Alan à, cậu nhếch nhác thế kia, đời nào ngài Garcia thích cậu, đúng chưa?”

Nhớ hồi trước tôi cũng là chàng đẹp trai hào hoa nhất bờ sông Cam, có em nào tôi chưa tán đâu? Sau này đổ Andemund, lại dính vào mật mã, cứ thế đến tận giờ, râu để cả tuần không buồn cạo. Arnold chẳng bao giờ đánh giá bề ngoài của tôi, nhưng Edgar bắt đầu nói tôi đi ngoài đường rất có dáng vẻ quyến rũ của một gã trai đã-lớn.

Tôi bất mãn cãi: “Ngài Garcia của cậu đúng là từng thích tôi đấy. Bọn tôi còn yêu nhau một năm kia.”

Mặt Lindon lập tức trắng bệch: “Không thể nào, đó là ngài Garcia! Cậu tưởng cậu đang nói ai hả?... ngài ấy nói ngài ấy thích tôi.”

“Đó là thích tư duy của cậu...” tôi nói trắng ra: “Hơn nữa cái đó thật ra là tư duy của tôi.”

Tôi nhắc Lindon hết như Edgar từng nhắc tôi trước kia, rằng đồng tính luyến ái là phạm pháp, còn bồi thêm một câu: “Mà chẳng qua anh ta cũng được cái mặt đẹp thôi.”

Lindon không tin, cậu ta đi hỏi Andemund. Đồ biến thái Andemund vậy mà không thêm giấu giếm gì hết, gật đầu đáp phải: “Đúng thế, tôi và Alan từng yêu nhau một năm.” anh ta an ủi Lindon: “Giờ thì không còn gì đâu.”

Sau đó anh ta còn bảo Lindon chuyển lời đến tôi: “Bảo với Alan, lúc ấy chẳng qua cậu ta cũng chỉ được cái mẽ tạm được thôi.”

Tôi thật muốn xỉa ngón giữa với Andemund, nhưng bất hạnh là không nhìn được mặt để xỉa.

Câu “Lúc ấy chẳng qua” của Andemund, chẳng khác gì bảo hồi trước tôi đẹp trai điên đảo, giờ cả cái mẽ ngoài cũng không có.

9. Chương 9

Từ khi bắt đầu giúp Lindon giải mã, những cuộc gặp gỡ của tôi và Edgar cũng thưa dần. Hầu hết thời gian tôi đều ở lì trong phòng sinh hoạt của câu lạc bộ toán học, mà nghề vẽ tả thực của cậu ấy đương nhiên phải cần ánh sáng rực rỡ ngoài trời.

Sau hôm Andemund bảo Lindon chuyển lời đến tôi rằng “Lúc ấy chẳng qua cậu ta cũng chỉ được cái mẽ tạm được thôi”, Edgar xông xộc xông vào phòng sinh hoạt chung, giằng lấy tập bản thảo của tôi, quăng ra ngoài cửa sổ.

“Tôi đang viết luận văn!” Tôi túm cổ áo cậu ta.

“Vứt mẹ nó luận văn đi.”

Tập bản thảo đóng bìa “Phân tích giản lược về lý thuyết nhóm trong toán học” ấy chứa mọi lý luận giải mã tôi nghiền ngẫm ba tháng trời nay. Khi tôi cuống quýt lao xuống lầu nhặt tập bản thảo rơi trên thảm cỏ, rồi xót xa phúi lấy phúi để Edgar khoanh tay đứng cạnh nhìn: “Ai viết luận văn thành con quỷ thể này hả! Một tuần không bước chân ra khỏi cửa, viết nữa đi rồi cậu thành xác ướp.”

Trong ấn tượng của tôi Edgar vẫn rất ôn hòa và khách sáo, thậm chí còn hơi bị cổ hủ nữa. Đây là lần đầu tiên cậu ta nổi giận vô cớ vậy.

“Alan, tôi gửi giấy nhắn cho chủ nhà, cậu có nhận được không?”

Tôi lắc đầu. Hai hôm nay tôi đến thư viện tìm tài liệu, đi sớm về trễ, chưa lúc nào gặp được chủ nhà.

“À, ra vậy.” tự dưng cậu ta giống như thở phào nhẹ nhõm: “Bỏ đi, may là vẫn kịp. Đi với tôi.”

Tôi bị cậu ta ném vào tiệm hớt tóc, cắt tóc cạo mặt xong soi gương lại thấy mình vẫn phong độ đẹp trai như xưa. Edgar sầm soi tôi một hồi, bắt đầu vui vẻ hẳn lên. Cậu ấy bắt thợ hớt tóc tỉa tóc nửa ngày, rồi cuộc cũng vừa ý, bắt đầu sửa sang cà-vạt cho tôi, rồi nhét tôi vào một chiếc xe ngựa mui trần.

Lúc này ở London ô tô đã bắt đầu thịnh hành, mà quận Cambridge vẫn còn những chiếc xe ngựa cũ kĩ chuyên chở du khách cuối tuần đi ngoại ô nghỉ dưỡng. Bọn tôi rời khỏi thành phố theo nhiều con ngõ nhỏ, ngắm những tán cây rậm rì bên đường đang trở hoa li ti giữa hè, rung rung cùng cơn gió nóng. Thấy cũng hơi lãng mạn.

Edgar đeo băng vẽ sau lưng, ngâm nga hát suốt đường đi.

Tôi hỏi cậu ta đi đâu bây giờ, cậu ta chỉ cười không đáp.

Chúng tôi xuống xe tại một biệt thự nông thôn giản dị. Edgar móc chìa khóa bằng đồng ra mở cửa, đẩy tôi lên lầu hai, rồi mở toang cửa sổ: “Ngoài này có một cái hồ nhỏ, cảnh đẹp lắm. Tôi thuê biệt thự này ba ngày để vẽ, nhân tiện mời cậu đến chơi... Mấy tháng cậu không làm người mẫu miễn phí cho tôi rồi còn gì.”

Phản ứng đầu tiên của tôi là: “Biệt thự kiểu này có thuê ba ngày cũng mắc lắm hả, cậu lấy đâu ra tiền?”

Edgar mở một cửa sổ nữa, quay lại nhìn tôi, ánh nắng vội vã hắt vào khiến tôi nhìn không rõ mặt cậu ấy, mớ tóc quăn màu hạt dẻ bỗng dưng bị nhuộm thêm một tầng sáng trắng dịu dàng.

“Tôi bán tranh kiếm tiền.” cậu ta thoải mái đáp: “Tôi muốn hoàn thành một bộ tác phẩm thực sự.”

Ba ngày ấy của chúng tôi vô cùng vui vẻ. Từ biệt thự đi bộ khoảng mười phút là tới một hồ nước xanh biếc, bên hồ có gốc cổ thụ đang mùa nở hoa. Tôi không biết ấy là cây gì, chỉ nhớ những đóa hoa trắng lớn kết từ bao nhiêu lớp cánh to bản chen chen nhau, cánh hoa rụng đầy mặt cỏ dưới tán cây. Edgar nói muốn hoàn thành một tác phẩm chấn động thế gian, thế nên cậu ta dẫn tôi ngồi xuống gốc cây, bắt đầu vẽ.

Không khí tràn ngập hương hoa ngòn ngọt. Bọn tôi tán gẫu chuyện kinh tế, chuyện chính trị, chuyện tương lai, không chuyện gì không nói. Tôi nói tốt nghiệp Cambridge xong tôi muốn ở lại tiếp làm giảng viên, rồi chính thức bước vào giới học thuật. Tôi muốn giải lần lượt hết hai mươi ba đề toán học búa của Hilberth

hồi xưa, cho thiên hạ sợ luôn. Tôi bảo lúc đó Edgar xuất bản tập tranh đi, tôi ở trong trường bán giùm cho, sinh viên mỗi đứa phải mua một cuốn.

Edgar cười gật đầu, tiếp tục vẽ.

Những bức phác hồng sẽ được cậu ấy hào phóng cho bay dưới tán cây, có những trang còn theo gió cuốn đến mặt hồ. Tôi thuận tay tóm lấy một bản, vậy là được thấy mình đang lười biếng ngáp ngủ, gãi đầu trên giấy.

Tôi lại nhớ đến “Mê”, tự dưng ruột gan nghe cồn cào: “Tôi phải về đi học đây.”

Edgar đưa mắt nhìn tôi: “Đằng nào cậu chẳng bùng tiết suốt rồi, mấy ngày này vội gì. Ở đây với tôi đi, Alan.” cậu ấy nói bằng vẻ van nài khó hiểu. Đó là buổi sáng của ngày cuối cùng, chiều hôm đó chúng tôi sẽ nhảy xe về trường. Tôi nằm dài trên cỏ, tay chặn trên trán che bớt ánh nắng chói mắt len lỏi qua tầng cây. Đột nhiên cậu ấy ném bút, đứng dậy bước tới ngồi xổm xuống cạnh tôi.

“Mai tôi đi.” Edgar nói.

Tôi ngạc nhiên.

“Đơn xin nhập ngũ của tôi được thông qua rồi. Không quân Hoàng gia đang thiếu phi công.”

Trong một giây tôi thấy hoảng hốt, tưởng như mình nghe lầm.

“Sao cậu không nói gì với tôi?”

“Tôi có nói. Lúc nào cậu cũng bảo tôi quấy rầy cậu viết luận văn, nên tôi chỉ đưa giấy nhắn cho chủ nhà cậu, rằng tôi sẽ vào quân ngũ, trước khi đi tôi muốn hẹn với cậu một buổi.” Edgar cười điềm đạm: “Nhưng cậu bận viết luận văn, lời nhắn cũng không nhận được. Tôi đợi cậu dưới nhà rất lâu, cuối cùng phải đến tận phòng sinh hoạt lôi cậu đi.”

Tôi vẫn nằm trên cỏ, Edgar ngồi xổm bên cạnh, cúi đầu xuống nhìn tôi. Khoảnh khắc ấy cặp mắt màu hổ phách của cậu ấy ngời sáng, như thể có một nguồn năng lượng lấp lánh ẩn hiện trong hai con ngươi. Cậu ấy nhặt một đóa hoa trắng xếp cánh rơi trên cỏ, thả lên tóc tôi, giữa hờ cánh hoa dán trên trán nghe mát lạnh.

Tôi hỏi: “Tại sao?”

“Tôi không giống cậu, có tài năng thiên bẩm. Tôi không phải thiên tài, tôi biết mình không thể trở thành họa sĩ được, nên tôi muốn thử làm điều gì khác một chút. Chúng ta đã chế tạo được máy bay tiêm kích Spitfire và Hurricane rồi, không quân thiếu nhiều phi công lắm, họ đang tuyển quân rộng rãi. Tôi đã báo danh.”

“Tôi không hỏi chuyện đó. Ý tôi là... cậu bảo muốn hẹn với tôi.” Tôi thận trọng nói.

Rốt cuộc Edgar vẫn là người thẳng thắn. Giống như một đứa trẻ muốn bỏ chạy mà không được, cậu ấy gượng cười: “Alan, tôi thích cậu.”

Gương mặt cậu ấy cách tôi rất gần. Tôi muốn ngồi dậy, nhưng cậu ấy giữ vai tôi lại. Rồi cậu ấy cúi xuống ôm tôi, vùi mặt vào hờ vai tôi, im lặng. Chóp mũi Edgar nhẹ nhàng cọ trên cổ tôi, nghe nhột nhột.

“Đồng tính luyến ái là phạm pháp.” Tôi nói.

Edgar ghì lấy tôi thật chặt, cậu ấy nói vô cùng nghiêm túc: “Tôi biết. Vậy nên tôi chỉ nói tôi thích cậu, chứ không hề yêu cầu cậu cũng thích tôi. Cậu thấy đấy, tôi sắp phải đi rồi...” cậu ấy do dự một lát: “Chờ tôi trở về, cậu vẫn có thể coi tôi là bạn. Tôi không ngại.”

Cậu ấy xin lỗi tôi: “Tôi không nên nóng nảy ném luận văn của cậu xuống lầu. Tôi không biết cậu không nhận được giấy nhắn, cứ nghĩ cậu thà ngồi viết luận văn chứ quyết không đi gặp tôi lần cuối.”

Giọng cậu ấy thật trầm: “Alan, nhập ngũ chỉ ba năm thôi. Cậu sẽ đợi tôi chứ?”

Giờ nhớ lại khi ấy, thái độ của tôi với Edgar có lẽ đã là tàn nhẫn. Sau khi cậu ấy nhập ngũ, rời khỏi Cambridge, tôi đến phòng trọ cậu ấy ở khi trước. Tường phòng ngủ treo kín những bức tranh chủ nhân

không thể mang theo. Khổ vải sơn dầu to nhỏ đóng trong những khung tranh quét vàng, khoe màu xán lạn giữa nền tường tróc vôi loang lổ.

Nhân vật trong tranh đều là tôi, tôi cười dưới tán cây, tôi cắn bánh mì nướng trong quán, tôi ngồi xồm trước cửa thư viện ngắm con gái...

Kỳ thực ngày đầu tôi gặp Edgar, cậu ấy đã cười nói với tôi: “Tình yêu trọn đời của tôi đều hiến cho tranh.”

Khi tôi kể chuyện Andemund với cậu ấy, cậu ấy cũng từng phản đối: “Chúng ta cũng là tiếng sét ái tình mà.”

Đến khi tôi thực sự hiểu những lời cậu ấy, đã quá muộn.

Cậu ấy ở bên tôi, nhìn tôi theo đuổi con gái, theo đuổi Andemund, xốc tôi dậy ném tôi vào quán bar khi tôi suy sụp vì chia tay Andemund, rồi lại lôi tôi khỏi quán bar khi tôi uống say không biết trời trăng gì nữa, thậm chí cậu ấy còn đề nghị tôi tìm bạn gái để quên đi Andemund... rốt cuộc đến khi ra đi, cậu ấy mới nói cho tôi biết: “Tôi thích cậu, tôi biết cậu không thích tôi, nhưng tôi không để tâm đâu, dù cậu chỉ coi tôi là bạn cũng vậy.”

Khi đó Edgar còn rất trẻ, bảo thủ gần đở và hoàn toàn là một gã lịch lãm cổ lỗ sĩ. Cậu ấy còn chưa phải là tên bạo chúa công tôi vào đầu giường khi tôi tuyệt vọng muốn gặp Andemund, cũng không phải kẻ dí súng dưới cằm tôi, hỏi tôi bằng giọng khản đặc tôi có chấp nhận cùng chạy sang Hoa Kỳ ngay lập tức hay không.

Quân đội và chiến tranh đều có thể thay đổi một con người, kể từ điểm sâu kín nhất trong tâm hồn họ.

Giờ này Edgar chỉ cúi xuống hôn đóa hoa trắng cậu ấy thả trên tóc tôi, muốn tôi đợi cậu ấy trở về... để lại làm một người bạn.

Cuối hè năm 1938, Edgar chính thức rời khỏi Cambridge, gia nhập Không quân Hoàng gia. Mùa thu năm 1939, chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, đơn vị Edgar tham chiến. So với phe Trục, không lực của nước Anh yếu hơn nhiều, chúng tôi không đủ người. Khi trời trong, có thể thấy được những quãng lửa đỏ rực lao xuống từ trên bầu trời phía xa. Mỗi lần như thế tôi luôn làm dấu thánh, cầu mong người vừa hạ sinh không phải Edgar.

Cuối tuần Edgar đi, tôi lại ra quán rượu với Arnold. Anh ta đẩy gọng kính, kinh ngạc nhìn tôi: “Cạo râu rồi, cắt tóc rồi... không ngờ trông cậu cũng bảnh quá nha Alan!”

“Bị bạn bắt đi tiệm hớt tóc.” tôi nói: “Xin lỗi, bác sĩ Visco, chúng ta không cần gặp nhau mỗi tuần nữa rồi.”

Tôi nói bình thản và vững vàng: “Tôi tin rằng mình đã thoát khỏi Andemund. Tôi sẽ thử gặp gỡ phụ nữ, và... ừm, sẽ không xuất hiện trong cuộc sống của anh ta nữa. Cảm ơn anh, khóa trị liệu tâm lý của anh rất hiệu quả.”

Arnold đang uống cà phê, nghe đến đó thì sặc luôn.

“Alan, cậu sao vậy?”

Tôi bật cười, chỉ chỉ tim mình, xĩa ngón giữa: “Phiên anh chuyển lời đến Andemund, anh ta đã biến khỏi nơi này của tôi rồi. Anh ta muốn sao thì đã được vậy.”

Sự thực không phải tôi đã hoàn toàn giết chết Andemund trong tim mình, chỉ là Edgar dạy cho tôi biết kiềm chế. Dù thích đến mấy, cũng có thể tỏ ra như một người bạn, khóa chặt tình cảm trong đáy lòng, để đối diện với đời nhẹ tựa như không.

10. Chương 10

Không lâu sau khi Edgar rời khỏi Cambridge, khủng hoảng tài chính bùng nổ trên khắp châu Âu. Không ai có thể nói chắc rằng cuộc chiến trước mắt là căn nguyên của cuộc khủng hoảng, hay chính khủng hoảng

kinh tế đã bắt nguồn cho chiến tranh thế giới thứ hai.

Bánh mì dài tăng giá lên mười xu, tiền thuê nhà tăng một phần ba, tôi buộc phải giảm bớt thời gian nghiên cứu “Mé” để đi kiếm một việc làm gia sư trên báo, coi như đỡ một phần gánh nặng cho nhà bác ở Bedford xa xôi.

Thực ra thời gian nghiên cứu nhiều hay ít cũng không khác nhau là mấy. Từ đó tới giờ mọi đột phá đều là kết quả tình báo của Andemund, còn tôi chẳng làm được gì ngoài viết công thức. Đầu tiên Andemund khẳng định ý tưởng giải mã thông qua công thức toán học là chính xác, tiếp đến thì anh ấy phủ định phép tính toán của tôi. Tôi phủ định lại phép tính của anh, đến lượt anh phủ định vấn đề tôi đưa ra. Đến lúc này, công thức ấy vẫn chưa thể sử dụng được.

Lindon mệt mỏi, tôi cũng mệt mỏi. Andemund dễ dàng an ủi Lindon, nói rằng trong bao nhiêu cộng sự chỉ có mình cậu ta theo kịp tư duy của anh, rồi thì không nên quá để tâm đến thất bại trước mắt.

Vậy là còn mình tôi sàu đời đi qua nửa Cambridge, đến địa chỉ đăng trong mẫu tin tuyển dụng trên báo tìm dinh thự Bradley.

Tôi đi rất lâu, cứ tưởng mình sắp đi tuốt đến London rồi, thì nghe được hai cô bé xách làn đi qua nói chuyện với nhau: “Dinh thự Bradley lại đăng báo tuyển gia sư đấy, cuối cùng cũng chẳng ai quản được cậu ảm ấy hén.”

“Còn gì nữa, ngày nào chẳng thấy nó ném đá chết mèo nhà hàng xóm.”

Vậy là tôi xán lại hỏi dinh thự Bradley ở đâu, hai cô em nhìn tôi từ đầu đến chân, cuối cùng một người che miệng cười khúc khích: “Cậu à, thế cậu nghĩ sau lưng cậu là cái gì?”

Tôi quay đầu lại nhìn tòa nhà kiểu baroque chễm trệ án ngữ suốt nửa con phố, xòe tay nói: “Cơ quan nhà nước à?”

“Đó chính là dinh thự của tướng quân Bradley nha.”

Tôi vẫn biết có thể tuyển gia sư đương nhiên phải là người giàu, mà không ngờ người ta là tướng quân luôn.

Lúc đó tôi không quan tâm đến quân sự mấy, thành ra chưa nghe danh Huân tước – tướng quân Bradley bao giờ, cũng không biết dinh thự của ông ta không ở London mà nằm giữa Cambridge ngợp màu học thuật này.

Tòa kiến trúc baroque đồ sộ, bậc thềm cao, thậm Ba Tư dày cộp và những khung cửa sổ sát sàn treo màn nhung thiên nga giữa ban ngày vẫn kéo nửa kín nửa hở đều làm tôi bị ấn tượng mãnh liệt. Mà dọa tôi chết khiếp nhất là cảnh tượng bảy gã cùng đọc được mẫu tin tìm gia sư và cùng mò đến đây ngồi trong phòng sách, chờ phu nhân Bradley đích thân kiểm tra. Bà ta là vợ tướng quân Bradley, một quý bà gần bảy mươi tuổi, thân thiện dễ gần. Sau tiết mục trình bày sơ yếu lý lịch, bọn tôi được yêu cầu giải một vài đề toán đơn giản, rồi thì trò chuyện riêng, cuối cùng đến khi tôi được đưa đến trước mặt cậu trẻ nhà Bradley, mặt trời đã xế bóng.

Nhà tướng quân Bradley có một trai một gái. Khá lâu trước con trai và con dâu ông ta bị tai nạn xe cộ, để lại một cậu ảm nhỏ cho nhà ông nội. Thằng nhóc đi học trường quý tộc, thi toán cuối kỳ được toàn trũng ngỗng. Một năm sau, rớt cuộc phiếu điểm cũng bị lộ, vừa lúc ông tướng già từ London về nhà nghỉ ngơi ít hôm, vậy là ông nổi điên lên, đăng tin tìm gia sư trên tờ Times.

Mỗi tuần lễ tôi chỉ cần tới đây hai buổi sáng, phụ đạo phép nhân chia cho cậu trẻ. Một vị trí không hề vất vả, mà tiền lương vừa đủ bù đắp số thiếu hụt tiền thuê nhà của tôi. Vào thu giá cả lại tăng chóng mặt, tỷ lệ thất nghiệp cao chót vót, tôi may mắn lắm mới kiếm được khoản thu nhập ấy.

Dạy bù bài thì dễ, mà vấn đề to tát hơn là lời được học sinh từ vườn hoa sau nhà về phòng học. Lần đầu gặp mặt, phu nhân tướng quân thân thiện đưa tôi đến phòng đọc sách, chưa tới nơi tôi đã nghe tiếng thú nuôi ở đâu cào cào cửa. Đến khi mở cửa ra thì bị một trái banh tóc đỏ lao thẳng vào bụng, hại tôi thiếu chút nữa ngã bật ngửa ra hành lang.

Trái banh tóc đỏ chồm lên người tôi, rồi lẩn lờng lốc ngược vào phòng, nó ỉu xiu ôm vỗ toán, ảm ức nói: “Con ghét học toán.” rồi nó bĩu môi nhìn tôi: “Còn nữa, con không thèm gia sư như con gái.”

Tôi mỉm cười mời phụ nhân tướng quân tạm lui ra ngoài, cương quyết đóng cửa lại, khoan thai bước tới bên học sinh của mình, rồi ngồi xổm xuống trước mặt nó: “Chà, nhắc lại lần nữa coi.”

Trái banh khinh khỉnh hất mặt: “Nói một trăm lần cũng được, tôi ghét học toán!”

Tôi cười tủm tỉm nói: “Không phải câu đó, câu sau.”

“Tôi không thêm gia sư giống như con gái.”

Tôi lại tủm tỉm cười đứng dậy, đưa mắt nhìn quanh phòng, cầm mấy cây màu sáp và tranh vẽ nguệch ngoạc trên bàn học lên, quay lại hỏi nó: “À, em thích vẽ sao?”

Thằng nhóc lập tức nhoi lên đòi lại bút: “Không cho động vào!”

Tôi móc hai ngón tay xách cổ nó lên, thấy đến trước bàn học, rồi kéo ghế lại ngồi xuống cạnh nó, vắt chân chữ ngũ, lắc lắc hộp sáp đủ màu trong tay: “Ngoan, chỗ này có một trăm phép tính nhân, làm xong tôi cho em một màu... chỉ được chọn màu em thích nhất thôi nha.”

Một giây lúc ấy tôi thấy mình giống Andemund kinh khủng.

Tranh cướp cấn xé húc đầu... không ăn thua, thằng nhỏ đành hai mắt lờng lờng ngoan ngoãn ngồi làm bài. Giờ nhớ lại tôi đặc biệt thích cảnh tượng lúc ấy: tôi ngồi trên cái ghế tựa lưng cao trong phòng đọc sách nhà Bradley, vắt chân nhìn thằng nhỏ mơ mộng thành họa sĩ làm toán. Bàn học gỗ lim rộng thênh thang, nhóc con mới tám tuổi, người ngợm nhỏ xíu, tay cầm bút mặt đầy ăm ức. Bậu cửa sổ đặt một chậu hoa kim tước vàng, lá lay lay trong gió.

Tôi hỏi nó: “Em tên gì nhỉ?”

“Joe Bradley.” thằng nhỏ hậm hực đáp.

Tôi giở mấy bức vẽ nguệch ngoạc trong tay, giở một cái lên: “Cái hình tam giác ở dưới có hai cái que này là gì?”

“Váy bạn Jenney lớp tôi, bị gió thổi tốc lên.” nó thất vọng nói: “Nhưng mà tóc có một tẹo, chẳng thấy gì bên trong cả.”

“Em ngồi xổm xuống sẽ thấy hết.” tôi bảo nó. Hồi bé tôi làm vậy hoài.

Thằng nhỏ tròn mắt ngạc nhiên: “Anh họ em cũng bảo thế!”

Tôi lại lật lật coi tiếp đồng tranh trừu tượng, cố gắng lôi ra một tấm khả dĩ: “Ừm, hình vẽ cặp kính này được lắm. Một đoạn thẳng nối hai hình tròn... này đây là cái kính đúng không?”

Thằng nhỏ ngẩng đầu nhìn bức tranh, lại khinh khỉnh đáp: “Đây mà là cặp kính? Anh họ em đấy.”

Con nít tư duy trừu tượng đến tầm cỡ này mà lại học dốt toán. Tôi nghĩ đây cũng hẳn là kỳ tích.

Định kỳ mỗi tuần tôi tới đây bổ túc toán học cho cậu trẻ Bradley hai buổi. Thằng nhỏ hư đốn vẽ những vẽ cuội cả ngày, mà động nói đến làm toán thì mặt buồn rười rượi, ngồi cắn bút đến tội nghiệp. Nó rất có tài năng thiên bẩm, làm bài nhanh như chớp, năm mươi phép tính nhân sai để đến bốn lăm con. Thời gian tôi chạy đi tìm nó lòng vòng quanh nhà còn gấp vài mươi lần thời gian ngồi dạy nó học.

Hết cách, tôi đành vác một đồng giáo trình phác họa Edgar để lại đến gặt nó, bảo nó học toán dốt đừng hòng làm họa sĩ.

“Tin anh đi, bạn anh là họa sĩ lừng danh ở quận Cambridge đó.” tôi thề thốt với nó.

Thằng nhỏ tin thật, bắt đầu xòe tay đếm: “Lúc vẽ tranh cần tính tỷ lệ nè, cần tính không gian lập thể nè... Alan, lập thể là gì hở?”

Tôi đánh điện hỏi Edgar, cậu ấy hồi âm cực nhanh: “Bạn yêu à, đúng là lập thể cần tính toán không gian thật, nhưng con người ta mới tám tuổi thôi... cậu dạy nó thuộc bảng cửu chương đi đã.”

Thằng nhỏ lâu lâu cũng do dự hỏi: “Nhưng mà anh họ em có người bạn học toán nhé. Ảnh nói anh đó đẹp trai lắm, mỗi tội ngày nào cũng bê tha ngồi trong xó nhà làm bài.”

Joe Bradley bị gã anh họ ấy đầu độc vô cùng nghiêm trọng. Hôm đầu nó bảo tôi giống con gái, chính thị là vì ông anh đã dạy nó, “Đẹp hơn con trai tức là con gái.” nghe đồn anh nó làm việc cho chính phủ, có một thằng bạn chuyên toán rất bê tha, và hồi xưa vì tán gái mà từng bị tướng quân xách ba-toong đuổi ra khỏi cửa.

Tôi vẫn tò mò gã ấy rốt cuộc là ai, cho đến một bữa tôi lại đi qua nửa Cambridge, đẩy cửa phòng đọc sách, và thấy một cặp kính gọng vàng trên mặt bàn.

Cuối cùng tôi đã hiểu vì sao thằng nhóc lại vẽ anh nó thành một cặp kính mắt.

Arnold nằm ngả trên ghế xoay cạnh bàn học, thằng nhỏ ngoan ngoãn ngồi xổm dưới chân anh ta. Gã bác sĩ tâm lý hí hí hai mắt, ngắm nghía bức tranh trừu tượng của thằng em, miệng lầm bầm oán thán: “Phân tích định lượng, phân tích định lượng... khó khăn lắm mới được kỳ nghỉ, Andemund anh tính cho tôi một chết rồi lên gặp Thượng Đế luôn sao? Dân số học toàn bọn biến thái.”

Anh ta lười biếng ngóc đầu dậy nhìn ra cửa, rồi cũng ngẩn người.

Lúc đó tôi đã dạy học ở đây được ba tháng, đang giữa mùa đông, bên ngoài tuyết rơi nặng hạt. Tôi cởi cái áo khoác bám đầy tuyết, treo lên giá, bước tới ngồi cạnh lò sưởi hơi tay, hết nửa ngày mới đỡ run giọng nói: “Arnold, lâu quá không gặp. Tôi là gia sư của Joe.”

Arnold kinh ngạc mất một hồi lâu, rồi mừng rỡ chồm đến ôm tôi: “Alan, tôi cứ tưởng chúng ta vĩnh viễn không gặp lại nhau nữa rồi chứ.”

Edgar nhập ngũ vào cuối mùa hè, sau đó thì tôi quyết tâm noi gương cậu ấy, chôn sâu tình cảm với Andemund trong tim. Andemund sẽ giống như bức tranh đẹp nhất của riêng tôi, nhưng lúc này tôi phải khóa nó lại, cất thật kỹ vào kho báu. Tôi nói với mình rằng, tôi phải nhớ về quãng thời gian chúng tôi ở bên nhau như nhớ về một người bạn cũ, để rồi tiếp tục cuộc sống bình thường như tất cả mọi người. Những lúc không đến phòng sinh hoạt câu lạc bộ số học hay đi dạy, tôi sẽ tới quán bar thường tới trước khi gặp Andemund, gọi một ly rượu táo ngồi ngắm các em bồi bàn mặc váy ca-rô. Ngắm đến khi các em không thèm lượn qua lượn lại trước mặt tôi nữa thì thôi.

Bởi vậy suốt mùa thu Arnold không tới tìm tôi đi uống cà phê tâm sự nữa, tôi cũng đã nghĩ chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau.

11. Chương 11

Tôi kinh ngạc hỏi Arnold: “Không phải anh họ Visco hả?”

Lúc ấy tôi đang tay dứt túi quần, đứng dựa thanh vịn lan can lầu hai, sốt ruột đợi thằng nhỏ làm bài tập. Arnold bung bữa trà chiều lên, dừng lại đứng tựa cạnh tôi. Ánh mắt anh ta lướt trên những bậc thang trải thảm đỏ dày dặn, rồi lạc tới tủ đồng hồ quả lắc cổ kính và mấy món đồ sứ trong đại sảnh lạnh lẽo.

Tôi nghe tiếng anh ta thở dài: “Mẹ tôi là con gái độc nhất của tướng Bradley, gả cho hầu tước Visco, tướng Bradley là ông tôi. Hôn nhân gia tộc, chuyện bình thường mà.”

Nếu giờ “Lịch sử chiến tranh Anh Quốc” ra sẽ dễ dàng thấy cái tên dòng họ Bradley xuất hiện khắp nơi, ông tướng già Bradley tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoàng gia Anh Sandhurst, từng được bồi dưỡng tại Trung tâm Tham mưu Camberley, tham gia thế chiến hai mươi năm trước và cả cuộc chiến Ireland, từng suýt hy sinh ở đó. Arnold nói tôi biết: “Lúc tôi quyết định nhận lời mời tới trang trại Plympton của Andemund, bố và ông tôi khóa cửa nhốt tôi trên lầu một tuần... họ muốn tôi vào lực quân. Cậu biết đấy, quan hệ gia đình...”

“Thế sao sau anh vẫn vào trang trại Plympton?”

Arnold nói: “Ngài Garcia đích thân tới đây, nói rằng cơ quan tình báo cần một chuyên gia phân tích tâm lý. Ngài ấy nói chuyện trong sảnh dưới lầu với ông cụ tôi năm phút, đã có người lên mở cửa thả tôi ra.”

Hoàn cảnh Arnold vô cùng phức tạp, mỗi lần nhắc tới Andemund anh ta luôn dùng từ “ngài Garcia” một cách tôn kính. Như thể Andemund đại diện cho một thế lực vượt bậc nào đó, nắm giữ những quyền uy tôi không bao giờ được biết đến.

Anh ta trở vào phòng đọc sách: “Tôi đang trông cậy cậu sẽ dạy dỗ thằng em tôi tử tế chút, nếu không không biết lúc nào tôi lại bị ông cụ lôi từ Plymton về bắt kết hôn.”

Tôi tính nói cho anh ta biết hôm qua thằng nhỏ làm năm chục con tính chỉ đúng có mười lăm con, chớ hy vọng nhiều.

Arnold hỏi tôi sao phải tới đây làm gia sư. Tôi nhún vai: “Lạm phát, không trả được tiền nhà... trước khi nhận việc ở đây tôi đang nợ hai tháng tiền nhà đó, thiếu chút nữa bị bà chủ nhà đuổi cổ rồi.”

“Ngài Garica không trả phí chia tay cho cậu hả? Ông giàu vậy mà, cậu đòi đại một khoản có phải ảm rồi không.” Arnold nói vô tội: “Tôi đã bán gái xong toàn trả tiền thôi.”

Tôi bực mình: “Đẹp, để tôi trả tiền tôi đã ông.”

Đột nhiên anh ta như chợt nhớ ra chuyện gì: “À phải, lần trước cậu bảo tôi nói ngài Garcia ngài ấy chẳng qua được cái mặt đẹp thôi. Ngài ấy bảo tôi chuyển lời cảm ơn cậu.”

Lâu ngày tôi nhận ra Arnold hề rảnh là đến quận Cambridge. Anh ta ở dầm dề tại dinh thự tướng quân, cách xa người ông tướng quân, cha anh ta và Andemund ở London để ăn chơi đàng *** suốt những ngày nghỉ. Lịch trình nghỉ ngơi của gã bác sĩ ấy có thể tóm lại như sau: mười hai giờ rời giường, ăn trưa với bà (tức phu nhân tướng quân), giữ vững phong độ học giả hào hoa phong nhã. Xế chiều đi quán bar đèn mờ uống rượu, vẫn giữ vững phong độ học giả hào hoa phong nhã, tối ôm các cô em lêu lổng đến tờ mờ sáng, bỏ về nhà ngủ, trưa hôm sau dậy lại trở về phong độ học giả hào hoa phong nhã.

Anh ta còn rủ rê tôi: “Alan cưng à, chiều rảnh thì đi bar Anh Đào với tôi nha? Đàng nào cậu cũng chán ngài Garcia rồi còn gì.”

Lúc ấy Lindon đã chính thức nhận được đặc quyền qua đêm tại biệt thự của Andemund. Thế nên tôi nhận lời mời của bác sĩ Visco một cách rất chi đương nhiên.

Vẫn quán bar đèn mờ lần trước anh ta đưa tôi đi. Tôi ngồi cạnh quầy chòng ghẹo em pha rượu xinh xẻo, anh ta cầm ly Blue Margarita lách trong đám đông, neho mắt tìm người đẹp. Tôi chống tay trên quầy bar, nốc thứ rượu không rõ mùi vị cho đến khi em pha rượu gọi người lôi tôi quảng ra ngoài. Arnold ôm một cô em nóng bỏng đi ra, nhìn tôi ngạc nhiên: “Cậu cũng tán ngài Garcia kiểu này hả? Cứ mặt dày quần lấy người ta thôi á?”

Tôi chống tay đứng dậy, nhướn mày: “Làm sao?”

“Tôi không biết ngài Garcia dễ đổ dữ vậy.” Anh ta gật gù: “Nè Alan, hay cậu thử tán tôi đi? Nhưng tôi cuộc là tôi không đổ đâu.”

Giờ học hôm sau, tôi hằm hè bảo thằng nhỏ nếu bà nó hỏi ban ngày anh họ đi đâu, cứ mách bà ông tới bar Anh Đào.

Thực ra, còn rất nhiều điều Arnold không biết.

Ví dụ như việc tôi giúp Andemund giải mã S, tôi giải hộ Lindon những mật mã cậu ta không thể giải nổi. Hàng tháng Lindon đều trích một khoản tiền lương của mình cho tôi. Tôi thiếu tiền gần chết, nhưng tài khoản của Lindon bị cơ quan tình báo khống chế, mọi giao dịch đều bị kiểm soát vậy nên số tiền cậu ta có thể chuyển cho tôi mà không bị nghi ngờ là vô cùng ít ỏi.

Hay ví dụ như việc không cần phương trình, tôi và Andemund vẫn có thể giải một phần các thông điệp mã hóa bằng “Mé”.

Vấn đề lớn nhất khi giải mã “Mé” là phải tìm được điểm bắt đầu của ba vòng chuyển hoán. Có tổng cộng 1058 691 676 442 000 khả năng, chúng tôi chỉ cần đúng một điểm trong 1058 691 676 442 000 khả năng ấy.

Việc ấy giống như tìm một vì sao giữa vũ trụ hỗn mang, hay tìm một hạt cát thích hợp trên bờ biển dài ba km.

Thật ra đó là một sự tình cờ. Một hôm tôi chán đời ngồi xổm trước cổng thư viện ngắm các em nữ sinh hiếm hoi của Cambridge dạo qua, tự dừng nghĩ đến bàn phím mã hóa “Mê”. Thứ chúng tôi có là máy mã hóa “Mê” dùng trong thương mại, so với máy mã hóa quân dụng vẫn có những điểm khác biệt rất tinh tế.

Andemund nói, người giải mã luôn phải đặt mình vào vị trí của người mã hóa để suy nghĩ. Chúng tôi cần biết tự hỏi đối phương có thể làm gì để tối ưu hóa độ bí mật của thông điệp?

Tôi nghĩ, có khi nào bàn phím đã mã hóa “Mê” không phải loại bàn phím QWERTY của máy chữ thông thường không? Biết đâu đối phương biết chúng tôi sẽ giải mã dựa trên loại bàn phím ấy nên họ đảo thứ tự thành ABCDEF.

Tôi chỉ tiện miệng nói giỡn với Lindon, Lindon lại nói giỡn với Andemund. Và Andemund đi thử nghiệm thật. Một mình anh thử gần một nghìn đoạn tin mã hóa, rút cuộc anh bảo Lindon bàn phím “Mê” thực sự sắp xếp theo trình tự ABCDEF, bảng chữ cái latin, bốn hàng sáu nhóm.

Phương thức sắp xếp bàn phím rất quan trọng, vì thế đầu tiên văn bản mã hóa được nhập vào bằng bàn phím rồi mới xử lý qua vòng chuyển hoán và phản xạ. Nắm được thể thức bàn phím có thể giúp chúng tôi giải được một số mật mã bị khiếm khuyết của đối phương.

Đầu tiên khóa giải mã “Mê” có ba ký tự, chúng quyết định điểm khởi đầu của vòng chuyển hoán. Người có trách nhiệm gửi tin sẽ mã hóa chúng hai lần và phát ngược lại điểm khởi đầu. Ví dụ khóa mã là abc, lần mã hóa thứ nhất cho kết quả SCT, lần mã hóa tiếp theo cho kết quả PIY, vậy đoạn mã sẽ bắt đầu bằng SCTPIY. Chúng tôi hoàn toàn không biết mã khóa nguyên gốc của SCTPIY là abc.

Nhưng có một trường hợp ngoại lệ.

Với một số liên lạc viên cầu thả, mật mã họ gửi đi mỗi ngày luôn là ba chữ cái đầu tiên trên bàn phím, họ liên tục mã hóa abc hai lần. Kể từ khi biết được thể thức bàn phím, Andemund đã biến thái thử mò mẫm dịch được một số mật mã. Trong đám cấp dưới thiên tài của anh có người đặc biệt mẫn cảm với mã morse, họ có thể cảm nhận được từng thói quen đặc thù của những liên lạc viên người Đức. Andemund yêu cầu họ thường xuyên theo dõi những liên lạc viên chuyên sử dụng ba chữ cái đầu, ba chữ cái trên cùng đường chéo và ba chữ cái liền nhau theo phương thẳng đứng làm khóa mã.

Nắm được khóa mã ba ký tự, Andemund có thể giải được một phần nhỏ những mẫu tin mã hóa bằng “Mê”.

Tôi nằm bò trên cái bàn gỗ của thư viện, vẫn không sao tin nổi: “Không ngờ Andemund thử thiệt... ổng tra bằng hết một nghìn bức điện mã hóa luôn...”

Lindon ngồi uống cà phê cạnh tôi, mặc áo khoác lông lạc đà, đáp rất khoái trá: “Mọi đề nghị của tôi ngài Garcia đều sẵn sàng đón nhận.”

Tôi chữa lời cậu ta: “Đó là đề nghị của tôi.”

Mặt mày Lindon đột nhiên méo mó hết sức, mất một lúc lâu sau cậu ta mới nói: “Tôi biết.”

“Nếu thử hết hơn nghìn đoạn tin mà không khớp cái nào ổng có khùng lên không?”

Lindon nhún vai: “Không. Lần trước phương trình cậu đưa ra cũng phải nhập thử hơn một nghìn đoạn mã mà, ngài Garcia chẳng nói gì cả. Ngài ấy còn mời tôi ăn cơm, hỏi tôi có mệt không nữa.”

Với những người có thể lợi dụng, Andemund luôn dịu dàng kiểu đó.

Tôi nhớ đến mẹ tôi, Jane Castor. Khi bà còn giá trị lợi dụng, cục tình báo cũng từng rất rộng lượng với bà. Nhà của chúng tôi ở London rất tiện nghi, ba mẹ tôi thì chỉ nghiên cứu bằng số tiền họ tiết kiệm được trước khi rời bỏ vị trí chứ không làm một nghề gì để kiếm sống. Khi ấy họ còn được tin tưởng, ở cục mật mã họ làm đúng những việc tôi và Andemund đang làm hiện giờ, dùng số học làm vũ khí bảo vệ nước Anh. Cho đến ngay trước khi bị “xử lý” mẹ tôi vẫn không thể vứt bỏ công trình nghiên cứu mật mã của mình, thứ chưa từng mang lại cho bà một đồng nào cả. Bà để lại những ghi chép hết sức chi tiết về phương trình giải mã dạng tiền sinh của “Mê”. Tôi không biết đã xảy ra những gì, nhưng tôi biết dù yếu đuối nhưng mẹ tôi đã vô cùng bền bỉ. Tôi cần phải tiếp tục ý tưởng áp dụng phương trình của bà.

Phương thức giải mã thuộc về tôi hay Lindon không quan trọng, chỉ cần nó có thể làm được giống như mẹ tôi đã làm năm xưa, đưa nước Anh đến chiến thắng trong cuộc chiến mật mã này. Tôi không quan tâm mình có phải là một tảng đá lót đường vô danh dưới bánh xe lịch sử hay không.

Mỗi khi Lindon ở lại Cambridge quá lâu, Andemund sẽ cho sĩ quan phụ tá Peter lái xe đến đón cậu ta về trang trại Plymton. Có một bữa tôi gặp anh ta đứng đợi cạnh chiếc xe màu đen che rèm ngoài quán ăn, vẫn mặc đồng phục thẳng thớm, đeo quân hàm sáng bóng, mặt tịnh không có một biểu cảm gì.

Lúc ấy trời đang bay bay tuyết, tôi đi lướt qua thì bị anh ta gọi lại.

Không dừng lại chủ động bắt chuyện với tôi: “Alan, hai lần tôi đến Cambridge đều thấy cậu mặc cái áo khoác này.”

“Lạm phát mà.” tôi nói: “Tôi vẫn là sinh viên, cướp đâu ra tiền.”

Anh ta nói tiếp: “Ngài Garcia bảo tôi lúc nào đó nhấc cậu, nếu thiếu tiền cứ nói với ngài ấy.”

Kết quả là tuần sau tôi ra ngân hàng rút tiền, thấy dưới tên mình từ đâu nhảy ra một đồng số. Quản lý ngân hàng thận trọng thông báo khoản tiền này đến từ tài khoản tuyệt mật của chính phủ, không thể trả lại được.

Andemund lạm dụng chức quyền kiểu này không phải lần một lần hai.

Tôi tức tối bảo Arnold: “Andemund cho tôi một khoản ái tình phí chết tiệt! Mẹ kiếp ông coi tôi là cái thá gì chứ?!”

Arnold đang thử nhiệm thôi miên bằng học trò của tôi, cậu ấm nhỏ nhà Bradley, nghe thế anh ta có vẻ rất hài lòng: “Vây tốt quá, thế là hai người hết thật rồi đó.”

12. Chương 12

Arnold nói qua cặp kính gọng vàng: “Vây tốt quá, thế là hai người hết thật rồi đó.”

Một mình anh ta ăn chơi thì chán, bảo vẫn thiếu một gã hợp cạ để cùng lêu lổng, vậy là tôi rất vinh hạnh nhận lời mời nhập hội với anh ta.

Sáng cuối tuần tôi đến dạy toán cho thằng nhỏ, Arnold ngồi dưới sảnh uống hồng trà đợi tôi. Mùa đông năm đó bọn tôi tha lời nhau qua đủ loại quán bar đèn mờ ở Cambridge. Tôi cũng tán hết một lượt những em pha rượu coi được được trong quán.

Thường tầm chiều tối bọn tôi sẽ tới bar Anh Đào, hai thằng đứng cạnh cửa, xây lưng vào ánh nắng nhạt nhòa ngày đông. Mấy em trong quán chào bọn tôi: “Hi, chàng đẹp trai!”

Đằng nào cũng là ái tình phí của Andemund, tôi xài không tiếc tay.

Tôi uống rượu, nhưng chưa bao giờ giao du với phụ nữ.

Không thể quen được mùi son phấn gay mũi trên người họ.

Mỗi lần Arnold cưa được em nào, tôi sẽ phơ phất đứng dựa quầy bar, giơ ly rượu lên thăm hỏi anh ta qua đám đông.

Nơi này chỉ có người, mùi thuốc lá rẻ tiền, cocktail và những tiếng cười the thé gượng gạo.

Bởi thế tôi chưa từng nghĩ Andemund sẽ đặt chân tới đây.

Tối hôm đó ngoài trời mưa rét, gió lạnh thấu xương.

Arnold và bạn gái đã biến mất khỏi đám đông, có lẽ là lên phòng nghỉ trên lầu bar Anh Đào.

Tôi đứng cạnh quầy bar một mình uống một ly gin pha nước.

Em phục vụ ở quán cà phê trước kia thường ghé cũng vào đây trú mưa. Đó là một cô em xinh đẹp, vẫn mặc nguyên váy ngắn kẻ ca-rô đồng phục của quán, mới vào đã sàu đời gọi một ly rượu táo, ngồi uống trên ghế quầy bar. Vừa lúc đó một đám thanh niên đã ngà ngà say xuất hiện, bắt đầu quần lấy chọc ghẹo cô nàng.

Hành động của chúng thật tình quá thô bỉ, được một lát thì tôi nhin hết nổi bước lại chỗ chúng, đứng chen vào chắn trước mặt cô em.

Tôi cởi ba cúc áo sơ-mi để lộ khoảng ngực coi cũng tạm, vẩy vẩy chân nói với bọn lưu manh: “Đây là bạn gái tao...”

“Sarah.” Cô em thì thầm sau lưng tôi.

“Ồ, đây là bạn gái tao, Sarah.”

Lập tức bọn nó xông lên. Một thằng tay chân xăm trổ thui cho tôi một cú giữa bụng, tôi đâm lại rút răng thẳng mập cạnh nó. Chưa kịp định thần lại ăn một đám vào mặt, phút chốc tôi đã nghe mùi máu tươi ứa trong miệng.

Có Arnold ở đây thì tốt biết mấy, khổ nỗi giờ chỉ có mình tôi quần nhau với lũ này.

Tôi xô thẳng mập bật ngửa ra sau, cả đám khách cũng bị dạt ngã theo nó.

Bọn tôi đánh nhau rõ ồn ào, nhiều khách trong quán đã bỏ chạy còn bọn bồi bàn vẫn chưa thấy đâu.

Thế nên khi Andemund xuất hiện bar Anh Đào hầu như trống trơn.

Cửa chính đột nhiên bật mở, gió lạnh nhân cơ hội thốc vào quán.

Andemund đứng trên bậc thang chật hẹp ở lối vào, quét mắt nhìn khắp tầng ngầm quán bar.

Anh ấy không mang dù, áo khoác da màu đen nhỏ nước tong tong, tóc dãn mượt trên trán.

Andemund rất gầy, dáng người ngấm sũng nước mưa trông lại càng trơ trọi, nhưng cái nhìn của anh vẫn mang một vẻ cao ngạo đầy quyền lực.

Lúc ấy áo tôi đã rách te tua, cúc đứt gần hết, mặt bê bết máu, một bên mắt bầm tím sưng vù.

Mà năm gã đối thủ của tôi cũng chẳng khá khẩm gì hơn.

Thể hiện đúng tinh thần anh hùng cứu mỹ nhân, từ đầu tới cuối tôi vẫn nắm chặt tay em phục vụ.

Andemund nhìn đến tôi, không nói gì. Anh bước xuống bậc thang, đầu tiên là thui cho thẳng mập đứng gần đó một cú, rồi xoay người đá văng thẳng xăm mình định nhảy vào cứu đồng bọn. Lần đầu tiên tôi thấy Andemund đánh nhau. Động tác của anh ngắn gọn dứt khoát phát sợ, cú nào cũng đặc biệt chuẩn xác, luôn đánh trúng điểm yếu của đối thủ như hàm dưới hay yết hầu. Những chỗ ấy mà trúng đòn thì vừa đau khó nói vừa tiêu hết sức chống cự...

Lúc Andemund trở tay bẻ quặt cổ tay một gã, tôi nghe được rõ ràng tiếng xương gãy răng rắc.

Giờ thì tôi ý thức được anh đúng là sếp MI-6.

Ngày trước ở cùng nhau tôi cứ nghĩ mình đang bảo vệ Andemund.

Ra không phải thế.

Anh đá cú chót vào năm thằng bất động trên sàn, rồi bước về phía tôi.

Tôi thấy Andemund nhếch môi, nhưng cặp mắt màu lục tuyệt nhiên không hề cười: “Bảo vệ bạn gái hả?”

Một giây lúc ấy tôi cứ như bị ma ám. Tôi chỉ muốn làm tổn thương anh.

Tôi đáp: “Ồ, cảm ơn anh.”

Mớ tóc mái màu vàng kim nhạt dính thành từng dải trên trán anh, áo khoác vẫn nhỏ nước tong tong như cũ.

Tôi còn chưa kịp phản ứng, anh đã cho tôi một đám. Lại chính giữa bụng.

Không hề đề phòng, tôi đau đến ngồi thụp xuống sàn. Mắt nẩy đom đóm.

Tôi nghe thấy Andemund nói với em phục vụ sau lưng tôi, giọng anh ấy rất nhẹ: “Chia tay với cậu ta đi. Cậu ta là đồng tính luyến ái.”

Sau đó ảnh luồn tay xốc tôi dậy, lôi tôi khỏi quán.

Andemund không lái xe, bọn tôi lếch thếch đi bộ trên con đường dài tối thui giữa trời mưa xối xả.

“Xe anh đâu?”

“Không đi.” Andemund nói: “Anh không muốn bị theo dõi.”

Tôi cười khở: “Mưa to thế này xe thì không đi, anh đến đây làm gì hả? Đồ điên.”

Tiếng anh ấy hầu như bị chìm trong tiếng mưa: “Anh đến tìm em.”

Tay tôi bị trật khớp, toàn thân thương tích, mưa lạnh làm tôi run bần bật, dọc đường hầu như phải nhờ Andemund dìu đi. Ảnh để tôi dựa vào hiên cửa khu nhà tôi trọ, đưa tay coi như nhẹ nhàng quệt bớt nước mưa và máu lẫn lộn trên mặt tôi, kiểm tra vết thương cho tôi.

Andemund nhìn tôi: “Giá áo khoác của anh khô thì đã để em mặc tạm.”

Tôi nhổ cục máu bầm trong miệng: “Lưu manh ẩu đả thôi. Cảm ơn anh đã giúp tôi.”

Đột nhiên anh ấy lôi tôi dậy, đẩy tôi lên cột trụ hiên cửa thẳng đứng. Hệt như lúc đắm tôi ở quán bar, không báo trước lấy một tiếng. Lưng tôi va vào lớp đá lát rần đánh đau muốn trợn mắt.

Andemund cúi xuống hôn tôi.

Tay anh ấy nắm mớ tóc ướt rượt của tôi, toàn thân đè trên người tôi. Mặt tôi đã bị đánh không còn ra hồn gì nữa, vậy mà ảnh còn nghĩ chuyện hôn được.

Đầu tiên ảnh chỉ mơ hồ chà môi trên môi tôi, tôi cảm giác được máu khô trên khóe môi tan dần dưới hơi ẩm của anh ấy, miệng lại đầy mùi máu tươi. Andemund vốn ưa sạch sẽ, tôi cứ nghĩ anh ấy sẽ buông ra, ai biết đâu ảnh nhẹ nhàng mút lấy vệt máu trên môi tôi, môi chúng tôi chỉ kịp rời nhau một quãng ngắn, ảnh nheo mắt mỉm cười với tôi.

Tôi thấy anh ấy nuốt sạch chỗ máu vừa liếm trên môi tôi.

“Biến thái.” tôi nói.

Ảnh vẫn cười cười, cúi đầu.

Tôi ngoảnh mặt đi, ảnh giữ cằm bắt tôi quay lại.

Đầu lưỡi trong khoang miệng lại dịu dàng khiêu khích, mỗi lần chạm tới vết thương Andemund lại cố tình nắn nã thêm một chút. Tay anh ấy vẫn túm tóc tôi, trán tôi dán với trán anh ấy. Mới đầu khoang miệng còn nồng mùi máu tươi quện cùng vị tanh ngọt khó diễn tả, dần dà cảm giác tê dại say mê đã đến. Đến khi Andemund mút lấy đầu lưỡi tôi, tôi bắt đầu thấy nghẹt thở, tay chân mềm nhũn, tim đập thành thành như muốn vọt khỏi ***g ngực.

Tôi cắn được lưỡi anh ấy, Andemund buông ra, hỏi: “Không muốn sao?”

Tôi đáp: “Em tưởng ta xong rồi.”

Cạnh hàng rào sắt trong vườn mắc một bóng đèn khí, gương mặt thanh tú của Andemund chấp chờn bởi ánh đèn trước mắt tôi.

Anh ấy chống tay vào cái cột, giam tôi trong khoảng không nhỏ hẹp giữa cơ thể anh ấy: “Anh nhớ rằng anh đã nói rồi, bỏ anh không có nghĩa là em được đi tìm người khác.”

Tôi vẫn cho rằng chuyện chia tay là Andemund khơi mào trước. Ảnh khéo léo cho tôi biết sự thật về cái chết của cha mẹ tôi, ngầm ám chỉ tốt hơn hết bọn tôi đừng gặp nhau nữa. Nhưng mỗi lần ảnh nói “bỏ anh” nghe cứ như thể tôi phải chịu trách nhiệm về tất cả.

“Anh không tin em, chúng ta chia tay. Em cho là chính anh là người muốn vậy.”

“Anh không tin em, không có nghĩa chúng ta phải chia tay. Alan, cha mẹ em khi còn sống là những nhân vật nhạy cảm, họ từng giao thiệp với gián điệp của Đức.” gương mặt Andemund phút chốc lộ vẻ bi thương: “Vì em nhất định muốn anh tin em, chúng ta mới phải chia tay.”

“Giờ anh vẫn không tin em phải không?”

Andemund lắc đầu.

Tôi nói: “Vậy chúng ta xong rồi. Đời còn dài lắm, tôi sẽ đi tìm người khác, như anh với Lindon thôi.”

Andemund thoáng ngẩn người, tôi nhắc cho anh nhớ: “Không phải cuối tuần nào các người cũng đi hóng gió hả?”

“Bọn anh chỉ là cộng sự, anh thích cách tư duy của cậu ta. Giống như anh đặc biệt tán thưởng quan điểm học thuật của phu nhân Castor. Thế không có nghĩa là anh yêu mẹ em.”

Nhưng khi Andemund nói những lời ấy gương mặt anh ấy phẳng phất chút do dự, như thể đó là một ký ức rất xa xôi rồi: “Bà ấy thật hoàn mỹ, cùng một đôi mắt màu lam xám như em.”

Tôi vùng thoát ra, cái chìa bằng đồng chẳng hiểu sao không thể tra vào lỗ khóa cửa chính được. Andemund theo kịp, ôm ghì lấy tôi từ sau lưng.

Anh ấy nói: “Alan, hôm nay anh phải tới tìm em. Chính phủ muốn dựng một số trạm thu sóng vô tuyến ven bờ Đại Tây Dương, có thể anh sẽ phải đi một thời gian dài. Em sẽ đợi anh chứ?”

“Đến bao giờ?” tôi hỏi anh ấy.

“Đến khi chiến tranh kết thúc.”

Andemund đột nhiên trầm lặng. Tôi ngoảnh đầu lại, thấy hàng mi rậm của anh ấy đang rũ xuống, phủ mờ cả đôi mắt.

“Alan, xin lỗi.” ngừng thật lâu anh ấy mới nói: “Chiến tranh sắp bắt đầu rồi. Dù phần lớn nội các không tin nhưng đây sẽ là một cuộc chiến chưa từng có, toàn bộ châu Âu đều sẽ bị cuốn vào. Đợi đến khi nó kết thúc, anh sẽ rời khỏi MI-6 để ở bên em.”

13. Chương 13

Tay phải tôi bị trật khớp, tay trái không sao lần đúng được ổ khóa. Andemund cầm tay tôi, giúp tôi mở cửa.

Anh ấy ôm lấy tôi từ sau lưng, chậm rãi lần tìm bàn tay trật khớp của tôi, mười ngón đan vào nhau. Cánh tay tôi bắt lực rũ xuống, mặc cho anh ấy nắm. Rồi anh ấy buông bàn tay tôi ra, những ngón tay khê khàng trượt lên theo cổ tay. Động tác của Andemund rất dịu dàng, cách một lần áo khoác, dịu dàng như thể đang yên ủi tôi.

Đến khi anh ấy nắm được khuỷu tay bị thương của tôi, không còn kịp để hối hận nữa.

Andemund đột ngột siết chặt thắt lưng tôi, nói: “Alan, đôi mắt em đẹp lắm.”

Tôi chỉ cảm thấy cơn đau nhức nhối thô bạo lan đi từ tay phải, chân hầu như không đứng vững nữa. Nếu không phải có Andemund đỡ sau lưng tôi đã sớm ngã khụy xuống thềm.

Tai tôi nghe giọng anh ấy bập bùng như hư ảo vì đau: “Khớp khuỷu tay ổn rồi, tạm thời đừng dùng tay này.”

Tôi miễn cưỡng kéo dây bật bóng đèn treo dưới nhà. Bà chủ đã đi ngủ, phòng khách rộng trống trơn. Tôi đau không thở nổi, đành kéo cái ghế đệm hoa văn cổ lỗ sĩ trong góc nhà ra dạng chân ngồi vật xuống rồi chỉ chỗ bên cạnh, ra hiệu cho Andemund vào ngồi.

Nhưng Andemund chỉ đứng dựa khung cửa, không bước vào. Anh ấy mặc áo khoác đen, sau lưng là màn đêm đen tối, nước vẫn nhỏ tong tong từ những li áo, ảnh trông không khác gì ma quỷ thỉnh thoảng đến viếng thăm trong cổ tích.

Anh ấy hỏi tôi: “Alan, em đồng ý đợi anh rồi đúng không?”

Tôi không trả lời anh ấy.

Anh ấy vẫn đứng đó, không bỏ đi, cũng không định bước vào.

Andemund đứng giữa ranh giới tử thần của ánh sáng và bóng tối, chìa tay mời gọi tôi.

Tôi chưa từng được thấy sự nghiêm túc đến thế ở anh ấy, thứ biểu cảm gần như khiến tôi tin rằng anh ấy đang đau khổ.

Nếu cho tôi một cơ hội làm lại, để tôi thực sự hiểu Andemund và bản chất tất cả những thứ đang diễn ra lúc này, tôi đã không hề do dự đồng ý đợi anh ấy. Dù đại dương khô cạn, nam thạch mục rữa tôi cũng sẽ vĩnh viễn đứng ở nơi này, đợi chiến tranh kết thúc.

Nhưng khi ấy tôi không biết anh ấy đã sẵn sàng đánh đổi những gì vì lời hứa hẹn đó, tôi chỉ nghĩ đến cảnh anh ấy sóng bước cùng Lindon vào chiếc xe che rèm đậu ngoài thư viện, nụ cười trên môi ảnh hưởng rõ như ánh dương tháng ba.

Tôi tuột cái áo măng-tô ướt sũng ra, vắt lên móc treo: “Cưng à, em hết yêu anh rồi.”

“Em đang nói dối, Alan.”

Bóng đèn đậu thành một điểm tối nhỏ bé bên kia sống mũi thẳng tắp của Andemund. Gương mặt thanh tú của anh ấy trắng bệch vì dầm mưa, tự dưng tôi thấy đau lòng. Tôi tìm một biểu cảm dịu dàng nhất có thể: “Arnold... bác sĩ tâm lý của anh khá lắm. Cưng à, ta chia tay rồi.”

Anh ấy vẫn cố chấp đứng bên cửa, không nhúc nhích. Đến khi tôi quay lưng bước lên cầu thang anh ấy mới lên tiếng, giọng run run khó diễn tả: “Nếu anh xin lỗi thì sao?”

Tôi thở dài: “Vô ích.”

Tôi đốt lò sưởi trong phòng cháy hừng hực, thay một bộ đồ khô, rót nước nóng uống một viên aspirin. Cánh tay vừa được nắn khớp lại rưng rức, tôi ngồi đọc một tập thơ Yeats bằng ánh lửa lò sưởi.

Cuốn này là Andemund tặng tôi hồi chúng tôi còn ở bên nhau, chữ in hoa hoa mỹ, trang bìa lót viết tên hai chúng tôi bằng mực màu lam. Tôi không rõ sở thích của Andemund lắm, ảnh có cả một giá sách chất đầy những cuốn bìa cứng dày cùi, toàn những tác giả đã chết ít nhất một trăm năm trước. Tôi cũng không đọc thơ, nhưng ảnh cứ nhất quyết bắt tôi cầm cuốn này bằng được.

Bài đầu tiên là “Khi em đã già”.

Khi em đã già, mái tóc điểm bạc

Một mình em bên bếp lửa, cúi đầu

Em mở cuốn sách này, hãy đọc thật lâu

...

Biết bao kẻ yêu vẻ tươi vui trong phút chốc

Yêu vẻ đẹp của em, giả dối và chân thành

Nhưng chỉ một người yêu tâm hồn hành hương của em

Và yêu nét buồn đổi thay trên gương mặt.

...

Rất lâu sau đó không gian hoàn toàn tĩnh lặng, trong phòng chỉ nghe tiếng gỗ cháy lép bép và tiếng mưa rơi ngoài cửa sổ. Nghĩ Andemund đi rồi, tôi cầm sách xuống lầu khóa cửa. Nhưng anh ấy vẫn đứng đó, cố chấp chôn mình trước thềm nhà, bình thần nhìn tôi xuyên qua hiên cửa.

Một hồi lâu Andemund mới lên tiếng, giọng trầm trầm vẫn như chìm trong tiếng mưa.

“Alan, anh chỉ cần một lời hứa của em.”

“Mùa hè năm nay em sẽ tốt nghiệp, anh sẽ để em vào trang trại Plymton chứ?”

Lại một khoảng trầm lặng: “Không được.”

Tôi đứng trên cầu thang, đột nhiên cảm thấy thật khổ sở.

Anh ấy không thể tin tôi... nhưng lại muốn tôi đợi anh ấy.

Tôi bước xuống, chìa cuốn sách trên tay cho anh ấy.

“Cái này là anh cho em, vậy là chúng ta hết thật rồi.” Tôi nghe chính giọng mình nói: “Anh biết em chưa bao giờ thích thơ cả.”

Andemund không gờ tay cầm lại cuốn sách. Ánh mắt màu xanh sẫm vẫn bám trên gương mặt tôi.

Anh ấy nói: “Alan, trước kia anh đã nghĩ rằng, dù chúng ta không thể ở bên nhau, hy vọng em vẫn sẽ giữ cuốn sách này.”

Tôi cúi xuống, đặt nó dưới chân anh ấy.

“Alan, anh phải chịu trách nhiệm với tổ chức của anh. Em là một nhân vật nguy hiểm cần giám sát, anh chỉ đang làm mọi việc để em không phải biết đến sự thật, anh sẽ không để em đau khổ.”

“Sự thật nào?”

Đột nhiên Andemund á khẩu.

Anh ấy thở dài, chậm rãi quay lưng bỏ đi, bóng dáng dần dần biến mất trong màn mưa.

Anh ấy không lái xe, tôi không biết anh ấy tới bằng gì, cũng không biết anh ấy đã đi như thế nào.

Sáng hôm sau bà chủ nhà xuống mở cửa thì thấy tập thơ Yeats nằm lặng thinh trên thềm đá trước hiên. Không biết Andemund đi vội vàng để rơi ở đó hay anh ấy đã quay trở lại, đặt nó trước nhà chúng tôi.

Dù chuyện gì đã xảy ra, tôi bây giờ không thể biết được. Tôi đã đánh mất cơ hội cuối cùng để hỏi anh ấy rồi.

Hôm đó Arnold vừa cười tủm tỉm vừa băng bó cho tôi.

“Ngài Garcia bảo tay cậu bị trật khớp.” trông anh ta có vẻ rất hả hê: “Nghe nói là tán gái bậy bạ nên bị tui nó tấn cho hả?”

“Tôi là anh hùng cứu mỹ nhân đó.” tôi xì mặt.

Arnold dùng bông chấm cồn i-ốt sát trùng giùm tôi, miệng ngâm nga: “Ái chà, ngon đây, quả mắt này của cậu phải bầm một tuần là ít.”

Cánh tay trật khớp của tôi thì phải đeo băng vải tòn ten trên cổ.

“Ngài Garcia xử lý tốt lắm, ba tuần là khỏi hẳn thôi.”

Tôi hỏi anh ta: “Anh không phải bác sĩ tâm lý hả?”

Arnold đẩy cặp kính gọng vàng lên: “Bé Alan ơi, bác sĩ tâm lý cũng là bác sĩ chứ bộ.”

Chuyện này cứ thế dừng ở đó. Bởi vì dù nó có kết thúc hay không, chiến tranh cũng sẽ quét nó rơi khỏi sân khấu cuộc đời.

Andemund đã đứng.

Mùa xuân năm 1939 kết thúc, mùa hè cũng trôi qua, không một ai nghĩ rằng chiến tranh sẽ tới.

Lễ tốt nghiệp mùa hè của chúng tôi vô cùng long trọng, đình đám.

Rốt cuộc mùa thu dịu dàng và tàn khốc đã đến.

Ngày 1 tháng 9, Đức phá vỡ Hiệp định Munich, xâm lược Ba Lan.

Ngày 3 tháng 9, chúng tôi tuyên chiến với Đức.

Nhưng chiến tranh vẫn chỉ tồn tại trên đài phát thanh, thứ chúng tôi cảm nhận được bằng mắt bằng tay mình chỉ là lạm phát và suy thoái.

Quân Đức chặn đứng nguồn cung cấp đường biển của chúng tôi, tàu ngầm của chúng tôi kích tàu hàng của chúng tôi trên biển.

Hai tháng sau khi khai chiến, bà chủ nhà bắt đầu lèo nhèo với tôi rằng đường viên mắc mớ lắm rồi, một tách cà phê chỉ được bỏ một viên nhỏ thôi.

Lượng xăng bán ra bị hạn chế, số ô tô riêng trên đường thưa dần.

Tôi bắt đầu tìm việc làm. Nhưng ngoài phổ nhàn nhàn người thất nghiệp, những gương mặt ủ rũ tuyệt vọng xuất hiện khắp mọi nơi.

Trên đường về nhà tôi thấy rất nhiều người biểu tình mặc đồ đen tuyền. Đám đông tập hợp thành đội trùng trùng điệp điệp, ai nấy đều giơ cao lá cờ chữ thập ngược, miệng hát bài ca của Đảng Nazi.

Vô ý đụng ngã một người trong số họ, tôi cụp rạp xin lỗi.

Anh ta nghiêm mặt nhìn tôi: “Chủ nghĩa Nazi muôn năm, nước Anh muôn năm!”

Tôi kéo người qua đường lại hỏi: “Họ là ai thế?”

“Quân Áo Đen! Liên minh Anh – phát xít!” Người bị tôi lôi lại kinh ngạc đáp: “Anh không biết hả? Họ đang đòi ta đàm phán hòa bình với Đức đó...”

Chủ tiệm cà phê Lucy Poly vẫn phì phèo thuốc lá phàn nàn với đám khách vãng lai: “Toàn là tội của bọn Do Thái. Nếu người Do Thái không hùn cho lắm tiền vào Ba Lan đời nào nước mình ký cam kết chiến tranh với Ba Lan? Ngày trước chẳng chính bọn Do Thái phá hoại kinh tế Đức là gì... mà nói luôn nhé, riêng tôi là không có thành kiến với Hitler đâu.”

Xã hội bấy giờ chính trị rối loạn, những tin đồn ập đến từ khắp mọi nơi. Không ai đoán trước được năm sau sẽ ra sao, thậm chí họ cả ôm hy vọng bầu vùi vào Nazi.

Mà Andemund của tôi... vẫn cách xa tôi hàng ngàn ngàn dặm.

Lindon nói với tôi, hệ thống mật mã tàu ngầm Đức đã bắn hạ tàu chở hàng của chúng tôi sử dụng chính là “Mê”.

Giờ Lindon là người phụ trách văn phòng số 1. Lần đầu tiên cậu ta chạy đến Cambridge giữa giờ làm, chặn đường tôi giữa thảm cỏ King’s College.

“Biết làm sao nữa, ngài Garcia đi công tác bí mật rồi.” cậu ta kéo tôi ra ngồi băng ghế ven đường, hai mắt sáng long lanh: “Alan, tự tôi giải được ‘Việt Quất’ rồi! Đột nhiên tôi nghĩ không có cậu tự tôi cũng có thể làm được hết!!”

“Tôi nhớ nó là mật mã cấp A của Ý hả.”

“Đích thân ngài Garcia bảo nó là cấp A đó.” cậu ta nói.

“Vậy từ sau đừng tới tìm tôi nữa.” tôi liếc mắt nhìn cậu ta: “Có tiền không? Tôi hết tiền đi bar rồi.”

Cậu ta miễn cưỡng móc ví ra: “Đi bar làm gì?”

“Tán gái.” tôi ngập dãi, “Không cho thì lần sau đừng nhờ tôi giúp.”

Lindon lâu bầu xòe tiền cho tôi.

Thực ra tôi không đến để tán gái, chẳng qua gần đây đã quen hằng ngày cầm mấy tờ báo tới một quán bar vắng người, tìm một bàn cạnh cửa sổ để ngồi rồi lôi giấy nháp ra tính toán. Tôi thích nghe tiếng chuông gió treo ngoài cửa quán bar, lạnh canh êm ái.

Ngoài tìm việc, tôi dồn hầu hết thời gian và sức lực vào “Mê”.

Tôi không biết ai đã sáng tạo ra nó và kẻ đó đã giấu khóa giải mã ở đâu.

Tôi chỉ biết, nếu tôi và Andemund là thiên tài thì người phát minh ra “Mê” là thiên tài của những thiên tài!

Khốn nỗi lúc này mười xu một ly rượu gin, tôi càng ngày càng nghèo kiệt.

Không còn Andemund, không có ai cho tôi tham khảo ý kiến, chỉ còn cách một mình mày mò tính toán suy diễn. Trước kia tôi quen nghĩ ra đủ ý tưởng, vứt cho anh ấy nghiệm chứng, đến giờ tự mình phải nghiệm chứng lại tôi mới nhận ra tính ngắn gọn ấy số rồi sẽ thành biến thái thật luôn.

Không có Andemund, tôi không tin mình có thể giải được nó nữa.

Từ khi chiến tranh bắt đầu, Arnold cũng không còn nhiều thời gian lêu lổng. Dù lâu lâu anh ta vẫn tới bar Anh Đào tìm gái tôi cũng chẳng thể long nhong đi cùng anh ta được nữa, cả giờ dạy cho thằng nhỏ hư đốn cũng phải dời tới dời lui.

Một buổi sáng tháng mười một, con cáo ấy lại rảnh rỗi đến xách tôi khỏi quán bar, chất vấn tôi tại sao không đến dạy em họ anh ta.

“Vì đồng bào thân yêu.” tôi cười bảo anh ta.

Arnold nheo mắt nhìn tôi nghi hoặc.

“Tôi đang viết luận văn. ‘Lý thuyết nhóm’, anh biết đấy.”

“Cái luận văn cậu viết bao nhiêu năm nay hả... mà nó là cái quỷ gì mới được?”

“Anh sẽ không thích nghe đâu.” tôi đáp rất chi thiếu thiện chí: “Hoán vị nhóm, tính đối xứng... tôi đang viết luận văn về những ứng dụng sâu của chúng.”

Đợi đã?!

Lý thuyết nhóm?

Giống như ta lê mồn gót khắp thế gian để tìm một nàng thơ, thì ra nàng thơ ấy lại đang ngồi trong chính nhà ta uống trà chiều.

Một giây lúc ấy tôi đã ngơ ngẩn dưới ánh dương nhạt nhẽo cuối thu.

14. Chương 14

Giống như ta lê mồn gót khắp thế gian để tìm một nàng thơ, thì ra nàng thơ ấy lại đang ngồi trong chính nhà ta uống trà chiều.

Một thời gian dài tôi và Andemund cầm đầu bới tung đồng khả năng phức tạp lộn xộn, ra sức tìm kiếm điểm khởi đầu của ba vòng chuyển hoán mỗi ngày. Bọn tôi nhấn chìm đầu óc mình vào mớ lý thuyết mật mã học quá cao siêu mà quên bẵng đi nền tảng cơ bản của nó là số học cao cấp.

Ngày trước tôi bắt đầu nghiên cứu “Lý thuyết nhóm” bởi vì người phát hiện ra nó là thiên tài số học Pháp, Galois.

Ông ấy phát hiện ra lý thuyết nhóm năm mười chín tuổi.

Hai mươi tuổi ông ấy chết trong một cuộc đấu súng ngầm liên quan đến chính trị.

Một ngày trước cuộc đấu súng, ông không lo sợ, cũng không nhả nhủ lại một lời nào cho mẹ và vợ mình, thay vào đó ông ấy viết thư đêm. Ông viết lại mọi thành tựu của mình về số học rồi trao cho người bạn duy nhất cùng với một bản luận văn. Sau này người ta nhận thấy bên lề những trang nháp cuối cùng của mình, ông ghi chỉ chút mấy chữ... “không đủ thời gian rồi”.

Mười bốn năm sau người ta mới lý giải được khái niệm “lý thuyết nhóm” ông đưa ra và nhận ra rằng chúng có thể lý giải triệt để bài toán giải phương trình bằng căn thức từng khiến bao nhà số học đau đầu suốt mấy trăm năm.

Chỉ là khi ấy nhà số học kiệt xuất nhất thế giới đã vĩnh viễn yên nghỉ ở tuổi hai mươi.

Ông ấy chỉ mới nghiên cứu số học đúng năm năm.

Đầu tiên chỉ vì hiếu kỳ, tôi bước vào lĩnh vực của Galois. Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng đó chính là chìa khóa mở cánh cửa “Mê”.

Vì thực chất “Mê” chính là một nhóm hoán vị bởi vòng chuyển hoán và hai mươi sáu chữ cái.

Nếu xây dựng phương trình từ giác độ lý thuyết nhóm thì phương trình ấy hoàn toàn có thể giải được.

Thực ra mà nói dù đi tới bước ấy tôi cũng chưa thể dịch được nó. Chuyện này giống như người ta đều nói mọi con đường đều dẫn tới La Mã, chỉ là chẳng mấy ai thực sự đặt chân được tới đó... đơn giản vì những gì cần tính toán là một con số khổng lồ.

May mắn là trước kia tôi đã phát hiện ra một nhược điểm trí mạng của “Mê” – vòng phản xạ.

Cách thức củng cố quy trình mã hóa của vòng phản xạ hoàn toàn đồng nhất. Nói cách khác nếu chữ cái A qua vòng phản xạ được phản xạ thành B, thì ngược lại kết quả phản xạ chữ cái B qua vòng phản xạ hiển nhiên sẽ là A. Điều này khiến các nhóm hoán vị chữ cái trở nên đối lập nhau, giúp chúng tôi đỡ được rất nhiều phép tính.

Từ ngày ý tưởng lóe lên rồi bỏ rơi Arnold lại quán bar cho đến khi tôi thực sự tìm ra được phương pháp giải mã chắc khoảng một tháng.

Tháng sau nữa tôi gọi điện cho Lindon, đầu dây bên kia cậu ta miễn cưỡng lên tiếng: “Alan, tôi bận lắm, tôi đang phải giải...”

Tôi nói luôn: “Giải được “Mê” rồi. Qua đây luôn đi, cố mang được càng nhiều mã mới chặn được càng tốt.”

Lúc ấy mới chấp tối, mặt trời còn chưa lặn hẳn Lindon đã lái xe jeep quân dụng tới. Cậu ta ôm một chồng tài liệu đồ sộ từ ghế sau, vừa đi vừa thở hồng hộc.

Tôi phán: “Andemund mà biết cậu chôm ngán này tài liệu tuyệt mật ra ngoài dám ổng bắn cậu ngỏm luôn.”

Hai mắt Lindon sáng rực: “Ngài Garcia đi vắng rồi, giờ tôi là người đứng đầu văn phòng số 1. Thiếu tài liệu rồi tôi sẽ nghĩ cách, giờ nói tôi biết cậu giải thế nào đi!”

Tôi cầm giấy bút bắt đầu hí hoáy giải thích, Lindon ngồi một bên nghe. Ở một mức nào đó mà nói, cậu ta cũng là một tài năng số học, chỉ có một vài điểm cậu ta phải hỏi lại tôi còn lại hầu đa thời gian cậu ta chỉ im lặng lắng nghe. Tôi nói say sưa từ lúc chấp tối, đến khi diễn giải xong các công thức ngẩng lên đã thấy bình minh ló rạng.

Kỳ lạ là mặt mũi Lindon không hề hào hứng như tôi tưởng. Cậu ta lăm lăm nhìn tôi, nói: “Alan, cậu là thiên tài.”

Cậu ta hỏi tôi: “Cậu muốn bao nhiêu? Tôi có thể tìm cách lấy tiền cho cậu... nhưng cậu phải nói chính tôi đã giải được “Mê”.”

“Không phải tôi đang giúp cậu, tôi làm vì nước Anh!” Tôi vỗ lấy lắc mạnh hai vai cậu ta: “Vấn đề không phải là ai giải, có nó chúng ta có thể nắm được tin tình báo tàu ngầm của Đức qua vô tuyến điện! Thuyền hàng sẽ không bị đánh chìm nữa! Bơ và thịt xông khói của Mỹ sẽ lại cập cảng! Không quân và hải quân của chúng ta...”

“Tôi sẽ không nói ra.” tôi nhớ đến điều Andemund nói, rằng mình là một nhân vật nguy hiểm, lại thở dài: “Tôi không thể nói ra được.”

Lindon kéo tay áo tôi, hỏi đi hỏi lại: “Alan, cậu thực sự sẽ không nhận mình đã giải được nó chứ, chắc chắn thế chứ?!”

Việc giải mã “Mê” là tin tình báo cực kỳ cơ mật, đương nhiên báo chí không thể đăng tải. Ngày hôm sau tôi gỡ báo sáng ra đọc, thấy vẫn toàn những tin Hải quân Hoàng gia đang thất bại, tình hình vô cùng nặng nề. Nhưng tôi biết, không lâu nữa sẽ có tin tốt.

Chỉ là không đợi được tin tốt, tin xấu đã đến với tôi rồi.

Đầu tiên là thủ tướng lệnh cho tất cả phi công chuẩn bị trực chiến, toàn bộ không quân Hoàng gia đang nghỉ phép đều được triệu tập trở lại. Kỳ nghỉ của Edgar cũng bị buộc phải hủy bỏ. Cậu ta viết một bức thư báo rằng mùa thu năm nay không thể về Cambridge gặp tôi được rồi, nhắc tôi nên tránh xa Quân Áo đen đang tràn khắp mọi nẻo đường London. Trên góc tờ giấy viết thư cậu ấy vẽ chân dung tôi bằng bút máy, kẻ bên đề dòng chữ: “Để nhắc cậu rằng, tôi yêu cậu.”

Thời buổi này giấy viết cũng mắc mớ, tôi dùng chính tờ thư của cậu ấy, lật trang sau lại viết hồi âm. Từ bưu điện ra đi tới con hẻm đối diện thì tôi bị hai gã du côn chặn đường.

Một thằng đội mũ rộng vành che khuất mặt: “Ồ này, bé dễ thương ơi, ở đây chơi với bọn anh đi?”

Thằng kia mặt có một vết sẹo dài, khoe miệng nó giật giật theo giọng cười hô hố. Nó rút ra một khẩu súng từ trong áo gió: “Đừng nhúc nhích, bé cưng.”

Tôi chậm chạp quay lưng lại, giơ tay lên.

Thằng cầm súng cười bỉ ổi, bước tới dí súng vào lưng tôi, thằng đội mũ lượn lên trước mặt tôi, nó thò tay vào áo khoác tôi. Tôi đã tưởng nó sẽ móc ví của mình nên rất hợp tác bảo nó ví trong túi bên phải... mỗi cái hết tiền rồi thôi.

Đến khi nó bắt đầu cởi cúc áo sơ-mi của tôi và lần sờ đến thắt lưng tôi tôi mới thực sự hoảng.

Thằng sau lưng tiếp tục thúc hòng súng vào tôi, nói: “Sợ gì cưng, có phải chưa chơi với trai bao giờ đâu. Mày vốn cũng là đồng tính luyện ái hả?”

Giọng tôi đã muốn lắp bắp: “Các ông... là ai? Sao biết tôi đồng tính?”

Thằng cởi áo sơ-mi bắt đầu dang tay ôm tôi, thằng sau lưng cười khùng khục rồi cũng xấp tới. Tôi cảm nhận được rõ mồn một những nốt chai trên bàn tay chúng mò mẫm người mình. Chỉ có người thường dùng súng mới có loại chai này... tôi từng nhìn thấy chúng trên ngón trở tay Andemund. Hơi thở nóng hổi và lời lẽ dè tiện của chúng cùng phả trên cổ tôi: “Chà chà, bốp chỗ này nó sướng này mày...”

Hai thằng đàn ông đều đã cương, cách lớp vải quần tôi vẫn cảm nhận được bên dưới của chúng đang nóng bỏng.

“Rên một tí nghe xem nào...”

“Nào bé, cử động đi, đó đó, chỗ đó...”

“Sao nó như khúc gỗ thế hả, Jack mày sờ quần nó xem nào?”

Có người kéo giật khóa quần của tôi, rồi một bàn tay thọc vào, bắt đầu xâm phạm thô bạo. Tôi nhắm nghiền hai mắt, cố sức khống chế ý thức của mình. Chân tôi đang run lên, nếu không phải chúng xốc hai bên chắc tôi đã khụy xuống đất rồi.

Đột nhiên thằng sau lưng chửi thề: “Mẹ kiếp. Không được chơi hết ván, ông cương mẹ nó rồi này!”

Thằng đằng trước cũng phun một câu chửi bằng giọng khàn khàn khó nghe, cuối cùng nó nói: “Được rồi, mày được sờ rồi còn gì! Đi!”

Chúng vừa buông tôi ra, thành linh tiếng còi cảnh sát rít lên xé ngang không khí.

Hai đứa lập tức quay đầu bỏ chạy vào hẻm, còn một mình tôi ở đó hai tay giữ quần nhìn một vị cảnh sát trung niên đi về phía mình.

Tôi bị đưa đến cục cảnh sát, tội danh là gian ***.

Edgar đã từng nói, đồng tính luyến ái là phạm pháp.

Hai gã đàn ông đã bỏ chạy, tôi không thể chứng minh mình bị dí súng sau lưng. Trong khi ấy, bị hai thằng đàn ông xâm phạm... tôi đã cương.

Suốt quá trình bị điều tra tôi mới sức nhận ra, ngày theo đuổi Andemund chưa bao giờ tôi định che giấu cả. Sau này Arnold tra lại hồ sơ vụ án giúp tôi mới biết lời chứng họ thu thập được có ghi cả câu này: Sarah, bồi bàn tại quán cà phê làm chứng, Alan Castor thực sự có người tình đồng tính.

Đúng là hôm lòi tôi khỏi bar Anh Đào Andemund đã nói: “Chia tay với cậu ta đi. Cậu ta là đồng tính luyến ái.”

Các người thử tưởng tượng nước Anh trong chiến tranh khi ấy người ta sẽ đối xử ra sao với một gã đồng tính luyến ái thất nghiệp. Bất kể tôi giải thích, chửi bới, khóc lóc nói mình bị hãm hại, mình không làm gì thể nào... tất cả vẫn là một cơn ác mộng. Tôi bị buộc tội và chỉ có hai con đường để chọn: vào bệnh viện hay vào nhà giam.

Họ coi đồng tính luyến ái là một chứng bệnh cần được trị liệu.

Tôi muốn gọi cho Lindon nhưng người nghe máy luôn là trợ lý của cậu ta, đáp rằng ngài Brown đi vắng.

Tôi nghĩ đến cầu cứu Arnold, lúc ấy mới vỡ ra mình hoàn toàn không biết cách liên lạc với anh ta.

Sau ba ngày bị tạm giam, tôi chọn vào bệnh viện.

Đó là một bệnh viện tâm thần nhà nước nằm phía Đông London. Tòa kiến trúc bằng đá trắng lạnh lẽo, đây thường xuyên phủ kín các bức tường, mọi cửa sổ đều gắn song sắt. Tôi bị xếp cho ở cùng phòng một gã đồng tính nữa, nghe nói anh ta đã được trị liệu một thời gian dài rồi.

Gã đàn ông hai bảy tuổi tên Morin này nói cho tôi biết: “Chỉ khi bác sĩ kí lệnh cho xuất viện chúng tôi mới được thả ra.”

Morin rất mập, tính tình lại u ám khó tin. Anh ta bảo tôi anh ta vào đây được một năm rồi.

Chúng tôi bị nhốt trong phòng mỗi ngày, chỉ lúc ăn và uống thuốc mới có một bác sĩ nam mở cửa ra, đẩy xe đẩy vào.

Tuần đầu tiên tôi hoàn toàn bình thường, nghĩ bụng chỉ cần nghe lời bác sĩ rồi mình sẽ được ra. Nhưng tôi không biết mỗi ngày họ cho tôi uống thứ thuốc gì, chỉ biết nó khiến tâm lý tôi bất ổn, thường thường cảm thấy bồn chồn hoảng loạn.

Những lúc ấy tôi sẽ nghĩ về Andemund. Tôi giống như một miếng giẻ rách bị quăng trong xô tường mốc meo, mà Andemund là ánh sáng duy nhất tồn tại trong tôi khi ấy.

Mật mã không còn quan trọng nữa, chiến tranh cũng không còn quan trọng nữa, tôi chỉ muốn gặp Andemund.

Muốn một lần nữa được thấy anh ấy đứng dưới tàng cây táo ngoài thư viện, mỉm cười với tôi, cặp mắt màu lục thẫm đẹp như những viên ngọc mắt mèo trong tiệm đồ cổ.

Andemund của tôi.

Đến một ngày Morin phát điên gặt đồ hết suất ăn, ném sạch khay, dao, đĩa sắt qua song cửa sổ.

Tôi nghe anh ta khóc rầm rức: “Lại không mặc được...”

Tôi an ủi anh ta: “Hay anh xin bộ đồ rộng hơn giống các bác sĩ ấy.”

Morin chậm chạp quay lưng lại, trợn mắt nhìn tôi kinh hoàng: “Không phải quần áo. Alan, cậu không biết sao?”

Đang là tháng mười một, anh ta mặc áo lông dày, ngoài thân hình mập mạp ra thì chẳng có gì đặc biệt. Morin giật hai vạt áo lông ra, tôi trợn mắt sững sờ... dưới lớp quần áo, trên tầng thịt núc ních mỡ... là một bộ ngực phụ nữ. Anh ta đang mặc một cái áo nịt ngực chặt cứng.

Đột nhiên tôi cảm thấy cơn buồn nôn trào lên, tôi lao vào góc phòng nôn ọe không kìm được.

Morin đứng sau lưng tôi chậm rãi nói: “Họ cho rằng chúng ta thích đàn ông vì hormone nam tiết ra quá nhiều. Phần lớn thứ thuốc họ cho chúng ta uống là kích thích tố nữ. Cậu sẽ béo lên, ngực cũng phình ra... Cậu mới đến một tháng, vẫn chưa thấy gì đâu. Tôi ở đây tròn một năm rồi.”

Tiếng cuối cùng của Morin cao vút the thé như giọng phụ nữ: “Alan, sớm muộn cậu cũng sẽ thành thế này.”

Một giây lúc ấy thế giới hoàn toàn sụp đổ. Morin không điên, nhưng tôi điên rồi.

Tôi phát điên đấm cửa, gào khóc cầu xin bác sĩ thả tôi ra ngoài.

Tôi quyết không uống thuốc, sau đó họ trộn thẳng chúng vào thức ăn nước uống của tôi.

Muốn bỏ thuốc, tôi chỉ còn cách tuyệt thực.

Trưa ngày tuyệt thực thứ ba, cơn trưa đến như thường lệ. Phòng bệnh mở ra một lần nữa, lướt mắt qua lưng gã bác sĩ bước vào, tôi thấy Arnold.

Anh ta mặc áo khoác trắng đi từ đầu hành lang vào, tay mang găng cao su trắng nhoe máu, đang vừa đi vừa cởi găng giống một bác sĩ vừa làm phẫu thuật xong. Arnold đang cười, sau lưng anh ta có mấy hộ lý trẻ bưng khay bằng gạc.

Ba ngày không ăn không uống tôi hầu như mất hết khả năng suy nghĩ rồi. Tôi chỉ nhớ mình đã lao ra, dồn hết sức bình sinh gọi tên anh ta. Hai gã bác sĩ vạm vỡ đứng ngoài cửa chặn tôi lại, một gã quay lại xua tay với Arnold, bảo anh ta đừng để ý: “Bệnh nhân tâm thần thôi.”

Tôi tuyệt vọng nhìn theo bóng lưng Arnold.

Có người nện đầu tôi bằng thứ gì đó, nhất thời tôi choáng váng muốn ngất xỉu.

Đột nhiên xung quanh tĩnh lặng, gã bác sĩ đang la lối giữ tôi cũng im bật, kính nể bước tránh sang một bên. Tôi lập tức chồm dậy nhào mình vào người đứng gần đó nhất.

“Alan?”

Arnold đỡ được tôi. Anh ta ghì lấy hai vai tôi, giọng hoảng hốt: “Alan, sao cậu lại ở đây?!”

Anh ta vỗ lưng tôi trấn an: “Không sao, Alan, không sao đâu.”

Tôi muốn chụp lấy vai anh ta nhưng rốt cuộc chỉ đủ sức nắm được vải áo Arnold. Tôi nghe giọng mình hầu như nức nở: “Andemund... tôi muốn gặp Andemund...”

Sau đó tôi không còn biết gì nữa.

15. Chương 15

Kể từ đó ký ức của tôi hoàn toàn hỗn loạn.

Lần đầu tiên tỉnh lại tôi thấy mình nằm trong phòng bệnh cũ. Hình như tôi thấy Andemund, Peter đứng ưỡn ngực thẳng tắp sau lưng anh ấy, mặt vẫn lạnh như tiền.

Arnold khoanh tay đứng cạnh Andemund, hình như đang chỉ trích gì đó. Đột nhiên một người mặc quân phục bộ dạng hết sức ngạo mạn xuất hiện, xem ra là người phụ trách ở đây. Andemund nói anh ấy sẽ đưa tôi đi. Người nọ phản đối kịch liệt. Tôi nghe được ông ta hét lên liên tục: “Anh không có quyền đó!”

Andemund lẳng lẳng đợi ông ta nói xong, anh ấy cho tay vào túi áo măng-tô, móc súng ra kề dưới cằm ông ta.

Anh ấy tuyệt nhiên không nói một lời nào, nhưng tay kia lại thọc vào túi áo trong, rút ra một mảnh giấy giống như giấy chứng minh gì đó rồi chậm rãi giơ lên.

Mặt người phụ trách lập tức trắng bệch, chân ông ta bắt đầu run cầm cập.

Andemund nhét súng vào túi: “Cút.”

Người nọ chạy thục mạng khỏi phòng bệnh.

Arnold chỉ chỉ tôi: “Alan tỉnh rồi, cậu ấy lại sốt.”

Andemund cúi xuống nhìn tôi. Dường như ngay lập tức, sắc mặt anh ấy trở nên thực khó coi. Trí óc tôi vẫn mơ hồ, chỉ nhớ anh ấy ngồi xuống bên giường tôi, bàn tay lạnh lẽo vuốt má tôi, giọng dịu dàng vô cùng: “Thuốc của cậu ấy có vấn đề à?”

Arnold gật đầu: “Có người tráo thuốc của cậu ta, không đơn giản là kích thích tố nữ đâu... lẫn cả thuốc làm rối loạn trí não liều cao.”

Andemund cúi xuống ôm tôi, trán anh ấy dán trên trán tôi, như thể làm như vậy sẽ gánh bớt cho tôi phần nào thống khổ.

Một hồi lâu sau anh ấy mới đứng dậy, nhẹ nhàng hỏi: “Alan, còn nhớ rõ kẻ quỷ rối em trông thế nào không?”

Arnold can anh ấy: “Giờ Alan không tỉnh táo đâu.”

Đầu tôi đau muốn nứt toác, cố gắng nghĩ rất lâu tôi mới mở miệng nói được: “Má phải có sẹo dài, tay bị chai do dùng súng.”

Andemund gật đầu, lại cúi xuống hôn hôn má tôi: “Anh phải đi rồi, Alan. Anh còn đang làm nhiệm vụ.”

Tôi gượng nhắc tay khỏi chăn, cố chấp nắm lấy tay anh ấy.

Hồi yêu nhau mấy năm trước chúng tôi chưa hề lên giường, quá lắm tôi chỉ lưu manh hôn giỡn ảnh, mó má eo ảnh, nắm tay ảnh quyết không buông. Andemund luôn nhân nhượng tôi, nếu tôi không thả tay ra, anh ấy sẽ để tôi cầm như thế.

Andemund ngẩn người.

Lần này anh ấy cười khổ lắc đầu, nâng tay tôi lên môi hôn rồi nhẹ nhàng gỡ những ngón tay đang siết chặt của tôi.

“Alan, anh phải đi, anh về đã là rất mạo hiểm.”

Lần thứ hai tỉnh lại, Arnold đang bọc tôi trong áo măng-tô dày, nửa ôm nửa bế tôi lên xe jeep. Tháng mười một trời se se lạnh, anh ta chỉ mặc một cái áo lông cao cổ màu gạch mà còn ra sức nghiêng mình chắn gió cho tôi.

Sau đó thì tôi nằm lại một căn phòng trong dinh thự của tướng Bradley. Từ khi chiến tranh nổ ra ông tướng già ở luôn lại London, phu nhân cũng đi theo chăm sóc, dinh thự rộng thênh thang thế này chỉ còn lại cậu ấm nhỏ Joe và Arnold.

Buổi sáng hôm tôi bắt đầu hạ sốt, Arnold ngồi bắt chân trên cái ghế dựa màu trắng gọt táo, có vẻ rất khoái trá: “Bé Alan ơi, cuối cùng cậu cũng tỉnh rồi, ngủ tròn một tuần rồi đó. Cảm ơn tôi đi.”

Quả táo bổ ra mùi táo chín thơm mát lan trong không khí, anh ta khoét hột rồi đưa cho tôi: “Trước mặt bao nhiêu người cậu nhào vào lòng tôi đòi Andemund, bảo làm sao tôi nỡ từ chối được. Tồn công lắm tôi mới gọi được cho ổng đó, nhất định phải cảm ơn tôi nghe chưa.”

“Cảm ơn anh.” Tôi thoáng ngơ ngẩn: “Thế là Andemund đã đến thật sao?”

“Chứ cậu bảo thế nào?” anh ta nhướn mày.

“Đầu tôi đau lắm, cứ tưởng là ảo giác vì sốt.”

Arnold nói tôi ngất xỉu trên người anh ta, trán nóng phát khiếp. Tuyệt thực không làm người ta phát sốt, nhưng thuốc thì có. Anh ta kiểm tra biên bản ghi lại quá trình điều trị của tôi, phát hiện ra người ta không cho tôi dùng kích thích tố nữ mà là PCS, một loại được phẩm bị cấm khác, thứ này dùng trường kỳ sẽ ảnh hưởng đến trí nhớ và khả năng nhận thức của con người. Anh ta lập tức bảo vệ tôi rồi dùng mọi cách liên lạc nội bộ với Andemund lúc ấy nghe đâu đã ở biên giới nước nào đó. Ngày thứ ba Andemund trở về, cướp tôi khỏi bệnh viện.

“Ông lạm dụng quyền hành bắt người ta cho cậu xuất viện đó.” Arnold nheo mắt nhìn tôi: “Bé Alan này, ngài Garcia muốn tôi nói chuyện với cậu. Cậu nghĩ vì sao tôi lại có mặt ở bệnh viện Thánh Marianne?”

Tôi thực may mắn vì tình cờ gặp được Arnold ở đó, nhưng tôi cũng không hiểu vì sao: “Không biết. Đến làm phẫu thuật hở?”

Arnold lắc lắc ngón tay, than thở: “Trách nào ngài Garcia bảo cậu ngây thơ... gặp cậu ở Z tôi cũng giết cả mình đó!”

Ra không phải một bệnh viện tâm thần bình thường mà là một tổ chức trực thuộc cục tình báo, bí danh Z. Thực ra tôi cũng sớm đoán được rồi, Andemund đích thân đến đòi ông tướng già một bác sĩ tâm lý, đương nhiên không chỉ để anh ta ngồi phân tích tình báo.

“Chỗ cậu bị nhốt là một trong những nơi đen tối nhất nước Anh. Tôi đến đó để làm một vài việc... không lương thiện cho lắm.” Arnold cười giễu: “Tôi tẩy não một số người buộc phải ly khai cục tình báo trong khi đã nắm được quá nhiều bí mật; còn cả một số gián điệp bị bắt nhưng kiên quyết không khai, tôi sẽ tiêm thuốc cho họ. Lúc cậu thấy tôi là tôi vừa làm xong phẫu thuật cắt bỏ chất trắng trong não một người.”

“Các anh tiêm morphine cho người ta sao?” tôi hỏi.

“Morphine và ma túy chỉ là loại được phẩm ảnh hưởng thần kinh thô sơ nhất, tôi dùng LSD, cùng loại với thuốc PSC cậu đã dùng ấy. Tác dụng tạo ảo giác của LSD gấp hai triệu lần ma túy, nó là sản phẩm thí nghiệm trong trại tập trung của Nazi, nhân viên tình báo của chúng ta đã trộm được hàng mẫu.”

“Anh xóa được ký ức của họ sao?”

“Có thể.” Arnold ngả người ra ghế, tư thế vô cùng nhàn hạ như thể đây là một chủ đề thật đơn giản: “Tôi thôi miên họ sau khi tiêm một liều lớn thuốc tạo ảo giác, đánh thức ký ức trong họ rồi thay đổi lộ trình của chúng. Ví dụ như tôi lấy tấm hình Andemund yêu quý của cậu khỏi nơi cậu vẫn để, giấu nó vào một ngăn kéo bí mật rồi khóa lại. Cậu biết tấm ảnh còn ở trong phòng nhưng cậu không thể tìm ra nó. Người bị thôi miên cũng thế, ký ức họ không mất nhưng họ cũng không thể nhớ được chúng.”

Tôi hỏi anh ta: “Như thế không phải quá tàn bạo ư?”

“Vẫn tốt hơn nhiều so với bị phẫu thuật cắt bỏ chất trắng trong não.” Arnold mỉm cười giải thích: “Nếu thôi miên không thành công, bọn tôi chỉ còn cách làm phẫu thuật cắt bỏ chất trắng trong não. Người bị phẫu thuật về sau sẽ vĩnh viễn im lặng như một người bị suy nhược trí tuệ, họ không còn là mối đe dọa với cục tình báo nữa. Giờ cậu hiểu vì sao ngài Garcia muốn cậu hoàn toàn hết yêu ngài ấy nữa rồi chứ? Ngài ấy không muốn cậu biết những điều đó. Tổ chức tình báo là nơi đen tối nhất nước Anh, cậu không thể dùng dằng với sếp lớn cục tình báo được đâu. Lần này là bệnh viện tâm thần, lần tới sẽ xảy ra chuyện gì ai mà biết được. Thôi được rồi, ngài Garcia bảo ngài ấy sẽ đích thân điều tra việc này.”

“Sếp à? Tôi tưởng Andemund là chỉ huy cấp cao thôi!”

“Giờ thì cậu biết ngài ấy không chỉ là cấp cao rồi đó.” Arnold mở hộp thuốc ra, bên trong xếp đầy những chai nhỏ dán nhãn màu cọ. Anh ta thành thạo chọn các loại thuốc đổ vào một chai rỗng rồi đưa tôi: “Để loại trừ nốt ảnh hưởng.”

Tôi cầm cái chai, thấy trên thân nó được dán nhãn rất cẩn thận: ngày uống ba lần, sau ăn.

“Cậu vẫn yêu ngài ấy.”

“Hết lâu rồi.” tôi nói.

Arnold nhìn tôi chăm chú một hồi: “Đồng tử nở rộng, cậu đang nói dối.”

Tôi nhún vai đầu hàng, cười méo xệch: “Rồi thì tôi nói dối. Ai quản được tim mình chứ.”

“Chỉ cần cậu đồng ý, cậu có thể không yêu ngài ấy nữa.” đột nhiên anh ta có vẻ rất nghiêm túc: “Alan, là bạn cậu, tôi có cách giúp cậu thực sự thoát khỏi tình cảm này. Lần này không phải ngài Garcia ủy thác cho tôi, là tự tôi muốn giúp cậu.”

“Lại uống cà phê tâm sự à?” tôi hỏi.

“Không phải.” Arnold nghiêm nghị nói: “Chỉ cần cậu yêu tôi, cậu sẽ quên ngài ấy. Muốn thử không?”

Coi bộ Arnold rất nhiệt tình, hễ rảnh rỗi anh ta lại nhai nhai lại vụ đó đến mức tôi nghe mà ngấy tận cổ. Tôi lừ mắt với anh ta: “Ngộ nhờ tôi yêu anh thật thì sao hả?”

Anh ta nghĩ nghĩ một lát rồi móc trong túi áo ra một cái đồng hồ quả quýt bằng bạc, đoạn cầm đầu dây xích gơ lên lắc lắc trước mắt tôi năm lần. Tôi vô thức gơ tay quơ lấy, anh ta lập tức giật nó lại: “Chừng nào chiến tranh kết thúc tôi sẽ cho cậu. Để đề phòng thôi, tôi vừa ám thị cậu bằng cái đồng hồ này. Một khi cậu cầm lấy nó, nó sẽ nhắc cho cậu nhớ lời hẹn hôm nay giữa chúng ta, vậy là tình cảm của chúng ta chấm dứt.”

“Chứ ngộ nhờ anh yêu tôi thì sao?”

Con cáo cười tùm tùm lượn lờ một vòng trong phòng tôi: “Không đời nào, tôi là bác sĩ tâm lý mà.”

Anh ta trịnh trọng bỏ cái đồng hồ quả quýt vào túi áo ngực rồi bùi ngùi than: “Làm bác sĩ tâm lý đúng là khổ thiệt, từ giờ tôi sẽ tán cậu... không thể trông cậy cậu chủ động được.”

Tôi từng thấy cảnh Arnold tán gái trong quán bar, biết chắc anh ta sẽ chẳng nghiêm túc được đâu, cũng như trò ám thị tâm lý của anh ta thực sự không thể xóa được hình ảnh Andemund trong tôi. Chúng tôi coi tất cả như một trò giết thời gian giữa chiến tranh tằm tói, số con gái anh ta tán đổ rồi cho rơi chắc đủ xếp thành một liên đội đứng chật đại sảnh dinh thự tướng quân, mà nữa, tôi còn chẳng phải con gái.

Chơi thì chơi, chiến tranh vẫn tiếp tục. Tỉnh giấc từ cơn ác mộng, sức khỏe chưa hoàn toàn bình phục nên hầu hết thời gian tôi chỉ nằm ườn trên giường nghe radio, người hầu sẽ bưng cơm ngày ba bữa đến bên giường tôi. Những luật cấm trong thời chiến dần được ban hành, quân Đức phong tỏa hoàn toàn con đường vận tải biển của chúng tôi, rất nhiều nhu yếu phẩm không thể mua được ngoài bách hóa nữa. Nhưng dinh thự tướng quân vẫn đều đặn làm đủ ba bữa cơm mỗi ngày, chiều đến thậm chí còn có điểm tâm ngọt và hồng trà, chẳng khác gì thời tiền chiến.

Arnold phải đi làm, lần nào về tôi cũng thấy anh ta mặc quân phục, anh ta ngồi với tôi nửa tiếng đồng hồ, kiểm tra bệnh tình rồi vội vã đi luôn. Phòng tôi ở lầu hai, có trở cửa sổ vừa vặn để tôi thấy được mùa thu sắp tàn trong vườn hoa sau nhà.

Tôi thấy cả Andemund.

Hôm đó là một buổi chiều, xe của anh ấy đậu ngoài hàng rào sắt ở vườn sau, anh ấy xuống xe một mình, đi vào theo con đường nhỏ. Giờ là mùa lá phong Anh chuyển màu đẹp nhất, vườn sau trồng toàn phong đỏ và phong lá bản. Anh ấy mặc áo gió cao cổ rất dày, bước giữa màu đỏ ối và vàng rực như đi trong bức họa.

Lúc ấy tôi đang ngồi xem thằng nhỏ hư đồn vẽ vời, nửa ngày mới nhận ra thằng nhỏ đang kéo áo mình: “Alan, chảy nước miếng kia.”

Khi Andemund đẩy mở cửa phòng tôi đã kịp lau nước miếng, đuổi thằng nhỏ hư đồn đi và rất chi công khai sầm soi từ đầu đến chân anh ấy: “Lâu lắm không gặp.”

Andemund dừng trước cửa, hình như đang rất do dự: “Alan, Arnold nói em muốn gặp anh. Lần trước anh tới em vẫn chưa tỉnh hẳn.”

Những ngày ảm đạm ở bệnh viện Thánh Marianne đúng là tôi rất muốn gặp Andemund, muốn đến phát điên lên được. Anh ấy là màu sắc rực rỡ duy nhất, là tia sáng mặt trời duy nhất níu giữ lý trí tôi giữa vũng lầy của thuốc tàn phá thần kinh. Nhưng giờ tất cả đã qua rồi, chúng chẳng thay đổi được gì hết.

Tôi cười với anh ấy: “Cùng à, anh ta nghe lầm đấy.”

Anh ấy không giận, chỉ mỉm cười ôn hòa, giơ tay ra cho tôi một cách cam chịu: “Đi cùng anh một lát được chứ?”

Tôi cũng cười ôn hòa lại: “Người đẹp ơi, hôm nay em không rảnh hẹn hò đâu.”

Trong khoảnh khắc mắt Andemund đông cứng lại. Anh ấy rút tay về, quay lưng đi đứng dựa cửa hồi lâu rồi mới ngoảnh lại nhìn tôi, thở dài: “Alan, em nhất định phải đối với anh như vậy sao?”

Tôi vẫn cười, cười tiếp nữa không chừng mặt cũng sẽ đông cứng: “Tình yêu à, em vẫn thế với bạn bè mà.”

Rốt cuộc tôi cười hết nỗi, Andemund lại nói: “Anh muốn cho em nhận diện hai người, dù sao chính em đã giải được “Mê”, em có quyền thấy kết cục của kẻ đã làm hại mình.”

Anh ấy bước tới, ôm vai tôi như thể đang vỗ về: “Alan, nếu không muốn thấy em có thể chọn không đi.”

16. Chương 16

Andemund khoác thêm áo cho tôi rồi từ tốn cài giúp tôi hàng khuy bằng đồng màu vàng tối. Cửa sổ vẫn mở, anh ấy nửa quỳ bên giường tôi, mùi hương mát lạnh ngoài vườn hoa vương đâu đó quanh anh ấy. Còn một khuy cuối cùng, tự dưng anh ấy ngừng lại rồi nói bằng giọng đầy hứng thú: “Quả nhiên em là người đứng sau Lindon.”

Tôi giật mình: “Sao anh biết?”

“Lý thuyết nhóm.” Andemund mỉm cười với tôi: “Trong những tài liệu Lindon đưa cho anh suốt quá trình giải mã có rất nhiều điểm đã được đề cập trong luận văn của em. Bản thảo luận văn em gửi Dr. Watts ở Hiệp hội toán học London hồi ấy em nhớ không?”

Đương nhiên là tôi nhớ, năm ấy là mùa đông đầu tiên kể từ khi chúng tôi chia tay, tuyết mới rơi lất phất. Tôi tới tận nhà giáo sư ở phía Tây London để gửi bản thảo rồi gặp anh ấy, anh ấy còn cứng rắn cấm tôi không được tham gia mấy hội nghiên cứu số học nữa.

“Anh xem luận văn của em à?”

Andemund gật đầu: “Từng trang một.”

“Lúc đó anh chỉ mới nghỉ ngơi, vì em và Lindon là bạn bè, không loại trừ khả năng cậu ta cũng được đọc bản thảo của em. Chỉ đến lần này thăm vấn cậu ta anh mới hoàn toàn chắc chắn.”

“Thăm vấn cậu ta sao?” tôi ngơ ngác.

“Em sẽ biết ngay thôi. Alan, em còn ngây thơ lắm. Có một số người chỉ có thể lợi dụng, đừng bao giờ tin tưởng họ.”

Mỗi khi ra ngoài Andemund thường có sĩ quan đi theo hộ tống, rất ít khi tôi thấy anh ấy đi một mình, lần này kể như một trong những cơ hội hiếm hoi ấy. Hôm nay không có Peter, Andemund lái xe, tôi ngồi ghế sau. Xe lăn bánh trở lại bệnh viện Thánh Marianne.

Lúc xuống xe anh ấy siết chặt tay tôi như thể muốn nói với tôi rằng có anh ấy ở bên tôi sẽ được an toàn, chuyện lần trước tuyệt đối không thể tái diễn nữa.

Bọn tôi không vào khu nhà chính của bệnh viện mà đi vòng sang tòa nhà phụ sơn màu kem ngả vàng cạnh đó. Nơi này trông còn quy củ hơn, lúc qua cửa có cả cảnh sát bông súng đứng gác yêu cầu kiểm tra giấy tờ. Arnold dẫn tôi vào một căn phòng trên lầu hai, bảo tôi nhận diện hai người.

Nếu không nhờ vết sẹo dài trên mặt có lẽ tôi đã không nhận ra họ chính là hai kẻ xâm phạm mình trong hẻm lần trước. Lúc này trông họ hết sức suy sụp, mặt mày tái nhợt, môi khô nứt nẻ, cả hai đều ngồi bó gối sau tấm lưới sắt chằng ngang căn phòng.

Tôi nhìn thật kĩ rồi mới nói: “Đúng là họ.”

“Vậy là không bắt lầm rồi.” Andemund khinh miệt nhìn hai kẻ đó: “Người thường xuyên dùng súng không nhiều, bản thân là đồng tính luyến ái cũng hiếm, biết quan hệ giữa tôi và Alan càng hiếm hơn, mặt lại có sẹo dao chém thì tìm dễ thôi.”

Gã đàn ông mang sẹo trên má phải nhìn thấy tôi, đột nhiên gương mặt anh ta trở nên méo mó. Anh ta chồm tới bám lấy tấm lưới sắt, gào lên: “Đừng nói là tôi, làm ơn đừng nói là tôi! Tôi van ngài đấy, làm ơn cứu tôi với! Làm ơn tha cho tôi! Tất cả là do ngài Lindon sai bọn tôi làm mà!!”

Andemund nói cho tôi biết hai người này là gián điệp cấp thấp của MI-6, có người bỏ tiền mướn bọn họ theo dõi tôi rồi gây chuyện gán cho tôi tội đồng tính luyến ái.

Kết cục là họ bị xử lý trong im lặng, còn xử lý về tinh thần hay thể xác thì Andemund không nói với tôi. Nhưng tôi biết chắc lệnh thanh trừng bọn họ đã được ký giấy trắng mực đen và đang nằm trong tay cô trợ lý Annie của anh ấy.

“Là Lindon sai họ hại em sao?”

Tôi còn định hỏi nữa nhưng Andemund đã dẫn tôi ra khỏi phòng: “Không nhiều người có thể tiếp xúc với gián điệp trong nội bộ bọn anh, cậu ta là một trong số đó, tiếc là thủ đoạn còn quá vụng về.”

Phòng vừa xong hẳn là phòng thẩm vấn được sửa sang lại, sát cạnh đó là một gian phòng khá trống trải, chính giữa chỉ kê một bàn mổ, xung quanh là dụng cụ phẫu thuật được phủ vải trông như thể chúng đã bị bỏ hoang ở đây hàng năm trời.

Lindon đứng giữa phòng, đơn độc trong không gian hiu quạnh cuối thu.

Khoảnh khắc chạm mặt tôi, cậu ta cứ như nhìn thấy quỷ, hai chân run rẩy thối lui vào góc tường, đôi mắt tràn ngập kinh hoàng.

Lâu lắm rồi không gặp, giờ cậu ta trở lại đúng với bộ dạng trong ký ức của tôi, một cái áo chèn khoác xộc xệch ra ngoài áo len, đầu tóc rối bù, những đốm tàn nhang hiện rõ mồn một vì làn da càng lúc càng trắng nhợt.

Không biết Andemund đã thẩm vấn bằng cách nào để khiến tinh thần cậu ta sa sút đến thế.

Tiếng Andemund lại vang lên bên tai tôi. Từng chữ anh ấy nói ra bằng giọng du dương êm ái đột nhiên trở nên thực tàn khốc giữa căn phòng này: “Lindon, trước khi bước vào trang trại Plymton cậu đã tuyên thệ sẽ đặt lợi ích của nước Anh lên trên tất cả, cậu nhớ chứ? Chính xác là từ khi nào cậu mua chuộc được Z và lên cái người của mình vào đây?”

Lindon đỏ mắt trừng trừng nhìn tôi: “Nếu không có Alan! Nếu không có Alan thì chính tôi là người đã giải ‘Mê’! Thượng Đế không công bằng! Tại sao nó chẳng cần cố gắng mà lại đạt được thành quả như thế!!” cậu ta lao về phía tôi nhưng Andemund túm được cổ áo Lindon ngay tức khắc rồi quật ngã cậu ta vào tường.

“Nếu không có Alan cậu chẳng là gì cả.” Andemund cúi xuống nhìn cậu ta.

Lindon từ từ bình tĩnh lại nhưng hai mắt đã vẫn đầy tơ máu.

“Alan, tao căm ghét mày. Tao muốn PSC khiến cho cả đời mày không thể tính nổi một phép trừ đơn giản nhất nữa!”

Tôi đứng chôn chân tại chỗ, cảm giác như trời đất đảo điên trước mắt mình: “Tôi đã tưởng chúng ta là bạn. Sau khi chuyện đó xảy ra... tôi còn cố gọi nhờ cậu giúp đỡ.”

Giọng Lindon pha lẫn một tia trào phúng: “Phải, trước khi mày giải được ‘Mê’, chúng ta đúng là bạn.”

Cậu ta vụt quay sang Andemund, van vãn: “Ngài Garcia, ngài đã nói... ngài rất thích tôi mà. Giờ tôi... sẽ thế nào đây?”

Andemund vẫn nhìn cậu ta, anh ấy nhẹ nhàng hỏi: “Phân tích 1203125000 ra thừa số nguyên tố được bao nhiêu?”

Lindon ngẩn ra một hồi rồi chậm chạp đáp: “2, 2, 2, 5, 5, 7, 11... 5.”

“Hết chưa?” Andemund hỏi.

“Hết rồi.”

Andemund vỗ vai cậu ta, nói như tán đồng: “Phải, cậu hết rồi đấy.”

Đó có lẽ là con tính cuối cùng trong đời Lindon. Ra đến cửa tôi đã thấy Arnold đang chờ sẵn bên ngoài. Anh ta mặc áo khoác trắng, tay đeo găng cao su, thơ thẩn đứng dựa tường hành lang coi bộ rất ung dung. Tôi để ý thấy dưới chân anh ta là một cái hòm thiếc xách tay khá lớn, bốn góc viền bằng kim loại màu bạc. Có bốn người đàn ông đứng chực cạnh anh ta, lúc Andemund đi qua tự khắc họ ưỡn ngực chào anh.

Andemund bước qua họ rồi mới quay lại gật đầu với Arnold: “Vào được rồi.”

Một trong bốn người đàn ông lẳng lặng mở cửa phòng Lindon cho Arnold đi vào.

Ngay trước lúc bước qua cửa tự dừng anh ta móc cái đồng hồ quả quýt màu bạc trong túi ra lắc lắc trước mắt tôi rồi ném cho tôi một cái nhìn đầy ngụ ý, đại để là muốn cảnh cáo tôi chớ có mê muội vì Andemund nữa.

Từ ngày hôm đó tôi không hề gặp lại Lindon.

Tôi không biết Arnold đã làm gì cậu ta, anh ta cũng không bao giờ định cho tôi biết. Anh ta chỉ nói: “Bé Alan ơi, ấy không phải chuyện cậu nên quan tâm đâu. Lợi dụng quyền lực của tổ chức là vấn đề nghiêm trọng, cậu ta phải bị xử lý thôi.”

Cùng biến mất trong những ngày ấy còn cả tên gián điệp có liên hệ với Lindon.

Người phụ trách Z bị buộc phải rời chức vụ, nhưng rất lâu sau này tôi nghe nói kể từ lúc đó người nhà không hề gặp lại ông ta.

Tôi hỏi Andemund: “Em biết nhiều phết đấy chứ, anh tính bảo Arnold tẩy não em hả?”

Anh đang lái xe đưa tôi về, nghe vậy chỉ cười lắc đầu: “Nếu định làm vậy anh đã không bảo Arnold đến nói chuyện với em. Anh tự hào về em. Phương trình giải “Mê” của em Lindon đưa cho anh thực sự kiệt xuất.”

Lâu lắm rồi tôi không ngồi cùng xe với anh ấy, tự dừng có cảm giác như thời gian đang quay ngược lại. Anh ấy vẫn là giáo sư thỉnh giảng ở Cambridge năm nào, tôi thì là gã sinh viên bùng học vô tội vạ còn ham hồ chạy theo tán tỉnh anh. Chỉ là nụ cười của anh ấy giờ pha lẫn đôi chút mệt mỏi, mà tôi thì đã tốt nghiệp mùa hè năm nay mất rồi.

Xe quẹo ngang quẹo dọc trên đường London, phố phường lúc này chìm trong không khí âm u xám ngắt. Chúng tôi đi ngang qua hai bãi diễn tập chữa cháy, thấy một đội lính đang phát mặt nạ phòng độc cho dân chúng, có người nói vũ khí của Quốc xã chứa cả chất độc thần kinh. Người thì xếp hàng dài lê thê trước cửa hàng bách hóa.

Tôi nói: “Không có chiến tranh thì tốt biết mấy.”

Andemund dừng xe ngoài cửa bách hóa, anh ấy ngẩng đầu lên thở dài: “Rồi sẽ kết thúc thôi.”

Tiếng thở dài của anh ấy nghe mới thật chán chường, giống như một diễn viên biết rõ rằng vở diễn rồi sẽ hạ màn, nhưng không sao dám chắc mình còn có mặt trong những người sẽ bước lên sân khấu cúi chào cảm ơn khán giả hay không.

“Ngày trước ở Cambridge em bỏ học nhiều như vậy, anh không nghĩ em lại có thể đến được bước này. Chưa từng được huấn luyện mật mã một cách chính quy nhưng từ lần đầu tiên em đã giải được mật mã cấp cao. Đến lúc này thì... Alan à, em tiến bộ quá nhanh, nhanh đến mức chính anh cũng phải hoảng sợ. Anh biết chỉ bằng năng lực của Lindon cậu ta không thể làm được nhiều đến thế, sau lưng cậu ta nhất định có người khác. Nhưng anh không ngờ là em.” Anh ấy nhìn tôi rồi chậm rãi lắc đầu: “Anh thực vui mừng vì tìm được người hiểu được mình, anh cũng không thể quên những ngày chúng ta cùng thảo luận về “Mê”... nhưng

anh phải đẩy em ra khỏi vòng xoáy này. Con đường phía trước quá đen tối, anh tình nguyện bước tiếp một mình.”

Những lời của Andemund khiến tôi chợt nghĩ về cha mẹ mình. Địa vị của mẹ trong giới học thuật cao hơn rất nhiều so với một nhân viên cục mật mã như cha nhưng bà đã rời bỏ số học để bắt đầu nghiên cứu mật mã cùng cha tôi. Đến giờ phút này tôi vẫn còn nhớ vóc dáng tao nhã của bà khi ngồi trò chuyện cùng cha bên lò sưởi, gọi là một người vợ dịu hiền chỉ bằng nói rằng họ là đôi bạn tâm giao.

Tôi nghĩ Andemund cũng khao khát có một người như thế. Một người có thể tán thưởng lối tư duy của anh ấy, có thể đưa ra những ý tưởng độc đáo khác biệt, có thể đồng hành với anh ấy trong hành trình cô độc này.

Tôi đã nghĩ rằng, nếu anh ấy cho tôi cơ hội, tôi sẵn lòng đi cùng anh ấy đến cuối con đường.

Andemund nói rất dịu dàng, nhưng tôi hiểu đó là một lời cảnh cáo. Anh ấy đưa tôi đi chứng kiến kết cục của Lindon là muốn nói với tôi rằng một khi không được tin tưởng nữa, rất có thể tôi cũng phải chịu hậu quả như thế. Tôi giải được “Mê”, nhưng tôi phải dứt mình ra khỏi tất cả chuyện này.

Nhưng rốt cuộc tôi đi không thoát.

Arnold nói cho tôi biết, Andemund bị cách ly thẩm tra.

Lần này là lệnh của tổng cục tình báo, không ai biết nguyên nhân của việc thẩm tra này là gì nhưng họ báo trước rằng anh ấy sẽ phải vắng mặt một thời gian dài. Không lâu sau khi anh ấy rời khỏi Plymton theo lệnh thẩm tra, tôi nhận được thư mời từ cục tình báo.

Ngài Alan Castor thân mến,

Chúng tôi may mắn được biết đến quá trình giải “Mê” xuất chúng của ngài. Nếu ngài sẵn lòng cống hiến cho sứ mệnh kết thúc cuộc chiến Quốc xã đang tàn phá khắp Châu Âu, mời ngài tới số 367 đại lộ Hoàng Hậu vào ngày X tháng X năm X, gặp ngài Broom.

Mong được gặp ngài.

Kính thư: C

17. Chương 17

Mới đầu Arnold cũng không cho tôi biết chuyện Andemund bị cách ly thẩm tra. Tôi chỉ cảm thấy băng đi một thời gian rất dài không được gặp anh ấy. Hồi này tự dưng Arnold có vẻ rất rảnh, anh ta bắt đầu biến tướng ra đủ kiểu hện hò với tôi.

Tôi đã chuyển về nơi ở cũ nhưng hàng tuần vẫn đều đặn đến dinh thự tướng quân để dạy cậu ấm con Joe. Được cái dạo này thằng nhỏ hư đồn ngoan hơn trước nhiều, không bắt tôi phải chạy lòng vòng khắp nhà kiếm nó nữa mà bữa nào cũng ngồi đằng hoàng chờ tôi trong phòng đọc. Arnold cũng ở đó. Anh ta làm bộ bận rộn dữ lắm, lúc thì đắm chiêu đọc sách, lúc thì mở cửa sổ hít khí trời, lúc thì hỏi “Đói bụng không Alan, tôi xuống bếp bảo người hầu làm ít điểm tâm nhen?”, rốt cuộc anh ta ấy luôn thằng nhỏ qua một bên để chen vào ngồi cạnh tôi rồi mở sách ra: “Hồi này tự dưng tôi thấy thích số học lắm nhé, cậu giải thích hộ tôi đoạn này viết vậy là thế nào nhỉ?”

Thằng nhỏ hư đồn kéo áo anh ta: “Anh họ nè, sách anh gỡ ngược rồi.”

Arnold ho húng hắng rồi lẳng lẳng gấp cuốn “Nguyên lý số học của triết học tự nhiên” của Newton lại, im ắng rút về chỗ ngồi, gãi gãi mũi.

Việc anh ta tuyệt nhiên không đi tán gái nữa làm tôi cực kỳ bất an.

Cuộc sống ẩm đạm luôn dẫn dắt người ta tìm đến với những niềm vui nho nhỏ. Câu lạc bộ số học tôi từng tham gia ở Cambridge tổ chức một bữa tiệc, chỉ có giáo sư số học và sinh viên tham gia. Được mời là tôi đi, cốt để thử xem có gặp được người quen rồi kiếm cơ hội xin việc làm không.

Tiệc mở tại vườn hoa sau nhà một vị giáo sư, và tôi gặp Arnold. Mọi người đang túm năm tụm ba tán gẫu, anh ta thì cười tủm tỉm cầm ly rượu tiến tới chỗ tôi ngồi.

Tôi hỏi anh ta: “Anh không đi tán gái hở, sao mà rảnh rỗi đến dự mấy bữa tiệc này?”

Anh ta tỉnh bơ nâng ly rượu lên rồi công khai đá lông nheo với tôi: “Bé Alan ơi, tôi đang tán cậu mà!”

Tôi chỉ còn biết nhún vai ngán ngẩm nói với mấy người ngồi cạnh: “Anh ta đang giỡn đó.”

Trong tiệc có mấy món bánh ngọt thường ngày rất khó mua, tôi tìm một cái bàn nhỏ để ngồi tập trung ăn bánh pudding mặn. Cách đó chừng năm sáu mét, cạnh hàng rào có một nhóm bốn năm người đang đứng thảo luận về vi phân tích phân. Tự dưng tôi nghe thấy một cô gái nói: “Vậy là anh làm việc cho Hội nghiên cứu golf và cờ vua à?”

Người trả lời cô ta đứng chìm trong đám đông, đầu đội mũ mềm, cổ quấn khăn vòng quanh, giọng nói rất lạnh nhạt: “Có thể cho là vậy.”

Giọng cô gái vang lên thật ngọt ngào: “Tôi là Emily Roth, từng đăng luận văn về Đại số trừu tượng trên tạp chí “Khoa học và Logic”.”

Tôi chợt nhớ ra cô ấy, bọn tôi cùng sinh hoạt trong câu lạc bộ số học, năm thứ ba chính cô ấy đã giới thiệu luận văn về Lý thuyết nhóm của tôi cho Dr. Watts.

“Giờ tôi đang dạy trong trường thôi.” Emily nói tiếp: “Mấy người bạn cũ thì đi Mỹ cả rồi, ở châu Âu lúc này không an toàn... à còn một người vẫn ở Cambridge, Alan viết Lý thuyết nhóm ấy... anh biết cậu ấy không?”

Tôi ngạc nhiên đến mức phải quay sang nhìn bọn họ.

Người đàn ông kia hình như cũng rất kinh ngạc: “Cô đang nói về Alan Castor sao? Giờ anh ta đang làm gì vậy?”

Emily hất cằm về phía tôi rồi vén lại mờ tóc quấn xòa trước trán: “Chính là người tóc nâu đỏ đó. Hình như cậu ta chẳng làm gì đâu, nghe nói cuối tuần thì đi làm gia sư. Thật ra Alan có tài lắm.”

Dù tôi bù đầu chiến đấu với “Mé” nhưng trong mắt người ngoài mà nói quả là giống như chẳng làm gì cả... hai năm cuối đại học chỉ nhốt mình trong phòng sinh hoạt câu lạc bộ số học viết một cuốn luận văn không bao giờ được công bố, tốt nghiệp rồi cũng không buồn bước chân đến Viện nghiên cứu số học hay tìm việc trong trường. Vẫn đang quay mặt về phía đó nên tôi gật gật đầu chào bọn họ, ngờ đâu người đàn ông vừa nói chuyện cũng đứng lên.

Cách một đám đông nên tôi nhìn không rõ mặt anh ta, chỉ thấy anh ta gỡ chiếc mũ mềm xuống rồi hơi cúi đầu chào tôi.

Sau đó anh ta ngồi lại, tiếp tục ẩn mình vào nhóm người đang tán gẫu.

Anh ta nói: “Vì “Mé”.”

Giọng không to không nhỏ, chỉ vừa đủ nghe.

Arnold ngồi cạnh tôi đã bắt đầu tán trên trời dưới bể với mấy cô bé, được một lát anh ta chợt quay lại nhìn nhìn về phía người đàn ông nọ, hoang mang hỏi: “Alan, gã đằng đó là ai thế? Tôi thấy hắn nhìn cậu hoài.”

Cuộc chiến này, nam giới ngoài mười bảy tuổi đều lần lượt nhập ngũ, trước những điểm ghi danh vào quân ngũ người ta xếp hàng dài hết cả dãy phố, đi đến đâu cũng có thể gặp những bài tuyên truyền, diễn thuyết kêu gọi chiến đấu vì nước Anh, quân Áo Đen ủng hộ Quốc xã liên tục xung đột với dân thành thị, tin đồn thất thiệt bay rợp trời. Chính phủ quy tụ các nhà khoa học lại để thành lập một đội Vận trù học (Văn phòng OR). Tôi có người bạn làm việc trong phòng thí nghiệm của chính phủ, chuyên nghiên cứu điều kiện bố trí tối ưu của ngư lôi và phương pháp xạ kích hiệu quả nhất cho pháo cao xạ. Andemund từng bảo với tôi rằng số học là ngành học kinh khủng nhất trong mọi ngành. Một khi những nhà số học bước ra khỏi thế

giới của sách vở, vận dụng kiến thức của họ để phục vụ chiến tranh, tự nhiên họ sẽ trở thành vũ khí đáng sợ nhất.

Sau này trong trận không kích London, từ 200 phát pháo cao xạ bắn hạ một máy bay Quốc xã chúng tôi chỉ cần cần bắn 20 phát, đó chính là thành quả của đội Vận trù học.

Đó là một mặt trận không có khói súng, mà tôi cũng muốn cống hiến một chút gì đó.

Tôi nói với Arnold, anh ta lại an ủi tôi thế này: “Cậu không phải làm gì cả, Alan, chỉ cần yên tâm yêu tôi là được.”

Đã vậy thì tôi thử.

Lúc đó anh ta đã biết chuyện Andemund bị cách ly thẩm tra, thậm chí biết cả nguyên nhân nhưng tuyệt nhiên không hé răng nói với tôi một lời. Anh ta chỉ liên tục đòi hẹn với tôi, đưa tôi đi xem phim, dạo công viên, đến xem buổi diễn của nhạc sĩ người Ba Lan sống lưu vong tại Anh. Giữa rạp tối om, anh ta ôm eo tôi, hỏi: “Bé Alan này, bỏ Andemund đi, theo tôi cả đời nhé?”

Tôi nhắc nhở anh ta: “Bọn tôi bỏ nhau lâu rồi.”

Trong bóng tối Arnold kéo chiếc cổ áo măng-tô đang dựng thẳng đứng của tôi rồi hôn cổ tôi. Anh ta thì thầm bên tai tôi: “Tôi muốn cả trái tim cậu cũng quên ngai ấy để ở bên tôi kia. Tôi không mang trách nhiệm nặng nề như ngai ấy, tôi có việc làm, tôi có thể nuôi cậu nghiên cứu số học cả đời, rồi mình sẽ nắm tay nhau đi xem phim thế này mỗi tuần. Cậu thấy sao?”

Lúc đó trên màn ảnh đang là cảnh một đôi tình nhân cuồng nhiệt ôm hôn nhau, tôi cắn răng nhìn trừng trừng màn hình, làm như không nghe gì hết.

Qua một hồi lâu, rốt cuộc Arnold nhích ra, thở dài.

Thằng nhỏ hư đốn mới thật là tội nghiệp, bị gã anh họ bắt đúng giờ có mặt tại phòng học, bắt làm chân long tong tặng hoa hồng cho tôi, bắt đẹp hết tranh ảnh vẽ vôi, đổi thành sách số học.

Tôi đứng đưng cầm một bông hồng lên, nói với Arnold: “Tự anh đưa tôi cũng được chứ gì.”

Anh ta hai tay dứt túi quần, bước tới từ sau cánh cửa: “Tình yêu ơi, tôi muốn cho cậu bất ngờ mà.”

Anh ta hỏi tôi: “Alan này, mình hẹn hò cả tháng rồi, cậu có cảm giác gì không?”

Tôi nghiêm túc nghĩ một hồi rồi đáp thành thật: “Không.”

Gã bác sĩ tâm lý có vẻ rất thất vọng, anh ta cụt hứng ngã phịch xuống ghế, ngửa cổ than: “Quý tha ma bắt! Nhưng tôi thì có rồi, giờ sao đây?!”

Arnold tán gái lần nào chẳng có cảm giác, thế nên tự anh ta khắc biết phải làm sao, không đến lượt tôi lo.

Lúc tôi nhận được thư mời từ cục tình báo trung ương là một buổi chiều tháng mười hai.

Sáng hôm sau tôi lên London, tới số 367 đại lộ Hoàng Hậu, gặp ngài Broom. Đó là một địa điểm cực kỳ bí mật của tổ chức, số nhà không đề tên người, người đi lại bên trong đều mặc quân phục. Ngài Broom là một viên chức cấp cao, mặc quân phục hải quân. Ông ta tiếp tôi tại bàn làm việc của mình.

Ông ta tán thưởng việc tôi giải được “Mê” và hỏi tôi có đồng ý gia nhập “Hội nghiên cứu golf và cờ vua” không.

“Alan Castor, cậu sẵn lòng bước tiếp con đường của ngài Castor và phu nhân, để cống hiến hết mình cho Quốc vương và nhân dân nước Anh một cách thầm lặng chứ?”

Tôi thề sẵn lòng.

Sau đó là một cuộc thẩm tra tư cách hết sức rườm rà. Tôi bị cách ly khoảng ba ngày, vị sĩ quan hải quân Broom nọ xác nhận đi xác nhận lại tôi có phải “Alan Castor” hay không, ông ta hỏi rất chi tiết về thời gian tôi sống cùng cha mẹ, rồi thì soi đi soi lại mặt tôi với ảnh chụp trong hồ sơ lý lịch.

Rốt cuộc người đàn ông bốn mươi tuổi này mỉm cười với tôi sau cặp kính mắt dày cộp nhỏ xíu: “Nói cho cậu biết chuyện này, Alan. Chúng tôi đã nhận được tài liệu về cậu từ lâu rồi, tất cả đều thể hiện rằng năng lực của cậu rất xuất sắc. Nhưng ngài Garcia vẫn thấy không thể tin tưởng cậu và từ chối nhận cậu vào trang trại Plymton. Giờ thì Hiệp sĩ C của chúng tôi cho rằng cậu đáng tin tưởng. Không những ông ấy tin cậu mà còn tin cả gia đình cậu.”

Một giây lúc ấy tôi đã ngu ngơ hỏi: “Hiệp sĩ C là ai cơ?”

Sau này tôi mới biết khoảng thời gian thử tôi yêu đương Arnold và quên bằng Andemund ấy... anh ấy đã phải vật lộn trong một cuộc chiến sinh tử. Bề ngoài anh vẫn tỏ ra bình thản như không, kỳ thực Andemund đang đứng trước cổng địa ngục, chỉ sợ ý một li cũng đủ để bị lôi xuống vực sâu không đáy. Lúc đó tổ chức tình báo độc lập của hải quân sắp sát nhập với MI-6, bọn họ muốn đẩy người của mình lên làm lãnh đạo. Mà sự việc của Lindon vừa vặn trở thành sợi dây dẫn lửa. Ngấm kĩ lại cũng có thể nhận ra chỉ bằng khả năng của Lindon cậu ta không thể mua được đến hai gián điệp trong tổ chức. Có người đã ngầm ủng hộ cậu ta. Chuyện này rốt cuộc đã ảnh hưởng đến lợi ích của bao nhiêu người, không ai biết cả.

Hướng hồ trên nữa còn có những tầng quyền lực tôi không thể nhìn thấu được, ví dụ như Whitehall và Hiệp sĩ C, người mà quan điểm của ông ta có thể đánh đổ nhận định Andemund đặt ra với tôi ngay từ phút đầu tiên, thậm chí có thể quyết định vị trí lãnh đạo tối cao của MI-6 sau này sẽ thuộc về Andemund hay người của hải quân.

Tìm hiểu sâu hơn nữa sẽ biết rằng Lindon không phải là tất cả vấn đề. Vì tôi, Andemund đã che giấu thêm một sự thật. Đó chính là lý do đích thực khiến Andemund ngăn cản tôi gia nhập trang trại Plymton.

Mà tầm nghiêm trọng của chuyện đó đủ khiến anh ấy mất đi lòng tin của Whitehall, và phải nhận ba tháng thẩm tra cách ly khắc nghiệt.

Sau khi anh ấy đi, tôi được quyền đến trang trại Plymton và nhận được một công việc vinh quang chính thức: phụ trách công tác giải mã tại Văn phòng số 7.

Tin tức văn phòng số 7 được tiếp cận đương nhiên không thể quan trọng bằng văn phòng số 1 của Lindon trước kia, bởi vậy hệ thống mật mã cũng tương đối đơn giản hơn. Một lần nữa tôi bước vào trang trại Plymton, đi qua con đường mòn quanh co để tới dãy nhà nhỏ của văn phòng số 7.

Tôi đẩy cửa ra, đặt tập giấy tờ của mình xuống cái bàn gần nhất và chào hỏi đồng sự mới.

Đồng sự mới đang ngồi trên bậu cửa sổ uống cà phê, mũi khoằm, tóc quăn đen dài ngang vai.

Anh ta uể oải quay lại nhìn tôi: “Xin chào, Alan.”

Tôi nhớ ra giọng nói nhật nhẽo này, tôi từng nghe nó trong bữa tiệc của câu lạc bộ số học.

“Vì ‘Mê’?” anh ta giơ tách cà phê lên, chào tôi lần nữa: “Rốt cuộc cậu cũng sẵn sàng làm chút việc tử tế rồi hả.”

18. Chương 18

“Vì ‘Mê’?” gã trai ngồi trên bậu cửa sổ giơ tách cà phê lên.

Tôi rất ngạc nhiên: “Cậu biết tôi đã giải ‘Mê’ à?”

Cậu ta đặt cái tách xuống rồi nhảy khỏi bậu cửa: “Tất cả chúng tôi đều biết, ngài Garcia công khai chuyện này... chính cậu đã giúp Lindon giải ‘Mê’, phương pháp giải đặc sắc lắm!”

Cậu ta nói không sai, đúng là mọi người đều đã biết.

Andemund không có ở đây, trợ lý Annie của anh dẫn tôi qua từng văn phòng một, dọc đường tôi nghe hàng đồng người bàn tán về mình.

“Đó là Alan Castor đã dịch ‘Mê’ với Lindon hở? Nghe nói sẽ làm cho văn phòng số 7 đấy.”

“Sao không làm cho phòng 1 nhỉ?”

“Đẹp trai hơn tôi tưởng nha, nhưng trông hơi nhếch nhác...”

Đồng sự mới nói với tôi chuyện của Lindon vốn đã được giữ bí mật tuyệt đối, sau này không hiểu làm cách nào cấp trên lại nắm rõ hết sự tình. Lúc ấy họ gây sức ép bắt Andemund phải công khai phương pháp giải “Mê” và những người đứng sau nó... nhưng kết cục của Lindon thế nào thì không ai biết.

Cậu ta hỏi tôi: “Hình như Lindon bị mất chức vì tiết lộ tin tức cơ mật cho cậu đúng không?”

Tôi nghĩ nghĩ một lát: “Chịu.”

Có điều sự công khai này cũng chỉ giới hạn trong phạm vi trang trại Plymton, phần còn lại của thế giới vẫn hoàn toàn không hay biết gì.

Đồng sự mới chìa tay ra với tôi: “Rất hân hạnh được gặp cậu, tôi là Raphael, Raphael Hughes. Chúng ta từng gặp nhau rồi.”

Mái tóc đen dài của cậu ta hơi quăn thành lọn, hầu như buông rủ trên vai, màu tóc vừa vặn tôn lên cặp mắt đen thẫm sáng ngời. Một cái áo khoác dạ tối màu, một cái quần kaki vàng xanh. Ở cậu ta toát ra cả nhiệt huyết của một chàng sinh viên trẻ lẫn sự trưởng thành của một người trí thức.

Thực sự không nhớ mình từng gặp ai như vậy, tôi thử dò hỏi: “Ở bữa tiệc của câu lạc bộ số học à?”

Hình như cậu ta thấy rất tức cười: “Alan, chúng ta là bạn học mà. Trong lớp số học cao cấp của giáo sư Linderman ấy, tôi ngồi ngay trước mặt cậu.”

Trốn học liên miên làm sao tôi nhớ được, tôi áy náy bắt tay cậu ta.

“Lại nói... tôi nhớ hồi đó lớp nào cậu cũng bỏ, nhưng có một mùa đông tuần nào cậu cũng đến lớp của giáo sư Linderman. Cả giảng đường lớn có mỗi ba người, cậu, tôi và Harry. Cậu thích nghe thầy ấy giảng lắm đúng không?”

Tôi chẳng nhớ Harry là ai, vắt ráo óc thì ngờ ngợ nhớ ra giáo sư Linderman. Đó là người kế nhiệm Andemund, một ông già người Pháp hơn năm chục tuổi, nghe đâu là nhà số học trứ danh, một trong những giáo sư thỉnh giảng hiếm hoi ở Cambridge. Giáo sư phát âm tiếng Anh không tốt lắm, bọn sinh viên bảo ông giảng hầu hết là nghe không ra, câu nào nghe ra thì lại không hiểu, mà lâu lâu vừa nghe ra vừa nghe hiểu mới té ngựa ra là ông toàn nói lằng nhằng.

Tôi cười thành thật: “Không phải tôi thích nghe giáo sư Linderman giảng, mà là phòng học mùa đông ấm lắm.”

Raphael tròn mắt nhìn tôi: “Alan, bộ cậu... giải được ‘Mê’ nhờ may mắn hả?”

Cậu ta hoang mang lắc đầu, rồi nhún vai đi làm việc của mình. Một lát sau Raphael mới lại lên tiếng giữa chồng tài liệu chất cao như núi, xem ra là rất rất thất vọng: “Thật không ngờ... cậu lông bông thế này.”

Raphael là đồng sự mới của tôi. Mật mã của văn phòng số 7 cũng không phải loại đặc biệt quan trọng nên ở đây chỉ có hai người chúng tôi. Các bức điện mã hóa chặn được được đều đặn đặt lên bàn làm việc của bọn tôi vào đúng bảy giờ sáng mỗi ngày, giải xong thì chuyển lại cho bộ phận phân tích thông tin. Hình như vì tôi là người giải ‘Mê’ nên mới đầu cậu ta còn hơi kỳ vọng vào tôi, sau rồi chút ít kỳ vọng ấy cũng bị thời gian vô tình mài sạch.

Là người phụ trách, tôi tập thói quen sáng sớm vừa nhai bánh mì vừa bước vào văn phòng đúng giờ, gác hai chân xỏ giày da bỏ lên bàn, bắt đầu đọc tài liệu, lâu lâu thấy cô bé nào đi qua thì nhúng cổ ra huyết gió. Mỗi tuần một, hai lần, Arnold sẽ cười tít mắt mò đến phòng làm việc của tôi, vẫn đeo kính gọng vàng đúng tác phong học giả, bước chân qua cửa cầu đầu tiên anh ta nói là: “Bé Alan à, tình yêu à, hôm nay đáng cậu ngồi ngấu tăn bạo.”

Raphael cau mày lượm tập tài liệu trên mặt bàn tôi, có vẻ rất khó chịu.

Cầm tập tài liệu lên xong còn phủi bụi bồm bộp.

Có một bữa cậu ta lại ngồi trên bậu cửa sổ uống cà phê, tôi ngồi thu lu trong một xó ánh mặt trời không chiếu tới trong phòng để nghiền ngẫm mấy bức điện. Đột nhiên cậu ta ngoảnh lại nhìn, nhìn một hồi làm tôi cũng phát hoảng.

Cậu ta nâng tách lên uống một hớp cà phê rồi nói: “Alan, cậu cạo râu đi được rồi đấy.”

Tôi giờ tay sờ sờ cằm, ừ đúng là râu mọc nham nhở thật.

Ngoại trừ việc soi mói hơi quá vào thói quen cá nhân của tôi, còn thì Raphael đúng là một cộng sự rất ưu tú (Arnold thì kể cả lúc hẹn hò cũng không bao giờ nghiêm khắc với tôi mấy chuyện ấy). So với Lindon, cậu ta chú tâm đến các quy luật số học ẩn trong văn bản mã hóa hơn nhiều, cũng rất nhạy cảm với tần suất và phương thức xuất hiện của ký tự tiếng Đức. Tôi thực sự rất ngạc nhiên, năng lực cỡ này không hiểu sao cậu ta phải làm ở văn phòng số 7.

Tôi về quận Cambridge trả phòng trọ, chính thức chuyển vào sống trong trang trại Plymton. Ở đây không giống như Cambridge, không có những gác chuông và giáo đường rải rác, không có hơi thở lịch sử cổ kính, mọi người chỉ yên lặng làm công việc của mình, mọi thứ đều toát ra sự trật tự đến vô vị.

Có người nói trang trại Plymton là một trang viên quý tộc có tuổi đời một trăm năm mươi năm. Tường gạch đỏ quây xung quanh những cụm kiến trúc nhỏ rải rác, mỗi nơi là một văn phòng giải mã độc lập được đánh dấu bằng những tấm biển bằng đồng. Đây là nơi quy tụ của thiên tài, ban ngày rất hiếm khi nghe thấy tiếng người cười nói ồn ào, chỉ có tiếng gió thổi lao xao qua những tán cây cổ thụ ven đường mà thôi.

Khu nhà mái bằng tôi và Raphael sử dụng có vẻ được sửa sang lại từ nhà kho của trang trại, có ba phòng lớn chất đầy tư liệu và một phòng làm việc nhỏ. Nhà xây tường trắng, nóc lợp mái chắn nắng, cửa sổ hầu như bị bít kín bởi một loài dây nho leo đã chết khô từ hồi nào, phải gồng sức mới mở được. Raphael nói mùa hè có khi cả khu nhà bị phủ kín bởi màu xanh lục của dây leo nhưng sang đông chỉ còn thấy lá rụng lơ thơ thế này đây.

Phòng ở của tôi nằm ngay sau phòng tư liệu, rất tiện đi lại làm việc. Trong phòng có một cái giường sắt, hai cái tủ, vật dụng còn lại cũng toàn kiểu đơn giản gần gũi.

Arnold không thích chỗ ở mới của tôi. Anh ta vỗ vỗ giường, chê cứng, kéo rèm cửa sổ, chê nắng vẫn lọt vào phòng, đóng cửa lại, chê cách âm chẳng tốt gì cả. Tôi thật tình không hiểu mấy cái ấy thì quan trọng gì, anh ta gãi gãi cằm, nói ra điều thâm sâu lắm: “Kiểu này thì lúc làm ồn phải biết, đứng ngoài còn thấy được cơ mà.”

Tôi tỉnh bơ đáp anh ta ra khỏi cửa: “Bác sĩ Visco, anh nghĩ hơi bị xa đấy.”

Trang trại Plymton không phải nơi làm việc chính của Arnold, chủ yếu anh ta hoạt động ở mấy cơ sở điều trị nội bộ giống kiểu Z của cục tình báo, chỉ về đây báo cáo mỗi cuối tuần. Báo cáo xong rảnh rang anh ta sẽ lượn sang phòng làm việc của tôi và ở lê rề suốt cả ngày.

Nếu bảo trước kia Andemund chỉ định thử chơi trò yêu đương với tôi, thì giờ quan hệ giữa tôi và Arnold cũng là một trò thử nghiệm. Tôi muốn thử quên Andemund, còn Arnold thì đơn giản là nhân cơ hội bất thiện.

Cuối tuần bọn tôi đi xem phim, ăn món Pháp. Lúc đi ngang qua công viên, một đàn bồ câu trắng vỗ cánh bay vút lên bầu trời, lông chim rơi lại đầy mặt đất. Tự dưng Arnold vẫy tay bảo tôi đứng lại chờ anh ta rồi chạy biến mất vào đám đông trên con đường ngoài công viên. Chẳng biết làm gì, vậy là tôi đứng đếm bồ câu cả giờ đồng hồ, cho đến khi đám bồ câu lại đột ngột kéo nhau bay lên lần nữa. Qua màn lông vũ và cánh chim trắng muốt tôi thấy Arnold đã trở lại, một tay đút túi áo, một tay cầm ba quả bóng bay màu đỏ vàng xanh, miệng cười tùm tùm.

Những trái bóng như trôi trong không trung, màu thật đẹp.

Anh ta nhét dây buộc bóng vào tay tôi, ngượng ngùng nói: “Đợi lâu hả? Thời buổi này thứ này khó kiếm lắm. Tự dưng tôi nhớ ra có tiệm bách hóa quen ở gần đây... đoán là cậu sẽ thích.”

Tôi biết Arnold muốn cái đồng hồ quả quýt bằng bạc vẫn nằm trong túi áo mình, chỉ cần anh ta lấy nó ra mối quan hệ này sẽ kết thúc. Không ai định nghiêm túc, nhưng chúng tôi đều tiếp tục chơi.

Đến khi gặp lại Andemund, tôi và Arnold thực tình đã hơi giống một cặp tình nhân.

Chỗ làm việc của Andemund nằm kín đáo tại phần sau trang trại Plymton, tôi đã tới đó vài lần. Đó là một tòa nhà hai tầng gạch đỏ rất yên tĩnh, nội bộ chúng tôi gọi là “gác đỏ”. Hiên cửa hình vòm, hai bên bậc thang trắng là tay vịn được sơn thành màu xanh sẫm. Lâu đời quá rồi nên tường gạch vỡ loang lổ. Thường ngày ảnh hay ngồi ở tầng một, tầng hai là phòng khách và nhà ăn riêng.

Hôm đó tôi có tài liệu phải giao cho Annie. Không có Andemund, gác đỏ thật trống trải, ánh nắng mùa đông chiếu xiên vào hành lang cũng đượm màu cô tịch. Vừa lúc Arnold đi từ trong ra, thấy tôi anh ta hơi sững sốt rồi lập tức hí hửng hươ hươ túi tài liệu trên tay trước mắt tôi: “Alan, qua đây, có cái này nói cho cậu nè.”

Vừa giữ sạch tuyết trên người, tôi mặc áo len cao cổ, áo khoác cổ đứng, quần khăn quàng dày cui, nói chung là trùm kín mít như một con gấu. Tôi đi qua hỏi anh ta có chuyện gì.

Đột nhiên anh ta giơ tay ôm ngang hông tôi rồi cúi xuống hôn phớt lên môi tôi.

Rất nhẹ, cực kỳ nhẹ, chỉ như một lời tán tỉnh bông lơn trước một nụ hôn dài.

Sau đó tôi nghe tiếng ho khan khe khẽ.

Bọn tôi đang đứng ở đầu hành lang, chỉ cần xoay người là có thể thấy Andemund. Anh ấy đứng trên bậc thang dưới hiên cửa, dưới chân là cái va-li da màu nâu, bên cạnh là một cô gái tóc vàng mắt xanh.

Lần đầu tiên tôi thấy Andemund mặc quân phục.

Quân phục bằng kaki màu xanh đậm, khuy đồng vàng tối, mũ kê-pi quân dụng, bóng vành mũ che khuất gần một nửa khuôn mặt. Anh ấy đi giày lính màu đen, dáng cao gầy đến cứng cỏi. Lâu lắm không gặp, hình như sắc mặt anh ấy lại tái hơn, cặp mắt màu lục thẫm trũng sâu hơn trước, có lẽ là thâm thúy hơn, và những đường nét trên khuôn mặt thì càng thêm kiên nghị. Ánh dương động thành một vầng sáng xung quanh anh ấy.

Như thể vừa trở về từ địa ngục, lạnh lùng băng giá.

Lập tức tôi thấy mình luống cuống.

Arnold lên tiếng chào anh ấy: “Chào mừng trở lại, Boss.”

Đến trang trại Plymton đã lâu mà không gặp anh ấy, tôi đã tưởng ảnh lại đi công cán dài ngày như mọi khi, giờ mới về. Hôm sau ngày hôm đó, việc Andemund bị cách ly thẩm tra mới được công khai trong trang trại Plymton, tin tức được bàn tán sôi sục. Tôi không biết anh ấy đã phải trải qua những gì, nhưng Arnold nói rằng: việc Andemund sống trở về lành lặn đã tuyên bố anh ấy là người chiến thắng trong cuộc đấu này. Rất lâu sau đó tôi hỏi anh ta đã biết thế sao không nói với tôi Andemund bị điều tra từ đầu, anh ta cười phá lên: “Nếu hỏi đó cậu biết ngài ấy bị điều tra, liệu tôi còn cơ hội tán cậu không?”

Từ một khoảng cách thật xa, anh ấy nhìn từ đầu đến chân tôi, cặp mắt màu lục nheo lại, rồi cuộc anh ấy nói khẽ: “Cứ tiếp tục đi.”

Sau đó anh ấy quay sang, ôm cô gái bên cạnh, chậm rãi cúi xuống hôn cô ta.

Lúc ấy tôi mới chú ý đến cô gái tóc vàng đó. Cô ta rất đẹp, mắt màu xanh nhạt, mặc áo khoác lông lạc đà, đi giày cao gót, đánh son đỏ tươi. Ánh mắt cô ta nhìn người khác hàm chứa vẻ kiêu căng lạnh nhạt như một con mèo. Ở một chừng mực nào đó, cô ta rất giống Andemund.

Andemund hôn rất chăm chú, một tay siết quanh eo cô gái. Mái tóc vàng quăn lộn như cuộn sóng của cô ta sáng chói lên dưới ánh nắng nhạt nhẽo.

Hết nửa ngày tôi mới cảm giác được Arnold đang kéo tay mình: “Bé Alan, đi thôi.”

Chúng tôi rời khỏi hành lang, lúc đi sượt qua anh ấy, Andemund ngẩng lên, buông cô gái trong lòng ra.

Giọng anh ấy vang lên đầy thất vọng: “Alan, anh không ngờ em nhận lời mời của C. Em khiến anh quá thất vọng.”

Tôi cố giữ giọng mình bình tĩnh: “Hiệp sĩ C nói ông ấy tin tưởng em. Em hy vọng anh cũng có thể nhận ra em đáng tin tưởng.”

“Tin tưởng à?” Andemund cười khẩy: “Anh đã trả giá quá đắt vì tin em, em có đáng không? Anh hối hận rồi.”

Anh ấy cầm tay cô gái bên cạnh lên giới thiệu với tôi: “Đây là Lena, vị hôn thê của anh.”

19. Chương 19

Lòng nhiệt tình của Raphael với “Mê” thực sự vượt quá tưởng tượng của tôi. Kể cả trong nội bộ trang trại Plymton, tài liệu của văn phòng số 1 vẫn thuộc diện bị bảo mật, vậy mà cậu ta vẫn chế tạo được một chiếc máy phát tín hiệu trong tình trạng không có bản thiết kế. Cậu ta từng nghiêm túc nói với tôi: “Alan, tôi muốn gặp người viết “Mê”, bất kể phải trả giá thể nào. Chỉ có thiên tài thực sự mới nghĩ ra phương pháp mã hóa này, tôi muốn gặp người đó, giá tôi được gặp người đó một lần!”

Tôi nhắc nhở cậu ta: “Người viết ra “Mê” là người Đức. Sau khi chiến tranh kết thúc nếu ông ta còn sống cậu cứ việc tới Berlin mà gặp.”

Cậu ta rất kinh ngạc: “Alan, chính cậu giải mã mà, không lẽ cậu không hề muốn biết tác giả của chúng là ai hả?”

Những buổi tối bất tận ngồi chiến đấu với “Mê” cùng Andemund tôi cũng đã tự hỏi người sáng tạo ra hệ thống mật mã này là ai. Chúng tôi giống như những kẻ chơi trốn tìm trong bóng tối, tôi muốn tìm được khóa mã, ông ta thì giấu chúng đi. Từ tưởng của tôi và người đó gặp nhau vô số lần trong cuộc chơi mật mã ấy, dần dần tôi còn thấy thực quen thuộc với lối tư duy của ông ta.

Tôi biết ở vùng đất xa xôi kia, có một người thông minh hơn chúng tôi thật nhiều, ông ta đang thao túng hệ thống tình báo chiến tranh. Nhưng tôi không thể tưởng tượng ra gương mặt người đó. Ông ta chắc sẽ không tao nhã lãnh đạm như Andemund, thậm chí trông ông ta hẳn rất bình thường, bình thường đến mức dễ dàng lẫn chìm trong biển người đông đúc trên đường phố Berlin.

Tôi trình một lá thư xin điều động công tác lên Andemund.

Cô gái tóc vàng bắt đầu thường xuyên xuất hiện ở trang trại Plymton.

Buổi sáng cô ta thường tới trong một chiếc xe jeep quân dụng màu xanh lục, cảnh vệ cho xe cô ta qua. Hôm tôi đến gác đồ trình thư, cửa phòng làm việc của Andemund chỉ khép hờ, vừa hay nhìn thấy anh ấy đang dạng chân ngồi ngả người trên ghế. Cô ta ngồi trên đùi anh ấy, cúi đầu hôn anh ấy. Thấy tôi đứng ngoài, Andemund lạnh nhạt giơ tay ra hiệu cho tôi để giấy tờ lên bàn rồi vòng tay kéo Lena sát vào mình thêm một chút, tiếp tục nụ hôn.

Ánh mắt lãnh đạm khi ấy khiến tôi nhớ lại đêm mưa mùa thu năm ngoái.

Anh ấy đến quán bar tìm tôi, quật ngã những kẻ đang ẩu đả với tôi rồi cho tôi một cú đấm giữa bụng.

Anh ấy nói với em phục vụ quán cà phê được tôi cứu rằng: “Cậu ta là đồng tính luyến ái, cô chia tay với cậu ta đi thì hơn.”

Ánh mắt anh ấy lúc ấy cũng lãnh đạm như thế. Chỉ khác ở chỗ khi đó anh ấy nhìn cô gái đang nấp sau lưng tôi, còn giờ là nhìn tôi.

Arnold thì rõ là lông bông. Không có Raphael, anh ta sẽ ngồi trên bàn làm việc của tôi rút khăn ra lau kính rồi nheo mắt hỏi tôi: “Andemund sắp kết hôn đấy, cậu vẫn muốn quên ngài ấy còn gì, có gì là không hay đâu?”

Tôi nghe giọng mình lặp lại một cách máy móc: “Ừ, có gì là không hay đâu.”

“Huống hồ vị hôn thê của ông là Lena, con gái tướng quân Celman đó.” Arnold bổ sung.

“Con gái... tướng quân Celman...?”

Anh ta phì cười: “Bé Alan ơi, đã bảo cậu còn ngây thơ quá mà. Điều tra cách ly của tổng cục tình báo, ba tháng đấy, có khi Andemund đã âm thầm chết ngóm ở trong tù rồi. Cậu nói xem, không trả giá chứ đành làm sao ông lãnh lặn về đây được?”

Tôi ngây người: “Vậy làm sao anh ấy về được?”

Arnold khoái trá lắc đầu: “Thì ông bán mình. Ông khiến con gái độc nhất của tướng Celman yêu ông. Chắc ông với cô nàng kia phải có gì với nhau rồi. Ngài Garcia giờ là con rể tương lai của tướng Celman... cậu đoán xem, ông tướng có cứu ngài ấy không? Tôi nghe nói Lena là một con mèo hoang, vậy mà Andemund cũng thuần được cô ta.”

Tôi không biết tổng cộng nước Anh có bao nhiêu vị tướng hay họ đóng những vai gì trong hệ thống phân tranh quyền lực. Arnold là cháu ruột tướng Bradley, tướng Celman có lẽ cũng là một vị tướng đương quyền như vậy. Andemund lấy con gái ông ta tức là anh sẽ đứng cùng một phe với ông ta trong cuộc chiến giành quyền lực. Anh ấy đánh đổi cuộc hôn nhân của mình lấy sự che chở của ông ta.

“Nước cờ này thật là thông minh.” Arnold vỗ tay tán thưởng: “Tôi cứ tưởng ông tiêu rồi cơ... vậy mà ông biến mình thành một quân cờ để tự thoát ra.”

Tôi hỏi anh ta: “Ông anh không phải cũng là tướng quân à? Sao anh vẫn làm việc cho Andemund?”

Anh ta bĩu môi bất cần: “Bé Alan à, sao cậu không nghĩ ngược lại nhỉ? Cái đó không cho thấy tôi kém cỏi, mà là vì địa vị của ngài Garcia ở cục tình báo quá cao rồi... Boss lớn đương nhiệm của MI-6, chứ cậu thấy sao hả?” anh ta nghĩ nghĩ một chút, hình như lại thấy không ổn liền để thêm một câu: “Không phải tôi đang khen ông đâu nhé, Alan, cậu phải quên ông đi nha.”

Sau đó anh ta cúi xuống hôn hôn má tôi.

Lúc rời ra, Arnold gạt đầu với ai đó sau lưng tôi, quay lại mới thấy Andemund và Lena đang đứng ngoài cửa.

Andemund vẫn mặc quân phục. Tôi thích nhìn anh ấy trong bộ quân phục, hai chân thon dài trông càng cao lớn điển trai hơn. Lena búi mớ tóc vàng kim lên, để lộ ra cái cổ trắng nõn. Cô ta kéo tay Andemund, hầu như dán lên mình anh ấy, cặp mắt màu lam nhạt như mắt mèo Ba Tư thỏa mãn híp lại. Lena không thèm để tâm đến bọn tôi, Andemund thì quay sang nhìn tôi, nói: “Alan, báo cáo phân tích của phòng 7 tháng này không đạt.”

Arnold cười mỉm ôm eo tôi: “Kìa bé Alan, sắp bóp vỡ cổ cà phê rồi.”

Tôi quay phắt lại xô anh ta vào tường, túm cổ áo anh ta: “Lần trước là gác đồ, lần này thì... từ sau đừng có hôn tôi trước mặt ông nữa! Muốn hại chết tôi à...”

Anh ta vừa uống cà phê tôi pha vừa cười khùng khục: “Ừ, đúng là tôi cố ý đấy.”

Arnold nghiêm mặt hỏi tôi: “Dù tôi cũng không tình nguyện lắm... nhưng bé Alan này, muốn tôi gặp ông nói chuyện không? Nói rõ cho ông biết quan hệ của tụi mình luôn?”

Đương nhiên là tôi không thể để anh ta đi nói với Andemund. Ừ thì gia thế Arnold không tồi, nhưng Andemund là thủ trưởng của anh ta. Huống hồ anh ta đã dùng hành động thực tế để chứng tỏ quan hệ giữa chúng tôi rồi còn đâu.

Trong khi đó chuyện Andemund đính hôn với Lena đã lan khắp trang trại Plymton. Tôi bắt đầu thấy Lena ở mọi nơi. Cô ta đi giày cao gót, trò chuyện tự do với các nhà khoa học ở Plymton. Có lúc thấy Andemund đi cùng cô ta, cũng có lúc chỉ có mình cô ta xuất hiện.

Raphael thường ngồi trên bậu cửa sổ cầm tách cà phê, bình luận: “Ngài Garcia đưa cô Lena về kìa, hạnh phúc thật đấy. Lần đầu tiên tôi thấy ngài Garcia dịu dàng thế đấy, đáng sợ thật.”

Andemund có vị hôn thê là một chuyện tốt, nhưng có hôn thê rồi mà còn gây sự với tôi thì không ổn.

Tôi đến gác đồ, Annie nói anh đang nghỉ trên nhà ăn tầng hai. Tôi đi lên cầu thang xoắn ốc, thấy một mình anh đang ngồi uống cà phê ở đầu bàn ăn dài. Không gian tràn ngập mùi cà phê nguyên chất.

“Em nhớ là đã nộp báo cáo rồi.”

Tôi đứng ngoài cửa nhìn anh từ xa, không muốn đến gần hơn.

Andemund ngồi chần sáng, một tay chống đầu, không nhìn rõ được gương mặt anh ấy.

“Phải, nhưng anh không hài lòng với báo cáo của em, Alan.” anh nhẹ nhàng nói: “Nếu đã tiếp nhận lời mời của trang trại Plymton, hy vọng em làm báo cáo nghiêm túc một chút.”

“Em thấy em làm rất nghiêm túc rồi.” tôi cười nhạt: “Hơn nhiều ai đó để tình nhân tự do ra vào phòng dịch tin MI-6.”

“Lena là người trong tổ chức, cô ấy có quyền vào đây. Hơn nữa cô ấy không phải tình nhân của anh, là vị hôn thê.” Andemund bình tĩnh nói: “Alan, lại đây.”

Tôi tiến tới. Đến gần mới nhận ra gương mặt anh ấy đang căng cứng, thái độ rất khó coi.

Anh chỉ chỉ đuôi mình, châm chọc: “Không muốn làm lại báo cáo đúng không, ngồi xuống đây.”

Tôi nhướn mày: “Mỗi con gái tướng quân thì chưa đủ hả?”

Đột nhiên anh ấy đứng bật dậy, siết tay thui một cú vào bụng tôi. Tôi gập người, lão đảo bước lùi mấy bước, cảm giác được anh ấy đỡ sau lưng tôi, một tay nhắc bóng đầu gối tôi lên, đến khi anh ấy ngồi lại trên ghế tôi đã bị bắt yên vị trên đùi anh ấy.

Cú đâm của Andemund không hề nương tay một chút nào, tôi cứ tưởng trời sập xuống rồi.

Hai tay anh ấy ghì chặt thắt lưng tôi, bắt tôi ngồi với một tư thế thật cam chịu. Đợi tôi tỉnh lại từ cơn nôn nao buồn ói, anh mới nói: “Anh đã nhận được đơn xin chuyển sang phòng số 1 của em.”

“Em đã giải ‘Mê’, nhưng còn rất nhiều chỗ cần hoàn thiện nốt. Tại sao em không thể làm việc ở văn phòng số 1?”

Andemund chăm chăm nhìn tôi: “Những gì còn lại anh sẽ thay em hoàn thành.”

Anh ấy với tay kéo cổ máy lắp ghép cạnh bàn ăn lại gần. Hình như chúng vẫn đang được chế tạo, nắp chưa đóng, cơ quan bên trong nhìn rất giống “Mê” nhưng cách nối mạch điện thì ngược lại.

“Máy giải mã, có thể nâng cao năng suất làm việc của chúng ta. Anh thiết kế dựa trên phương pháp giải mã của em.” bàn tay anh ấy thờ ơ gõ vỗ ngoài cái máy, rồi rút lại, đáp xuống trên hông tôi, mơn man dọc sống lưng tôi: “Như em... mà muốn làm ở phòng số 1 à?”

Andemund biết chơi đàn dương cầm. Ngón tay anh ấy rất tinh tế và nhạy cảm, chúng dừng trên cổ tay, khẽ xoa nắn rồi đột nhiên ghì lấy ót tôi. Tôi còn đang chú tâm vào cái máy giải mã, chỉ sơ hở một giây đã thấy mặt mình suýt nữa va vào mặt anh ấy.

Cự li quá gần, hóa ra lại không thể nhìn rõ gương mặt anh ấy. Lông mi anh ấy đập vào da tôi, mũi anh ấy cọ trên mũi tôi. Bàn tay đang giữ ót tôi chợt siết lại, hơi đau đớn.

Tôi cảm giác được tay kia anh ấy bắt đầu trượt xuống, lần lần kéo khóa quần tôi.

Anh ấy ngồi dạng chân trên ghế, tôi ngồi trên người anh ấy, chúng tôi đều hiểu tư thế này nghĩa là sao.

Tôi chộp lấy tay anh ấy: “Sắp kết hôn rồi, không đứng đắn một chút được sao?”

Anh ấy bật cười.

“Sao em không nghĩ anh sẽ muốn chơi nốt một lần trước khi kết hôn nhỉ, Alan?” giọng anh ấy đầy mê hoặc: “Hồi đó theo đuổi anh không phải em vẫn rất muốn làm với anh sao?”

Ma xui quỷ khiến thế nào mà tôi nói: “Vậy thì anh phải ở dưới.”

Chóp mũi Andemund cọ qua mũi tôi, âm sắc vang lên khàn khàn vì dục vọng: “Thì anh đang ở dưới đây thôi?”

Ảnh định làm thật.

Vì nơi chúng tôi tiếp xúc bên dưới tôi đã cương lên.

20. Chương 20

Andemund ngã ra xa khỏi mặt tôi, đầu anh ấy hơi ngửa ra sau, từ cằm đến cổ tạo thành một nét vồng thật duyên dáng.

Một tay anh ấy giữ thắt lưng tôi, tay kia giật mở khóa quần tôi.

Cách một lần vãi quần, anh ấy vuốt ve nơi đó của tôi rồi nói bằng giọng đầy bồn chồn: “Xem này, em cũng hào hứng đấy chứ.”

Andemund mà tôi đã thích bao nhiêu năm, Andemund thậm chí tôi si mê từ thời cấp sách lên giảng đường, giờ này cơ thể chúng tôi dán lấy nhau, tôi hầu như cảm nhận được thân nhiệt của anh ấy dưới lớp quần áo.

Ngón tay Andemund trơn rất nhẹ, ve vuốt một thoáng rồi lại hờ hững rời đi. Máu trong người tôi như vọt hết lên đỉnh đầu. Đột nhiên tôi nghĩ mình sẽ liêu lĩnh đè anh ấy xuống, xé toạc áo quần anh ấy, xâm nhập vào tận nơi sâu thẳm trong anh ấy. May sao, lý trí tôi vẫn còn.

Co gối thúc mạnh vào bụng anh ấy, tôi vùng thoát ra, lú lút nói: “Em đi về. Lần sau muốn làm thì dạng chân ra trước, lúc nào em cũng tiếp.”

Tôi đã không chút nương chân, Andemund thì không hề đề phòng, mặt anh ấy thoát cái trắng bệch, anh ấy gập cả người lại.

Thấy ảnh ôm bụng tôi cũng hoảng, bỏ ra đến cửa rồi lại chạy trở vào: “Cần em gọi bác sĩ không?”

Andemund ngẩng lên, ảnh đang cười: “Muốn yêu Arnold em cũng nên nói với anh một tiếng chứ. Cậu ta chơi bởi thiếu gì phụ nữ, anh biết cậu ta cũng chẳng để ý anh thế nào với em đâu.”

Tôi ngơ ngác đứng trước mặt anh ấy. Đột nhiên anh ấy chồm dậy khỏi cái ghế, chóp mắt đã quật ngã tôi xuống bàn ăn. Tôi bậm môi định thụi cho ảnh một cú, anh ấy chộp được tay tôi, bẻ quặt ra sau lưng. Chúng tôi mặt đối mặt vật lộn một hồi. Cái máy giải mã đang lắp dở bị gạt trượt sang đầu kia bàn, đĩa ăn và tách cà phê rơi xuống sàn vỡ loảng xoảng.

Vốn không phải đối thủ của ảnh, rốt cuộc tôi bị đè xuống bàn ăn, hai tay bị kéo giật lên trên đầu.

Andemund lạnh lùng nhìn xuống tôi, họng súng của anh ấy đã dí dưới cằm tôi.

“Nghe lời anh, Alan. Dạng chân ra.”

“Anh điên rồi.” Tôi nói.

Andemund gật đầu tán thành: “Phải, anh điên rồi, Alan.”

Anh ấy giật thắt lưng quần tôi ra, nòng súng lục luồn qua cạp quần tôi, cổ đẩy hai chân tôi dạng ra.

“Giơ lên.” anh ấy ra lệnh.

Tôi tuyệt nhiên không dám cử động, toàn thân tôi lúc này gần như cứng đờ, chỉ sợ khê động một cái súng sẽ cướp cò.

Quần bị tụt xuống quá đầu gối, tôi cảm thấy da thịt mình lộ trần dưới cái lạnh mùa đông.

Andemund cúi xuống nhìn tôi. Tận cùng bàn ăn dài là khung cửa sổ hình vòm cao vợi, khi anh ấy cúi xuống, nắng ướp quanh anh ấy một tầng vàng kim rực rỡ. Ánh dương ập đến chói quá, tôi chỉ còn biết nhắm nghiền hai mắt lại.

Giọng anh ấy mơ hồ quẩn quanh bên tai tôi: “Alan, không phải anh muốn lấy Lena, anh phải lấy cô ấy. Anh đã bán mình cho tướng Celman rồi.”

Anh ấy lại dịu dàng hỏi: “Em và Arnold hạnh phúc sao?”

“Thời gian anh ta dành cho em nhiều hơn anh nhiều.” tôi đáp.

Andemund bật cười nhạt, bàn tay tuần tự cởi từng khuy áo măng-tô rồi đến cúc áo sơ-mi của tôi. Tôi cảm nhận được nòng súng trượt từ ngực xuống bụng mình, rồi dừng lại trên thắt lưng.

“Anh đã xin em chờ anh.”

“Em chưa bao giờ đồng ý chờ anh cả.”

“Ừ, em chưa bao giờ.” anh ấy tán đồng: “Nhưng anh đã nói với em rồi, bỏ anh, không có nghĩa là em được phép đi tìm người đàn ông khác. Ngày đó em theo đuổi anh nhiệt tình hơn bây giờ nhiều.”

“Chờ anh kết hôn à?” tôi cười nhạo báng: “Chẳng thà em chờ Arnold đừng trăng hoa nữa.”

“Alan, em nghĩ cậu ta trong sạch đến mức nào? Cậu ta là người hành quyết của cục tình báo, người tiền nhiệm của cậu ta chính là kẻ đã xử lý cha mẹ em đó. Mà tương lai rất có thể chính cậu ta sẽ là người sẽ xử lý em. Chúc hai người hạnh phúc.” nòng súng của anh ấy trở lại dí dưới cằm tôi, tay kia anh ấy bắt được vật đó của tôi qua lớp vải quần lót. Sự đụng chạm và xoa nắn từ những đầu ngón tay anh ấy khiến hơi thở tôi trở nên gấp gáp. Cảm giác bị khiêu khích mà không sao được thỏa mãn này thật sự làm người ta điên cuồng, toàn thân tôi đã muốn trần cẳng căng thẳng.

Nếu không có khẩu súng này, tôi đã vùng dậy vật nhau với anh ấy một trận nữa, lúc ấy nói không chừng người bị đè xuống lại là anh ấy.

“Dạng chân ra xa nữa, quần lấy thắt lưng anh.”

“Nếu em không ở cùng Arnold, anh sẽ bỏ Lena chứ?”

Andemund khựng lại.

Tôi lắc đầu: “Ngày em ở Cambridge, khi anh đồng ý thử yêu em anh đã biết rồi sẽ đến lúc mình lấy con gái một lão già đương quyền đương chức nào đó đúng không? Anh biết chúng ta không thể có kết quả, tại sao còn muốn em chờ anh? Anh chưa từng nghiêm túc đối với em, tại sao còn đòi em nghiêm túc?”

Anh ấy không trả lời, chỉ có nòng súng thô bạo thúc tới, ra sức khiêu khích tôi.

Căn bản mà nói, đây là một màn điên cuồng phi lý, chúng sẽ chỉ khiến tôi thêm đau khổ. Sau hôm nay anh ấy sẽ kết hôn với Lena, sẽ bước ra khỏi cuộc đời tôi, không bao giờ quay đầu lại. Nếu ngay từ đầu anh ấy không hề nghiêm túc, tại sao đến giờ vẫn muốn khiến tôi đau khổ?

Giọng anh ấy khàn khàn tắc nghẹn: “Nói yêu anh đi, Alan.”

Não bộ tôi lúc này hoàn toàn rối bung bét, cả người thì hừng hực như rang giữa chảo lửa.

Tôi nghe giọng mình rên rỉ đầy khao khát, cả cảm giác nhẹ bẫng khi áo sơ-mi của anh ấy chà xát trên thân thể tôi cũng trở nên mê hoặc không thể cưỡng lại.

Tôi nghe giọng mình nói: “Em yêu anh.”

Cặp mắt màu lục thẫm của Andemund híp lại, hàng mi anh ấy rợp xuống, anh ấy dụi cằm vào hõm vai tôi.

“Anh cũng yêu em, Alan.”

Đó là một buổi chiều tối, sau đó là màn đêm. Vầng hào quang đỏ ối nhuộm màu máu tươi lên suốt dãy bàn gỗ sồi trong nhà ăn tầng hai, và rồi màu sắc cũng dần dần tuột mất.

Tôi không nhớ chúng tôi đã làm bao nhiêu lần trên bàn ăn, cho đến khi anh ấy bế bồng tôi lên, đẩy ép tôi trên cánh cửa sổ thủy tinh để tiếp tục một lần nữa.

Là anh ấy tiến vào tôi.

Động tác của Andemund không hề dịu dàng, lần đầu tiên bị anh ấy xâm nhập tôi chỉ thấy đau như toàn thân bị xé toạc. Nhưng anh ấy không ngừng hôn lưng tôi, như thể cố gắng cho tôi chút nào yên ủi.

Lúc đầu anh ấy dí súng dưới cằm tôi, sau đó khẩu súng cũng bị ném sang một bên, lý trí đã hoàn toàn sụp đổ, giữa đỉnh cực khoái hai chân tôi chủ động giơ lên quấn quanh eo anh ấy. Anh ấy giằng hai chân tôi ra, lật tôi lại thành một tư thế khác để lại tiếp tục. Tôi chỉ còn biết ra sức lờ đi những vết chất lỏng màu trắng đục đáng hổ thẹn dầy khấp người mình.

Khi tất cả chấm dứt tôi đã đứng không vững nữa, hai đùi cùng run lẩy bẩy. Andemund đỡ tôi dậy, lấy áo măng-tô của anh ấy bọc lấy tôi, nửa ôm nửa bế tôi xuống lầu.

“Alan, anh muốn cho em thấy một thứ.”

Tầng một có một phòng chiếu phim nho nhỏ.

Lúc này đã hết giờ làm việc, đèn hành lang cũng đã tắt, Andemund ôm tôi xuống đẩy mở cửa phòng chiếu phim.

Trong phòng có ba hàng ghế ngồi, một màn hình màu trắng treo giữa bức tường chính diện.

Andemund đặt tôi ngồi ở hàng ghế cuối cùng rồi đi lên bật máy chiếu.

Màn hình màu trắng đột nhiên bị thay bằng ánh sáng và hàng loạt hình ảnh, là đường phố Berlin, người đi nườm nượp đông đúc.

Trong phút chốc tiếng Đức tràn ngập căn phòng.

Andemund bấm dừng phim, trên màn ảnh lúc này là một buồng điện thoại bên ngoài một cơ quan chính phủ.

Anh ấy phóng đại hình ảnh, đó là một buồng điện thoại bằng gỗ, gần đó có đôi ba tốp người đi đường.

Qua lớp kính thủy tinh của buồng điện thoại, tôi có thể thấy được người phụ nữ đứng bên trong.

Phương pháp ghi hình có lẽ hơi cổ, chất lượng hình ảnh không tốt lắm. Tôi thấy đó là một người phụ nữ trung niên, kỳ lạ là dường như năm tháng không hề để lại mấy vết tích trên gương mặt bà ấy. Bà ấy vẫn dịu dàng và xinh đẹp như thế. Hình ảnh chiếu gần hơn, tôi có thể lờ mờ nhận ra màu mắt lam xám và mái tóc quăn dài màu hạt dẻ của bà. Hẳn khi ấy là mùa hè, bà ấy mặc một bộ váy ngắn, tay cắp bao tài liệu, bồn chồn đợi cuộc gọi đến. Đợi một lúc lâu có lẽ bà ấy đã bỏ cuộc, bắt đầu cầm ống nghe chuẩn bị gọi đi.

Đột nhiên hình ảnh bị rung lắc dữ dội, một tiếng súng đánh gọn xé ngang không gian.

Màn ảnh bị loang đỏ vì máu rồi lại lắc lư một hồi nữa, cuối cùng là bầu trời trong vắt không mây.

Andemund đứng sau lưng ôm vai tôi: “Đây là hình ảnh đặc vụ của chúng ta quay được ở Berlin hai năm trước. Camera gắn ở cà-vạt anh ta. Anh ta bị bắn chết, nhưng chúng ta đã thu lại được chiếc cà-vạt đó.”

Ánh sao yếu ớt hắt vào từ cửa sổ, rơi xuống chỗ ngồi trống bên cạnh tôi.

Tôi bưng mặt, đau đớn nói: “Không... chỉ là người rất giống. Đây là trùng hợp. Mẹ em đã chết rồi.”

Andemund hôn cổ tôi.

“Alan, anh không nhận lầm, em cũng sẽ không nhận lầm. Đó là phu nhân Castor. Bà ấy còn sống, và đang làm việc cho Berlin.”

Tôi nghe thấy anh ấy thở dài sau tai tôi: “Đó là lý do anh không muốn em vào MI-6.”

Mẹ tôi còn sống, bà không chết trong vụ hỏa hoạn mười lăm năm trước. Năm đó bà đã phản bội tổ chức để quan hệ với Quốc xã.

Không biết nên mừng rỡ hay thống khổ.

Tôi chỉ còn biết lặp đi lặp lại với mình rằng đó không phải bà, không phải bà, không thể là bà, bà đã yêu nước Anh đến nhường nào...

“Anh đã kiểm tra lại giấy tờ lưu trữ về cuộc thanh trừng hồi đó. Nhà trọ của ngài Castor và phu nhân bị cháy rụi, người của bọn anh cho rằng họ đã chết nhưng không tìm được thi thể.” trong bóng tối, giọng Andemund nghe đặc biệt rõ ràng: “Không bao giờ C thực sự tin em, anh đã muốn đẩy em xa khỏi tất cả chuyện này, nhưng tự em lại quay lại đây.”

Tôi tuyệt vọng hỏi: “Giờ ra đi còn kịp chứ?”

Anh ấy vẫn tiếp tục bằng giọng dịu dàng đến tàn nhẫn: “Quá muộn rồi, tổng cục biết rồi. Vì em anh đã giữ kín thông tin này gần ba năm, nhưng sau khi ‘Mê’ được giải một số tin tình báo khác đã gián tiếp tiết lộ nó. Cũng vì sự giấu giếm này mà anh bị điều tra ba tháng, suýt nữa đánh mất lòng tin của Whitehall.”

Anh ấy ghì chặt hai vai tôi, tôi thực sự khó chịu.

“Ba tháng ấy trôi qua như dưới địa ngục, nhưng đừng để tâm, Alan. Em đã dùng thân thể bồi thường cho anh rồi. Nếu thực lòng em muốn vậy thì từ mai, em đến phòng 1 làm đi.”

Từ lần đầu tiên chúng tôi gặp gỡ Andemund đã biết về đoạn tin tình báo này. Anh ấy dứt khoát nói chia tay tôi, nói rằng anh ấy không tin tôi.

Đích thực là anh ấy không thể tin tôi.

Không phải anh ấy không yêu tôi, mà là không thể yêu.

Là tôi ngoan cố theo đuổi anh ấy, tôi hết lần này đến lần khác dần bước vào cuộc đời anh ấy.

21. Chương 21

Rốt cuộc tôi đã hiểu vì sao Andemund muốn đẩy tôi tránh xa khỏi trang trại Plymton. Anh ấy biết nơi này là vòng xoáy dữ dội nhất giữa biển khơi, mà chỉ cần lá mình đi chậm một bước tôi sẽ kết thúc tại đây đại dương sâu thẳm, không để lại dù chỉ một mảnh vỡ trôi dạt... bất kể là tinh thần hay thể xác.

Những ngày ở bên nhau, tôi từng kể về mẹ mình một cách sùng bái không biết bao nhiêu lần. Anh ấy biết phu nhân Castor là cột trụ duy nhất trong tâm hồn tôi, là tín ngưỡng của tôi. Từ việc giải mã “Mê” giúp Lindon cho đến quyết định gia nhập trang trại Plymton tôi đều chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bà. Giọng cổ vũ của bà vẫn luôn dịu dàng vang bên tai tôi: “Alan, con làm rất đúng, con đang cống hiến vì nước Anh quang vinh của chúng ta.”

Như thể chỉ cần quay đầu lại, tôi sẽ lại được thấy đôi mắt màu lam xám tuyệt đẹp ấy.

Andemund hiểu rõ hậu quả khi một niềm tin đổ vỡ, và cả sự nghiêm trọng của tội danh phản quốc. Dù tôi sẽ không phải chịu một hình phạt nào vì mẹ tôi phản quốc nhưng nỗi ô nhục tội lỗi của cả gia đình sẽ giày vò lương tâm tôi, sẽ bám víu lấy tôi suốt cuộc đời. Tôi không còn là con trai của nhà mật mã học Jane Castor nữa, mà là con của một kẻ phản bội.

Không... không, điều đó không quan trọng.

Quan trọng là tín ngưỡng của tôi với mẹ đã sụp đổ. Kéo theo đó là vũng lầy giằng xé giữa lương tri và tình thân sẽ khiến tôi đau đớn khôn cùng.

Tôi nhớ đến một câu từng đọc trong một tài liệu tiếng Đức. Goethe nói rằng, trong thời đại nhiều nhường này, người có thể nép mình vào nơi thẳm sâu an tĩnh của những tình cảm mãnh liệt thực là hạnh phúc. Tôi vốn đã có thể hạnh phúc. Như những gì Andemund muốn, đứng ra tôi nên rời bỏ anh ấy, tránh xa khỏi sự thực, nhận công việc giảng dạy sau khi tốt nghiệp Cambridge, rồi đến một ngày đạt được chút thành tựu

trong giới số học sẽ có những cuốn giáo trình in tên tôi một cách hoa lệ – Alan Castor, người phát kiến ra lý thuyết quan trọng. Những cuốn sách thơm nồng mùi mực mới.

Nếu như thế, trong trận chiến này tôi đã có thể sống ẩn dật với hạnh phúc yên bình của mình. Andemund bị điều tra ba tháng vì che giấu thông tin tình báo ấy, điều đó có nghĩa là anh ấy đã cố gắng dành cho tôi hạnh phúc, mà tôi thì cự tuyệt nó. Bởi vì chiến tranh vĩnh viễn không cho ta thứ ta muốn.

Sau lần cưỡng bức tối hôm đó, Andemund để tôi lại một mình trong phòng chiếu phim vắng lặng. Anh ấy trông bộ dạng thì rõ đường hoàng nhã nhặn, mà lúc làm tình thực không biết kiềm chế một chút nào, thất lưng tôi hầu như không còn cảm giác gì nữa, chỉ mơ hồ thấy bước đi một bước chân mình lại run lẩy bẩy như lá khô mùa thu. Nếu không phải Andemund đỡ tôi, vừa xong chưa chắc tôi đã xuống được đến phòng chiếu phim.

Tinh thần và thể xác cùng tan nát, tôi đã tưởng mình không thể về đến phòng riêng phía sau văn phòng số 7.

May mà gặp Arnold.

Phòng số 7 là một tòa nhà xây gạch đỏ cải tạo lại từ kho chứa đồ cũ của trang trại. Arnold mặc quân phục, rảnh rỗi đứng dựa lưng vào cánh cửa gỗ sơn xanh nghịch cái đồng hồ quả quýt, cầm dây thả xuống rút lên. Vừa thấy tôi anh ta đã vẫy: “Hi, tròn mười hai giờ, giày thủy tinh có còn dưới chân không nàng công chúa?”

Sau đó anh ta chợt nghiêm mặt, nín bật lời nói giỡn, vội vàng chạy đến đỡ tôi: “Alan, cậu sao thế này?!”

Người tôi lúc ấy chỉ khoác tạm cái áo măng-tô. Lúc được anh ta đỡ tôi đã dựa cả người lên người anh ta, tay vắt trên cánh tay anh ta, cái áo khoác tuột ra. Cánh tay Arnold đang níu tay tôi bỗng chốc siết chặt, tôi đau đến kêu lên, anh ta vội xin lỗi rồi thả ra.

Tôi biết Arnold đã thấy gì.

Dưới áo khoác, áo sơ-mi của tôi phanh mở để lộ khoảng ngực rải đầy vết hôn lẫn vết cắn của Andemund, dấu tích hầu hết tập trung quanh hai điểm mẫn cảm trước ngực, chỗ sâu chỗ cạn. Quần đã vứt lại gác đỏ, dưới vạt áo sơ-mi là hai chân trần. Tôi vẫn cảm thấy người mình dính dấp, lúc này mới nhận ra vết máu chảy thành dòng nơi mé trong đùi.

Arnold không nói một lời, anh ta dìu tôi vào phòng, bế tôi lên giường.

Lần đầu tiên tôi thấy bộ dạng lạnh lùng này của con cáo ấy. Anh ta vắn nước ấm đầy bồn rồi hỏi vọng vào từ nhà tắm chật chội: “Alan, cậu tự tắm hay tôi giúp cậu?”

Tôi tự tắm, nhưng từ đầu đến cuối Arnold cương quyết đứng cạnh cửa nhìn tôi.

“Arnold, phiền anh ra ngoài đợi tôi nửa giờ đi.”

Anh ta không nói gì, vẫn cố chấp đứng khoanh tay tại chỗ, đôi mắt sau cặp kính gọng vàng tuyệt không biểu cảm.

Một hồi lâu sau anh ta mới lên tiếng: “Alan, cậu không tự nguyện đúng không?”

Lúc này tôi đã gần như kiệt sức, mất một lúc mới trả lời được.

“Ừ, tôi không tự nguyện.”

“Ngày mai tôi sẽ tới gặp Andemund Garcia.”

Máu khô hòa tan trong nước ấm thành những tia mảnh mai nổi lơ lửng trên mặt nước. Tôi cảm thấy đầu óc mình choáng váng, hơi nước ngợp trong buồng phổi, cảnh vật trước mắt phút chốc trở nên méo mó dị dạng. Giấy ký ức cuối cùng tôi nhớ được là hình ảnh Arnold lao tới từ khung cửa, xốc tôi dậy khỏi bồn tắm, nước vãi tung tóe trên sàn.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, không khí nồng nặc mùi khói thuốc. Arnold ngồi hút thuốc cạnh giường tôi, quay lưng về phía tôi, hai chân bắt chéo, bộ quân phục kaki màu xanh thẫm trên người nhàu nhĩ không chừa chỗ nào. Giữa hai ngón tay anh ta còn kẹp một điếu Gavloise, khói thuốc xanh nhạt vờ vờ tỏa từ đầu lọc đang

cháy rồi tan biến vào làn nắng sớm nhòe nhoẹt. Tôi không thích loại thuốc lá nhân Pháp này, mùi quá nặng, luôn khiến cổ họng tôi khó chịu.

“Cảm ơn, ngài Visco.”

Arnold đứng dậy bước tới cạnh cửa sổ, đẩy mở cánh cửa thủy tinh để không khí tươi mới tràn vào phòng, anh ta quăng điều thuốc đang hút dở đi, lại rút bật lửa ra châm một điếu mới. Arnold đứng dựa cửa sổ rút vài hơi thuốc rồi quay lại nhìn tôi cười khở: “Bé Alan à, cái thói quen ngất xỉu trong lòng tôi phải sửa đi nhé, ít ra thì lần tới nhớ mặc đồ vào. Cậu đánh giá cao phong độ quý ông của tôi quá rồi.”

Tôi chỉ điều thuốc trên tay anh ta: “Tôi tưởng anh không bao giờ dùng thuốc ảnh hưởng thần kinh?”

“Thỉnh thoảng làm một điếu cũng không tồi.”

Anh ta rầu rĩ nhìn tôi: “Alan, sắc mặt cậu tệ lắm. Đang tắm mà cậu ngất xỉu đấy.”

Arnold đưa cho tôi một cốc nước và aspirin.

Đoạn, anh ta cầm mũ đi ra cửa.

Tôi gọi anh ta lại: “Đừng đi gặp Andemund.”

Đã bước chân đến cửa, Arnold khựng lại.

“Chuyện đó thế là xong rồi... sau này anh ấy sẽ lấy cô Lena, chúng tôi kết thúc ở đây.”

Cổ họng khô khốc, tôi cố nuốt nước bọt: “Andemund là thủ trưởng của anh, anh không cần vì tôi đến mức ấy. Cảm ơn anh.”

Arnold quay đầu lại, bước nhanh tới bên tôi, cúi xuống hôn hôn trán tôi.

Đột nhiên anh ta có vẻ rất hăng hái.

“Tình thần cậu bây giờ kém quá Alan à. Tháng 8 hoa mùa hoa oải hương mình sẽ đến nhà nghỉ bên hồ chơi, cậu phải nghỉ ngơi tử tế thôi. Lên xe lửa từ trạm Euston London, đi tuyến Oxenholme ra hồ thì loáng một cái là đến hồ Windermere rồi.”

Andemund nói được là làm được, ngày hôm sau đã có người chuyển đồ đạc của tôi sang văn phòng số 1.

Hiếm có lần mới thấy Raphael đến gõ cửa phòng tôi, cuối cùng cũng chỉ đứng ngoài mà không vào: “Alan, nghe nói cậu được chuyển sang phòng 1 phải không?”

Tôi đang nằm sục sục trên giường, đáp bằng giọng khàn khàn.

“Ừ.”

“Bị cảm à?”

Tôi cuộn mình lại, kéo chăn trùm đầu: “Ừ.”

“Coi chừng sức khỏe đấy, đừng để sốt hư não.”

Để tiêu ma được lòng ngưỡng mộ dạt dào mà Raphael dành cho tôi vì đã giải được “Mê” cũng là một quá trình dài dòng khốn khổ với cậu ta. Được cái đến giờ thì cầm một tập tài liệu trên bàn tôi thôi cậu ta cũng phải phủi bụi chán chê, phủi xong còn không quên móc khăn tay ra chùi chùi rồi mới thềm mở ra coi.

Cậu ta đứng ngần ngừ ở cửa thêm một hồi nữa.

“Alan, nếu tôi nói tôi đang thiết kế máy giải mã “Mê”, cậu sẵn sàng xem bản vẽ giúp tôi chứ?”

Cậu ta ngừng lời một chút rồi nói tiếp: “Tôi nghĩ ở trang trại Plymton lúc này ngoài ngài Garcia chỉ có cậu xem hiểu nó.”

Thực sự sốc được tôi dậy khỏi giường rồi cuộc không phải là Andemund, cũng không phải Arnold, mà là Edgar và “Mê”.

Andemund chỉ làm tôi thêm đau khổ, còn Arnold thì sẽ nói, Alan à, tình trạng cậu tệ quá, không muốn làm việc thì thôi đừng miễn cưỡng mình.

Cuối cùng tôi trở dậy, mặc quần áo đến văn phòng số 1.

Thời tiết hình như đã kịp ấm lên trong một tuần tôi nằm bẹp trên giường, thỉnh thoảng có vài con chim oanh sà xuống bậu cửa sổ mổ vụn bánh mì, màu vàng cam chen kín khoảng lồng trước bụng.

Tôi viết một lá thư cho Edgar, không thể nói rằng mẹ tôi còn sống, chỉ bảo cậu ấy mẹ tôi bị tình nghi phản bội tổ quốc và tôi đau lòng biết nhường nào.

Edgar biên thư trả lời rất mau, viết bằng tờ giấy viết thư chuyên dụng của không quân Hoàng gia.

Đương nhiên là cậu ấy không hiểu được mức độ nghiêm trọng của vấn đề, chỉ nói giỡn rằng thời buổi chiến tranh này một nửa các bà già trong vùng cậu ấy đóng quân bị cả nửa còn lại tố tội phản quốc, vậy nên tôi đừng có lo.

Edgar vẫn còn vẽ, một bức họa của tôi kẹp chung với lá thư.

Đó là Alan Castor thời đại học, đôi mắt sáng ngời và gương mặt rạng rỡ lạc quan. Cậu ta mỉm cười với tôi trên tờ giấy, khiến tôi nhớ lại những ngày tươi đẹp năm xưa.

Edgar viết thêm mấy dòng bằng mực màu xanh nhạt trong góc trái lá thư.

Vẫn là những lời cậu ấy từng nói với tôi ngày đó.

“Alan, bạn yêu ơi, không tin cả mẹ mình thì cậu sẽ tin ai đây?”

Bởi thế tôi lại đứng dậy, nghiên cứu máy giải mã “Mê” cùng Raphael.

“Mê” đóng vai trò cực kỳ quan trọng là bởi vì gần như toàn bộ hệ thống tình báo cao cấp của Đức đều sử dụng nó. Nếu ví lượng điện tín trang trại Plymton chặn được mỗi ngày là một ngàn, thì số chúng tôi có thể giải được bằng phương pháp thủ công chỉ xấp xỉ một trăm. Kể cả chúng tôi có nắm được tin tức ghi lại mệnh lệnh đích thân Hitler đưa ra nhưng thời gian giải mã không có, chúng tôi không thể biết được chúng quan trọng đến mức nào, rốt cuộc chúng lại bị lãng quên trong đồng tin tức thường thường vô dụng. Vì thế việc vô cùng cấp bách lúc này là phải làm sao tối đa hóa được hiệu suất giải mã tình báo, chọn lọc ra những tin tức có giá trị nhất.

Ở một góc độ nào đó mà nói, máy giải mã đã cứu cả nước Anh.

22. Chương 22

Tôi tin rằng điều lớn lao nhất mình có thể cống hiến cho trang trại Plymton lúc này là cố gắng thúc đẩy việc phát minh máy giải mã.

Khoa học vô biên giới, toán học gia cũng không thể phân biệt rạch ròi thứ bậc. Mỗi con người ở Plymton đều từng là thiên tài số học hay một ngành học độc đáo nào đó. Hầu hết họ còn rất trẻ, đều được Andemund tuyển chọn thẳng từ trường đại học hoặc các cơ quan nghiên cứu, ai nấy đều tràn trề nhựa sống và chí phấn đấu. Bảo rằng “từng là”, ấy là vì tất cả bọn họ đều đã từ bỏ ngành học buổi đầu để dấn thân vào mặt mã học.

Có bữa tôi ngồi chơi đồ bài toán chó chạy với hai đồng sự ở văn phòng số 1, một trong số họ là giáo sư tiếng Pháp của Oxford, kiêm nhà nghiên cứu số học nghiệp dư.

Đề bài ấy thì rất kinh điển, hai người tiến về phía nhau, một con chó chạy đi chạy lại giữa họ, hỏi đến khi hai người gặp nhau con chó đã chạy được quãng đường bao xa. Người biết mẹo chỉ cần tính thời gian từ lúc xuất phát đến lúc họ gặp nhau nhân với tốc độ chạy của con chó là ra đáp án.

Ngài giáo sư tiếng Pháp nọ cũng cho tôi câu trả lời chính xác.

Tôi liền hỏi giỡn: “Anh biết mẹo giải há?”

Anh ta rất kinh ngạc hỏi lại: “Có mẹo sao? Tôi chỉ tính quãng đường con chó chạy mỗi lần rồi bội số chúng lên thôi.”

Ra đó là văn phòng số 1.

Văn phòng số 1 nằm tại một góc hẻo lánh của trang trại Plymton, là một khối kiến trúc Tudor sừng sững cô quạnh giữa ánh nắng mùa đông. Bản tính trầm lặng của Andemund khiến cả gác đỏ và nơi này đều có vẻ thật bí ẩn. Tôi đã đứng tỉ mỉ ngắm soi tấm biển bằng đồng trước cửa rất lâu rồi mới bước chân vào phòng khách lầu một.

Sàn nhà ốp gỗ được lau sạch bóng, tiếng vang trống rỗng nảy lên dưới mỗi gót giày nện xuống.

Tầng hai chỉ sử dụng một phòng họp, ba phòng làm việc lớn, số phòng còn lại đều bị khóa cửa. Căn phòng trong cùng cạnh cánh cửa dẫn ra ban công được gắn một tấm biển bằng đồng đề tên “Andemund Garcia”, tôi đoán là phòng làm việc riêng của anh ở đây.

Tôi được phân đến phòng giữa trong ba phòng làm việc, phòng lúc này đang có bảy, tám người, ai cũng có vẻ bận tới mất. Chỗ ngồi của tôi cạnh cửa sổ, giấy tờ và vật dụng cá nhân đều đã được xếp sẵn trên bàn.

Không kể Andemund, văn phòng số 1 tổng cộng có khoảng hai chục chuyên gia mật mã. Họ hợp thành những nhóm nhỏ hai hoặc bốn người để làm việc hằng ngày. Khi điện tín mã hóa bởi “Mê” được gửi đến, người thì phụ trách tìm khóa mã, người thì lo mò phương pháp sắp xếp bảng chữ. Đang vừa vận đủ mười người, tôi đến lại hóa ra bị thừa, nhất thời chẳng biết phải làm sao.

“Xin hỏi, trước đây Lindon hợp tác với ai vậy? Có lẽ tôi sẽ bỏ khuyết được vị trí của cậu ấy.”

Người được tôi hỏi là một thanh niên tóc đen đương bê tài liệu đã giải mã xếp vào tủ hồ sơ.

Cậu ta trả lời một cách cứng nhắc: “Cậu ta hợp tác với ngài Garcia.”

Lúc này có người ngẩng lên nhìn về phía bọn tôi: “George, có người mới à? Nghe nói Alan Castor sắp đến đây, chính là anh chàng giải ‘Mê’ đó.”

Cậu chàng tóc đen lập tức ngẩng lên: “Cậu tên là gì?”

“Alan Castor. Cậu ấy là con trai phu nhân Castor, từ hôm nay sẽ làm việc tại văn phòng số 1.” có người nhẹ nhàng đẩy cửa bước vào, cả phòng thoáng chốc im lìm. Tôi quay lại, thấy Andemund xuất hiện với túi hồ sơ trong tay.

Andemund luôn có thể tạo cảm giác yên bình cho người khác. Hình như chỉ cần anh ấy đứng đó, chẳng cần làm gì cả, âm thanh xung quanh tự chúng vẫn tiêu biến mất, và những vấn bụi li ti trong không khí cũng sẽ mờ hồ ẩn mình vào ánh dương.

“Alan sẽ cộng tác với tôi.” anh ấy ngừng lại một chút: “Nghiên cứu máy giải mã ‘Mê’.”

“Cần tài liệu gì cứ sang phòng tôi, Alan.”

Đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp mặt sau buổi tối hôm đó. Tim tôi đập thình thịch dưới vải áo, Andemund thì vẫn tuyền một bộ dạng bình tĩnh đến đứng đưng. Anh ấy liếc nhìn tôi, cặp mắt híp lại, rồi anh chìa tay cho tôi: “Rất mừng vì cậu đã khỏi bệnh.”

Andemund rất ít khi đến phòng 1, hầu hết thời gian anh ấy đều ở gác đỏ. Tôi nghiên cứu cỗ máy giải mã lấp dăng dở của anh rồi đối chiếu ngược lại với bản vẽ Raphael đưa cho tôi. Phương pháp của Andemund rất ngắn gọn, anh ấy cố gắng cải tiến cách nối mạch máy mã hóa “Mê”, rồi từ đó quay ngược lại tìm cách thiết kế máy giải mã tốc độ cao dựa trên phản xạ mã khóa.

Raphael thì khác, bản thiết kế cậu ta cho tôi vẽ chỉ chút những mạch điện rồi rắc phức tạp.

Tôi ngồi nghiền ngẫm bản vẽ máy giải mã dưới ánh đèn lơ mờ, cậu ta thì quen thói ngồi trên bậu cửa sổ ngập tràn ánh nắng của văn phòng số 7, một chân co trên bậu cửa, kiên nhẫn đợi tôi xem xong.

“Thứ này mà chế tạo được thì chấn động thế giới đây.”

“Đó mới là ý tưởng của tôi thôi, đã hoàn thiện đâu.”

Lần đầu tiên tôi thấy thứ gì thế này. Cậu ta thiết kế rất nhiều ống chân không trong máy giải mã, rồi phán đoán dựa trên băng giấy đục lỗ của máy chữ để tìm ra thuật toán logic.

“Sao cậu lại ở phòng 7 vậy?” tôi hỏi.

Raphael hơi giật mình.

“Bằng vào khả năng của cậu, cậu không nên chỉ ở phòng số 7.”

Tôi giữ giữ bản vẽ trên tay.

Cậu ta bật cười tự giễu, mặt lạnh như đá: “Mẹ tôi là người Ba Lan, bà ngoại là người Do Thái, tôi có một nửa dòng máu ngoại quốc.”

“Thế thật không công bằng! Nước Anh đâu phải Quốc xã, huyết thống là cái thá gì!”

“Alan, lâu lắm cậu không bước chân ra khỏi trang trại Plymton đúng không? Giờ này ngày nào quân áo đen cũng gây chuyện trên phố... chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của Quốc xã đã tràn lan khắp nước Anh rồi... huống gì chỗ này là cực tình báo.”

“Tôi biết, trên báo có mà. Họ đòi đàm phán với Đệ tam đế quốc chứ gì.” tôi mết mết nói: “Nhưng họ chỉ là thiếu số thôi.”

Để chế tạo một cỗ máy cỡ này cần ít nhất một trăm nghìn bảng, mà chẳng ai đảm bảo sẽ không có sai sót. Raphael có tư duy toán học thiên phú, cậu ta vạch ra một phương pháp giải mã cực kỳ tinh vi và phức tạp, nhưng nó hoàn toàn không thực tế. Rất may là máy giải mã “Mé” không rắc rối đến mức ấy, bởi vì không lâu sau đó tôi đã nghĩ ra một cách giản tiện hơn nhiều.

Thời gian nghiên cứu máy giải mã khi ấy thực sự rất yên ả. Sự yên ả duy trì được khoảng ba, bốn tháng.

Tuyết đọng trên đường phố London tan dần, vòm trời lại một lần nữa trở nên cao vợi vợi. Mùa hoa uất kim hương tỏa hương trong khu vườn nhỏ của các biệt thự riêng bên bờ sông Thames đã đến, người đến quán bar uống bia đen lúc rảnh rỗi tăng dần. Tôi bắt đầu nhớ quận Cambridge, cây táo ngoài thư viện giờ này chắc cũng bắt đầu trổ bông rồi. Không biết thằng nhỏ hư đốn học toán có khá khẩm hơn chút nào hay không nữa.

Arnold thường đến thăm tôi. Trời nổi gió anh ta sẽ khoác thêm cho tôi một cái áo bên ngoài lớp sơ-mi phơ phất.

Phòng chật ních người, anh ta thì lì như da trâu, ngồi dựa mông vào cạnh bàn làm việc để tán tỉnh tôi, mặt tỉnh như không.

“Bé Alan này, đã suy nghĩ về tuần trăng mật ngắm hoa oải hương bên hồ tháng 8 của tụi mình chưa đấy?”

Lắm khi có mặt Andemund ở đó Arnold cũng chẳng buồn để mắt đến anh, cứ cười tít mắt ngả ngón bên cạnh tôi.

Andemund cũng chưa bao giờ lệnh cho anh ta rời đi.

Anh ấy chỉ ngồi nán lại phòng 1, bàn công việc, đọc mật mã... cho đến khi Arnold ra về.

Không biết Andemund đang làm gì, chỉ là từ hôm đó rất hiếm khi tôi thấy Lena.

Chỉ duy nhất một lần tôi đến gác đồ, cửa phòng làm việc của Andemund đang khép hờ. Tôi cầm bản kế hoạch đứng ngoài thì nghe thấy tiếng phụ nữ vọng ra.

Tiếp đó là giọng Andemund gần mạnh, có vẻ không hài lòng: “Anh đã bảo em đừng đến.”

“Nhưng anh đang bị thương mà!”

Qua khe cửa tôi nhìn thấy anh ấy ngồi trên ghế dựa, cúc áo sơ-mi phanh hở để lộ cả khoảng ngực. Một vết thương kinh dị vắt chéo từ vai trái đến giữa ngực anh ấy, máu vẫn chảy không ngừng. Lena đang cầm thứ gì đó rịt vết thương, dưới sàn vương vãi đầy băng gạc sũng máu.

Andemund có vẻ rất đau đớn, mặt anh ấy đã trắng bệch.

Tôi do dự không biết có nên gọi bác sĩ hay không.

Đột nhiên Lena như nhận ra điều gì. Cô ta bật dậy bước lùi lại, hung dữ như một con mèo bị kích động, nhanh như chớp, cô ta xoay người, rút súng ra.

“Ai ở ngoài đó?!”

Tôi đành đẩy cửa ra, vừa giơ tay vừa đi vào: “Thưa cô, có cần tôi gọi bác sĩ không?”

Tôi hít cảm về phía Andemund: “Ngài ấy mất máu nhiều quá.”

Cặp mắt màu lam của Lena nheo lại đầy ngờ vực, khẩu súng vẫn chưa hạ xuống.

Giọng Andemund chợt vang lên, rất nhỏ, lần đầu tiên tôi nghe anh ấy nói yếu ớt như vậy: “Alan, gọi Peter giúp tôi. Lena, phiền em về đi... cảm ơn em.”

Tôi sang phòng bên gọi điện cho Peter, báo sơ lược tình hình. Lúc quay lại vị hôn thê của anh đã đi rồi. Còn một mình Andemund mệt mỏi ngồi trên ghế, mặt trắng bệch.

Tôi tiến tới cầm băng gạc rịt vết thương giúp anh ấy, hỏi: “Anh bị sao vậy?”

“Anh đi điều tra quân áo đen gây rối.” anh ấy đáp: “Bị chém trong lúc hỗn loạn.”

“Sao phải tự anh đi? Đặc vụ cấp dưới của anh đâu hết rồi?”

Andemund lắc đầu.

“Có những việc phải tận mắt chứng kiến mới được.”

“Anh chắc không cần gọi Arnold chứ?”

Andemund uể oải nhắm mắt lại.

“Không cần.”

Một lát sau, anh ấy lại nói: “Lena cũng là đặc vụ của cục tình báo, tiếng chân em lớn lắm. Cũng may vừa rồi em kịp mở cửa ra, nếu không cách cửa gỗ cô ấy cũng có thể bắn trúng em đó.”

“Đừng nói nữa.”

Đây là lần đầu tiên tôi thấy anh ấy bị thương. Trong ấn tượng của tôi Andemund vẫn rất kiên cường. Chưa bao giờ anh ấy bị kích động, luôn là cái vẻ lạnh lùng trầm tĩnh ấy. Kể cả khi anh ấy quật tôi xuống bàn ăn ở gác đồ, tiến vào cơ thể tôi, anh ấy cũng chỉ lạnh lùng. Giờ thì vết thương đã khiến sức mạnh giữ cho lớp vỏ cứng rắn bao quanh anh ấy tan vỡ, đột nhiên tôi thấy thật thú vị, tôi cúi xuống, nâng cầm anh ấy lên.

“Tình yêu à, nếu giờ em banh chân anh ra thì sao nhỉ?”

Cặp mắt màu lục thẫm của anh ấy nheo lại một cách nguy hiểm.

“Em dám?”

Tôi nhét đồng gạc vào tay phải anh ấy, bắt đầu cởi dây lưng anh ấy: “Tự giữ vết thương đi, mạnh tay vào, coi chừng máu không ngừng được đâu.”

“Alan, dừng lại.”

Tôi cười cười: “Em sẽ dịu dàng hơn anh nhiều. Ít nhất lát nữa anh sẽ không ngất trong bồn tắm đâu.”

“Em... ngất sao?”

Mặt Andemund càng trắng nhợt, máu hoen loang lổ từ cổ trở xuống. Tôi cúi xuống hôn lên gáy anh ấy, nếm được vị máu tươi nồng ngọt.

“Cùng à, giạng chân ra.”

Thực ra tôi cũng không định làm đến cùng, chỉ là muốn hạ nhục anh ấy, trả thù cho sự điên dại của anh ấy đêm đó. Tôi tùy tiện véo những nơi không bị thương trên người anh ấy, rồi vuốt ve nơi đó của anh. Andemund bức bối ngứa đầu lên.

Đến khi Peter gõ cửa tôi mới chịu buông tha.

Đột nhiên anh ấy chụp lấy tay tôi, ấn xuống đũng quần anh ấy.

Tôi kinh ngạc đến không thốt nên lời.

Anh ấy... chỉ có thể... mà đã cương.

Tiếng gõ cửa của Peter vẫn đều đặn vang lên, ba tiếng, ngừng một nhịp, lại ba tiếng.

Giọng Andemund khàn khàn vang lên: “Alan, em dám đi à.”

23. Chương 23

Tôi cố giăng tay ra.

“Anh đang bị thương, không thể làm chuyện đó được.”

Andemund nheo mắt nhìn tôi, hai con ngươi màu xanh lục như bị ẩn sau một màn sương.

Ảnh đột nhiên đứng bật dậy, không nói một lời, ôm siết lấy thắt lưng tôi.

Sau lưng tôi lúc ấy vừa hay là cái bàn làm việc, ánh nắng chiều vàng ươm loang trên mặt bàn sáng lóa.

Andemund đè tôi xuống bàn, một tay bắt đầu trượt xuống tìm kiếm dây lưng của tôi.

Khoảng cách gần đến thế này, tôi thực sự nghĩ thấy được mùi máu tươi trên người anh ấy.

Tôi giữ tay ảnh lại, gượng cười châm chọc: “Cùng ơi, đừng có nổi hứng bắt tử vậy chứ. Coi kìa, vết thương toác miệng rồi.”

Andemund chụp lấy cổ tay tôi, thô bạo bẻ quặt sang một bên.

Thứ cứng rắn nóng rực chà xát vào tôi sau lớp vải quần.

Gương mặt anh ấy trắng bệch như xác chết.

Lần này về sức lực mà nói tôi mới là người chiếm ưu thế.

Tiếng đập cửa vẫn máy móc vang lên.

Tôi giãy thoát được, hai tay tự do ôm lại eo anh ấy, đẩy ảnh ngồi lại ghế rồi bước ra mở cửa.

Tay nắm chắc tay nắm cửa, tôi quay lại cười với ảnh: “Tình yêu ơi, anh chẳng biết tự chủ chút nào. Người sắp kết hôn mà vậy sao.”

Andemund khàn giọng gọi tôi: “Alan.”

Tôi quay lưng đi: “Tối hôm đó em đã nói với anh rồi, đó là lần cuối cùng của chúng ta.”

Cũng là lần đầu tiên.

Tôi mở cửa ra, Peter cầm một hòm thuốc nhỏ đứng chờ sẵn bên ngoài. Anh ta nhìn thoáng qua tình hình trong phòng rồi không hỏi han gì mà đi thẳng vào, quỳ một gối xuống bên chân Andemund, bắt đầu xử lý vết thương.

Khi anh ta gỡ nhúm băng gạc lên, máu thịt lộ ra dưới ánh mặt trời trông thực sự kinh dị.

Peter hơi nhíu mày: “Lần sau mong ngài thận trọng hơn.”

Andemund không đáp. Một tay anh ấy đặt trên đầu gối, đầu vẫn ngửa lên, hai mắt khép hờ dưới hàng mi dày che rợp.

Tôi trở vào thu dọn đồng tài liệu rồi ra về, đi đến cửa lại nghe anh ấy nói khẽ.

“Alan, em nói phải lắm, anh là người sắp kết hôn.”

Ngừng lời một lát, anh ấy mới tiếp: “Peter, phiền cậu mời cô Lena trở lại đây, rồi ra ngoài chờ tôi. Chắc cô ấy chưa đi xa đâu.”

Rốt cuộc Andemund cũng tìm ra được cách giải quyết vấn đề đúng đắn nhất.

Hôm sau là thứ bảy, tôi muốn mua thêm ít sơ-mi và áo khoác mặc mùa xuân, vậy là phải vào nội thành London rồi dừng bữa trưa ở tiệm Cây Bồ Đề. Tiệm Cây Bồ Đề là một tiệm ăn Andemund từng đưa tôi tới, nằm ở đầu đường King William, ngồi bên cửa sổ có thể nhìn thấy mặt sườn những chóp tháp cẩm thạch trắng của cầu tháp London. Anh ấy từng nói một cách giản dị rằng nắng chiều trên cầu tháp London thật đẹp.

Vì lệnh cấm trong chiến tranh, người ta chỉ bưng ra một ly rượu vang nhỏ xíu, chút rượu hầu như chỉ đủ tráng ướm đáy ly, màu đỏ nhạt thêch như nước lã. Miếng bơ tạm bợ dọn chung với bánh mì dày cỡ hai đồng xu. Bít-tết bằng một phần ba thời tiền chiến.

Tôi ăn được một nửa thì Lena bước vào tiệm, cô ta búi tóc cao sau gáy, nắm tay Andemund.

Trời trưa nắng ấm, Andemund để phanh nút áo khoác, bên trong mặc sơ-mi trắng, nhìn không ra vết thương trên người anh.

Ảnh đỡ Lena ngồi xuống rồi tùy tiện cởi áo khoác vắt lên lưng ghế, bắt đầu gọi món ăn.

Andemund đưa ra thứ gì đó giống như giấy chứng nhận, bồi bàn lập tức bưng món khai vị ra. Tôi ngồi từ xa nhìn bọn họ cười nói với nhau. Lát sau thì Lena thấy tôi, cô ta giơ tay chỉ chỉ tôi, Andemund ngẩng lên nhìn theo. Ánh mắt chúng tôi chạm nhau trong một giây.

Ánh mặt trời xế trưa chói quá, trong khoảnh khắc dường như tôi đã thấy Andemund thất thần.

Sau đó anh ấy quay sang nói vài câu với Lena.

Tôi không nghe được họ trao đổi cái gì, chỉ thấy Lena cười run cả người.

Phòng ăn ở lầu hai, từ đây có thể trông rõ người đến người đi trên con đường bên dưới.

Đột nhiên tôi nghe một tiếng súng chát chúa.

Rồi bài quân ca Quốc xã vang lên.

Đám đông dưới đường bắt đầu tán ra tứ phía.

Dân thành thị lại tổ chức biểu tình chống Quốc xã, họ xung đột với quân áo đen, giữa lúc giằng co có kẻ đã nổ súng, nhất thời đám đông trở nên hỗn loạn. Có rất nhiều người mặc đồ đen tràn sang từ bên kia cầu tháp, ai ai cũng đeo mặt nạ bạc.

Có một phụ nữ đang ôm con chạy thì té lăn ra đất, cổ chân bà ta bị trúng đạn. Rồi những người bị thương liên tiếp ngã xuống.

Khi ông chủ béo phì hoảng hốt chạy vào thông báo “Thưa quý ông quý bà, dưới phố quân áo đen đang gây bạo động, tiệm chúng tôi tạm ngừng phục vụ...”, tôi đã chực đứng lên chạy xuống lầu.

Mới đi vài bước thì bị giữ lại.

Andemund đuổi kịp tôi, anh nói cứng rắn: “Alan, đừng sinh làm anh hùng. Nhiệm vụ của em là giải mã, không phải bắn nhau. Đi cửa sau ra khỏi đây ngay. Anh đi với Lena.”

Không thể không thừa nhận Andemund nói đúng.

Tôi theo đám khách đi cửa sau ra một con đường nhỏ nằm sau đường King William. Ở đó có một bộ điện thoại công cộng. Tôi từng thấy số điện thoại cục cảnh sát London, giờ nhớ lại may ra thì gọi được cho họ để trình bày sự việc.

Chuông đổ vài lần thì có người nhấc máy. Giữa chừng tôi vô thức đưa mắt nhìn quanh... cho đến khi bờ tường thấp đối diện buồng điện thoại lọt vào tầm mắt. Trên màu gạch đỏ là một dãy dài hình người nguỵch ngoạc trong đủ tư thế, có vẻ như là tác phẩm của đứa con nít nhà nào đó.

Lối sắp xếp những hình vẽ tự dưng khiến tôi thấy thật quen thuộc.

Một giây khi cúp máy tôi chợt hiểu ra... không phải hình vẽ nguỵch ngoạc, đó là mật mã!

Mỗi tư thế đại diện cho một trong hai mươi sáu chữ cái, đây là kiểu mật mã chuyển hoán không phức tạp lắm.

Tôi giải ra rất nhanh.

“Điểm tập kết – Ứng Non”

Từ lúc tôi cúp máy đã có vài toán quân áo đen lặng lẽ xuất hiện. Họ nhanh chóng leo lên mấy chiếc xe đậu sẵn trong con ngõ gần đó, rồi xe nổ máy phóng đi.

Tôi chợt hiểu ra, vụ bạo loạn lần này tuyệt đối không phải một sự cố ngẫu nhiên. Đây là một âm mưu làm dao động lòng người, chúng muốn đàn áp tâm lý người Anh. Kẻ đứng sau màn kịch này chính là “Ứng Non” từng xuất hiện vô số lần trong những đoạn điện tín chúng tôi thu được.

Theo số điện tín đó mà nói, người này ban đầu chỉ là một đầu mối chuyên chuyển giao tin tức, không hiểu vì sao mấy năm gần đây hắn ta liên tục được đề bạt, giờ thì hắn đã trở thành nhân vật chủ chốt phụ trách cơ sở tình báo của Đệ tam đế quốc tại Anh. Tôi từng giải ra rất nhiều bức điện có nội dung khen ngợi thành tích của hắn ta. Thậm chí một trong số chúng đến từ chính Hitler.

Tôi nấp vào bóng râm sau bộ điện thoại, lặng lẽ nghe hai gã quân áo đen nói chuyện với nhau. Một trong số chúng rút xì-gà và hộp diêm ra, rồi hình như nhớ ra mình đeo mặt nạ, gã lại nhét diều xì-gà vào túi, phun một câu chữ thề.

Gã kia hỏi: “Này, Messi, sao lần này không thấy cô đâu? Tưởng cổ thích xem tận mắt lắm cơ mà?”

Gã không hút được xì-gà ban nãy nhún vai: “Nghe nói có đến đấy, có quỷ mới biết... đứa nào đấy?! Đứng sau bộ điện thoại kia?!”

Tôi chồm dậy chạy thực mạng, hai gã áo đen cũng lao theo.

Đạn rượt sát rạt xuống gạch lát đường, tia lửa tóe ra tứ phía.

Một mảnh đạn găm trúng cẳng chân tôi, hình như máu đã chảy.

Đột nhiên một chiếc xe jeep quân dụng màu xanh lục trở ra từ trong con hẻm trước mắt tôi, chấm dứt cuộc rượt đuổi.

Một người phụ nữ mặc đồ đen bước xuống xe.

Không kịp dừng lại, tôi tiếp tục lao tới đâm sầm vào cô ta, cái mặt nạ bạc của cô ta rơi xuống đất.

“Lena Celman?”

Cô ta kiêu kỳ cúi xuống nhìn tôi, cặp mắt màu lam nhạt nheo lại.

“Alan. Alan Castor.”

Rất nhanh sau đó tôi bị bọn đuổi theo ấn dúi xuống đất, hai tay bị bẻ quặt trói sau lưng. Mắt bị bịt kín, tôi không biết mình bị kẻ nào lôi dậy, ném vào ghế sau xe jeep. Có tiếng người nói: “Thưa cô, nó đã thấy mặt cô, ta xử nó luôn tại đây chứ?”

Giọng nói lười biếng như một con mèo của Lena vang lên.

“Không cần, đưa nó về trụ sở. Có nhiều điều tôi cần hỏi nó.”

Arnold từng nói với tôi, để quân áo đen phát triển rầm rộ đến như ngày nay, chắc chắn chúng phải có tay trong trong nội các chính phủ.

Mà tôi không ngờ tay trong ấy bao gồm cả Lena.

Cô ta lừa được cả Andemund để tự do ra vào trang trại Plymton.

Nắng mùa xuân rõ ràng ấm áp mà tự dưng tôi thấy toàn thân mình rét lạnh.

Khi khăn bịt mắt được gỡ xuống tôi mới thấy mình đang ở dinh thự của tướng Celman. Tôi bị chúng lột áo, trói ngồi trên ghế rồi quăng vào một gian phòng nhỏ. Cửa phòng chỉ khép hờ, có thể nhận ra bên ngoài là một phòng họp khá xa xỉ, có bàn họp dài, thảm trải sàn màu đỏ tươi, có bóng người đảo qua đảo lại qua khe cửa. Họ đã bật đèn, giờ này hẳn trời đã tối. Có lẽ tôi đã bị chụp thuốc mê cho mê đi một lúc.

Tôi nghe giọng Lena vang lên the thé: “Cha, cha không được làm hại Andemund! Anh ấy là vị hôn phu của con!”

Giọng đàn ông trả lời nghe khá lớn tuổi, ông ta có vẻ rất nóng nảy: “Ừng Non cho rằng phải loại bỏ Andemund Garcia. Mà nó mới chỉ bị thương, vẫn chưa chết.”

“Chính cha đòi gả con cho anh ấy!”

“Con yêu, cha chỉ muốn con tiếp cận nó để chiếm MI-6... mà hai đứa chỉ mới đính hôn, nó chết rồi con chẳng phải gả cho ai hết. Con biết rõ nó đồng tính luyến ái mà.”

“Nhưng... cha...” gót giày Lena nện xuống thảm thành thành như một con mèo dạn: “Cha đã hứa với con sẽ không làm hại Andemund!!”

“Con yêu ơi, còn tâm trí lo lắng cho nó sao không đi xem thằng nhãi nhân tình của nó đi. Đi đi, xem có thể moi được gì từ thằng Alan không.”

Bóng Lena bước về phía phòng tôi bị nhốt, đèn trong phòng đột nhiên bật sáng làm hai mắt tôi nhói buốt.

Những gì xảy ra sau đó tôi thà không bao giờ phải nhớ đến.

Tra khảo luôn chỉ có thể, rọi đèn chói vào mặt, cho nhịn đói nhịn khát, đánh đập, đòn roi, đe dọa tinh thần...

Tôi không biết ngày bị cục tình báo thẩm tra cách ly Andemund có từng phải chịu hết tất cả những thứ ấy hay không.

Chỉ có điều rốt cuộc anh ấy trở về đứng đưng như không, mà tôi thì đã ngắt xiủ hai lần.

Lena muốn tôi cung cấp nội dung nhiệm vụ và tiến độ công việc của văn phòng số 1.

Đương nhiên tôi không thể khai.

Tôi từng thề sẽ giữ bí mật của trang trại Plymton bằng cả mạng sống của mình, trong đó bao gồm cả việc giải “Mê”.

Mới đầu cô ta có hai gã trợ thủ, lúc sau thì cô ta đuổi cả chúng ra, đóng cửa lại và ngồi xỏm xuống cạnh tôi.

“Alan ạ, thực ra mặt mũi mày không tệ chút nào, mắt màu lam xám, tóc nâu sẫm... nếu không phải đồng tính luyến ái hẳn là sẽ rất hấp dẫn phụ nữ.”

Ngón tay cô ta chậm rãi xoa má tôi, từng chút từng chút, giọng cô ta trở nên ngọt ngào: “Chân mày đang chảy máu kia, hơi thở yếu lắm rồi. Rồi mày sẽ chết ở đây thôi.”

Tôi nghiêng rặng ngóảnh mặt đi, hất bàn tay cô ta ra: “Tôi không ngờ là cô.”

“Tao cũng không ngờ Andemund lại thích đàn ông.” cô ta nói nhẹ nhàng: “Tao căm ghét những khi bọn tao làm tình mà anh ấy gọi tên mày. Mày sẽ chết ở đây, rồi một ngày nào đó anh ấy sẽ quên mày, chúng tao sẽ kết hôn. Chẳng tộc hạ đẳng sẽ bị đào thải, Đế tam đế quốc sẽ thống trị thế giới, anh ấy rồi sẽ tôn thờ Quốc xã giống như tao.”

“Cô nằm mơ rồi. Cô là người Anh.”

“Phải, tao là người Anh. Nhưng Quốc trưởng nói người Anh cũng là một dân tộc ưu việt.”

“Quân áo đen là do cô bày ra hả, không lẽ cô chính là Ứng Non?”

Lena ngăn ra: “Mày biết Ứng Non hả?!”

Đột nhiên cô ta đứng bật dậy, chạy vội ra ngoài, khi trở lại trên tay cô ta cầm một thứ giống như cái kim.

Tôi nhận ra nó... đó là kim chích điện.

Cô ta tiến về phía tôi một lần nữa: “Nói, mày là thế nào với Ứng Non?”

Khi đầu kim loại chạm vào da thịt tôi cảm thấy tim mình giật nảy như muốn bắn tung khỏi ***g ngực, toàn thân co giật, cơn đau không thể tả bằng lời chạy rần rập khắp người, tôi lại ngất đi. Lúc tỉnh lại Lena vẫn im lặng ngồi cạnh tôi, mớ tóc vàng xổ tung, cô ta lặp lại vẫn câu hỏi khi này: “Mày biết Ứng Non đúng không?”

Tôi không biết mình đã hôn mê bao nhiêu lần, chỉ biết rốt cuộc tôi chỉ còn sức cười méo xệch nói với cô ta: “Cô nên xử lý tôi nhanh lên thì hơn. Phụ nữ không nên xài kim điện, trong túi cô có súng giảm thanh cơ mà.”

“Xử lý mày à?!” Lena ré lên cười, bỗng dừng cô ta vồ lấy cái ghế, cười đến gập cả bụng: “Quan hệ của mày với Andemund tao đã biết ngay từ đầu, nếu có thể xử lý mày thì giờ mày đã thành cái xác thối rồi. Nhưng Ứng Non sống chết ra lệnh... không được phép giết mày.”

Cơn đau lấn át cả khả năng tư duy của tôi, những lời vừa xong hình như đã phải thẩm thấu qua đại não hàng chục lần tôi mới sực hiểu ra cô ta thực sự muốn nói gì.

Ứng Non muốn tôi sống.

Bất chợt ngoài cửa vang lên tiếng súng, Lena lập tức chạy ra xem, chỉ một thoáng cô ta đã trở lại, mặt tái mét.

“Alan, mày đã làm gì? Andemund đến rồi... đạn dẫn lửa, dinh thự đang bốc cháy!”

Tôi gắng gượng ngồi dậy, vừa ho khan vừa cười: “Quý cô, cô nghĩ tôi thì làm được gì?”

24. Chương 24

Tiếng súng bên ngoài càng lúc càng ác liệt, Lena lại lao ra cửa, phòng họp ngợp ngựa khối, ngọn lửa hằn đã lan vào hành lang. Tôi nghe thấy giọng cô ta gào lên khản đặc từ đại sảnh: “Cha, cha đâu rồi?!” Thượng úy Castor? Ngài Cain? Cha...”

Giọng cô ta nhỏ dần... rốt cuộc đã trở thành tiếng nức nở: “Cha ơi...”

Khi Lena trở lại, sắc mặt cô ta đã tái nhợt như xác chết.

Cô ta tuyệt vọng nhìn tôi: “Họ chạy xuống lầu trước khi lửa cháy. Lửa đã phong tỏa tầng này, ngoài cửa sổ có tay súng bắn tỉa, chúng ta bị giam tại chỗ này rồi. Alan, tao và mày sẽ cùng chết cháy ở đây.”

Tôi đã bị rơi đèn chói vào mặt rất lâu, nước thì không được uống, cổ họng ho sặc vì khói bốc vào từ đại sảnh: “Quý cô ơi, cô là đặc công MI-5 kia mà, bình tĩnh một chút xem nào.”

Cô ta như thể bừng tỉnh, vội vàng móc một khẩu súng lục nhỏ trong cái xác tay màu trắng rồi dí vào lưng tôi, đoạn cô ta cắt dây trói cho tôi bằng một con dao nhíp.

“Đi ra cạnh cửa sổ.” cô ta ngẩng đầu ra lệnh: “Đứng thẳng lên, đi đi.”

Tôi buông lỏng hai tay vừa được tự do, cười khổ đáp: “Dịu dàng một chút, quý cô. Chân tôi trúng đạn đứng thẳng làm sao được...”

Cô ta thúc họng súng sau lưng tôi: “Đi mau.”

Vừa đến trước cửa sổ một viên đạn đã lao vút tới sượt qua bên má tôi, găm vào cây cột cẩm thạch sau lưng tôi, tia lửa nháng lên loang loáng.

Cô ta định lấy tôi làm bia đỡ đạn đây mà.

Lần đầu tiên tôi thực sự trông rõ được phòng họp này. Nó rộng thênh thang, trần treo một chùm đèn thủy tinh kiểu Pháp, lúc này thì đương nhiên trong phòng không có một bóng người. Bên kia cửa sổ chỉ thấy bóng đêm bao trùm, tiếng súng vẫn gầm rít không ngừng, dưới sàn phòng vương vãi đầy thủy tinh vỡ.

Tướng Celman còn âm thầm xây dựng lực lượng vũ trang trong chính dinh thự của mình.

Khi tôi đứng thẳng được trước cửa sổ, tiếng súng đột nhiên ngừng lại. Dinh thự tướng quân thực ra là một khu thái ấp kiểu cổ, nhờ ánh lửa tôi nhìn thấy một hàng quân nhân mang súng đang đứng trang nghiêm trong vườn hoa dưới lầu. Không ai trong số họ mặc quân phục nhưng trông qua là đủ biết họ còn thiện chiến hơn lính thường, bảo là quân nhân chỉ bằng nói thẳng đó đều là đặc công hết.

Tôi thấy Andemund. Ảnh đứng chính giữa đám lính, đang ngẩng lên nhìn tôi nhưng tuyệt không phản ứng gì. Ánh lửa vàng rực hình như tỏa ra từ chính khoảng không bao quanh anh ấy, nhất thời tôi chỉ còn nghe được tiếng lưỡi lửa liếm qua những rường cột gỗ.

Giây phút tôi bị Lena xô ngã lên bậu cửa sổ, chính anh ấy đã vung tay ra lệnh ngừng bắn.

Xem ra lúc xông vào đây họ đã đốt lửa, giờ toàn bộ tầng một đã cháy rụi, ngọn lửa từ chính diện tầng hai đang chuyển hướng ập thẳng tới phòng họp chúng tôi đang ở tại cánh Tây dinh thự. Khói đen sặc sụa bắt đầu phủ mờ tầm mắt.

Lena đứng sát bên tôi, dí súng vào thái dương tôi.

Cô ta gào lên the thé: “Bảo bọn chúng bắc thang đi!”

Tiếng ồn ào của lửa cháy át đi tất cả, tôi buộc phải dùng tay ra hiệu bảo họ bắc thang.

Andemund nhìn thấy.

Nhưng anh ấy không hề cử động, chỉ chăm chăm nhìn tôi qua ánh lửa.

“Tại sao hắn không làm gì?!”

“Quý cô, Andemund đâu có ngu, ảnh biết cô muốn dùng tôi làm con tin để thoát khỏi đây. Ảnh đang phân vân xem nên để cô chết cháy ở đây hay dựng thang cứu sống cô rồi khai thác thông tin từ cô đó.” tôi nói với Lena: “Lấy tôi làm con tin là vô ích. Dù ảnh có đồng ý cứu cô, cô cũng chỉ có hai lựa chọn... chết cháy ở chỗ này hay xuống đó tự thú. Muốn ngồi vững trên cái ghế ấy ngài Garcia phải biết cái gì là quan trọng, kẻ nào cần giữ lại kẻ nào có thể vứt bỏ chứ. Cô là một trong những kẻ đứng sau cuộc bạo động của quân áo đen chứ gì? Nhưng có vẻ cô vẫn đáng cho ảnh lợi dụng mọi tin tình báo Quốc xã nên tạm thời cô chưa chết được đâu.”

Tôi cảm giác được nòng súng khẽ run lên.

Nhưng thật bất ngờ, Lena chợt mỉm cười.

Cô ta chống một tay lên khung cửa sổ, cười nghiêng ngả cả người, chỉ thiếu điều buông rơi luôn khẩu súng.

Cuối cùng Lena ngẩng lên, nhìn chăm chăm tôi bằng cặp mắt màu lam nhạt.

“Alan, tao đánh cuộc là dùng mày làm con tin sẽ có tác dụng. Mày không biết rồi, hắn yêu mày.”

Ta lắc đầu: “Anh ấy chưa bao giờ tin tôi.”

Tôi nghiêng mình cố nhìn xuống cửa sổ, qua màn lửa rừng rực giọng Andemund vẫn vọng lên rõ mồn một.

Anh ấy ra lệnh: “Dựng thang!”

Một cái thang ba tầng màu trắng được dựng lên, từ một đầu vào bờ tường đã ám khói đen nhem.

Lena tiếp tục rút lên: “Tất cả tránh ra, lái một chiếc xe jeep bên đường lại đây, đổ đầy xăng vào!”

Giọng cô ta chắc chắn cũng xuyên được qua màn lửa để lọt vào tai Andemund.

Nhưng anh không cho người đi lấy xe.

Andemund rút súng ra, ra hiệu cho người bên cạnh lui xuống rồi đích thân anh ấy trèo lên cái thang chữa cháy màu trắng.

Tôi trợn mắt kinh ngạc.

Lửa lớn dường như nung chảy cả sàn nhà, phòng họp cũng đã bắt lửa. Thảm cháy, lửa lan sang nuốt chửng cái bàn họp gỗ sồi và những món trang trí trên trần rồi ập ra khung kính cửa sổ. Andemund đã leo lên đến cửa sổ, vẫn dáng người dong dỏng cao, xác tro mùn lả tả vương bên chân anh ấy. Anh ấy bình thản đến lạnh lùng, cứ như thể là ma vương dưới địa ngục bước ra từ bức tranh của Edgar.

Lena vừa dí súng vào tôi vừa lùi tôi lùi vào một góc phòng.

Andemund vẫn không nói gì cả.

Anh ấy giờ súng lên.

Lena sững sốt: “Anh mà dám nổ súng là tôi giết Alan!”

“Tướng Celman cha cô đã bị bắn chết trong phòng sách dưới lầu, chúng tôi thu được một tấm bản đồ London có đánh dấu địa điểm hành động của quân áo đen.” Andemund hạ súng xuống rồi nhẹ nhàng nói tiếp: “Lena, cô đi quá xa rồi. Giờ cô có hai lựa chọn, bỏ súng xuống đi theo tôi, hoặc chết ở đây.”

“Tôi sẽ giết Alan!”

“Dù bắt theo Alan để chạy trốn rồi cô cũng sẽ giết cậu ấy, phải chứ? Cô không thể lùi theo một người cùng chạy thoát sang Đức đâu.”

Andemund nói không sai. Lúc này dù có thả cô ta đi rồi Lena cũng sẽ giết tôi. Tôi không đáng làm một con tin, mà Lena thì biết quá nhiều. Cô ta hoặc là cung khai mọi điều mình biết về Quốc xã, hoặc là chịu chết tại đây ôm theo bí mật của cục tình báo Anh.

Suy luận của Andemund hoàn toàn chính xác. Bất kể thế nào tôi cũng phải chết, còn anh ấy chỉ cần nghĩ đến lợi ích cao cả của nước Anh.

Tôi quay lại nhìn Lena, nhún vai hỏi: “Này quý cô, cô có tiếp xúc với hệ thống tình báo Đức đúng không, đã bao giờ nghe tên phu nhân Jane Castor chưa?”

Mặt Lena thoát biến sắc, cặp mắt màu lam nhạt trợn trừng lên: “Mày bảo là... phu nhân Jane Castor à?!”

“Coi bộ cô nghe rồi hử.” tôi gật đầu: “Mẹ tôi đấy.”

“Nói láo!”

“Cô phạm tội phản quốc, giờ thì lấy con trai phạm nhân phản quốc làm con tin, thấy liệu có ăn thua không?”

Đột nhiên Andemund giương súng lên.

Trong nháy mắt Lena đã kịp đưa ra lựa chọn. Cô ta dờ hòng súng từ tôi sang chìa thẳng vào Andemund. Cô ta phán đoán không sai, nếu tôi đã không thể làm con tin thì giờ phút này Andemund chính là mối uy hiếp lớn nhất.

Hai tiếng súng cùng lúc vang lên.

Andemund mau lẹ gạt người tránh rồi lăn vào góc trái phòng.

Khoảnh khắc trước khi thoát khỏi đường đạn, anh ném khẩu súng cho tôi: “Alan, mở chốt an toàn rồi!”

Lena đã trúng đạn, khẩu súng lục của nữ rơi xuống sàn, máu chảy ồ ạt từ vết thương trên vai cô ta.

Búi tóc vàng kim xoắn tung, gương mặt xinh đẹp bị ám khói lem luốc càng biến dạng vì cơn đau, cô ta lúc này trông hệt như một con mèo hoang bị dồn vào ngõ cụt.

Mà tôi biết mình cũng chẳng khá hơn gì.

Tôi lao đến bắt được khẩu súng của Andemund rồi quay vụt lại chĩa vào Lena: “Quý cô, cảm phiền hợp tác đi. Ưu tiên phụ nữ, cô leo xuống thang trước.”

Lena trừng mắt với tôi rồi lại quay sang nhìn Andemund, cầm hất ngược lên.

“Em biết anh cầu hôn em là để lợi dụng em. Anh cũng biết em chấp nhận lời cầu hôn của anh cũng chỉ vì lợi dụng anh.”

Andemund không nói gì, đứng hơn là mặt tịnh không đổi sắc.

“Anh là vị hôn phu của em, anh không thể nghĩ cách thả em đi sao?”

“Cô đi quá xa rồi, cô Celman.” Andemund thấp giọng nói: “Làm theo lời Alan đi, trèo xuống thang.”

Nhưng Lena không chịu bám lấy đường sống duy nhất là cái thang ấy.

“Các người vĩnh viễn không thể hiểu được tôi.”

Đột nhiên cô ta quay lại phía cửa sổ, ánh mắt dường như dôi về một nơi xa xôi nào đó, đoạn cô ta giơ tay phải lên làm một động tác chào kiểu quân đội Quốc xã rồi thành linh quay lưng chạy lao ra hành lang đang chìm trong lửa.

Tôi đứng nhìn ngọn lửa cuồng bạo nuốt chửng dấp thanh mảnh và mớ tóc vàng kim xỏa dài của cô ta.

Andemund không nhìn theo Lena, anh ấy vẫn chỉ chăm chú vào tôi, tay trái anh ấy giơ lên chỉ khung cửa sổ sắp bị nhấn chìm trong lửa.

Ánh mắt anh ấy giờ này bình tĩnh đến dị dạng.

“Leo cửa sổ xuống đi Alan, không còn thời gian nữa đâu.”

Tôi nuốt nước bọt, yết hầu khô ráo như muốn chặn giọng tôi tắc lại.

“Thật ngại quá, chân em trúng đạn rồi, vừa xong vật lộn hình như gãy cả xương luôn. Anh xuống trước đi.”

Andemund nhẹ nhàng lắc đầu.

Từ lúc lặn vào góc phòng tránh đạn của Lena anh ấy vẫn co gối ngồi dựa tường. Mới đầu tôi không thấy gì lạ, nhưng ánh lửa lắt lắt, duỗi chân ra, hạ cả cánh tay đang ôm bụng xuống.

Màu đỏ tươi nhói mắt loang ứot sưng lớp áo khoác dạ.

Anh ấy cười khổ: “Cưng ơi, anh cũng không dậy được.”

Trong khoảnh khắc tôi chợt hiểu ra vì sao anh ấy ném súng cho tôi... anh ấy cũng trúng đạn.

Vết dao chém trên ngực trái Andemund còn chưa khép miệng, bụng lại trúng đạn, mảnh đạn còn nằm trong vết thương.

Không còn thời gian nữa, lửa đã vây kín phòng họp. Không khí hầm hập bức bối, đồ đạc trong phòng bắt đầu méo mó đi vì sức nóng. Từ thế Andemund ngồi dựa tường mới thật yếu đuối, đầu ngã lệch một bên, gương mặt đẹp tinh xảo trắng bệch cắt không còn hột máu.

Tất cả đang cháy, tài liệu hóa ra tro bụi, lửa bùng lên tựa hàng ngàn cánh bướm phóng vút vào không trung.

Cảnh tượng như trong mơ.

“Alan, kiên cường lên, chạy ra cửa sổ, bám thang leo xuống. Peter ở dưới đó, cậu ta sẽ giúp em.”

Andemund cười kiệt sức: “Em sẽ sống.”

Tôi lê cái chân bị thương đến bên anh ấy.

“Em sẽ đưa anh xuống.”

Nóng như địa ngục.

Tôi luồn tay xốc nách Andemund, tha anh ấy đến cạnh cửa sổ. Từng bộ phận trên cơ thể dần mất cảm giác, hình như chúng không còn thuộc về tôi nữa. Lửa lấp kín khoảng không bên kia cửa kính. Tiếng cháy, tiếng sụp đổ ầm ầm, và tiếng nói của Andemund.

Mặt anh ấy nhợt nhạt, hai mắt khép hờ, bàn tay gơ lên chạm vào má tôi: “Alan, trang trại Plymton chỉ là một phần của MI-6. Em rất quan trọng, nhưng không phải toàn bộ hệ thống tình báo của chúng ta... phải thận trọng khi làm việc với C.”

Không khí nóng nhưng tay Andemund lạnh ngắt.

Tôi điên cuồng xốc anh ấy dậy: “Đừng nói nữa, anh sẽ sống mà!!”

Cặp mắt màu lục thẫm của Andemund lại nhắm lại, giọng anh ấy càng lúc càng suy yếu: “Anh đã hy vọng biết bao... rằng em vẫn là cậu thiếu niên Cambridge vô tư ngày ấy.”

“Alan, anh yêu em.”

“Thật lòng...”

“Bây giờ em không đi thì không kịp mất.”

Nhưng ánh lửa đã bủa vây cửa sổ, mà chân tôi thì không thể gượng dậy được.

Giờ này tôi đã cảm nhận được sự tuyệt vọng của Lena.

Tôi ôm Andemund ngồi co quắp trong góc nhỏ hẹp duy nhất chưa bị lửa lan tới của phòng họp, nhìn hai mắt anh ấy nhắm lại, hơi thở hiu hắt dần. Tôi không biết phải làm sao để ngăn dòng máu không ngừng rời bỏ anh ấy, chỉ có thể ghì trán trên trán anh ấy, cảm nhận làn da anh ấy lạnh đến rợn người.

Nhiệt độ cao cũng dần cướp đi sự tỉnh táo của tôi.

Giây cuối cùng trước khi mất tri giác, tôi nghe thấy có người đến.

Dường như người đó đã băng qua đám cháy, nhảy vào từ cửa sổ.

Giọng anh ta vang lên thật lười biếng.

“Bé Alan à, lần nào cũng bắt tôi cứu thế này là hư lắm nhé.”

25. Chương 25

Tôi nhớ rõ gương mặt thanh tú của Andemund trong ngọn lửa, yên bình như thể đang ngủ. Hình ảnh ấy cứ thế bám lấy tâm trí tôi, để rồi trở thành một cơn mơ dài bất tận. Tỉnh giấc, tôi thấy mình nằm trong quân y viện, Arnold ngồi bên cạnh giường hút thuốc.

Đã sang xuân nên trời ấm hơn nhiều. Anh ta chỉ mặc sơ-mi và khoác áo gi-lê bên ngoài, điều thuốc kẹp giữa hai ngón tay, đầu quay về cửa sổ để phả khói. Trên bậu cửa sổ là một bồn hoa thủy tiên, cành lá khẽ lay lay trong gió.

Thấy tôi mở mắt, Arnold dụi tắt thuốc rồi cúi xuống cười với tôi: “Rất tiếc phải báo cho cậu, ngài Garcia không chết.”

“Lúc đó cậu liều mạng ôm rít ổng, chết cũng không chịu buông ra làm tôi còn tưởng ổng hết cứu rồi chứ, đang mừng thầm...”

Tôi choàng tạm áo khoác rồi ngồi dậy nghe Arnold kể lại sự tình.

Lúc anh ta leo lên thang cứu hộ lửa đã gần như nuốt gọn khu vực cửa sổ. Anh ta lên trước, Peter theo sau, họ bịt mũi bằng khăn lông ướt để băng qua đám khói. Nghe nói khi ấy tôi đã nửa mê nửa tỉnh mà vẫn ôm

chặt Andemund không chịu thả ra. Như Peter mặt lạnh nhận xét thì ấy là... ảnh không chết rồi cũng bị tôi ghì chết.

Truy ngược lại việc này cũng thực là may mắn. Ngày trước yêu nhau tôi và Andemund từng cùng chế ra rất nhiều loại mật mã, lắm cái giờ tôi cũng quên bằng mất rồi. Thế nhưng lúc bị bịt mắt giải lên xe tôi đã kịp dùng máu từ vết thương đạn bắn ở chân để để lại ký hiệu trên vỏ xe jeep, chính là một trong những loại mã cũ ngày xưa. Giải ra chỉ có ba chữ: “quân áo đen”.

Andemund vẫn cảnh giác với cả vị hôn thê của mình, anh ấy luôn giám sát hành động của Lena.

Ấm hiệu tôi để lại nhanh chóng lọt vào mắt đặc công, tin tức cứ thế truyền đến anh ấy.

Nhận được tin, anh ấy bắt đầu điều tra ngay lập tức.

Tôi không thể biết tường tận Andemund đã điều tra như thế nào, chỉ biết rốt cuộc anh ấy tìm được đến dinh thự của tướng Celman, rồi một trận đọ súng kịch liệt đã diễn ra ở đó.

Ông tướng bị trúng đạn chết trong phòng đọc sách lầu một.

Chuyện sau đó thì tôi đã chứng kiến cả.

Dinh thự của tướng Celman bị cháy tan hoang, tòa nhà chính nơi chúng tôi giằng co với Lena chỉ còn một bức tường chưa sập hẳn, tàn tích của những ô cửa mất kính rải rác khắp nơi. Thứ gì có thể cháy đều đã cháy, còn lại thì sụp đổ.

Thi thể của Lena được phát hiện với cổ máy truyền tin “Mê” bị cháy méo mó bên cạnh. Cô ta hẳn đã chạy xuyên qua hành lang bị lửa chặn lối để lên lầu ba, rồi chết cháy trong đó.

Không ai biết trong giây phút cuối cùng của mình, Lena đã gửi tin tức gì, và cho ai.

Ít nhất đoạn tin đó chúng tôi không chặn được, hoặc giả có chặn được nhưng rồi nó lại bị lãng quên trong vô số mật mã không kịp giải hết, chúng tôi không thể biết.

Tôi bảo Arnold: “Cảm ơn anh.”

Một hồi lâu sau anh ta mới cười cười: “Alan, cậu đắm chìm với ngài Garcia mất rồi.”

Đến lượt tôi im lặng, chẳng biết phải nói gì.

“Ảnh nói ảnh yêu tôi.”

Arnold móc hộp thuốc trong túi áo, rút ra một cây, châm lửa hút phân nửa lại thả vào hộp. Đoạn đóng hộp thuốc lại, nhét vào áo.

Anh ta nhìn tôi, thái độ có chút phức tạp.

“Rốt cuộc dư luận đưa tin thế nào?”

“Tài liệu chứng minh việc phản quốc thì cháy gần hết rồi, nhưng họ phát hiện được cuốn nhật ký của tướng Celman trong phòng làm việc của ông ở Whitehall, trong đó chép danh sách quân áo đen và một số thông tin liên quan đến gián điệp Đức. Đầu não chính phủ phản bội cỡ này thì Whitehall còn mặt mũi nào nữa, thế nên họ đâu có công khai ra. Báo Times dành hai trang đăng tin dinh thự tướng Celman bị hỏa hoạn, tướng quân và con gái ông cùng thiệt mạng.”

Tôi phẩy phẩy tờ báo trên tay: “Nói vậy mà người ta tin hử?”

Arnold buông thông hai tay: “Không tin cũng chẳng làm gì được, ngài Garcia cứng rắn với dư luận lắm.”

Thượng Đế phù hộ, chúng tôi đều còn sống.

Thương tích vì bị tra tấn không để lại di chứng gì nghiêm trọng, vấn đề là bắp chân bị trúng đạn của tôi không được cầm máu kịp thời. May là lúc cứu tôi ra khỏi ngọn lửa Arnold đã kịp sơ cứu khẩn cấp, bác sĩ nói nếu không nhờ vậy chân trái của tôi bỏ hẳn là chuyện nhỏ, để mất máu thêm chút nữa là tôi đi gặp Thượng Đế rồi.

“Alan, cậu không biết cậu chảy bao nhiêu máu đâu.” Arnold nhìn tôi: “Tôi vừa leo vào cửa sổ đã thấy cậu ngồi ôm Andemund giữa vũng máu lênh láng.”

Tôi ngơ ngác nói: “Lúc ấy chẳng cảm thấy gì cả.”

Andemund thì bụng trúng đạn, vết dao chém trên ngực chưa lành hẳn, vậy mà tỉnh lại được một tuần đã trở lại cục tình báo làm việc.

Phần lớn quân áo đen đột nhiên bị bắt.

Kể từ nay tổ chức Quốc xã không còn lộ diện trên nước Anh nữa.

Tôi đoán đây là một kế hoạch hành động được thai nghén từ rất lâu rồi, còn tôi chẳng qua chỉ tình cờ tham dự vào mắt xích cuối cùng mà thôi. Nhưng rất nhiều việc đến giờ tôi vẫn nghĩ không ra, ai sẽ cho người bí mật giám sát vị hôn thê của mình chứ? Tại sao chỉ trong thời gian ngắn như vậy họ đã kịp tập trung bao vây dinh thự tướng Celman? Ai cho Andemund quyền qua mặt Whitehall để nổ súng trấn áp quân địch ngay lúc đó?

Cứ như thể ngay từ đầu cục tình báo đã biết màn kịch này sẽ diễn ra, họ chỉ đang chờ đợi một thời cơ thích đáng.

Mà điều càng khiến tôi ngờ vực hơn là, ngày ấy Andemund bị thẩm tra cách ly là vì C không tín nhiệm anh ấy, hay chính anh ấy đã đưa ra yêu cầu đó?

Giống như tôi vẫn nói rằng tôi chưa bao giờ thực sự hiểu anh ấy nghĩ gì.

Chân bị bó bột, tôi chẳng di chuyển được, lại còn được yêu cầu phải nằm trên giường ba tháng, mỗi ngày chỉ mỗi việc dạy toán cho em họ Arnold. Arnold viện cớ phải giám sát tiến trình học hành của thằng nhỏ hư đốn nên cứ rảnh là mò mặt đến phòng bệnh của tôi, rồi ung dung ngồi lì lại tán phét.

Hầu hết thời gian anh ta đều có vẻ rất khoái trá, mắt đeo kính gọng vàng, miệng cười tủm tỉm rất ra dáng một học giả.

Ngày 9 tháng 4, Hitler phát động chiến dịch “Tia chớp trắng”, đánh chiếm Đan Mạch và Na Uy.

Ngày 10 tháng 5, Đức tiến hành “Kế hoạch Manstein”, đổ quân qua chiến tuyến Maginot xâm lược Bỉ, Hà Lan, Luxembourg và Pháp.

Ngày 15 tháng 5, Hà Lan đầu hàng.

Ngày 10 tháng 5, thủ tướng Chamberlain từ chức, Churchill lên cầm quyền.

Cả nước Anh lắng tai nghe đài phát thanh:

“Trước mắt chúng ta là một thử thách nặng nề nhất. Trước mắt chúng ta là nhiều, rất nhiều tháng trường đấu tranh và khổ ải.”

“Các ngài hỏi: chính sách của chúng ta là gì, tôi trả lời chính sách của chúng ta là phát động chiến tranh, trên đất liền, trên biển và trên không. Cuộc chiến với tất cả sức mạnh Thượng Đế ban cho chúng ta, một cuộc chiến chống lại chế độ tàn ác, bạo ngược chưa từng có trong những trang tăm tối thương tâm nhất của lịch sử tội ác loài người.” (*)

Từ đó, chính sách mở rộng hòa bình Châu Âu kết thúc, chiến tranh chính thức bắt đầu.

Tháng này nước Anh bắt đầu xây dựng đội tự vệ quốc dân, mục đích là để tăng cường lực lượng phòng vệ nội địa. Các cuộc diễn tập diễn ra bất cứ lúc nào trên đường phố London, trẻ con phải học cách dùng mặt nạ chống độc... người ta nói vũ khí của quân Quốc xã chứa cả khí độc hại thần kinh.

Rất cuộc tôi nằm trên giường hai tháng.

Ngày 13 tháng 5, Peter tới tìm tôi, đưa cho tôi ít giấy tờ từ Andemund.

Anh chàng sĩ quan phụ tá với cặp mắt màu lam lạnh lùng và gương mặt lăm lăm như đá. Anh ta vừa vào đứng cạnh đầu giường tôi là hội mấy em y tá xinh như mộng lập tức tự giác bốc hơi.

“Alan.”

“Ồ?”

“Cậu đọc báo rồi chứ.”

“Tôi xem Times thôi.”

Anh ta ngừng lại một chút, như là đang do dự.

“Ngài Garcia đã trấn áp dư luận... nếu... tôi muốn nói nếu toàn bộ sự việc này là một cái bẫy, cũng không có nghĩa là ngài ấy có thể tính toán được chi li từng bước của nó. Ngài ấy thực sự không ngờ cậu sẽ thành con tin. Khi ngài ấy cương quyết một mình xông vào tòa nhà đang cháy để cứu cậu, thành thật mà nói tôi cho rằng đó là hành động nôm nóng và ngu xuẩn, là lựa chọn tồi tệ nhất trong lúc đó... nhưng đó là cách tốt nhất để đảm bảo Lena không giết cậu. Alan, hy vọng cậu hiểu ngài ấy.”

Tôi gật đầu.

Trời London tháng năm xanh thẫm thẫm, có một đàn bồ câu mãi miết liệng vòng.

Tôi giở tờ giấy Andemund gửi ra, là một bản sao thư Whitehall gửi cho cục tình báo.

C thân mến,

Mong ngài nhất định hoàn thành máy giải mã “Mê” vào cuối tháng 6, hoặc cung cấp tốc độ giải mã tương đương.

Winston Churchill

Dưới đoạn thư là một dòng chữ viết ngoáy khác.

Hãy chuyển cho Alan Castor, học viện mật mã Chính phủ MI-6. (C)

Hôm sau ngày Andemund gửi tôi bản sao lá thư đó, tôi trở lại trang trại Plymton.

Người đẹp trợ lý Annie của Andemund tới đón tôi, kiểm tra mọi đồ vật tùy thân tôi định xách theo. Chân tôi vẫn bó bột, phải chống cây can Arnold mang đến để trợn mắt trợn mũi cố leo lên chiếc xe cục tình báo phai đến. Arnold khoanh tay đứng cạnh chế giễu tôi. Anh ta mặc quân phục màu xanh sẫm, coi bộ khá là cao ráo đàng hoàng, cặp kính lóa lóa dưới ánh nắng chiều che giấu biểu cảm trên gương mặt. Tôi ngồi vào ghế phụ lái, tự dưng anh ta bước lại gần, gõ gõ cửa kính xe.

Tôi ấn cửa trượt xuống.

Anh ta liến vịn luôn ô cửa: “Bé Alan nè, coi bộ hăng hái quá nha!”

“Biến đi, đang đau chân gần chết đây.”

“Cậu hí hửng vì sắp được gặp lại Andemund Garcia chứ gì.”

Tôi sưng người.

Thiếu chút nữa tôi quên mất Arnold vốn là bác sĩ tâm lý. Anh ta có thể nhìn thấu qua hàng lớp tâm sự phức tạp để mọi ra bản chất vấn đề. Sự thực là tôi mong đợi được gặp lại Andemund.

Anh ấy nói anh ấy yêu tôi.

Mặc kệ lúc ấy xảy ra chuyện gì, đến cuối cùng tôi chỉ nhớ những lời anh ấy nói với tôi trong biển lửa.

Dường như chúng đã theo ngọn lửa lạc vào tận nơi sâu thẳm nhất của linh hồn tôi.

“Anh đã hy vọng biết bao... rằng em vẫn là cậu thiếu niên Cambridge vô tư ngày ấy.”

“Alan, anh yêu em.”

“Kiên cường lên, rồi em sẽ sống.”

Tôi không nói được gì, Arnold lại vỗ vai tôi.

“Bé Alan ơi, xem ra vụ hẹn hò của chúng ta không tiếp tục được nữa rồi. Trông thấy cậu ôm ổng trong biển lửa tôi đã biết khỏi cần cố nữa. Cậu chìm sâu quá rồi.”

Tôi nghĩ nghĩ một lát: “Tôi cũng biết vậy.”

Không hiểu vì sao tôi thấy anh ta như có vẻ khổ sở.

Arnold trầm mặc một lát: “Shit, rốt cuộc cũng được tán gái.”

“Cảm ơn anh.”

“Tôi nghe chán rồi.” anh ta vọt miệng đáp.

“Có gì tôi giúp được anh, nhất định phải nói tôi biết đấy...”

Đột nhiên tôi nhớ ra: “Đồng hồ! Anh bảo lời hẹn của chúng ta kết thúc anh sẽ cho tôi cái đồng hồ quả quýt của anh? Vụ ám thị tâm lý đó đó...”

Annie mở cánh cửa cạnh ghế lái để lên xe, Arnold lập tức quay lưng bỏ đi.

Anh ta phẩy tay thật mạnh, để lại một bóng lưng rất chi hào phóng.

Chỉ là anh ta không chịu cho tôi cái đồng hồ quả quýt như đã hẹn.

26. Chương 26

Cuối cùng Arnold không cho tôi cái đồng hồ quả quýt của anh ta.

Tôi hỏi, gã bác sĩ tâm lý rồi việc đứng ngả ngón ngoài văn phòng số 1 sẽ đáp: “Hơ, quên mang mất tiêu.”

Từ khi tôi trở lại trang trại Plymton, chúng tôi ít gặp nhau hơn nhiều. Anh ta chỉ tiện đường ghé qua chỗ tôi mỗi khi về báo cáo, Arnold ưa đứng dựa cạnh bàn tôi tán chuyện, phát biểu quan điểm của mình về chiến tranh, nhưng gần đây những buổi như vậy cứ thưa dần.

Một bữa tôi đứng dựa cột điện màu xám đầu đường London chờ xe bus, vừa hay gặp gã bác sĩ đào hoa lái xe jeep quân dụng đưa bồ đi hóng gió. Thấy tôi ngoắc lại anh ta có vẻ lúng túng, mãi mới miễn cưỡng lùi xe dừng lại cạnh chỗ tôi, ló đầu ra hỏi: “Quá giang không?”

“Số 7 Downing Street đi.”

Arnold ngờ ngợ hỏi lại: “Whitehall à? Alan, đừng dẫn sâu vào quá.”

“Không sao.”

Tôi ngồi ghế sau, nhỏ bở ngực bự của anh ta ngồi ghế phụ lái, cô em chỉ chừng mười tám mười chín tuổi, bộ dạng khá e lệ khép nép, phải cái trông quả ngực kia ít cũng phải cỡ D, mùi nước hoa xức đầy quần áo làm tôi gay cả mũi.

Tôi ra hiệu với Arnold... kỳ này tới bên quá nha.

Anh ta liếc thấy qua gương chiếu hậu, có vẻ càng bối rối hơn: “À, hôm nay là cuộc hẹn đầu tiên của tôi và Jea, vừa hay lại gặp cậu.”

Em bồ anh ta quay lại nhìn tôi: “Hi, chàng đẹp trai. Anh tên gì?”

“Alan.” tôi giữ vững hình tượng hào hoa phong nhã: “Alan Castor. Tôi có vinh dự được giúp gì em không, quý cô?”

Cô nàng quay sang Arnold: “Bạn anh chán thiệt. Mọi khi anh cũng vậy hử?”

Arnold phì cười: “Cậu ta là toán học gia, tốt nghiệp khoa toán Cambridge đấy.”

Đoạn, anh ta hỏi tôi: “Cậu với ngài Garcia thế nào rồi?”

Tôi nhún vai đáp: “Bình thường, vẫn thế.”

Arnold có vẻ ngạc nhiên nhưng không hỏi thêm gì nữa. Chạy qua quảng trường Trafalgar là có thể thấy hành lang lát cẩm thạch trước Whitehall, chiếc xe jeep chuyển hướng rẽ vào con phố nhỏ bên trái, tấp biển “Downing Street” gắn trên bức tường xám nơi góc đường. Arnold dừng xe trước một tòa nhà màu trắng đồ sộ rồi để bạn gái đợi trong xe.

Tôi xuống xe, ngẩng đầu nheo mắt đọc: Văn phòng tác chiến nội các. Số 7 Downing Street.

“Alan.” Anh ta gọi tôi lại, do dự một hồi mới nói: “Nếu cậu đi gặp C thì nhớ thận trọng. Có gì cần giúp cứ nói với tôi.”

Tôi ngạc nhiên: “Anh biết C à?”

“Tôi không biết, ông tôi biết. Đó là ông trùm thực sự của cục tình báo, ngài Garcia phụ trách MI-6, Linderman phụ trách MI-5, ông ta nắm cả cục tình báo.”

“C trông thế nào?”

“Tôi không biết, rất ít người được gặp mặt ông ta. Cậu gặp thì biết thôi.”

Anh ta quay lại xe, nằng chiều đổ bóng anh ta dài trên ngã tư.

Tôi gọi giật Arnold lại, chỉ cái xe: “Arnold, đó là em thứ mấy rồi?”

“Thứ ba từ hồi mình thôi nhau.” anh ta nghĩ nghĩ, hình như đang cảm thấy không đúng lắm: “Cứ như chúng ta chẳng có gì bao giờ ấy nhỉ.”

“Anh nên tìm lấy một người mà ổn định đi.”

Gã bác sĩ phong lưu vẫy tay: “Tôi còn tính chơi vài năm nữa.”

Đúng như đã trả lời Arnold, tôi và Andemund thực tình chẳng mấy tiến triển, tôi thậm chí còn không có thì giờ gặp anh. Annie nói phân nửa thời gian ngài Garcia không có mặt ở trang trại Plymton. Cụ thể anh ấy đi đâu tôi cũng chịu.

Nhận được bản sao lá thư lần trước, ngày 13 tháng 5 tôi đã trở lại phòng 1, chân vẫn bó bột, cây can kê kê bên cạnh, tôi chính thức bắt tay vào thiết kế máy giải mã.

Tôi luôn băn khoăn về dòng chữ viết tay của C: Hãy chuyển cho Alan Castor, học viện mật mã Chính phủ MI-6. (C)

Thế tức là C bỏ qua Andemund để liên hệ thẳng với tôi, ông ta chỉ định đích danh tôi thiết kế máy giải mã “Mê”.

Andemund không cho tôi một lời giải thích nào về chuyện này, hôm sau hôm tôi về, anh ấy chỉ ký một tờ thông báo rằng tôi có toàn quyền lãnh đạo văn phòng số 1.

Thông báo cũng là trợ lý Annie đưa cho tôi, với chữ kí hoa mỹ của Andemund trong góc giấy.

“Alan, ngài Garcia rất tin tưởng cậu.” Annie đưa tay đỡ những lọn tóc quăn bồng bềnh: “Nếu không ngài ấy đã chẳng giao vị trí quan trọng này cho cậu.”

Cô ấy nhìn tôi: “Tôi nghe nói Hà Lan đầu hàng rồi. Alan, chúng ta sẽ thắng, đúng không?”

Tôi đáp: “Chúng ta sẽ thắng.”

“Nghe nói Đức Quốc xã đang thiêu chết người Do Thái và gián điệp nước ngoài.”

“Ngài Garcia sẽ không phái cô đi làm nhiệm vụ ở vùng bị chiếm đóng đâu.” tôi cố gắng an ủi cô ấy: “Ở trong nước cô rất an toàn mà, đừng lo. Cô đi rồi lấy ai giải quyết công việc cho anh? Sẽ không có chuyện gì đâu.”

Tôi nhận thấy Annie khẽ rung mình.

Cô ấy gật đầu: “Tôi sẽ không sao.”

Annie đột nhiên siết chặt tay tôi: “Cuối tháng sáu, nhất định cậu phải làm xong máy giải mã nhé.”

Một thời gian dài sau đó, tôi không còn thấy Annie nữa.

Sau này có người nói cho tôi biết, sau khi Hà Lan đầu hàng, mạng lưới tình báo của chúng tôi bị tổn thương trầm trọng, bốn điệp viên chủ chốt bị Đức Quốc xã bắt giữ, đưa vào trại tập trung Auschwitz. Andemund đưa ra kế hoạch giải cứu họ, Annie đã chủ động xin đi tiền trạm, mua chuộc lính Đức ở trại tập trung.

Một ngày trước khi lên đường, cô ấy giúp Andemund giao tài liệu lần cuối cùng, hôm đó cô ấy đứng trước mặt tôi trên hành lang, nói: “Alan, cuối tháng sáu, nhất định cậu phải làm xong máy giải mã nhé.”

Từ đó, tôi chính thức trở thành người phụ trách văn phòng số 1.

Ngày 31 tháng 5, rốt cuộc cũng được gỡ khỏi thạch cao chết tiệt trên đùi, tôi nhận được tin C yêu cầu gặp mặt mình.

Mấy ngày này tôi chỉ thấy Andemund vài lần.

Anh ấy đã đổi xe, chuyển sang đi Rolls-Royce Phantom III, vẫn màu đen. Nhiều lần tôi thấy Peter mở cửa xe, anh ấy bước xuống từ ghế sau, bên cạnh là những người tôi chẳng biết.

Hôm ấy phải đúng giờ cơm trưa, tôi xuống nhà ăn, tình cờ gặp Andemund trong hành lang.

Anh ấy gọi tôi lại: “Alan.”

Andemund mặc rất trang trọng, Áo phục màu xám và cà-vạt sẫm, như kiểu vừa dự một sự kiện chính thức nào đó về. Đó là lần đầu tiên tôi thấy anh ấy sau chuyện Lena.

Ảnh đứng trước một bức tranh tĩnh vật phục chế, ánh nắng sớm động trên lát bánh mì phết mật đường như loang ra khỏi lớp vải quét sơn dầu để đổ xuống mái tóc vàng sáng của anh ấy. Anh ấy lại gầy hơn trước, lưng thẳng tắp, môi mím chặt, hốc mắt hõm sâu vì mệt mỏi, mà cái nhìn vẫn sáng ngời tinh anh. Anh ấy luôn quá hiếu thắng, chưa bao giờ để tôi thấy vẻ yếu ớt của mình, vậy nên đứng trước tôi lúc này lại là nhà lãnh đạo cứng rắn của MI-6, Andemund Garcia.

Ảnh ra hiệu bảo người đi cùng đi trước.

“C muốn gặp em, Alan. Sáu giờ chiều mai, số 7 Downing Street.”

Tôi gật đầu.

“Anh không nên để Annie đến vùng bị chiếm đóng. Cô ấy có thể sẽ chết ở đó.”

“Cô ấy sẽ sống trở về, Annie là một trong những người ưu tú nhất của anh. Nước Anh cần cô ấy.”

Tôi im lặng đứng thần người, không biết nên nói gì cho phải.

Đột nhiên Andemund ôm ghì lấy tôi.

Thực tình không kịp đề phòng.

Chúng tôi lạc lại phía sau, hành lang trống trải không còn ai khác, anh ấy cứ thế ôm tôi rất lâu.

Ngực tôi dán trên ngực anh ấy, dường như tôi nghe được tiếng tim anh ấy đập trong ***g ngực.

Thật lâu sau, anh ấy mới nói: “Alan, ơn Chúa em không sao.”

Tôi hỏi anh ấy: “Nếu Lena trong sạch, anh sẽ lấy cô ta như hôn ước đúng không?”

Người Andemund chột cứng đờ, cánh tay ôm tôi siết chặt đến gượng gạo.

Tôi ngẩng lên, thấy anh ấy đang cúi đầu nhìn tôi, hàng mi mảnh dài rũ xuống.

Anh ấy nói gần như khổ sở: “Anh sẽ làm thế. Em biết sớm muộn anh cũng phải kết hôn với con gái một gia đình quyền lực.”

“Alan.” giọng Andemund luôn rất nhẹ, và dịu dàng tựa như tiếng chuông gió lạnh canh trên cửa sổ quán bar trước học viện năm xưa: “Bảo anh đừng kết hôn đi.”

“Em bảo đừng anh sẽ nghe sao?”

Có đôi khi Andemund thực sự bướng bỉnh như một đứa trẻ: “Anh muốn nghe em nói.”

“Vậy được.” tôi nhún vai: “Cưng à, đẹp đàn bà con gái đi, lấy em được rồi.”

Giờ nhớ lại, câu nói giỡn lúc ấy nghe cứ như một lời cầu hôn.

Andemund buông tôi ra, cười híp mắt: “Ừ.”

Đột nhiên anh ấy kéo tay trái tôi lên, nhẹ nhàng hôn mu bàn tay tôi, trịnh trọng như một nghi thức.

Sau đó anh ấy bỏ đi.

Hôm sau tôi quá giang xe Arnold đến số 7 Downing Street, Văn phòng tác chiến nội các, trình diện C.

27. Chương 27

Phòng tác chiến nội các.

“Tưởng sẽ gặp một ông già lẩm cẩm phải không, Alan.” người đàn ông đứng dậy khỏi bàn làm việc bằng gỗ hồ đào, bắt tay tôi.

“Tôi nghĩ ngài hẳn sẽ rất nghiêm túc.” tôi thành thực thừa nhận: “Ngài là người lãnh đạo tối cao của cục tình báo.”

C rất khác so với những gì tôi tưởng tượng. Tôi đã nghĩ mình sẽ gặp một ông già đầu hói, mũi ưng, nói năng thận trọng kiểu cách, đeo kính hình bán nguyệt với cặp mắt soi mói. C quả là mũi ưng, nhưng ông ta cao lớn hơn một chút so với tôi dự đoán. Tôi nghĩ ông ta chắc chưa đến năm mươi tuổi, tóc màu nâu sẫm, mũi khoằm, đeo kính thường, ánh mắt sắc bén nhưng giọng cười thì sang sảng.

Ông ta mặc một chiếc áo dạ có vẻ hơi dày so với thời tiết, tay cầm tách cà phê. Hình ảnh này khiến tôi chợt liên tưởng đến những ông bác ngồi uống bia đen trong quán rượu vùng quê ở Bedford, hơn là giữa một văn phòng nhỏ bé giải quyết những việc quốc gia đại sự không thể diễn tả bằng lời.

“Nhiều người cũng nghĩ vậy đấy.” ông ta chăm chú nhìn tôi: “Alan, cậu trưởng thành rồi. Trông càng giống mẹ cậu.”

Tôi thấy hơi ngượng ngịu.

“Lần trước trông thấy cậu, cậu chỉ là một đứa trẻ nằm trong lòng Jane.”

“Ngài từng gặp mẹ tôi sao?!” tôi kinh ngạc.

C ra hiệu cho tôi ngồi xuống chiếc ghế trước bàn ông ta, ông ta cũng ngồi xuống: “Cà phê nhé? Hay trà?”

“Không cần, cảm ơn.” tôi đáp.

“Ta đã gặp mẹ cậu.” ông ấy nói chậm rãi: “Ta, là người ra lệnh xử lý phu nhân Castor.”

Tôi ngồi trước mặt ông ta, đại não phút chốc trống trơn.

Tôi hiểu từng từ ông ta nói ra, nhưng không sao chấp nối chúng thành một thứ gì có nghĩa được.

“Alan, ta biết cậu rất đau khổ. Năm đó ta cũng đã đau khổ, cầm bút ký tên lên quyết định hành quyết mà tay run rẩy, ký ba lần mới xong... ta nghĩ kể từ đó sẽ không còn được gặp Jane và cha cậu nữa. Đến giờ ta vẫn tin là như vậy, mẹ cậu là một thiên tài về mật mã, tìm khắp nước Anh cũng không được một người thứ

hai tài năng như mẹ cậu. Xử lý bà ấy với cục tình báo mà nói là một tổn thất rất lớn, tổn thất này mãi đến khi Andemund Garcia nhận chức mới được bù đắp lại.”

“Mẹ cậu nắm được quá nhiều, trong tay chúng ta có bằng chứng xác đáng về việc bà ấy liên quan đến gián điệp Đức. Andemund đã cho cậu xem bằng hình rồi, phải không?”

“Đúng.”

“Vậy là cậu biết bà ấy đang làm việc cho tình báo Đức.”

Tôi đau đớn đến nói không thành lời: “Đúng vậy.”

C lắc đầu, quay nhìn ra cửa sổ, chỉ để tôi thấy đường phác nghiêng gương mặt ông ta.

“Alan, ta cũng đau khổ như cậu.”

“Cậu không hiểu, phải không?” ông ta hít một ngụm cà phê rồi đẩy nó đến góc xa nhất trên bàn, như thể đó là một khối thương tâm tội đồ mà người ta chỉ muốn cách xa càng xa càng tốt: “Để ta kể cho cậu từ đầu... câu chuyện phản quốc của mẹ cậu.”

C nói thật bình thản, đôi mắt vẫn hướng ra cửa sổ, không quay lại nhìn tôi.

Đột nhiên tôi nhớ đến Andemund.

Mỗi khi tôi hỏi Andemund một câu hỏi khó trả lời, anh ấy cũng sẽ nghiêng đầu nhìn ra ngoài cửa sổ, che giấu biểu cảm trên gương mặt mình.

Tôi nghĩ có lẽ người của thế giới tình báo này là vậy.

Chỉ là khi C kể, ông ta dường như già hẳn đi, giống như bất chợt nhận ra gánh nặng thời gian bấy lâu vẫn đè trên đôi vai mình.

“Cục tình báo từng cho đăng đề bài Brachistochrone lên “Tạp chí nhà toán học”, công khai tuyên bố không ai có thể giải được nó. Sau đó MI-6 nhận được tổng cộng ba đáp án, một của ta, một của cha cậu, cái còn lại đóng dấu bưu điện quận Cambridge, đó là mẹ cậu. Trong những lời giải ấy, đáp án của ta được đánh giá là hoàn hảo, đã loại suy định lý Fermat, vận dụng phương pháp quang học. Giờ nghĩ kĩ lại lời giải của cha cậu mới tuyệt vời nhất, thực sự thể hiện được tư duy biến phân, thực sự rất tuyệt vời...”

“Nhưng người nhanh nhất chính là mẹ cậu. Đáp án của bà ấy rất tùy tiện, lời giải viết ngoáy trên một mảnh giấy... buổi sáng tạp chí lên kệ, đến chiều bà ấy đã giải ra, thư bỏ vào hòm vừa kịp trước lần lấy thư cuối cùng trong ngày. Sáng hôm sau cục tình báo đã nhận được lời giải của mẹ cậu, đến ngày thứ năm thì nhận được của ta, một tuần sau nữa mới là bưu kiện của cha cậu.”

“Một tháng sau, chúng ta cùng nhận được lời mời của MI-6, họ hỏi chúng ta có sẵn lòng phục vụ tổ quốc theo một con đường đặc biệt không. Đó là lần đầu tiên ta gặp Jane. Bà ấy có đôi mắt màu lam xám và mái tóc quăn dịu dàng, khiến ta nghĩ đến hình ảnh thiên sứ trong bức bích họa ở giáo đường hơn là một nhà toán học. Lúc ấy ta mới được bổ nhiệm làm giảng viên ở Oxford, mẹ cậu thì đã công bố một số luận văn ở Cambridge và có chút danh tiếng. Ta đã đọc luận văn của bà ấy, vô cùng tài hoa.”

“Alan, ta nói những điều này với cậu là hy vọng cậu có thể bỏ qua địch ý với ta. Ta và mẹ cậu từng là đồng nghiệp, là chiến hữu và bạn bè. Chúng ta làm việc cùng nhau mười năm, là những chuyên gia mật mã tình báo đầu tiên của MI-6, những người sáng lập ra trang trại Plymton. Sau này ta được điều lên tổng cục tình báo, mẹ cậu phụ trách phòng 1 và phòng 3 của Plymton... Cậu từng nghe đến tên Kaminsky chưa?”

Chú Kaminsky?

Hình như tôi có chút ấn tượng, hồi nhỏ chú ấy rất hay đến nhà tôi, bao giờ cũng nhắc bồng tôi lên xoay xoay trên trời.

Người cao lớn, để râu quai nón, sắc mặt hồng hào.

“Hình như là bạn của cha tôi.” tôi đáp.

C gật đầu: “Phải, chính cha cậu đã giới thiệu anh ta vào hệ thống tình báo, ông ấy là người bảo lãnh anh ta. Anh ta bị nghi ngờ phản quốc. Cục tình báo quyết định thẩm tra cách ly nghiêm ngặt anh ta và cha mẹ cậu. Cậu biết việc Andemund bị thẩm tra gần đây chứ?... cũng một cách thẩm tra như thế nhưng mẹ cậu phải chịu đựng bốn lần. Sau cuộc thẩm tra thứ tư, ta hầu như không nhận ra Jane nữa, bà ấy gầy rộc đi, không khác gì một đóa thủy tiên đang héo rũ. Khi bà ấy nhìn ta, ta có thể cảm nhận được ngọn lửa sinh mệnh đang tắt dần trong cặp mắt màu lam xám ấy. Ta khuyên bà ấy ly hôn với cha cậu, từ bỏ mọi quan hệ với ông ấy. Ta nói với bà ấy tuy kết quả bốn lần thẩm tra đều cho thấy họ trong sạch, nhưng trong tương lai chỉ cần xuất hiện bằng chứng bất lợi cho ngài Castor, bà ấy và đứa con sau này cũng sẽ bị liên lụy theo. Thậm chí ta đã đưa ra đề nghị... lấy bà ấy sau khi ly hôn. Alan, đừng nhìn ta như vậy. Ta thừa nhận mình từng bị bà ấy cuốn hút.”

“Jane không còn được tổ chức tin tưởng nữa. Bà ấy tin cha cậu và gã Kaminsky kia, cũng tin tưởng nước Anh. Sau này bà ấy cầu xin ta để được rời khỏi trang trại Plymton, trở về nghiên cứu toán học như trước. Lúc ấy bà ấy vừa mới mang thai cậu.”

“Ta qua mặt cấp trên dùng quyền lực của mình để phê chuẩn yêu cầu tạm nghỉ công tác của bà ấy, đồng thời trấn áp mọi tin tức bất lợi cho cha cậu... giống như Andemund đã che giấu tin tình báo bất lợi với cậu lần này. Về sau ta gặp lại mẹ cậu ở lễ trao huân chương Pulitzer, bà ấy vẫn dịu dàng nhã nhặn như trước, khi ấy cậu đã được năm tuổi, trông bà ấy lúc đó thực sự là một người mẹ.”

Ông ta ngừng lại để bấm chuông gọi cà phê.

“Có lẽ cậu muốn một tách cà phê rồi nghe tiếp?”

Tôi nghe thấy giọng mình đáp: “Không cần.”

C thở dài, không phản đối: “Kaminsky thực sự đã phản quốc. Hắn trốn sang Đức, mang theo rất nhiều tài liệu cơ mật. Hắn viết thư cho cha cậu, nói rằng có thể cho người đón gia đình cậu sang Berlin tiếp tục nghiên cứu mật mã. Trong thư còn đề cập đến việc Đế quốc đang tiến hành một công trình mật mã vĩ đại, rất cần đến bọn họ. Lá thư này rơi vào tay cục tình báo, kể từ đó gia đình cậu hoàn toàn bị mất tín nhiệm.”

“Thời điểm đó có quá nhiều tình huống cho thấy họ sẽ trốn sang Đức... ta nhận được mật báo vợ chồng Castor đang thu dọn đồ đạc, đồng thời ngừng thuê tiếp căn nhà họ ở đã lâu. Tình hình sau đó hẳn Andemund đã kể cho cậu rồi, người lãnh đạo cục tình báo đương thời hạ lệnh xử lý họ.”

Tôi nhớ lại những lời Andemund từng nói với mình... ở đây người ta làm việc vì tổ quốc. Mạng sống của em sẽ không còn thuộc về em nữa. Sẽ có gián điệp nước ngoài âm mưu tiếp cận em. Nếu cần thiết, cuộc sống riêng tư của em cũng bị giám sát. Nếu bị phán quyết phản quốc, em sẽ bị xử lý trong im lặng. Nếu cấp trên nghi ngờ em phản quốc mà không có chứng cứ, rất có thể có một ngày em sẽ bắt cần gậy khỏi xe khách, vừa hay gãy cổ. Đó là nguyên tắc của tổ chức, vì sự an toàn của tất cả mọi người.

“Trước vụ cháy một tháng mẹ tôi đã đưa tôi về quê ở với bác!” tôi vụt đứng dậy: “Nếu họ thực sự định đi Đức, không đời nào họ bỏ tôi lại nước Anh một mình!”

Tôi không biết phải diễn tả ra sao, chỉ có thể mụ mị lặp đi lặp lại: “Ông không hiểu, mẹ tôi yêu nước Anh...”

C sáng giọng: “Nhưng lúc này bà ấy đang làm việc cho Đức Quốc xã.”

“Có thể bà bị ép làm thế!”

“Phải, rất có thể...” ông ta gật đầu: “Nếu lúc ấy chúng ta có thể tin tưởng cha mẹ cậu nhiều hơn, có lẽ sự việc đã khác...”

Tôi sức nhớ ra: “Mẹ tôi còn sống, vậy còn cha tôi thì sao? Ông ấy đang ở đâu?”

“Ta không biết. Alan, cậu phải bình tĩnh. Tay cậu đang run đó.” C đề tay lên vai tôi, ấn tôi ngồi xuống ghế: “Chúng ta chưa hề nhận được tin gì về cha cậu.”

Ông ta ngồi lại, đợi nhịp thở của tôi bình ổn lại phần nào rồi mới tiếp: “Lần này ta muốn nói để cậu hiểu, Alan, ta tin cậu.”

Ông ta tiếp: “Trước kia cục tình báo không tin mẹ cậu, nhưng Alan, ta tin cậu. Bây giờ ta có đủ khả năng và quyền lực để tin cậu, không cần một điều kiện gì cả. Tôn trọng ý nguyện của cậu, ta hỏi cậu một lần nữa: Cậu sẵn lòng cống hiến vì nước Anh chứ?”

Tôi không nhớ mình đã trả lời thế nào. C bày ra trước mắt tôi sự thực quá tàn khốc, giờ phút này chúng ngợp ngụa trong óc tôi, xâm chiếm khả năng suy nghĩ của tôi. Tôi vẫn phỏng đoán chính cục tình báo đã chỉ thị mẹ tôi làm việc cho Berlin, nhưng hôm nay ảo tưởng ấy đã bị những lời của C đập nát. Tôi cảm thấy nơi nào đó trong ngực mình nhói buốt, nhưng không sao kêu được thành lời.

“Alan, ta biết sự thật sẽ khiến cậu đau khổ. Nhưng ta hy vọng cậu sẽ chỉ làm việc cho ta sau khi biết mọi chuyện. Nếu có thể, ta cũng không muốn làm tổn thương cậu.” C hỏi tôi: “Cuối tháng sáu, cậu có thể chế tạo xong máy giải mã chứ?”

Tôi nhớ đến lá thư nọ.

“Thủ tướng yêu cầu cuối tháng sáu chúng ta phải hoàn thành cỗ máy hoặc cung cấp tốc độ giải mã tương đương.” tôi nghe thấy mình nói: “Tôi có một đồng sự có thể làm xong máy giải mã vào cuối tháng sáu. Trước khi cậu ta hoàn thành nhiệm vụ, tôi cam đoan tốc độ giải mã của văn phòng số 1 sẽ ngang bằng tốc độ máy giải mã.”

28. Chương 28

Bên ngoài lớp kính cửa sổ hành lang, trời đã âm u tối, những cột đèn khí vàng ở ngã tư được thắp lên. Trong văn phòng tác chiến nội các cũng bật đèn sáng trưng. Giữa cuộc chiến nghẹt thở, người ta ôm những túi tài liệu vội vàng đến và đi, giống như bánh răng trong một cỗ máy khổng lồ.

C mở cửa phòng giúp tôi: “Ta sẽ cho xe đưa cậu về.”

Tôi đã chực đồng ý, đột nhiên có tiếng nói vang lên sau lưng: “Không cần, tôi sẽ đưa Alan về.”

Tôi quay lại, là Andemund. Anh ấy đứng khoanh tay, dựa lưng vào tường hành lang, hình như đã đợi ở đây lâu lắm rồi. Bộ lễ phục đen nổi bật trên màu giấy dán tường vàng cũ kĩ, khiến làn da tái nhợt của anh ấy như được đồ lên một lớp tao nhã ảm đạm.

“Anh mới ở Văn phòng Quốc hội về, vừa vận ngang qua đây.” Anh ấy mỉm cười với tôi, nụ cười thật dịu dàng. “Alan, em ra ngoài trước đi, Peter đợi em trong xe. Anh có chuyện muốn nói với C.”

Tôi không biết anh ấy và C đã nói chuyện gì, chỉ biết rằng cuộc trò chuyện ấy kéo dài khá lâu. Chiếc Rolls-Royce Phantom màu trắng đậu sẵn dưới bậc thang lên sảnh. Lúc sau tôi thấy Andemund bước ra, vệ binh gác hai bên cửa cúi đầu chào anh ấy.

Sau cuộc trò chuyện anh ấy có vẻ mệt mỏi. Chiếc Phantom lẳng lặng phóng qua ngã tư như một bóng ma, rất lâu sau anh ấy mới lên tiếng: “Alan, trước kia anh đã nói với em rồi, không thể hoàn toàn tin tưởng C.”

“Em biết.” tôi hỏi: “Vừa rồi anh nói chuyện gì với ông ta?”

“Bọn anh đã thống nhất được một điều, Alan ạ.”

“Về cái gì?” tôi hỏi tiếp.

Andemund nghiêng đầu nhìn tôi, nheo mắt đáp: “Về em.”

Tôi nhào sang, giơ tay bắt cầm ảnh: “Cùng à, hôn một cái nào.”

Peter mặt lạnh như tiền, đánh tay lái, tôi suýt ngã bổ chửng.

Tôi bầu thành ghế trước để nhỡm dầy: “Hôn một cái thôi mà, rồi em đảm bảo tốc độ giải mã của phòng 1 sẽ nhanh gấp bội.”

Andemund lắc đầu: “Alan, trông em tệ quá.”

Anh ấy bảo Peter dừng xe trước một quán bar. Những bức ảnh cũ của London treo đầy trên tường, đến giờ tôi vẫn nhớ rõ vị đắng chát của bia đen ở đó. Mà tôi lại không nhớ cuối cùng mình đã gọi bao nhiêu vai bia, chỉ biết cứ uống hết vai này đến vai khác, tận đến khi quán chuẩn bị đóng cửa, người phục vụ lắc cái chuông trên quầy và nói lớn: “Last order!”

Andemund không hề ngăn tôi uống, nhưng anh ấy không gọi một ly nào.

Anh ấy chỉ ngồi bên cạnh nhìn tôi.

Lúc bọn tôi vào quán không có một ai, chắc ảnh lại lạm quyền lần nữa. Vì từ đó đến khi chúng tôi ra về cũng chẳng còn khách nào khác đến.

Tôi lặp lại những gì C nói với tôi cho Andemund nghe.

Nói đến đoạn rút cuộc mẹ tôi lại phục vụ Berlin, anh ấy đứng dậy, dịu dàng vòng tay ôm lưng tôi.

Câu chuyện ấy chắc hẳn anh ấy biết trước tôi rất lâu rồi.

Andemund không nói gì, cũng không an ủi tôi, chỉ ôm tôi như thế... ôm rất lâu.

Chà, Andemund của tôi.

Sáng hôm sau, Raphael mặt mày hăm hăm sang gặp tôi: “Alan, trên bàn tôi là cái gì?”

“Tài liệu về máy giải mã ‘Mê’. Tiến độ làm việc của tôi và Andemund nữa.”

“Tại sao nó lại nằm trên bàn tôi?!”

“Vì từ hôm nay cậu sẽ được điều sang văn phòng số 1, phụ trách chế tạo máy giải mã... thủ tướng Churchill yêu cầu chúng ta hoàn thành nó trước cuối tháng sáu, Andemund không có thời gian, nên chỉ còn trông cậy vào tôi và cậu thôi.”

“Tôi đã bảo cậu tôi có dòng máu Do Thái.”

Tôi cười, vỗ vai cậu ta: “Giờ tôi là người phụ trách phòng 1.”

“Thế thì cậu làm trò gì hả, Alan?”

“Trước khi cậu làm xong máy giải mã, tôi đã cam kết tốc độ làm việc của phòng 1 sẽ ngang bằng tốc độ máy.”

Raphael trợn mắt bước lui mấy bước: “Alan, cậu điên rồi! Không thể làm được thế!”

Raphael nói đúng, không thể làm được. Tốc độ giải mã thủ công của phòng 1 hiện nay là vài chục tin một ngày, mà mục tiêu cho một máy giải mã là mỗi ngày trên ba trăm tin. Chưa nói đó vẫn chỉ là một phần ít ỏi trong số hàng ngàn tin tình báo chúng tôi chặn được.

Ban ngày tôi giải mã, tối thì sang phòng 7 nghiên cứu máy giải mã với Raphael.

Những ngày thê lương như địa ngục.

Bầu trời chiến tranh đen tối. Không ai ngờ được ngay sau khi đội quân cơ giới của Đức vượt qua chiến tuyến Maginot, quân Đồng minh đã trở tay không kịp. Gót sắt Đức quốc xã gần như biến nước Pháp thành bình địa, mười ngày sau Bỉ đầu hàng. Quân đội Anh buộc phải rút về nước. Báo chí đăng nhan nhản tin chúc mừng “Cuộc rút lui lịch sử Dunkerque”, nhưng rất ít người nhận ra rằng điều ấy có nghĩa là ngọn lửa chiến tranh đã lan đến tận nước Anh.

Dân chúng mỗi mắt chờ đợi tin tức mới. Nhờ giải mã “Mê”, tôi biết thêm được vài điều: Lễ mừng thắng lợi của Hitler, nhân dân Đế tam đế quốc diễu hành ăn mừng, khẩu hiệu phản Do Thái và luận bàn chủng tộc.

Đầu óc tôi chưa bao giờ phải làm việc với tần suất chóng mặt đến thế. Giấc ngủ đã hoàn toàn vô nghĩa. Tôi học được thói quen uống cà phê đen của Andemund, hết tách này đến tách khác, râu ria để mọc xôm xoàm, quần áo tóc tai lờ lờ thôi lệch thếch.

Tôi chỉ có thể cố gắng khoét sâu vào nhược điểm của “Mê” để rút ngắn thời gian giải mã.

Tin tình báo của quân Đức có một điểm chung, những mẫu tin tương tự nhau thường được gửi đi vào cùng một thời điểm. Ví dụ như sáu giờ sáng sẽ phát dự báo thời tiết, nếu máy bay của chúng tôi lượn một vòng trên căn cứ quân Đức, ngay sau đó sẽ xuất hiện những đoạn mã chỉ có mấy từ “máy bay”, “do thám”.

Tôi phát hiện ra một nguyên tắc của “Mê”: từ đơn không thể mã hóa bằng chính nó. Nói cách khác không thể mã hóa A thành A, B thành B. Như vậy khi đã đoán được đoạn tin này chứa từ “máy bay”, tôi có thể so sánh từ này với đoạn mã nguyên văn, loại bỏ tất cả chữ cái giống nhau và những chữ cái lân cận.

Tôi báo phương pháp này cho Andemund, anh chỉ cười. Trang trại Plymton có người liên lạc với không quân, kể từ đó nhật ký hành trình của không quân cũng được gửi đến phục vụ công việc giải mã của tôi.

Tương tự còn khá nhiều quy tắc giống vậy, ví như để giảm thiểu việc tính toán trên các băng đục lỗ, tôi chồng tất cả chúng lên nhau, lỗ hổng cuối cùng còn lại chính là khóa mã. Những điều này giờ nghĩ lại có lẽ thật tức cười, nhưng trong hoàn cảnh khẩn trương ấy chúng tôi không còn lựa chọn nào khác.

Tháng sáu, Pháp đầu hàng.

Ngày cuối cùng của tháng sáu, máy giải mã hoàn thành. Bản vẽ được chọn sử dụng chính là thiết kế của Andemund, cực kỳ giản tiện, nhưng lại cho tốc độ giải mã cao nhất.

Lúc nghe Raphael báo tin máy giải mã đã khởi động thành công, toàn thân tôi bỗng chốc nhũn ra.

Cậu ta vội đỡ tôi dậy: “Alan? Alan cậu sao thế này?!”

Andemund đưa tôi rời khỏi Plymton, đến nghỉ dưỡng ở biệt thự trong nội thành London của anh một tuần. Phần lớn thời gian tôi chỉ ngủ, vì đã lâu lắm rồi tôi chẳng biết ngủ là gì.

Andemund cương quyết khóa trái cửa, nói: “Quên ‘Mê’ đi, Alan. Em cần phải nghỉ ngơi.”

Bao lâu không đến đây.

Đồ đạc hình như chẳng hề thay đổi, giống hệt như ngày bọn tôi mới yêu nhau. Bộ sô-pha bọc bao chống bụi, những bức tranh nổi tiếng, phòng đọc sách, cây đàn dương cầm màu trắng đơn độc trong phòng khách lâu hai.

Tôi bước đến đứng trước cây đàn, thấy hình ảnh mình soi trên nắp đàn bóng loáng.

Hai má hõm sâu, mặt cắt không còn hột máu, mắt thâm quầng, râu coi bộ nghìn năm chưa cạo.

Tôi chống tay trên nắp đàn sẫm soi nửa ngày, thở dài ngao ngán: “Người gì như quỷ.”

Andemund tiến đến cạnh tôi. Anh gật đầu tán đồng, rồi đột nhiên lột đồ tôi ra quẳng tôi vào bồn tắm, tắm xong lại quẳng lên giường, đoạn bưng một chậu nước vào phòng rồi xòe con dao cạo với chai xà phòng ra.

Tôi bầu chặt ra giường: “Cứng nè, anh tính làm gì đó?”

“Nhắm mắt lại.”

“Ai nha, cưng ơi! Không cho làm thế đâu.”

“Im lặng nào.”

Một lát sau anh hỏi: “Đau hả?”

Tôi hít hà, vỗ vỗ ót anh: “Vỡ vắn, chảy máu rồi đây này. Tình yêu ơi, anh chưa cạo râu cho ai bao giờ hở?”

Anh thẳng thắn đáp: “Chưa bao giờ.”

“Anh anh... anh làm gì đó?”

“Biến thái!”

Andemund không nói gì, anh cúi xuống liếm vết thương bị lưỡi dao cạo cửa rách trên mặt tôi. Tôi có thể cảm giác được đầu lưỡi mềm mại ấm áp của anh ấy. Không phải hôn, là liếm một cách hung bạo. Thứ cảm

giác nhón nhột ngứa này khiến người ta không chịu nổi. Tôi nằm ngửa trên cái giường trải ga trắng rộng thênh thang, anh ấy ngồi bên cạnh, quỳ nửa gối trên mép giường, đẩy hai chân tôi giăng ra.

Cả người Andemund bao trùm trên thân thể tôi, mùi bạc hà mát rượi trên áo anh ấy mê hoặc mọi giác quan của tôi.

Đến khi anh ấy với khăn lau mặt cho tôi rồi bắt đầu tuột thắt lưng, tôi mới nhận ra tư thế này hơi không ổn.

Cơ mà đã muộn.

Andemund cho tôi hai lựa chọn.

Ảnh hôn hôn trán tôi: “Alan, muốn anh còng tay em lại hay em sẽ ngoan ngoãn nghe lời?”

Tôi ở biệt thự của Andemund một tuần. Ngày nghỉ của tôi được Andemund đích thân phê chuẩn, nhưng tôi không biết ngày nghỉ của anh là ai phê. Bảy ngày thì anh ở biệt thự với tôi liền bốn ngày, chúng tôi thử làm tình trong mọi loại tư thế... trên giường, trong bồn tắm, trên đàn dương cầm. Andemund dạy tôi đánh “For Elise”, lúc tôi đàn anh sẽ đứng sau hôn tôi, nụ hôn trượt dài theo xương sống. Hôn đến khi toàn thân tôi run rẩy, hoàn toàn không biết tay mình đang đánh cái gì nữa. Có một bữa tôi thấy Andemund đánh đàn. Anh ấy hơi rũ đầu, đàn thật chăm chú. Tôi không biết anh đang chơi bản gì, chỉ cảm thấy giai điệu du dương và đáng cổ anh ấy thon dài cong cong sao mà mỹ lệ. Tôi rón rén tới sau lưng anh, bắt đầu hôn lưng anh qua lớp áo sơ-mi, định bụng nếu anh phản đối mình sẽ cãi lộn trước coi như hòa. Dè dẫu Andemund ngừng chơi ngay lập tức, anh ấy đứng bật dậy, quay lại bế bổng tôi lên đặt trên cây đàn, không khoan nhượng ban hai chân tôi ra.

Mặt đàn dương cầm thật ra chẳng rộng rãi gì, tôi phải rướn thẳng thắt lưng, cố sức bấu chặt lấy anh ấy. Theo những cử động của Andemund, phím đàn ngân vang trầm bổng. Tôi nhớ rõ mòn một sự đau đớn lẫn sung sướng khi anh ấy tiến vào cơ thể mình, khoái cảm vượt quá sức tưởng tượng.

London tháng sáu bắt đầu oi bức. Mỗi sáng tôi mặc áo ngủ mở cửa sổ hít khí trời, có thể nghe tiếng còi ô tô trên đường xa xa vọng lại. Hiện giờ xăng đã bị hạn chế, chạy trên phố hầu hết là xe quân đội hoặc xe vận chuyển vật tư cho chính phủ.

Chỉ có lúc này tôi mới cảm thấy được chiến tranh đang xấp tới gần.

Andemund khoác áo sơ-mi bước ra từ nhà bếp, đưa cho tôi một tách cà phê rồi vòng tay ôm ngang eo tôi, cùng tôi ngắm cảnh vật bên ngoài: “Alan, không sao, còn có anh.”

Tôi đề nghị: “Tình yêu này, thỉnh thoảng anh nằm dưới cũng được đó. Ở dưới thật ra cũng dễ chịu lắm.”

Ảnh nghiêm túc suy nghĩ một lát rồi bất thần ném tôi lên giường: “Anh sẽ cho em càng dễ chịu.”

29. Chương 29

Andemund luôn tao nhã và xinh đẹp, mỗi lần thấy anh tôi sẽ kim lòng không đậu rồi gỡ trò lưu manh, và mỗi lần gỡ trò lưu manh hậu quả luôn là bị anh quăng lên giường.

Ảnh sẽ dịu dàng hôn từ cổ tôi, cởi khuy áo tôi rồi nói: “Anh sẽ cho em càng dễ chịu.”

Tôi thì chỉ muốn phun ra một từ: “Shit!”

Bữa nay anh ấy đã mặc đồ tử tế, chuẩn bị ra ngoài, tôi lồm cồm bò dậy khỏi giường, thắt lưng đau tưởng như sắp đứt làm đôi. Anh quay lại lấy mũ, chào tôi bằng vẻ rất chi lịch lãm: “Em yêu.”

“Chiều nay em về Plymton.”

Anh ấy nghĩ nghĩ một lát: “Nếu muốn, em nghỉ thêm ít ngày cũng được.”

“Vậy văn phòng số 1 thì sao?”

Andemund cười ôn hòa: “Còn có anh.”

Buổi chiều cuối cùng của bảy ngày nghỉ, tôi ngồi xe bus một mình về trang trại Plymton. Cửa ký túc xá tôi ở đã bị sơn thành màu xanh lục, lớp sơn mới chưa gì đã tróc loang lổ. Người gác cổng đưa cho tôi lá thư của Edgar.

Giấy viết thư ô li đỏ chuyên dụng của không quân Hoàng gia, chữ viết hoa quen thuộc bằng mực nước xanh thẫm. Nội dung không khác mấy những lá thư trước. Cậu ấy nói gần đây sân bay bị vài cuộc không kích quy mô nhỏ của máy bay Đức Quốc xã. Rồi cậu ấy hỏi tôi còn làm việc cho Hội nghiên cứu golf và bóng chày gì đó không, nghe nói Viện nghiên cứu của không quân Hoàng gia ở Uxbridge đang trống vị trí chuyên gia toán học, cậu ấy có thể giới thiệu tôi với họ.

Cuối thư viết: Vì nước Anh.

Edgar không biết tôi làm việc cho cơ quan tình báo chính phủ, tôi cũng chẳng thể nói cho cậu ấy biết được. Tôi đành hồi âm đúng phép, bảo cậu ấy rằng tôi sống khá ổn, nhắc cậu ấy chú ý bay an toàn.

Hàng ngày văn phòng thường trú của không quân Hoàng gia ở trang trại Plymton sẽ gửi sang phòng 1 tình hình công tác trong ngày của họ để phục vụ chúng tôi giải “Mê”, bởi vậy tôi có thể tra được cả nhật ký hành trình của trung đội Edgar. Cậu ấy thuộc trung đội 3, đại đội 11 không quân Hoàng gia, dưới sự chỉ huy của tướng Parker, Bộ tư lệnh đóng tại Uxbridge, chuyên trách bảo vệ khu vực Đông Nam đất nước gồm cả London. Đó là một trong hai đội bay ưu tú nhất nước Anh, tôi thấy tự hào vì Edgar.

Một tuần tôi nghỉ, Andemund đã phục chế được năm cỗ máy giải mã “Mê”, mỗi tổ chuyên gia của phòng 1 được trang bị một máy. Máy giải mã cao khoảng năm foot, vỏ màu đồng, bề ngoài trông như một cái tủ đứng có gắn bảng mẫu tự nhập vào và phát ra. Tốc độ giải mã của nó có thể đạt hai mươi phút một tin, nếu cho cả năm máy hoạt động liên tục hai tư giờ thì một ngày giải được tối đa 360 tin.

Có điều máy giải mã chỉ có thể tự động giải các thuật toán, còn khóa mã vẫn phải mò thủ công.

Hầu hết thời gian tôi đều ngồi trong phòng mò khóa mã, sau đó đưa vào máy giải tự động.

Rảnh rỗi thì giúp Raphael hiệu chỉnh máy.

Bọn tôi ngồi xồm trước cái máy bị trục trặc, Raphael vừa mở nắp lưng máy vừa hỏi tôi: “Cậu nghĩ ông ta biết mình giải được “Mê” không?”

“Tình báo Berlin á?” tôi nói: “Như tình hình hiện nay thì chắc là chưa.”

“Không, tôi nói người sáng tạo ra “Mê”, thiên tài mật mã của Đức kia.”

Tôi thừa nhận là xưa nay mình chưa từng nghĩ về chuyện này.

“Tôi nghĩ ông ta biết.” tôi nói: “Ông ta biết rõ “Mê” có nhược điểm, vậy sớm muộn gì cũng có người giải được. Chẳng qua ổng không ngờ chúng ta giải ra sớm vậy thôi.”

“Vậy cậu không thấy nghịch lý sao? Trừ phi ông ta cuồng tin rằng mật mã của mình vĩnh viễn không thể giải được, nếu không tại sao lại để cả cục tình báo Đức dùng nó như thế... hiện giờ đến thuyền dự báo khí tượng cũng trang bị máy truyền tin “Mê”. Nhưng từ tài năng đáng sợ thể hiện qua “Mê” của người đó mà nói, tôi không tin là ông ta không để ý đến khiếm khuyết của mình...”

“Ít nhất ông ta nên hạn chế phạm vi áp dụng loại mã này mới phải.”

“Tôi không biết người đó đang nghĩ gì nữa.” Raphael thở dài.

“Mê” không phải một thành trì bất biến. Dường như đoán được chúng tôi đang tiến cận nó, đối phương cũng đang không ngừng cải tiến phương thức phát tin “Mê”, gia tăng vòng chuyển hoá, điều chỉnh dạng thức của bảng phản xạ. Một thời gian ngắn cuối tháng sáu, đột nhiên “Mê” không thể giải được nữa. Sau đó tôi mới phát hiện đó là vì máy giải mã của họ được bổ sung một vòng chuyển hoá. Tôi và cả phòng 1 bù đầu nghiên cứu suốt một tuần, liên tục điều chỉnh tham số, thay đổi sơ đồ mạch máy giải mã, đến khi vấn đề được giải quyết tất cả chúng tôi đều hoàn toàn kiệt sức.

Rốt cuộc là ai, ai đang thao túng “Mê”?

Trong một khoảnh khắc tôi nghĩ đến người mẹ đang làm việc cho Berlin của mình. Tài năng, sự thận trọng, tỉ mỉ và trí tưởng tượng táo bạo khủng khiếp của bà... Nhưng là một người Anh, không đời nào bà được quyền tiếp xúc với những thứ cơ mật đến thế. Có lẽ bà có tham gia thẩm định độ bảo mật của “Mê”, rồi nhận định rằng nó “không thể giải được”... Nhiều hơn nữa thì tôi tin là cơ quan tình báo Berlin sẽ không dễ dàng cho phép bà can dự vào.

Sau cuộc rút quân lịch sử Dunkerque, Đức dừng công kích, đưa ra yêu cầu đàm phán với chúng tôi. Tờ “Times” và tờ “Chim Ó” liên tục đăng bài tranh luận về tính khả thi của cuộc đàm phán.

Tôi hỏi Andemund, ký kết Hiệp ước hòa bình với Hitler mà được sao?

Bọn tôi đang ngồi trong phòng ăn nhỏ trên tầng hai gác đỏ, Andemund vẫn uống cà phê đen. Những ngón tay thon dài của anh mân mê cái tách sứ trắng, anh nhẹ nhàng đáp: “Hơn một nửa thành viên nội các ủng hộ đàm phán, người phản đối chỉ có anh, hầu tước Gending và tướng Fred Leigh. Em bảo chúng ta nên duy trì chiến tranh hay đồng ý nghị hòa?”

“Chà, Andemund.” tôi nhìn anh ấy: “Anh biết Đức chắc chắn sẽ tấn công mà. Anh đọc tất cả tin giải mã rồi đấy thôi, đàm phán chỉ là cái cớ giả dối của họ.”

“Alan, nếu mọi người đều thông minh như em thì tốt biết mấy.” anh ấy thở dài: “Chiến tranh là không thể tránh được, nhưng Churchill bảo anh rằng ông ấy vẫn thiếu một thông tin quyết định, thứ có thể cho chúng ta biết ý đồ thực sự của quân Đức.”

“Anh có thể liên lạc với Churchill sao?” tôi kinh ngạc hỏi.

“Máy điện thoại thứ hai trong phòng làm việc dưới lầu của anh nối thẳng với văn phòng Thủ tướng.”

“Thế C thì sao? Ông ta nói gì?”

Andemund mỉm cười. Anh cười thực tình là đẹp, cặp mắt xanh biếc như hai viên ngọc mắt mèo, khóe miệng câu thành một đường cong dịu dàng. Tôi nhìn anh chăm chăm mất một hồi lâu.

“C?” anh nhẹ nhàng lắc đầu: “Ông ta ủng hộ đàm phán với Đức Quốc xã.”

“Alan.” Andemund nói: “Nếu phòng 1 giải được bất cứ tin gì cho thấy ý đồ đích thực của Đức, em không cần giao cho chuyên gia phân tích, phải gửi thẳng cho anh.”

Mỗi ngày lượng điện tín ồ ạt gửi về văn phòng số 1 đã đạt đến vài ngàn, dù có máy giải mã chúng tôi cũng chỉ có thể chọn lựa giải hơn một nửa số đó. Trong đó tuyệt nhiên không có tin tình báo nào thể hiện rõ ràng ý đồ của Hitler với nước Anh. Tin từ không quân là “thận trọng với Anh”, ban chỉ huy lục quân nói “tạm thời đình chiến”, hải quân đang chờ đợi động thái từ Quốc trưởng.

Có một bữa tôi đang mò khóa mã thì chợt phát hiện ra một đoạn tin ghi chú khóa mã tìm được là “USW”. Đây là lần thứ ba tôi thấy loại tin được mã hóa bằng khóa này. Tất cả chúng đều bị các cộng sự của tôi cho là không quan trọng rồi vứt vào thùng giấy loại. Tôi bối rối, đưa vào máy giải mã, nguyên văn đoạn tin bắt đầu chạy ra.

Nội dung điện tín này cực kỳ dài, đây là kỷ yếu một hội nghị.

Tôi miễn cưỡng đọc được dòng tiếng Đức đầu tiên: Unternehmen Seelwe (USW), chiến dịch Sư Tử Biển.

Hình như là một phần kỷ yếu hội nghị từ Bộ tư lệnh của Hitler.

Tôi giao bản giải mã cho Andemund, nguyên văn dài đến ba trang, anh chỉ giở coi một tờ mặt đã biến sắc, lập tức nhét chúng vào cái cặp táp đen rồi vội vàng rời khỏi trang trại Plymton.

Theo biên bản hội nghị, Hitler đưa ra “Chiến dịch Sư Tử Biển” (USW), vạch ra chi tiết bước đầu tiêu diệt không quân Hoàng gia, sau đó đổ bộ vào lãnh thổ Anh trong tháng mười. Tin tình báo này rốt cuộc được trình lên trước hội nghị nội các thời chiến, và trở thành yếu tố chủ chốt quyết định việc Anh từ chối đàm phán. Sau đó chúng tôi còn phát hiện ra nhiều điện tín mã hóa tương tự như vậy nữa. Đó là sai lầm trí

mạng của hệ thống tình báo Berlin, họ sử dụng khóa mã USW cho tất cả các văn kiện liên quan đến Chiến dịch Sư Tử Biển.

Andemund bế tôi ngồi lên bàn làm việc, cảm thán: “Anh thật không dám tin, Alan, em lại tìm ra nó... em đã quyết định con đường chính xác của cuộc chiến.”

Tôi mò mẫm thất lưỡng ảnh: “Cưng nè, vậy có khi nào cho em ở trên một lần không?”

Andemund đỡ người, đột nhiên ảnh rút súng ra, dí dưới cằm tôi.

Ảnh cúi xuống liếm yết hầu tôi, tuột áo sơ-mi của tôi ra, híp mắt cười: “Em yêu, không được. Nhưng mình có thể đổi tư thế.”

Đó là một quãng thời gian hạnh phúc.

Tôi và Andemund yêu nhau. Không ai nhắc lại những tổn thương đã gây cho nhau trước kia. Andemund nuông chiều tôi đến hầu như dung túng. Chúng tôi dùng phòng chiếu tăng một gác đồ để xem phim, đêm khuya vắng lặng tôi và ảnh cùng xem bộ phim “Waterloo Bridge” đang nổi như cồn ngoài rạp. Tôi thích câu Roy lặp đi lặp lại về người yêu mất tích: “Tôi sẽ tìm cô ấy mãi mãi.”

Andemund không còn cố đẩy tôi ra khỏi vòng xoáy tình báo nữa. Có những hôm tôi và anh ấy ở lì trong gác đồ làm việc đến khuya. Chúng tôi thảo luận về những mật mã khác ngoài “Mê”, phán đoán giá trị tình báo của chúng rồi hoàn thiện hệ thống mật mã của chính mình. Andemund là đồ cuồng công việc, lắm khi tôi nằm trên sô-pha dịch điện tín rồi ngủ mất tiêu, mà bao giờ mở mắt dậy cũng thấy đèn áp tường còn sáng, ảnh thì ngồi chăm chú đọc tài liệu.

Tôi rón rén đến sau lưng ảnh, hôn ảnh.

Andemund không quay đầu lại, chỉ nghiêng người vòng tay ôm eo tôi, hôn lại tôi.

Tôi hỏi anh ấy: “Em biết nhiều lắm đúng không?”

Andemund khẽ gật đầu: “Alan, đúng là em đã biết rất nhiều.”

Sau đó anh ấy đứng hẩn dẩy, ôm lưng tôi bằng cả hai tay, tựa cằm lên hõm vai tôi: “Không sao cả, nếu chuyện gì xảy ra còn có anh.”

30. Chương 30

Sau ngày duyệt binh tháng sáu, công việc của Andemund bận lu bù. Edgar gửi liền hai lá thư, khuyên tôi nhận việc ở Viện nghiên cứu của không quân Hoàng gia. Lá thư thứ hai cậu ấy thậm chí còn có vẽ sốt ruột đến lạ, tôi phải hồi âm cho cậu ấy rằng lúc này tôi kiếm được việc cũng khá lắm, đừng có lo.

Trong quá trình tập hợp lại đồng điện tín gửi đến hàng ngày, tôi phát hiện ra một bức điện máy giải mã không thể giải được. Đặc tính của nó rất giống với “Mê”, ban đầu hầu như không thể phân biệt được nên sau khi bị chặn nó đã bị gửi về văn phòng số 1 ngay lập tức, cuối cùng là đến tay tôi cùng với hàng đồng điện mật khác. Tôi đoán đây là một loại mật mã mới, tần suất sử dụng còn thấp nên chỉ ghi chú lại rồi tiện tay thả qua một bên.

Sau “Chiến dịch Sư Tử Biển”, chúng tôi lại giải mã được “Ngày Đại Bàng”.

Nếu nói “Chiến dịch Sư Tử Biển” là toan tính đổ bộ lãnh thổ Anh trước tháng mười của Hitler, thì “Ngày Đại Bàng” chính là khúc dạo đầu của nó – một cuộc không kích quy mô lớn.

Theo tin tình báo trong tay tôi, ban đầu trận không kích được ấn định vào ngày 5 tháng 8, sau đó bị hoãn đến ngày 10 tháng 8. Suốt tháng 7 máy bay Đức đảo quanh eo biển Anh, đánh chìm tàu khu trục và tàu vận tải của chúng tôi. Chúng còn oanh tạc các trạm ra-đa, làm tê liệt tạm thời hệ thống tình báo nội bộ qua vô tuyến điện.

Andemund có vẻ lo lắng.

“Chúng đang thử ta. Kết quả tình báo hiện nay đều là ước lượng sức chiến đấu của chúng ta.” anh ấy một lần nữa nói.

Tôi kiểm tra lịch bay hàng ngày, trung đội Edgar bị điều đến eo biển Anh, chuẩn bị đối phó với “Ngày Đại Bàng” của Đức.

Ngày 10 tháng 8, thời tiết khu vực eo biển hết sức u ám. Đức chỉ điều động lèo tèo vài chiếc máy bay ném bom và máy bay tiêm kích.

Tôi thở phào, thầm cầu nguyện Edgar được bình an.

Ngày 14 tháng 8, thời tiết thay đổi, Đức Quốc xã huy động toàn bộ lực lượng tổng tấn công. “Ngày Đại Bàng” chính thức bắt đầu. Hai nghìn máy bay Đức xuyên qua eo biển xâm nhập lãnh thổ Anh. Chúng tôi chỉ chặn lại được không đến một nửa số đó. Bến tàu và sân bay bị oanh tạc tan hoang, thậm chí đã có máy bay Đức áp sát ngoại thành London và bị không quân Hoàng gia bắn hạ.

Trận không chiến mở màn trên toàn nước Anh.

Tôi nằm mơ thấy máy bay rơi sáng chói như sao băng. Đuôi bắt lửa cháy rực, đầu cắm xuống mặt nước biển đem ngầm.

Tôi mơ thấy những thi thể sưng phù trôi nổi trên biển. Gương mặt mỗi người đều mơ hồ không trông rõ, ai cũng giống như Edgar.

Nửa đêm tôi choàng dậy trên giường, thở hồng hộc kinh hoàng, lưng đầm mồ hôi lạnh.

Andemund an ủi tôi rằng không quân Hoàng gia thực sự rất giỏi. Bằng lực lượng mỏng hơn nhiều nhưng họ đang cản được hàng tốp máy bay Đức Quốc xã trước rìa không phận Anh. Báo chí và radio liên tiếp đưa tin không quân chiến thắng. Anh ấy bảo tôi không quân Hoàng gia vẫn áp dụng chế độ nghỉ phép luân phiên, bạn tôi sẽ không phải liên tục ở tiền tuyến.

Andemund nói không sai, ngày 20 tháng 8, Edgar thực sự được về phép.

Cậu ấy gửi cho tôi một bức điện báo, tôi xin Andemund cho nghỉ, ra ga xe lửa đón cậu ấy.

Hai năm không gặp, suýt nữa tôi đã không nhận ra Edgar. Vẫn mái tóc quăn màu hạt dẻ, cái mũi như người Hy Lạp, nhưng những đường nét trên gương mặt đã trở nên răn rỏi hơn rất nhiều, da cũng bắt nắng đen đi. Cậu ấy mặc quân phục không quân Hoàng gia màu xanh biển, tay xách cặp táp đen, vẫy tay gọi tôi từ trong đám đông: “Alan!”

Edgar đặt phòng ở khách sạn Enfield Hoàng Gia London, tôi giúp cậu ấy mang hành lý về khách sạn rồi cùng sang quán cà phê gần đó ăn trưa. Thấy tôi đưa sổ lương thực cho bồi bàn Edgar có vẻ rất ngạc nhiên.

“Lệnh quản chế vật phẩm thời chiến, mua đồ phải xài tem phiếu nhà nước cấp, cậu không biết hở?” tôi hỏi.

“Chế độ trong quân đội tốt lắm.” cậu ấy ngăn ra: “Tôi không biết tình hình ở ngoài lại nghiêm trọng thế này.”

“Miếng bơ dày bằng đồng năm xu vậy nè, cà phê thì trong leo lẻo... có vậy mà mắc kinh hồn.” tôi đề nghị: “Thử bánh mì đi.”

Edgar cắt một lát bánh, nhú mồm hỏi: “Cái gì đây?”

“Bánh mì ái quốc.” tôi nói: “Bổ sung vitamin và canxi, vừa khô vừa cứng, chẳng ma nào thèm ăn. Bọn tôi gọi nó là ‘vũ khí bí mật của Hitler’.”

Cậu ấy cắn thử một miếng, bật cười.

Edgar là nhóm phi công đầu tiên nghênh tiếp Ngày Đại Bàng, vừa từ chiến trường đặt chân xuống đất thì nhận được thông báo nghỉ phép, liền ngồi xe lửa đi thẳng từ Uxbridge về London. Cậu ấy nói muốn về thăm Cambridge, xem nơi ngồi vẽ ngày trước, cả phòng thuyết trình và thư viện nữa.

“Chiến tranh sẽ thay đổi con người.” cậu ấy hít một hơi, bỏ lát bánh khô xuống: “Alan, cậu sẽ về cùng tôi chứ?”

“Tôi còn phải đi làm.” tôi hơi áy náy: “Việc lúc này bận quá. Nhưng tôi có thể đi chơi quanh London với cậu.”

Edgar có vẻ thất vọng. Cậu ấy cũng không phản đối, chỉ điềm đăm gật đầu rồi bắt đầu kể chuyện ở căn cứ không quân. Cậu ấy chế nhạo giàn máy bay tiêm kích Đức cồng kềnh vô dụng, còn nói phi công của ta chửi thề câu nào ra câu đó. Rồi thì ngay ngoài căn cứ không quân có một quán bar nhỏ tên “Lucy”, ngày nghỉ mọi người toàn qua đó uống bia tán gẫu.

Chúng tôi rời khỏi quán cà phê đã là hoàng hôn. Tôi đứng bên đường chờ xe điện, Edgar hỏi tôi đang ở đâu, tôi không thể nói với cậu ấy về ký túc dành cho chuyên gia của trang trại Plymton, đành phải bịa bừa ra một chỗ.

“Lúc trước cậu còn tán giáo sư ở trường chứ... ông tên gì nhỉ? Andemund Wilson thì phải?” cậu ấy nói bằng giọng, hai tay đút túi quần kiểu như đang thấy rất tức cười: “Hồi ấy tôi cứ do dự mãi không biết có nên tán cậu không. Giờ thì sao rồi, có bạn gái ổn định rồi hả?”

Trong một giây tôi chợt thấy có lỗi: “Tôi đang sống với Andemund.”

Edgar thoáng chốc tái mặt, đột nhiên cậu ấy vỗ lấy cánh tay tôi: “Hồi đó cậu nghiêm túc sao?”

“Tôi bao giờ chẳng nghiêm túc.” tôi hỏi cậu ấy: “Thế cậu tìm được cô nào rồi chứ?”

Edgar nhìn tôi rồi lắc đầu tự giễu: “Alan, trước kia tôi vẽ bao nhiêu chân dung cậu... tôi đã tự dặn mình không thể sa vào, đồng tính luyến ái là phạm pháp. Tôi thì chẳng sao, nhưng cậu thì khác... giờ thì sao, cậu sống cùng một người đàn ông. Cậu nói xem, tại sao Thượng Đế lại sắp đặt như vậy chứ?”

“Cậu có biết tôi theo đuổi Andemund...”

“Tôi nghĩ cậu chỉ đang đùa cợt.”

Chúng tôi cùng im lặng... cho đến khi nắng chiều rải khắp ngã tư đường, tiếng chuông xe điện leng keng vang lên, đám đông đứng chờ xe bắt đầu xôn xao nhốn nháo.

Edgar buông thõng hai tay, nghiêng đầu hôn má tôi như muốn giảng hòa: “Thật muốn được cùng cậu về Cambridge một lần. Tôi ghét chiến tranh, giá ta lại được sinh ra lần nữa bên bờ sông Cam.”

Tôi nghe thấy mình nói: “Xin lỗi.”

Hôm sau Edgar không gọi lại cho tôi. Tôi chủ động gọi cho cậu ấy, hỏi kỳ nghỉ được bao lâu.

“Năm ngày. Bốn hôm nữa tôi phải về đơn vị.”

Tôi hỏi cậu ấy có muốn cùng về thăm Cambridge không, cậu ấy có vẻ rất mừng rỡ: “Cậu xin nghỉ được hả, Alan?”

Tôi chỉ nói để thử xem sao.

Đầu dây bên kia Edgar chợt im lặng, một lát sau mới nói tiếp bằng giọng khàn khàn: “Alan, đúng ra cậu nên nhận việc ở Viện nghiên cứu không quân. Thật sự...”

Tôi vừa kịp hỏi tại sao điện thoại đã chỉ còn tiếng tút tút vô vị.

Tôi xin Andemund cho nghỉ hai ngày, nói rằng có người bạn trong không quân được về phép, tôi muốn cùng cậu ta về thăm Cambridge. Andemund hỏi tôi: “Bạn em học gì?”

“Edgar ấy, có khi anh cũng nhớ. Cậu ấy học mỹ thuật.”

Andemund cười hiền hòa: “Để anh lái xe đưa em đi.”

Tôi hôn hôn ảnh: “Không cần đâu cưng, trên giường anh dịu dàng một chút là được rồi.”

31. Chương 31

Edgar ở lại London giải quyết việc riêng một hôm, ngày thứ ba chúng tôi cùng ngồi xe về Cambridge, dự định nghỉ đêm ở nhà trọ, chiều hôm sau quay lại London.

Ngoài sự khan hiếm hàng hóa, Cambridge dường như chẳng thay đổi gì so với thời trước chiến tranh. Ở đây chúng tôi không nghe thấy tiếng máy bay ném bom gầm rú trên bầu trời, không nhìn thấy đội tự vệ quốc dân quân trang đầy mình luân phiên trực gác. Mái vòm sảnh đường khoa học và đỉnh giáo đường sừng sững giữa bầu trời màu lam, pho tượng đá vẫn giữ nguyên dáng dấp từ hàng thế kỷ nơi ngã tư đường. Tháng tám cuối hạ, những vụn hoa trắng li ti không tên rắc đầy dưới hàng bóng râm ven phố, mùi hương ngọt ngào ngậy lan tỏa trong không gian.

Nhìn những người trẻ tuổi vội vã băng qua đường, tôi như quên rằng mình đang ở giữa cuộc chiến tranh.

Edgar đeo giá vẽ sau lưng, tuần tự dạo qua các quán cà phê và quán bar chúng tôi thường lui tới ngày trước, dùng bút chì phác lại từng hàng ly để cao chui sáng bóng và chùm chuông gió lạnh canh trên cửa sổ. Cậu ấy vẽ cả tôi, chúng tôi ngồi dưới tàng cây rợp bóng, cậu ấy cười hiền hậu: “Alan, cậu vẫn đẹp như thế.”

Cậu ấy hỏi tôi: “Cậu và Andemund hạnh phúc chứ?”

Tôi ôm cuốn tập: “Hạnh phúc.”

Cậu ấy cuộn bức tranh lại, thật cẩn trọng cất nó vào ba lô, nói: “Vậy hạnh phúc của tôi giữ ở đây.”

Tôi theo Edgar đến khu nhà trọ cậu ấy ở hồi trước. Chủ nhà mở cửa cho chúng tôi vào, tiếng chìa khóa tra vào ổ rí rít nghe rín rít. Đồ đạc cậu ấy để lại khi ra đi đã bị dọn sạch, trong phòng chỉ còn một cái bàn gãy chân. Sàn nhà trước cửa sổ có bốn vết lõm nhỏ nhỏ, ấy là nơi cậu ấy vẫn đặt giá vẽ ngày xưa.

Tôi nhìn quanh phòng, thấy trên màu giấy dán tường vàng ố còn lưu dấu vết nhiều khung tranh vuông vắn treo đạo nọ.

Hồi đó sau khi Edgar đi, tôi đến đây dọn đồ đạc giúp cậu ấy, lúc ấy mới thấy bốn bức tường treo đầy tranh, bức nào cũng là tôi. Tôi đang cười, tôi ngồi dưới tàng cây đọc sách, tôi hí hoáy giải toán, tôi lờn vờn quanh mấy cô em xinh đẹp. Tóc tôi không phải màu vàng sáng, màu mắt xanh xám của tôi hình như cũng chưa bao giờ đẹp như trong những bức tranh sơn dầu ấy, nhưng dưới ngòi bút của Edgar tôi chính là người đó, rực rỡ đến mức khiến mọi thứ xung quanh trở nên ảm đạm lu mờ.

Edgar đứng giữa căn phòng trống trải, chỉ vết khung tranh nâu nâu trên tường: “Chỗ này từng mang đầy hạnh phúc của tôi.”

“Lần này tôi trở về là để thu nhật hạnh phúc.” Cậu ấy nói: “Alan, cậu vẫn nhớ ngày chúng ta ở bên nhau, phải không?”

Một giây lúc ấy tôi không biết phải đáp ra sao.

“Đừng nói thế chứ, nghe cứ như lần này đi cậu không về nữa ấy! Chiến tranh kết thúc nhất định cậu sẽ được về mà. Nếu cậu thích chỗ này thì mua lấy một căn nhà nhỏ mà ở. Rồi cậu sẽ gặp được cô gái cậu thực sự thích ở đây, giống như chúng ta gặp nhau hồi đó...” Tôi có chút bối rối: “Tôi mới ngó thấy quảng cáo rao bán nhà đó, ở khu quảng trường đẹp lắm, cậu mà ưng thì mình đi xem luôn.”

Cậu ấy bước tới, nhẹ nhàng ôm tôi: “Có lẽ rồi tôi sẽ không trở lại.”

“Không, không đâu, cậu sẽ sống chứ. Không phải cậu bảo máy bay Đức cũ rích còn bọn phi công thì rõ đàn độn hả, đời nào chúng bắn hạ cậu được, đúng thế không?” tôi chộp lấy cánh tay cậu ấy, hỏi dồn.

Edgar không đáp, cậu ấy chỉ chăm chú nhìn tôi.

Gương mặt cậu ấy đượm buồn.

Rất lâu sau đó, Edgar thở dài: “Alan, cậu mãi mãi không biết được. Tôi đã thực sự hy vọng mọi chuyện không trở nên thế này.”

Được nghỉ tôi mới có thời gian từ từ ngẫm lại về bức điện máy giải mã không dịch được. Tôi chép nó ra tập vở, nhân lúc Edgar ngồi vẽ để lôi ra xem. Thế này làm tôi chợt thấy như thời gian đã trôi ngược dòng về nhiều năm trước, khi tôi mới gặp Andemund. Lúc ấy tôi và Edgar cũng thường ngồi bên nhau như vậy, cậu ấy vẽ, tôi mày mò nghiên cứu mật mã của Andemund, tiêu phí tất cả thời gian trên đời trong quán cà phê lộ thiên bên bờ sông Cam.

Cậu ấy hỏi tôi: “Lại toán à?”

Tôi gật gật: “Ồ, khó nhằn đấy.”

Tối đến, chúng tôi nghỉ lại một quán trọ có ban công rộng thênh thang. Thời chiến ăn uống rất xoàng xĩnh, sau bữa cơm chiều bọn tôi chỉ còn mỗi việc đứng dựa lan can ngắm cảnh.

Không biết có phải tôi bị ảo giác không, nhưng hình như sắc mặt Edgar bỗng thật ảm đạm.

Tôi thì bận nghĩ đến vô số phương thức biến ảo của “Mê” nhưng không cách nào biên ra được đầy đủ ý nghĩa của bức điện nọ. Tôi bắt đầu đoán hệ thống nào đòi hỏi phải sử dụng loại mật mã mới này... tiếc là trong tay tôi hiện giờ chỉ có một bức điện, giá kể chặn được thêm mấy tin nữa, tình hình có lẽ sẽ khả quan hơn nhiều.

Giữa bữa cà phê sáng hôm sau, tôi xuống buồng điện thoại của khách sạn gọi về tổng đài trang trại Plymton, yêu cầu nối máy cho thượng úy Colin, liên lạc viên của không quân, hỏi anh ta liệu không quân Đức có dấu hiệu đổi mới hệ thống tình báo không.

Tiếng thượng úy Colin hơi khó nghe, coi bộ đang nhai thịt rán cho bữa sáng. Anh ta gất: “Mẹ ơi, như giẻ rách. Rán miếng thịt tử tế bộ khó khăn lắm sao? Đợi tí tôi sắp sang phòng 1 đưa lịch bay hôm nay rồi, rồi từ từ mình bàn nhé.”

“Tôi đang nghĩ.” tôi nói: “Bạn tôi ở căn cứ không quân Hoàng gia mới về phép, tôi xin nghỉ đi loanh quanh với cậu ta.”

“À cái gã vẫn thư từ qua lại với cậu đấy hả... mà tên gì ấy nhỉ?”

“Edgar. Edgar Hilsenrath. Chắc, vừa rồi hai tháng trời không nhận được lá thư giấy đỏ nào, thật tôi cuống gần chết.”

“Giấy đỏ à?” Colin cao giọng.

“Thì giấy viết thư chuyên dụng của không quân chứ gì, góc dưới bên phải có in hình vương miện Nữ hoàng đó.” tôi lơ đãng đáp.

Đầu dây bên kia đột nhiên im lặng một lúc lâu, mãi sau mới có tiếng thượng úy Colin ngập ngừng vang lên: “Alan, giấy viết thư màu đỏ không được sử dụng từ lâu rồi. Hiện nay chúng tôi dùng giấy màu xanh, dưới cùng in chữ nhỏ: Nước Anh muôn năm.”

Giữa mùa hè nước Anh, mà đột nhiên tôi thấy toàn thân lạnh toát.

“Loại giấy cậu nói chúng tôi bỏ ba năm nay rồi.”

Vậy tức là từ cái ngày Edgar ghi danh vào không quân, họ đã không còn dùng thứ giấy đỏ nữa.

Tôi nghe giọng mình run rẩy: “Anh ở đó có tra được danh sách phi công đang phục vụ không? Tìm giúp tôi Edgar Hilsenrath. Cậu ấy hưởng ứng lệnh triệu tập mùa hè năm 1939.”

Trở về phòng, bữa sáng đã được dọn ra trên bàn phòng sinh hoạt chung, sandwich đơn giản, trứng ốp la và cà phê. Chúng tôi ở cùng phòng, Edgar rót cho tôi một tách cà phê đen, có chút tiếc nuối nói: “Có ngần này thôi, chẳng mong đợi gì hơn được đâu. Nhà bếp nói bít-tết chỉ phục vụ bữa trưa với bữa tối thôi.”

Tôi cầm tách cà phê ngồi xuống sô pha, nhìn Edgar vào buồng thay đồ và trở ra với một bộ lễ phục đen. Đúng kiểu cổ áo phanh hở tôi thích, trang trí bằng một chiếc ghim cài đính kim cương, rất hợp với gương mặt Hy Lạp và mái tóc quăn của cậu ấy.

Tôi lại cảm thấy toàn thân ớn lạnh.

“Tình yêu ơi, xấu hổ?” cậu ấy quay lại nhìn tôi.

“Hợp với cậu lắm, mặc vào một cái là khác liền.” tôi nói: “Bữa nay tính đi đâu?”

Cậu ấy bước tới, cúi xuống hôn trán tôi: “Không đi đâu hết, hôm nay ở lại khách sạn với tôi cả ngày nhé. Chà, Alan, hôm nay cậu cũng đẹp lắm.”

“Tôi muốn đi thăm thư viện hồi trước nữa.”

“Đừng đi, tình yêu à.” cậu ấy nhìn tôi: “Sao cậu không uống cà phê.”

“Vì có độc.”

Edgar sững người, cậu ấy lập tức bước lùi lại, khoanh tay thủ thế. Gương mặt cậu ấy cũng nhanh chóng lộ vẻ kinh ngạc: “Sao cậu biết?”

“Tôi đoán.” tôi chỉ bộ lễ phục trên người cậu ấy: “Cậu đã thay đồ đen đưa tiễn tôi rồi đấy thôi. Tôi vừa gọi cho người bạn ở Bộ chỉ huy không quân Hoàng gia, anh ta nói trung đội 13, đại đội 11 do thiếu tướng Parker chỉ huy chẳng có ai là Edgar Hilsenrath. Bạn thân mến ơi, hai năm nay rốt cuộc cậu đã đi đâu?”

Tôi nghe thấy Edgar chửi thề: “Quý tha ma bắt cục tình báo.”

Nhưng rất nhanh sau đó, cậu ấy trấn tĩnh lại và cương quyết tiến về phía tôi: “Alan, uống hết cà phê đi. Ngoan, uống xong tôi sẽ nói cho cậu nghe.”

Tôi đứng dậy ném tách cà phê qua cửa sổ. Kiến trúc quận Cambridge thường không cao lắm, nhưng chúng tôi ở tầng trên cùng, từ đây nhìn xuống người đi dưới ngã tư chỉ li ti như quân cờ vua.

Tôi cố làm ra vẻ bình thản: “Cậu biết cục tình báo sao?”

“Tôi biết cậu làm việc cho cục tình báo.”

“Từ bao giờ?” tôi hỏi.

“Ngay từ đầu. Kể từ khi cậu theo đuổi Andemund Garcia.” cậu ấy thở dài: “Đúng ra cậu nên nghiêm túc nghĩ về điều tôi nói trong thư, nhận công việc ở viện nghiên cứu, Alan ạ. Nếu cậu chịu rời khỏi hệ thống tình báo Anh từ khi đó, sự việc có lẽ đã không đến nước này.”

“Cậu theo Đức à?”

“Tôi họ Hilsenrath. Có lẽ cậu chưa bao giờ để ý, đó là một cái họ Đức. Cha tôi là người Đức.”

Với bộ lễ phục đen trên người, Edgar chậm rãi bước từ khoảng tối xấp bóng trong phòng đến bên cửa sổ rực nắng.

Cậu ấy đang an ủi tôi, vì giọng cậu ấy vẫn vô cùng dịu dàng.

“Alan, tay cậu đang run kìa.”

“Thực ra chẳng có gì đáng sợ cả, uống đi, sẽ xong nhanh thôi.”

“... cậu sẽ có một giấc ngủ tuyệt vời.”

Edgar chỉ cao hơn tôi gần một cái đầu, tôi nghĩ chúng tôi đánh nhau chắc là ngang ngửa. Đợi cậu ấy tiến đến đủ gần, tôi bật dậy, gồng mình thui vào bụng cậu ấy. Cậu ấy lạng người tránh được. Tôi thì mất đà, lao đảo chúi về phía trước, vừa lúc ấy tôi cảm thấy đau nhói sau gáy.

Cơn đau lan tỏa khắp toàn thân khiến tay chân tôi như nhũn ra, không thể đứng vững được và cứ thế gục xuống. Buồng phổi giống như đang kháng cự lại cơn tê dại bằng cách phồng phồng hóp không khí hoàn toàn không theo chủ định của tôi.

Edgar kịp đỡ được tôi.

Cậu ấy nhét cái máy kích điện vào túi, nhẹ nhàng xoa lưng tôi: “Cường độ điện hơn 10 mili-am-pe, cậu sẽ bị tê liệt một lát.”

Sau giây phút run rẩy, toàn thân tôi thực sự tê liệt. Tôi chỉ có thể để mặc Edgar một tay ôm vai tay kia vòng xuống chân, bế bổng mình lên. Cậu ấy bế tôi vào phòng ngủ, gạt cái chăn lông dê nhàu nhĩ sang một bên và đặt tôi xuống giường.

Cậu ấy lại rót một tách cà phê, tự uống rồi cúi xuống áp môi lên môi tôi. Cơ mặt tôi tê dại, cà phê đen chảy tràn theo khóe miệng xuống vải trải giường trắng. Edgar kiên nhẫn bắt tôi uống thêm mấy ngụm nữa rồi rút khăn tay chậm rãi lau miệng cho tôi.

“Tôi đã cảnh báo cậu cẩn thận với quân áo đen, Alan. Cậu không nên dính vào bọn họ.”

“Yên tâm, chỉ là thuốc ngủ thôi, cậu sẽ không chết đâu. Tôi không thể chống lệnh cấp trên, nhưng tôi sẽ đưa cậu đến một nơi không ai có thể tìm tới. Cậu sẽ không phải đau khổ, và cũng sẽ mãi mãi không rời bỏ tôi.”

“Nếu bạn nỡ cậu uống hết cà phê mà không biết gì cả thì hoàn hảo biết bao. Cậu sẽ ngủ một cách vô tư và thuần khiết, chà, Alan.” cậu ta hôn trán tôi: “Người đẹp say ngủ của tôi.”

Cơn mê ập đến. Tôi có thể nhận biết được Edgar đang cởi nốt khuy áo ngủ của mình, đôi môi dày của cậu ấy lướt trên cổ tôi. Nhưng tôi không làm gì được, chỉ còn biết buông mình vào cõi hư vô hỗn độn. Giây cuối cùng trước khi bị ý thức bỏ rơi, tôi thương tâm nghĩ... có lẽ mình sẽ không bao giờ được gặp lại Andemund nữa.

Andemund của tôi.

32. Chương 32

Tôi mơ một giấc mơ dài.

Trong mơ chiến tranh đã kết thúc. Tôi trở về Cambridge dạy học, Andemund thì ở Hội nghiên cứu toán học Hoàng gia. Chúng tôi sống chung ở số 73 đường Bồ Câu Xám quận Cambridge. Andemund trồng đủ loại hoa kim tước bên cửa sổ, mỗi mùa xuân chúng sẽ nở hoa vàng ươm ắp. Bọn tôi có một phòng sách, một phòng đặt đàn dương cầm và một khoảng ban công rộng mênh mông.

Buổi sáng Andemund mở cửa sổ phòng ngủ, chăm chú ngắm ngĩa tư yên tĩnh đằng xa.

Tôi lượn đến ôm lưng anh, nói: “Cưng ơi, rốt cuộc chiến tranh cũng kết thúc rồi.”

Giấc mơ ấy kéo dài thật lâu, lâu đến mức tôi tưởng như mình đã sống trong đó rất nhiều năm. Tôi và Andemund cùng già đi, tóc tôi bạc trắng, anh thì chống ba-toong, bọn tôi thông thả tản bộ trên con đường râm mát, trò chuyện về đám thanh niên đương thời nồng nàn nhiệt huyết, rồi cùng cảm thán: “Không còn chiến tranh thật là tốt quá.”

Mở mắt dậy, tôi thấy mình không còn ở khách sạn nữa. Edgar đưa tôi đến một căn phòng không có cửa sổ. Mới đầu trông giống như phòng ở bỏ hoang, nhiều mảng tường màu xám bong tróc để lộ cả màu gạch bên trong, không thấy trét xi măng. Bóng đèn lù mù là nguồn sáng duy nhất trong phòng.

Chính giữa phòng là một cái giường màu trắng, đèn treo ngay đầu giường. Trong các góc bày la liệt rương, hòm, một trong số đó đang mở nắp, bên trong là đủ loại quân trang. Tôi nhận ra quân phục hải quân Ý, lục quân Đức và cả bộ đồng phục không quân Hoàng gia Anh Edgar đã mặc đến gặp tôi bữa nọ.

Thứ thu hút ánh mắt người ta nhất trong gian phòng tối tăm ấy là bức họa trên tường.

Đó là một bức tranh rất lớn, ***g khung kính trắng tinh xảo.

Gã thanh niên trong tranh đương nằm dài trên cỏ, dưới bóng cây, tay gối sau đầu, ánh nắng xé trưa len qua kẽ lá để rơi lấm tấm trên mặt gã. Tán lá bên trên có những bông hoa đã nở, những đóa hoa lớn màu trắng rụng đầy dưới thảm cỏ quanh gã trai, có một đóa đậu lại trên mớ tóc ngắn màu nâu nhạt của gã. Gã trai nọ đang nhắm mắt, có vẻ thích thú hưởng thụ giấc ngủ trưa yên ả.

Hình ảnh ấy không khỏi làm tôi nghĩ đến hình minh họa từ tập “Thơ tình Wordsworth”.

Phòng rất tối nên ánh nắng trong bức tranh sơn dầu kia dường như càng rực rỡ hơn. Tôi vẫn nhớ nó. Đó là mùa hè năm 1939, chúng tôi đi nghỉ ở biệt thự nông thôn Cambridge. Tôi nằm dưới tàng cây nở đầy loài hoa không rõ tên, cậu ấy ngồi xổm xuống cạnh tôi, nói rằng cậu ấy sẽ tham gia không quân Hoàng gia, rồi cậu ấy cúi xuống hôn mi mắt tôi đang khép hờ.

“Tôi đã nói tôi muốn hoàn thành một tác phẩm vĩ đại. Giờ cậu gặp nó rồi đấy, Alan.”

Edgar đẩy cửa bước vào, đặt khay đồ ăn có thịt hun khói và bánh mì đầu giường rồi gập đầu với tôi: “Cảm thấy thế nào?”

Tôi để ý thấy thứ cậu ấy mang tới là thịt chân giò hun khói thượng hạng và bánh mì trắng nướng xốp mềm hiếm có từ thời trước chiến tranh, bên cạnh còn cả một ly nhỏ rượu nho.

“Tháo còng ra được không?”

“Xin lỗi, không được.”

Edgar ngồi xuống cạnh giường. Ung dung vặn nút dò sóng cái radio nhỏ mang theo, đài đang phát ca khúc chủ đề “My own true love” của “Cuốn theo chiều gió”. Edgar hình như rất thích bài hát này, cậu ta say sưa nhắm mắt lại, khẽ ngâm nga theo nhạc.

“Rốt cuộc cậu là ai?” tôi hỏi cậu ta.

Giai điệu hoài cổ lan khắp gian phòng, giọng Edgar trầm trầm chậm rãi kể cho tôi nghe sự thật.

“Edgar Hilsenrath. Tôi không hề lừa cậu.” cậu ấy nhìn tôi: “Thế giới này không chỉ có Andemund Garcia sở hữu hai thân phận. Cha tôi là người Đức, mẹ là người Ý lớn lên ở Anh... Họ đều làm việc cho tình báo Berlin.”

“Họ cho cậu đến Cambridge học vẽ sao?” tôi không dám tin.

“Không, sao có chuyện đó được? Họ gửi tôi đến Cambridge giám sát Andemund Garcia. Hẳn ta chính là giáo sư Wilson, kẻ luôn giữ liên hệ chặt chẽ với giới khoa học ở Cambridge. Chúng tôi nghi ngờ rằng bằng cách nào đó hắn vẫn chiêu mộ nhân tài từ Cambridge. Giờ thì cậu biết rồi đấy, tại sao ngày đó tôi thích cậu đến vậy mà vẫn phải để cậu theo đuổi Andemund. Vì chỉ khi cậu tiếp cận hắn, tôi mới có thể thông qua cậu để điều tra hắn.”

“Cậu đã lợi dụng tôi.”

“Không thể nói như thế, Alan. Tôi luôn yêu cậu. Nếu tôi từng dao động trước một điều gì, thì đó chính là tình cảm dành cho cậu. Tôi đã nói rằng tôi yêu cậu, Alan.”

“Cậu chưa bao giờ nói thế.”

“Vì cậu cũng chưa bao giờ nghiêm túc cả.”

“Tôi đã nghiêm túc.” tôi phản đối.

“Với Andemund Garcia chứ gì?” cậu ta cười giễu cợt rồi đưa tay vuốt má tôi: “Từ khi cậu vào cái ổ giải mã khốn kiếp ấy, Andemund Garcia dám giấu cậu đi. Tai mắt của tôi không tìm thấy cậu, tôi thậm chí không biết rằng các người yêu nhau... Cách duy nhất để liên lạc với cậu là viết thư cho cậu như một thằng bạn. Cậu còn nhớ tôi đã cảnh báo cậu cẩn thận với Quân Áo đen chứ... lá thư nào tôi cũng nói.”

“Phải.”

“Còn nhớ Lena Celman không? Cô ả người Anh tóc vàng ấy, đúng là một con mèo hoang.”

“Cô ta là vị hôn thê của Andemund.” tôi nói.

“Phải, cô ta là một trong các cơ sở của chúng tôi ở Anh. Hẳn cậu cũng biết, cô ta bị chết cháy trong dinh thự.”

“Có đọc trên báo.”

“Trước khi chết cô ta gửi một bức điện rất dài cho tổng cục tình báo Berlin. Nội dung bức điện ấy có nhắc đến cậu, cô ta cho rằng cậu là chuyên gia giải mã ưu tú nhất cơ quan tình báo Anh, nếu cậu chết, sự nghiệp mật mã tình báo của nước Anh sẽ thụt lùi ít nhất mười năm. Bức điện này không qua tôi mà đến thẳng đầu não tối cao ở Berlin, quyết sách cuối cùng được đưa ra là phải ám sát cậu. Tôi chủ động nhận nhiệm vụ ấy. Alan, lúc ấy tôi... vô cùng đau đớn. Nhưng không còn lựa chọn nào khác, tôi không muốn ai khác làm việc này.”

“Tôi vẫn muốn bảo vệ cậu.” Edgar mỉm cười một cách quái dị: “Thậm chí tôi từng ra lệnh phải giữ cậu còn sống.”

Đột nhiên tôi nhớ đến một câu nói của Lena... Ứng Non bảo phải để mày sống.

“Cậu là Ứng Non?!”

Cậu ấy không trả lời, chỉ cúi xuống ôm tôi: “Xin lỗi, tôi không thể chống lệnh. Nhưng tôi có thể tiêm LSD cho cậu, chỉ cần dùng đủ liều cậu sẽ không cảm thấy đau đớn chút nào cả. Sẽ là một trải nghiệm tuyệt diệu, lý trí sẽ vĩnh viễn rời bỏ cậu, Alan Castor tôi yêu cũng sẽ vĩnh viễn biến mất trên cõi đời... chỉ còn thể xác của cậu, ngày ngày mỉm cười với tôi.”

Arnold từng nói với tôi về LSD. Nó là loại thuốc thần kinh chủ yếu được sử dụng để tẩy não trong các trại tập trung của Đức Quốc xã. Thời gian tôi bị giam ở Z vì đồng tính luyến ái, Lindon từng trộn một lượng nhỏ chính LSD vào liều thuốc hàng ngày của tôi.

Tôi không thể quên được cảm giác bồn chồn bất ổn khi ấy, quả thực giống như một cơn ác mộng.

“Tôi sẽ trở thành ngu ngốc.” tôi nói với cậu ta.

“À, phải.” Edgar tán đồng: “Nhưng không sao, bạn thân yêu. Tôi đã vẽ lại Alan Castor tôi yêu rồi, tôi đã cất giấu tất cả cậu ở đây rồi.”

Một lần nữa tôi cảm nhận được sự tuyệt vọng.

Tôi khao khát được thấy Andemund, muốn nói cho anh ấy mọi chuyện, đó là Ứng Non, là Lena, tôi muốn cho anh ấy biết Edgar đã biết về trang trại Plymton. Nhưng giờ tôi chỉ có thể ở đây, chờ đợi trong tuyệt vọng.

Ngày nào Edgar cũng đến với tôi ba lần, mang theo điểm tâm, bữa trưa và bữa tối. Cậu ta ngồi trò chuyện với tôi, nói về những chuyện xảy ra từ ngày chúng tôi còn ở trường đại học, mấy cô gái tôi theo đuổi hồi đó giờ đã lấy ai. Nếu không có chiếc còng nặng trĩu trên tay, có lẽ tôi đã lại tưởng rằng thời gian trôi ngược, chúng tôi vẫn đang sống trong những ngày tháng hòa bình xưa cũ.

Nhưng tôi đang chết dần trong tuyệt vọng.

“Vẫn chưa bắt liên lạc được với bác sĩ nhận điều chế LSD cho tôi, có lẽ cậu phải đợi vài ngày nữa, Alan.” cậu ta ôn hòa nói với tôi như thế.

“Cậu điên rồi.”

“Phải, tôi điên rồi.” cậu ta luôn đồng ý với mọi điều tôi nói.

33. Chương 33

*chương nằm trong chùm bonus lì xì 2014 =]]

~Tôi nhớ đến Edgar luôn câu nệ và lịch lãm đến cổ lỗ sĩ ngày nào ở Cambridge, không sao liên hệ chàng trai mười chín tuổi mới quen hồi đó với Ứng Non mình vẫn thường biết đến qua điện mật. Tôi thử nhớ lại lần đầu tiên tiếp xúc với tin tình báo về Ứng Non, khi đó là năm thứ hai ở Cambridge, trong mật mã Bacon cải tiến Andemund đưa cho tôi, một trang giấy chỉ chút trắng sao:

“Ngài phải nhanh chóng đến London, tới chỗ tướng quân F lấy báo cáo tình hình diễn tập ngày 5 của quân Anh, giao cho Ứng Non.”

Lối mã hóa bằng hình vẽ ấy quả là ngây thơ, lại đầy lãng mạn. Đột nhiên tôi nhận ra chúng thật phù hợp với thẩm mỹ của Edgar.

Giờ nghĩ lại, tướng F hẳn là tướng Celman cha Lena. Khi đó Ứng Non mới chỉ là một trung gian liên lạc, tôi đoán nhiệm vụ của cậu ta chính là báo cáo lại tình hình các tổ chức thân Đức ở Anh cho Berlin.

Tôi đã đọc rất nhiều tin tình báo về Ứng Non, gần như biết rõ từng bước “trưởng thành” của tên gián điệp Đức này... hẳn ta được sắp đặt ở cạnh một nhân vật quan trọng, có thể tiếp xúc với tin tức có giá trị, từng được Berlin đặc biệt khen thưởng. Nhưng ai mà tin được nhân vật quan trọng ấy là Andemund, và trung tâm cơ mật họ nói đến chính là trang trại Plymton.

Tôi hỏi thẳng cậu ta.

Edgar đang ngồi bên giường tôi chỉnh radio, bài hát xưa cũ lại vang lên. Cậu ta trả lời không chút lảng tránh.

“Alan, khi đó tôi vừa trẻ vừa non nớt, thành tích trong trường đào tạo tình báo rất tốt nhưng lại chẳng có chút kinh nghiệm gì...” cậu ấy nói: “Tôi nghĩ đó chính là lý do tổng bộ đặt bí danh ‘Ứng Non’ cho tôi. Tôi đã nói cha mẹ tôi đều là người của cơ quan tình báo rồi phải không? Mẹ tôi muốn tôi ở lại Đức, cha thì ép tôi đến Anh. Ông ấy nói công tác gián điệp là tối khắc nghiệt, nếu không tôi luyện bản lĩnh khi đối diện với nguy hiểm thực sự chỉ có mất mạng. Nhiệm vụ của tôi là nguy trang làm sinh viên để thu thập và chuyển tiếp tin tình báo khu vực London. Cambridge an toàn hơn London nhiều, ít mật vụ chính phủ, mà có thân phận rõ ràng càng dễ hành động hơn. Tôi từng nhận được một mệnh lệnh: phải tiếp cận Andemund Garcia khi có cơ hội. Cậu biết hẳn ta có tên giả là Andemund Wilson, viện sĩ viện nghiên cứu toán học Hoàng gia và thường được mời đến các buổi tọa đàm của khoa toán King’s College Cambridge chứ gì. Chà, Alan, tất nhiên vụ tọa đàm đó thì cậu không biết rồi. Hầu như toàn tôi lên lớp thay cậu, phải không?”

Tôi không thể phủ nhận.

“Lần đầu tiên tôi thấy cậu là ở thư viện. Lúc ấy cậu đang đứng dựa cửa sổ, lăm le muốn tiếp cận một nữ sinh xinh đẹp. Đến giờ tôi vẫn nhớ như in ánh nắng lúc ấy xuyên qua kính thủy tinh và nhuộm mái tóc cậu thành màu vàng sáng, chúng mới thật óng ả mềm mại. Alan, cậu quá đẹp để dành cho phụ nữ, thế nên đứa con gái đó chỉ ôm sách cấm đầu đi vội qua cậu... cặp mắt màu lam xám của cậu lập tức trở nên buồn nản. Lúc ấy tôi đang tìm kiếm một nam sinh khoa toán nhanh nhẹn năng động, cậu thật là thích hợp. Chuyện này thật khiến người ta dễ khóc dễ cười... năm đầu Andemund Garcia đến giảng ba lần mà cậu đâu có biết... May mắn sao từ năm thứ hai hẳn trở thành giáo sư thỉnh giảng khoa toán. Tôi lên lớp thay cậu, nhưng tôi chẳng có chút thiên phú nào với toán học. Lúc ấy tôi đã gần như bỏ cuộc rồi. Nhiệm vụ chính của tôi là chuyển tin, nếu có cơ hội mới phải tiếp cận hẳn. Berlin chỉ biết Andemund Garcia là nhân vật quan trọng của cơ quan tình báo, nhưng cụ thể hẳn phụ trách cái gì thì không ai biết.” Edgar nhìn tôi chăm chú, ánh mắt cậu ta thậm chí có thể coi là dịu dàng: “Khi ấy tôi đã gần như bỏ cuộc. Tôi tưởng như mình chỉ là một sinh viên bình thường, học khoa mỹ thuật tạo hình, mải mê vẽ và ở bên người mình thích. Tôi luôn nhìn cậu, mà cậu thì chỉ nhìn những kẻ khác. Tôi thậm chí đã nghĩ nếu có một ngày Đế quốc chiếm được nước Anh, tôi sẽ dùng thủ đoạn nào đó... ví dụ như hiện giờ... để giữ cậu ở bên cạnh mãi mãi.”

Chuyện cũ êm ả qua lời kể của Edgar không hiểu sao chỉ khiến tim tôi đập dồn đầy lo sợ.

“Nhưng tôi lại theo đuổi Andemund.” tôi hồi hận nói.

“Phải, mà khiến người ta kinh ngạc là hẳn lại đáp lại cậu.” ánh mắt Edgar đượm chút thống khổ: “Tôi không biết nên mừng vì hẳn ta đáp lại cậu hay nên phả đám các người. Vì thế tôi chọn cách im lặng. Có lẽ cậu không nhớ, có lần tôi đã nhắc cậu tốt hơn là nên tránh xa Andemund.”

“Tôi không nhớ.” tôi thừa nhận.

Cậu ấy thở dài: “Tôi thậm chí đã khuyên cậu, đồng tính luyến ái là phạm pháp.”

Edgar nói với chút tiếc nuối: “Chà, Alan của tôi ơi. Cậu chẳng biết cảnh giác chút nào. Cậu viết mọi chuyện vào nhật ký.”

Tôi nhớ lại ngày chia tay với Andemund, Edgar đưa tôi đến quán bar. Cậu ta nhìn tôi uống rượu rồi lẳng lặng xúc tôi đã say bí tỉ về nhà, lục túi quần tôi lấy chìa khóa mở cửa rồi nằm trên sô-pha đợi tôi tỉnh rượu.

Giờ tôi mới chợt ý thức được... tôi không hề biết cậu ta làm gì suốt thời gian đó. Có lẽ cậu ta tìm thấy cuốn nhật ký bị khóa trong ngăn kéo bàn tôi, trong đó có cả đồng mật mã tôi đang giải thử và cuộc hẹn cuối cùng của tôi với Andemund.

Cảm giác khiếp sợ ập đến, tôi bắt đầu tự hỏi rốt cuộc mình đã phạm bao nhiêu sai lầm. Andemund từ chối để tôi vào trang trại Plymton có lẽ là chính xác, ngay từ đầu tôi đã không hề có chút ý thức giữ bí mật nào.

Andemund không tin cả tôi, vậy mà tôi tin Edgar.

“Cậu cần bản không vào không quân Hoàng gia, cậu đã về Đức.” tôi nghe giọng mình nặng như đeo đá: “Chuyện về căn cứ không quân cậu viết trong thư chỉ là rác rưởi. Tôi là một thằng ngu mới đi tin cậu.”

Edgar mỉm cười: “Chà, Alan, đó là vì tôi không muốn làm cậu tổn thương. Đúng là tôi đã về Đức, nhưng tôi có bạn ở không quân Hoàng gia... tôi nhờ nó lấy giúp một ít giấy viết thư của không quân, không ngờ nó lại cho tôi một mớ giấy bỏ đi. Sai lầm kiểu này tôi sẽ không phạm lần nữa đâu.”

“Tôi chỉ ở Đức nửa năm, sau đó thì đi Ba Lan và Nam Phi. Alan, cậu sẽ không muốn nghe về chuyện ấy đâu, cuộc sống ở đó là địa ngục, đến ma quỷ cũng không chịu đựng được... khi được điều động trở lại Anh tôi đã là người chịu trách nhiệm tối cao ở London.” cậu ấy lắc đầu: “Chiến tranh có thể thay đổi một con người từ cội rễ linh hồn.”

Những ngày kế tiếp Edgar có vẻ nôn nóng. Cậu ta thường xuyên ra ngoài, lần nào về cũng lảm nhảm, gã bác sĩ hứa hẹn điều chế LSD cho cậu ta vẫn chưa xuất hiện.

Cậu ta tức tối nói: “Tôi không hiểu rốt cuộc Berlin muốn gì nữa!”

Rồi cậu ta bắt đầu dọn dẹp căn phòng, lôi những thứ vô dụng ra ngoài thiêu hủy. Tôi hỏi cậu ta chúng ta sẽ rời khỏi đây sao, cậu ta gật đầu đáp: “Ngày nào tôi cũng liên lạc với tổng bộ. Mấy lão già ở Berlin cương quyết đòi cậu phải chết, bọn họ không tin vào tác dụng của LSD.”

Cậu ta bước tới hôn trán tôi: “Alan, cậu không thể biết được tôi đã trả giá những gì vì cậu.”

Khi đó tôi đã chìm sâu trong tuyệt vọng. Trước khi Edgar lựa chọn thay tôi, tôi sẽ tự quyết định.

Tôi bắt đầu tuyệt thực.

So với tuyệt vọng chờ đợi bị tiêm LSD để rồi trở thành đần độn vô tri, tôi thà chọn con đường có thể giữ lại cho mình chút danh dự.

Mới đầu Edgar kiên nhẫn dỗ tôi ăn. Cậu ta đem cháo loãng đến, xúc tôi dậy ngồi dựa đầu giường, tự húp cháo rồi vịn cằm bắt tôi mở miệng, kề miệng ép tôi uống. Tôi cự tuyệt không nuốt, nước chảy tràn từ khóe miệng xuống vài trải giường. Cuối cùng cậu ta rút súng ra dí vào trán tôi, hỏi tôi muốn ăn hay muốn gặp Thượng Đế.

Cậu ta đè tôi xuống giường, hòng súng dằn lên trán tôi, giống như một con báo điên.

Tôi nghĩ đây mới là Edgar đích thực sau lớp vỏ ngoài lịch lãm.

Ngày tuyệt thực thứ ba, tôi thều thào nói với cậu ta: “Bạn yêu ạ, từ khi Thượng Đế cho tôi đến thế giới này... tôi đã chẳng định còn sống trở về gặp ông rồi.”

Chúng tôi giằng co khá lâu, cuối cùng cậu ta chán nản ném khẩu súng đi, vợ lấy cái còng khác còng cả tay phải tôi lại.

Cậu ta quyết định tiêm dinh dưỡng cho tôi.

Khi ấy cậu ta cười trên lưng tôi, dùng cả cơ thể để ngăn tôi giãy giụa. Tiêm xong thay vì leo xuống cậu ta lại lột bỏ áo sơ-mi của tôi, đưa tay lần sờ quanh thắt lưng tôi rồi luồn cả vào trong quần.

“Chà, Alan.” cậu ta hôn mi mắt tôi.

“Tôi không có hứng.” tôi nói: “Cậu ra ngoài tự giải quyết đi.”

Edgar không đáp, cậu ta định hôn tôi, tôi cắn đầu lưỡi cậu ta, cậu ta lại hôn tôi còn hung hãn hơn nữa. Tôi không ngừng chống cự, rốt cuộc miệng chúng tôi nhoe nhoét máu, không biết là tôi cắn cậu ta chảy máu nhiều hơn hay cậu ta cắn tôi nghiêm trọng hơn.

Cuối cùng cậu ta thô bạo lột nốt cả quần dài tôi, tôi vùng vẫy, cậu ta nhét gối xuống dưới thắt lưng tôi, hùng hổ xốc hai chân tôi gác lên vai mình, ép tôi oằn mình trong một tư thế nhục nhã.

Tôi đã gần như van xin cậu ta đừng làm thế.

Tôi xin cậu ta buông ra, tôi nguyện rửa cậu ta chết đi bằng tất cả ngôn từ thô tục độc địa mình biết, nhưng cậu ta vẫn quỳ trên giường, banh rộng hai chân tôi, nhìn xuống tôi và nói: “Alan, cậu thể này rất đẹp.”

Cậu ta hỏi tôi: “Lúc cùng với Andemund Garcia, cậu thích tư thế này chứ?”

34. Chương 34

*chương nằm trong chùm bonus lì xì 2014

~Edgar hỏi tôi: “Lúc cùng với Andemund Garcia, cậu thích tư thế này chứ?”

Tôi chỉ muốn hạ nhục cậu ta.

Tôi đáp: “Tôi yêu Andemund. Ít khi tôi từ chối tư thế nào anh ấy muốn.”

Gương mặt Edgar lập tức trở nên méo mó.

Cậu ta hạ giọng, bàn tay bất thần chẹn trên yết hầu tôi: “Alan, cậu không biết tôi đã làm những gì vì cậu. Đừng bao giờ nói cậu yêu Andemund trước mặt tôi.”

Cảm giác nghẹn thở thô bạo ập đến.

Tôi nghe thấy tiếng cười của Edgar.

“Cậu có biết khi tôi đưa cậu đến đây, trong cơn mê sảng cậu đã gọi tên ai không? Chà, Alan, nếu làm thế này mà moi được Andemund Garcia ra khỏi tâm trí cậu thì tôi sẵn sàng bóp cổ cậu đến chết...”

Nếu không phải đột nhiên có tiếng súng nổ bên ngoài, tôi nghĩ mình sẽ cứ thế này mà chết thật.

Vĩnh viễn lìa xa khỏi chiến tranh, cõi đời và người tôi yêu.

Edgar lập tức chồm dậy, lăn xuống giường, lao đến áp mặt vào cửa.

Tiếng súng bên ngoài vọng đến rõ hơn.

Cậu ta nghe ngóng một lát rồi sầm mặt quay lại bên giường, mở còng cho tôi, vừa mặc đồ cho tôi vừa chửi: “Tổng bộ khốn kiếp, họ nhanh tay thật.”

Tim đập thình thịch, tôi khao khát ngóng nhìn cửa ra vào, tưởng tượng rằng chỉ chốc lát nữa nó sẽ bật mở và Andemund đã đứng đó. Tôi không biết ai đang đến nhưng tôi gần như phát điên với niềm mong mỏi ai đó sẽ đến cứu tôi ra khỏi căn phòng tắm tối này, đưa tôi về dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời tháng tám.

Edgar vừa chửi thề vừa dí súng vào đầu tôi.

“Alan, cậu mà hé một lời tôi sẽ bóp cò.”

Tiếng đã nghẹn ngay cổ họng mà không sao phát ra được.

Đột nhiên cậu ta mỉm cười, cúi đầu hôn má tôi: “Thư giãn đi, không phải Andemund của cậu đâu.”

Bức tường đối diện vẫn treo bức tranh vẽ tôi ***g trong khung kính trắng chạm trổ, đó là thứ tươi sáng duy nhất trong phòng. Tôi nghĩ đó chỉ là sở thích cá nhân của Edgar. Nhưng cậu ta đi đến trước bức tranh, ngấm nhìn gã trai nằm dưới gốc cây một lát rồi gỡ nó xuống.

Sau khung tranh là một cái hốc nhỏ, vừa đủ cho hai người nấp.

Edgar dùng súng thúc tôi vào.

Bức tranh lại được treo lên, xung quanh tôi tối đen như mực. Không gian nhỏ hẹp khiến chúng tôi phải ép sát vào nhau, hoàn toàn tách biệt với thế giới bên ngoài. Tiếng động bắt đầu xuyên thủng cả lớp màu dầu để luồn vào trong hốc cùng với cảm giác ong ong như vô thực.

Đầu tiên là tiếng súng phá cửa.

Sau đó là tiếng gót giày da đàn ông đồ sộ nện trên sàn xi măng.

Tôi nghe thấy người ta nói bằng tiếng Đức.

Tiếng Đức của tôi là do Andemund dạy ngày trước, không giỏi lắm, chỉ nghe hiểu đại khái.

“Ứng Non giấu Alan Castor ở đây hả?” người nói chuyện là người Anh, tiếng Đức lơ lớ: “Làm gì có ai.”

Tiếp nữa là tiếng lục lọi đồ đạc, hình như giường cũng bị lật lên.

“Từ khi tổng bộ yêu cầu giết Alan Castor, ba ngày nay ta không liên lạc được với Ứng Non rồi.” kẻ vừa bị hỏi trả lời bằng tiếng Đức rất chuẩn. Sau đó hắn ta im lặng một lát, như thể đang nghiền ngẫm điều gì đó: “Hành vi này đã bị xem là phản bội.”

Có tiếng mũi giày da cứng đập vào tường: “Mẹ kiếp, đ. thể tin được bọn Ý lai! Nó bị lú ruột vì thằng nhãi Anh đây mà! Á à, Ludwig, mày xem, chính thằng nhãi này đây!”

Bọn họ đứng ngay trước bức tranh.

Tôi chỉ sợ tiếng hít thở nặng nề của chúng tôi sẽ lọt qua khe hở. Trong bóng tối, Edgar ghì chặt lấy tôi, một tay bịt miệng tôi lại.

Sau đó tôi hỏi Edgar, tại sao phải làm như vậy.

Cậu ấy nói rằng lúc đó tôi thật sự quá tuyệt vọng, cậu ấy lo sợ tôi sẽ lựa chọn chết dưới họng súng của tổ chức.

Hình như gã đàn ông tên Ludwig đang gõ ngón tay lên bức tranh: “Không rỗng.”

Hắn ta đánh giá bức vẽ: “Ồ, trông ngon thật.”

Không biết chúng tôi đã đợi bao lâu trong bóng tối, rốt cuộc bọn họ cũng rời đi. Họ để lại một người canh trước cửa đón lõng chúng tôi rồi bỏ đi kiểm tra nơi khác.

Edgar lẳng lặng gỡ khung tranh xuống, nhảy ra trước, chỉ chốc lát sau tôi nghe thấy một âm thanh khô khốc.

Rồi cậu ấy nói: “Alan, ra được rồi.”

Căn phòng lúc này đã bừa bộn ngổn ngang, thùng nào cũng có vết lười lê. Giường bị lật ngược, vải trải giường nhàu nhĩ trên sàn. Gã người Đức ở lại nằm sấp trong vũng máu... còn Edgar đang cầm trên tay một khẩu súng giảm thanh.

Về lý mà nói, người đàn ông đó là đồng bọn của cậu ta.

Cậu ta đã bảo vệ tôi.

Tôi nhớ đến lời Edgar từng nói.

“Chà, Alan. Cậu không biết tôi đã làm những gì vì cậu...”

Cậu ấy không vội đi ngay mà mò mẫm trong đồng hồ đồ vỡ dưới đất để bới ra một cái túi nhỏ đựng đường glucose rồi dốc vào một cái ly đã bể non nửa, rót đầy nước từ bồn rửa trong góc phòng.

Cậu ấy tiến đến, đỡ lưng tôi, kề ly vào miệng tôi, nói bằng giọng gần như cầu khẩn: “Nào, Alan, uống đi, cậu phải sống.”

Quá mất sức sau những ngày tuyệt thực, chưa bao giờ tôi cảm thấy nước đường glucose lại ngọt ngào đến thế. Edgar có vẻ rất hài lòng, cậu ấy nhìn tôi uống cạn, ném cái ly đi rồi mở cửa phòng.

Lần đầu tiên tôi được thấy cảnh trí bên ngoài.

Đây hẳn là tầng hầm một tòa nhà hoang phế, sau cánh cửa chỉ có những bậc xi măng nổi lên trên. Cuối dãy bậc này hẳn phải có cửa nữa, tiếng súng đầu tiên chúng tôi nghe thấy chính là lúc gián điệp Đức phá cánh cửa ngoài đó... giờ nó đang khép hờ, ánh mặt trời mong manh hắt vào tựa như ánh sáng từ thiên đường.

Quá nửa sức lực của tôi đến từ Edgar, tôi gần như bị cậu ấy lôi ra khỏi tầng hầm.

Lại được đứng dưới mặt trời, hai mắt tôi sắp lòa đi vì ánh sáng.

Trên đỉnh đầu có tiếng máy bay gầm rú, tiếng loa phòng không báo động rạch toạc không gian.

Mất một lúc lâu tôi mới thích ứng được.

Tôi thấy mình đang đứng giữa một quảng trường đổ nát. Một nửa ngã tư đằng xa đã không còn nhìn ra hình dạng nữa, mặt đất nứt gãy thê thiết. Những ô cửa sụp xuống, một con ngựa gỗ đồ chơi lăn lóc bên đồng phế tích. Máu ở khắp mọi nơi, và đặc biệt chói mắt trên những cái xác vắt ngang bờ gạch đổ xám tro.

Edgar đứng sau lưng tôi, khoác một tay lên vai tôi, nói: “London bắt đầu bị không kích từ nhiều ngày nay rồi.”

Sau đó là quãng thời gian trốn chui trốn nhủi, chúng tôi phải đổi chỗ ở không biết bao nhiêu lần.

Edgar chạy trốn sự truy lùng từ chính tổ chức của cậu ta, nhóm gián điệp Đức Quốc xã ẩn mình giữa lòng nước Anh. Nếu bị phát hiện, cậu ta sẽ bị bí mật giải về Berlin để chịu phán quyết, còn tôi sẽ bị bắn chết tại chỗ.

Tôi hỏi cậu ta, có hối hận không?

Edgar không trả lời, cậu ta chỉ cười cười, bước tới dịu dàng ôm tôi.

Rất lâu sau đó cậu ta mới nói như thể hối lỗi: “Alan, tôi không thể để cậu giải mật mã cho nước Anh, nhưng tôi cũng không thể giao cậu cho Berlin được.”

Tiếng còi báo động máy bay rú lên ngoài cửa sổ, chúng tôi ở trong căn phòng cũ kỹ với bốn bức tường loang lổ, máy bay Đức đảo qua trên bầu trời sẵn sàng ném bom bất cứ lúc nào. Edgar vẫn còng tôi, tôi bỏ ý định chết, bắt đầu ăn trở lại. Cậu ta có vẻ rất vừa ý. Dưới trần không kích khốc liệt, vật phẩm ở London khan hiếm hơn vàng, dòng người xếp hàng chờ mua bánh mì ái quốc và bơ phân phát giới hạn có khi nổi dài từ đầu phố này vắt sang phố kia, thế nhưng Edgar luôn có cách kiếm được đồ ăn cho cả hai chúng tôi, có khi còn có cả sữa.

Có một lần cậu ta đem về một túi kẹo bọc giấy bóng kính, những viên kẹo tròn nho nhỏ mùi hạnh nhân nằm trong lớp giấy trong suốt màu lam nhạt. Khi ấy không trung luôn chỉ là một màu xám thăm thẳm và tiếng máy bay chiến đấu thét gào suốt đêm ngày. Cậu ấy nhét một viên kẹo vào miệng tôi rồi vuốt phẳng mảnh giấy gói, giơ lên trước cửa sổ cho tôi nhìn.

“Alan, xem này, bầu trời màu xanh lam, giống Cambridge không?”

Tôi giữ lại miếng giấy ấy, giơ lên trước cửa sổ lúc ở một mình. Qua lớp bóng kính, hoa hồng trên bậu cửa sổ bị nhuộm thành màu lam nhạt, nhưng lên cao một chút nữa sẽ là mảnh trời nho nhỏ xanh thăm trong veo.

Tôi không biết trong những ngày mình bị nhốt Andemund đang làm gì, không biết anh ấy bận rộn đối phó với cuộc không chiến hay vẫn bớt được thời gian đi tìm tôi. Tôi biết thời gian của Andemund không thuộc về bản thân anh ấy, nên dần dà mỗi lần nghe tiếng cửa mở cọt kẹt, tôi không còn mơ tưởng rằng anh ấy sẽ xuất hiện nữa.

Edgar không còn nhắc đến LSD. Cậu ta đã hoàn toàn mất liên lạc với gã bác sĩ nọ, nhưng tôi biết điều đó không có nghĩa là cậu ta đã bỏ cuộc.

Cậu ta luôn nhìn tôi bằng ánh mắt chứa chan tình cảm, như thể muốn khắc hình ảnh lúc ấy vào trong đầu, bởi vì rất có thể ngày mai, hoặc chỉ vài giờ nữa, Alan Castor sống động mà cậu ta từng yêu sẽ vĩnh viễn biến mất vì thuốc độc.

Để phòng không kích, nhà dân phải tắt đèn từ chập tối. Cậu ta luôn về đúng giờ ấy, còng nót tay kia của tôi vào thành giường, rồi cởi áo khoác leo lên giường. Gió chiều thổi lung lay tấm rèm cửa sổ trắng, tôi trông thấy hoàng hôn đổ xuống ngã tư cuối đường, nhuộm đỏ ối cả con phố tiêu điều.

Hoàng hôn ngày nào cũng bắt đầu bằng trận cuồng bức, cho đến khi dải đỏ cam mờ ảo tắt lụi ngoài cửa sổ, thế giới và ý thức của tôi cùng chìm vào hắc ám.

Edgar chưa bao giờ dịu dàng. Chúng tôi ngồi trên giường, cậu ta thích giữ chặt hông tôi, xâm nhập cơ thể tôi từ phía sau. Chưa bao giờ cậu ta nhìn thẳng vào tôi khi làm tình, nhưng cậu ta buộc tôi phải gọi tên cậu ta hết lần này đến lần khác.

Nếu tôi gọi Andemund, cậu ta sẽ trở nên hung bạo khủng khiếp, sáng hôm sau tỉnh lại vãi trải giường sẽ lại đầy đầy vết máu.

Cậu ta ép tôi phải nói tôi và Andemund đã làm những tư thế nào, để rồi lặp lại tất cả chúng trong bóng đêm, bằng cái cách kịch liệt và thô bạo gấp bội.

Khoảng thời gian ấy, ngày trống rỗng đến đáng sợ, mà đêm đáng sợ đến trống rỗng. Suy nghĩ của tôi như phiêu du trong không trung, không buồn quay lại với cái xác rã rời này nữa.

Edgar thậm chí còn vẽ lại cảnh chúng tôi làm tình trong tập ký họa của cậu ta, với lối vẽ tả thực đến trần trụi. Cậu ta luôn buộc tôi phải xem những tác phẩm ấy, rồi ôm ghì lấy tôi, nói rằng: “Alan, tôi yêu cậu.”

Tôi cũng không biết những ngày trống rỗng và thống khổ ấy đã kéo dài bao lâu. Cho đến một buổi sáng, Edgar vội vã trở về, tháo còng cho tôi, dí súng dưới cằm tôi và nói: “Alan, đi Hoa Kỳ với tôi. Lên ca-nô đêm nay, đi ngay bây giờ.”

Tôi đáp ngay: “Cút đi!”

Tôi để ý thấy cậu ta lại thay bộ lễ phục màu đen đỏ, và gương mặt lại thật bi thương.

Cậu ta nói: “Alan, tôi đã liên lạc được với bác sĩ rồi, cậu sẽ được tiêm LSD ngay bây giờ.”

35. Chương 35

*chương nằm trong chùm bonus li xì 2014~ bạn thiệt là chăm *uốn éo*

~~Cuộc chiến tranh của Đức Quốc xã tàn quét khắp châu Âu, một gia đình Do Thái chạy trốn sang Hoa Kỳ để lại cả căn nhà nhỏ bé và đồng đồ đạc cũ nát. Edgar cạy cửa, chúng tôi len vào trong.

Trên bàn trà trong phòng khách là bộ đồ trà không kịp gói ghém mang theo, cái ấm mẽ vôi lớp bụi dày bao phủ. Một bức ảnh gia đình treo trên lò sưởi, trong ảnh là đôi vợ chồng trẻ, một bé gái chừng năm sáu tuổi nằm trong lòng bọn họ. Đứa bé kế thừa gương mặt Do Thái điển hình, mũi cao, tóc đen quăn, đôi môi dày đỏ thắm như trái anh đào.

Cũng gần gần tuổi tôi ngày phải xa cha mẹ.

Lúc bị Edgar đẩy qua phòng ngủ sang phòng khách tôi len nhìn lại bức ảnh, thăm cảm thán thật là một gia đình hoàn hảo. Người yêu và người được yêu ở bên nhau, họ sẽ mãi mãi hạnh phúc.

Edgar bảo tôi ngồi xuống sô-pha, cậu ta có vẻ rất bình tĩnh, giống như đây là một kết cục đương nhiên. Lát sau, có tiếng gõ cửa, cậu ta đứng chặn cửa trao đổi với người tới mấy câu rồi nghiêng người cho vị khách bước vào: “Đây là Alan.”

Cậu ta quay lại cười như an ủi tôi: “Đừng sợ, Alan, sẽ ổn ngay thôi.”

Gã bác sĩ đội mũ mềm rộng vành màu cọ, che khuất cả mặt. Gã ta đặt hòm thuốc xuống, lúc ngẩng lên thấy tôi hình như gã chột khựng lại.

Gã bước nhanh tới, cúi xuống nhìn tôi rồi trách Edgar: “Không xong rồi. Anh cứ nhốt thể này cậu ta chết mất.”

Chưa bao giờ tim tôi đập vội như thế.

Không có kệ tủ chừa chu như trong phòng thí nghiệm, ống thủy tinh và kim tiêm bị bày trên bàn trà, dung dịch cuối cùng điều chế ra trong suốt như nước. Edgar xắn tay áo tôi lên rồi ngồi xuống cạnh tôi, một tay ôm chặt tôi, tay kia bưng kín mắt tôi.

Cậu ta nói: “Bắt đầu được rồi.”

Khi kim tiêm đâm vào tĩnh mạch, cánh tay Edgar ôm tôi đột nhiên siết chặt lại. Tôi cảm thấy có gì đó ướt ướt rơi trên vai mình, tôi tưởng rằng cậu ta khóc, nhưng giọng cậu ta vang lên vẫn thật bình thản.

Cậu ta hôn cổ tôi, thì thầm: “Alan, sẽ qua ngay thôi...”

Khi đó thay vì đau đớn, tôi chỉ thấy hồi hộp. Tôi không biết chất lỏng bị tiêm vào người mình là cái gì hay nó sẽ để lại hậu quả ra sao. Tôi chỉ tin người đang tiêm cho mình, khoảnh khắc nhìn thấy anh ta tôi mừng rỡ đến mức trái tim suýt bắn khỏi ***g ngực.

Arnold cũng an ủi tôi: “Yên tâm, không sao cả, sẽ ổn ngay thôi.”

Edgar vẫn bịt mắt tôi nên tôi không nhìn thấy vẻ mặt anh ta, nhưng tôi có thể tưởng tượng được cặp mắt hẹp dài đó đang híp lại bên dưới vành mũ mềm. Arnold xuất hiện tức là có hy vọng. Có lẽ Andemund của tôi đang ở ngay gần đây, âm thầm kiểm soát mọi chuyện. Tôi sẽ sống sót, sống đến khi chiến tranh chấm dứt, tỉnh táo, hạnh phúc, và sống sót.

Tôi phải tin tưởng Andemund, anh ấy sẽ chấm dứt tất cả nỗi thống khổ này.

Sau này tôi có hỏi Arnold rốt cuộc lúc đó anh ta tiêm cái gì cho tôi. Gã bác sĩ tâm lý đặc ý ngã người trên sô-pha, ghếch chân lên: “Nước muối sinh lý. Bé Alan ơi, trông cậu lúc ấy thảm cực kì, thuốc ngủ tôi cũng đâu có dám xài.”

Rốt cuộc Edgar buông tôi ra, thọc tay vào túi cầm súng, Arnold biết điều giơ hai tay lên, quay lưng chậm rãi đi ra ngoài.

Một giây trước khi bước đến cửa, anh ta đột ngột quay lại, giơ súng lên.

Cùng lúc, Edgar cũng giơ súng.

Nhưng nòng súng của cậu ta chĩa vào tôi.

“Bỏ súng xuống, nếu không tao giết Alan.”

Arnold nói: “Nếu thật sự muốn giết Alan Castor, mày đã chẳng tự dòn mình đến nước bị chính tổ chức của mình truy sát, không đúng sao?”

Edgar im lặng.

Nhưng cậu ta không hạ súng xuống.

“Tao sẽ giết Alan, rồi tự sát.” cậu ta nói, rồi lại nghiêng đầu sang hỏi tôi một cách bướng bỉnh: “Alan, cậu không sợ bị bắn, đúng không?”

Tôi nhìn cậu ta chăm chăm: “Cậu điên rồi.”

Edgar rất hiếm khi phủ nhận những gì tôi nói, lần này cậu ta cũng gật đầu tán thành: “Phải rồi, hầu hết họa sĩ thiên tài đều điên.”

Đoạn cậu ta hung hãn quay sang Arnold: “Tao điên đấy! Nếu Alan còn giá trị với cục tình báo của chúng mày thì bỏ súng xuống, rút ngay!”

Giằng co chừng nửa giờ, rốt cuộc Arnold nhún vai, lùi bước ra khỏi phòng. Trước khi đi anh ta còn phác một cử chỉ tỏ ý trấn an tôi và quay sang nói với Edgar: “Hilsenrath, mày nên nhìn ra cửa sổ đi.”

Edgar men đến cửa, dùng súng thúc tôi lên lầu hai. Lúc thường không ai đụng đến tầng trên, giờ mỗi bước chân chúng tôi đều giẫm lên đầy những bụi. Cậu ta mở cửa sổ, âm thầm nhìn ra ngoài rồi túm tay tôi lôi lại cạnh mình, thô bạo như muốn vặn gãy cổ tay tôi.

“Alan, ngay từ đầu cậu đã biết thằng bác sĩ ấy là người của Andemund Garcia đúng không?!”

“Phải.” tôi đáp: “Vì tôi không muốn mình thành đồ ngu ngốc. Andemund đợi tôi trở về, cục tình báo còn cần đến tôi, tôi còn muốn sống sót.”

Edgar xô tôi vào bậc cửa, dí súng vào thái dương tôi.

Tôi thấy ngã tư dưới đường đã dàn đầy lính. Họ bao vây cả tòa nhà, ai nấy đều được trang bị đầy đủ với súng tiểu liên trên tay.

Tôi thấy cả Andemund.

Anh ấy vẫn mặc quân trang trắng thắm màu xanh sẫm, đứng tách biệt hẳn khỏi vòng vây người, mà vẫn thanh tú ưa nhìn như thế. Peter theo sau anh. Arnold đứng cạnh báo cáo tình hình, nhưng dường như anh ấy không hề nghe.

Luồng mắt chúng tôi chạm nhau. Tôi thấy môi anh ấy mấp máy như muốn nói với tôi điều gì, nhưng cuối cùng anh chỉ lắc đầu và chăm chú dõi mắt nhìn tôi.

Chà, thật tốt. Khoảnh khắc ấy khoảng trời ảm đạm trong tâm trí tôi chợt bừng sáng, tôi lại thấy Andemund, Arnold và cả các đồng nghiệp của mình. Họ đều đứng tắp mình giữa ánh dương, bình yên và tươi sáng.

Andemund yêu cầu đàm phán.

Nhưng không có đàm phán.

Tôi không dám chắc trận giằng co cân não ấy đã kéo dài bao lâu, chỉ biết Edgar đột ngột thở dài nài nỉ. Cậu ta buông thông khẩu súng, vòng tay ôm siết thắt lưng tôi, nói: “Alan, tôi thua vì vĩnh viễn không đủ nhẫn tâm với cậu.”

Rất lâu rồi Edgar không ôm tôi dịu dàng như thế.

Một giây lúc ấy, cậu ấy như trở lại là gã thanh niên cổ lỗ kiêu cách ngày nào ở Cambridge.

Cậu ấy nói: “Alan, tôi thích đôi mắt màu lam xám của cậu, chúng khiến tôi nhớ đến bầu trời nước Anh yên ả... Tôi luôn hy vọng rằng khi chiến tranh kết thúc, chúng ta sẽ cùng đi ngao du. Dù cậu không nhớ mình là ai, không nhớ tôi là ai, thậm chí không làm được một phép tính đơn giản tôi cũng muốn đưa cậu đi... đến những nơi chúng ta từng mơ mà chưa có cơ hội đến... chân núi Alps, bình nguyên Nga đầy hướng dương rực rỡ, rồi vườn nho bên bờ sông Rhine... tôi sẽ lại về cậu.”

Tôi không biết phải nói gì.

Nhưng tôi vẫn nói, dù gần như không thể thành lời: “Nếu cậu không phải người Đức, nếu không có chiến tranh... có lẽ kết cục sẽ khác.”

Edgar bưng hai má tôi, hôn tôi. Nụ hôn dài mê mải, không mang chút nào hơi thở thô bạo cưỡng đoạt như trước. Rốt cuộc cậu ấy buông tôi ra, chỉ về phía cầu thang, nói: “Đi đi, Alan.”

Tôi chậm chạp lê bước xuống lầu, đột nhiên cậu ấy lao theo rồi dừng lại trước bậc trên cùng, vẫy tay với tôi qua màn tro bụi mịt mù. Nụ cười thật ôn hòa, hai mắt lấp lánh, dường như Edgar vẫn luôn là chàng thanh niên điển trai Cambridge ngày nào.

“Alan, nên tránh xa Andemund một chút. Đồng tính luyến ái là phạm pháp.”

Thế này thật giống những lần chúng tôi chia tay nhau trước cổng thư viện ngày xưa, vẫy tay, nói vài câu bông lơn rồi mỗi người một đường, hôm sau gặp lại.

Tôi bước ra khỏi căn nhà đã giam cầm mình bao lâu, một lần nữa trở về dưới ánh mặt trời.

Andemund đứng cách đó không xa. Anh ấy vội vã chạy lại phía tôi.

Tiếng động cơ máy bay dội xuống đầu chúng tôi, loa báo động không kích đột nhiên rú vang khắp quảng trường.

Mặt đất chấn động, luồng khí nóng bỏng từ đâu ập tới.

Có người gào lên: “Máy bay Đức! Máy bay Đức đến! Bom!!!”

Lại có tiếng nổ đinhtai nhức óc rất gần đó, Andemund lao đến xô tôi ngã xoài xuống đất, anh gầm lên: “Đừng cử động!”

Bom dội hàng trận liên tục, đàn bà gào khóc, đàn ông chửi bới, rên xiết cầu cứu. Chỉ vài phút trước khi mặt trời lặn khu quảng trường đã thành đồng đổ nát tan hoang, kể cả nơi Edgar đang ở.

Trái bom đầu tiên thả xuống chính chỗ đó, lửa nhanh chóng bùng lên, thiêu rụi tòa nhà.

36. Chương 36

*chương Diary cuối cùng trong chùm bonus là xì Diary 33~36 =]]

Tôi không còn thấy Edgar nữa. Bộ lễ phục đen cậu ấy mặc đưa tiễn tôi rốt cuộc lại trở thành đồ tang của chính cậu ấy.

Người ta đã thận trọng xới tung đồng tàn tích nhưng không tìm thấy thi thể Edgar, đơn vị trực gác báo cáo với Andemund họ không thấy kẻ nào thoát ra khỏi tòa nhà. Rốt cuộc cục tình báo nhận định rằng “Ứng Non” đã chết, đó là chuyện của một bản cáo dài lê thê.

Nhưng tôi linh cảm cậu ấy còn sống.

Edgar có thói quen cất giữ tranh của mình trong một chiếc hộp sắt tây nhỏ có khóa và luôn mang theo người mỗi lần chuyển chỗ ở. Hầu hết số tranh ấy là vẽ chúng tôi, như cảnh cậu ta ôm tôi từ sau lưng, tiến vào cơ thể tôi, tôi bật ngửa đầu, trần mình thống khổ, luôn là lúc xắm tôi, ánh nắng chiều xuyên qua kính cửa sổ, phủ lên khăn trải giường lớp áo vàng cũ kĩ. Đầu giường có những bông cúc non xanh tím cậu ấy mang về. Những ngày giam cầm tôi, mỗi khi ra ngoài cậu ấy thường đem về vài món quà nhỏ, có khi là một chùm hoa dại, hay một bọc kẹo cho tôi.

Những bức tranh ấy có bức là thật, cũng có bức chỉ vẽ từ trí tưởng tượng của cậu ấy.

Cậu ấy luôn nâng niu đặt chúng vào hộp, rồi cười nói với tôi, cái hộp sắt tây này chứa hạnh phúc của cậu ấy.

Tôi lật coi báo cáo hiện trường cấp dưới trình cho Andemund, phần cuối đính kèm danh sách đồ vật rất dài. Có rất nhiều thứ, họ không bỏ sót thứ gì cả, kể từ cái bàn ăn bị cháy không còn ra hình thù, chiếc bút máy moi ra được từ kẽ nứt tường đến tàn tích của cái đèn chùm nóng chảy méo mó. Nhưng tôi không tìm thấy dòng nào nói đến cái hộp sắt tây nọ.

Nó biến mất.

Như thể Edgar đã mang theo nó rời khỏi thế giới này.

Trước chiến tranh, chính phủ từng phát động dân thành thị London đào hầm trú ẩn trong khuôn viên nhà để tránh không kích của Đức Quốc xã. Tôi không biết đôi vợ chồng Do Thái ấy có làm vậy không, cũng không biết nếu đường hầm ấy tồn tại thì lối vào ở đâu hay nó dẫn đến nơi nào.

Dù sao đó cũng chỉ là phỏng đoán của riêng tôi. Vì kể từ ngày đó cái tên Ứng Non đã hoàn toàn biến mất khỏi mọi cuộc trao đổi thông tin của tình báo Berlin.

Andemund nói với tôi rằng Edgar đã chết.

Anh ấy ghì lấy tôi, dịu dàng nói: “Alan, cậu ta chết thật rồi. Không ai có thể sống sót sau trận oanh tạc và hỏa hoạn như thế. Lính của anh đã kiểm tra rất cẩn thận, không hề có hàm trú ẩn. Em đang tự dối mình đấy.”

Một thời gian dài sau đó tôi không được về trang trại Plymton. Arnold nói để ngăn cản tôi bỏ trốn, Edgar đã cho rất nhiều thuốc giãn cơ vào thức ăn của tôi, sử dụng loại thuốc ấy trong thời gian dài cực kỳ hại người. Anh ta lập bệnh án cho tôi, bắt tôi nghỉ ngơi ít lâu.

Vậy nên tôi ở lại biệt thự của Andemund, chẳng làm gì cả, mỗi sáng dậy ngồi cạnh cửa sổ đọc sách, nghe radio, ngủ.

Không kích vẫn tiếp diễn, bom dội hàng ngày xuống quảng trường cách đó không xa.

Andemund bảo tôi đừng lo lắng, ở đây an toàn.

Tôi không biết vì sao anh nói vậy, nhưng thực sự cho đến khi chiến tranh chấm dứt, quảng trường gần đây chỉ còn là bãi hoang tàn ngổn ngang, mà riêng chỗ chúng tôi vẫn bình an vô sự.

Hầu hết thời gian Andemund không ở đây, chỉ cuối tuần anh mới trở lại. Chỉ cần nghe tiếng ổ khóa lách cách rồi cửa kẹt kẹt mở là tôi phi xuống lầu, đứng ngả gối cạnh cái bình hoa kiểng trong phòng khách bằng tư thế (tôi cho là) ngẫu nhất và đá lông nheo đón anh: “Cưng nè, em thấy khỏe cực kì luôn, thôi mình về Plymton được rồi nhỉ.”

Anh đưa mắt nhìn từ đầu đến chân tôi rồi kiên định khóa cửa lại: “À, vậy để anh thử xem.”

Sau đó anh ném tôi lên giường, “thử” bằng các kiểu tư thế.

Cuối cùng anh sẽ nhận xét tỉnh rụi: “Cưng à, em rên rỉ còn yếu hơn trước, nghỉ thêm một thời gian nữa đi. Phòng 1 còn có anh.”

Andemund không hề hỏi chuyện gì đã xảy ra giữa tôi và Edgar suốt thời gian đó, tôi cũng chưa từng kể với anh ấy. Tôi nghĩ anh ấy biết, nhưng không thể trách cứ. Chỉ là từ khi tôi trở về mỗi lần làm tình anh ấy đều đặc biệt cuồng dại, chúng tôi làm rất lâu, trong mọi tư thế. Dù tôi rên lên đau đớn, anh ấy cũng không dừng lại, chỉ hết sức dịu dàng hôn lưng tôi, để rồi lại càng bạo liệt hơn.

Bao giờ tôi cũng bị giày vò đến chết đi sống lại, cổ họng khản đặc. Mỗi lần bị đẩy ngã trên bậu cửa sổ tôi hầu như đứng không vững, đầu gối run bần bật, hoàn toàn phải dựa vào bàn tay anh ấy đỡ dưới thắt lưng. Sau mọi chuyện anh ấy sẽ cúi xuống hôn tôi, nói: “Alan, em xem em rên rỉ cũng nhỏ đi rồi, nghỉ thêm ít lâu thôi.”

Một thời gian ngắn sau tôi lại đòi về làm việc, sự việc lại tái diễn y hệt như vậy.

Chưa bao giờ anh chủ động nhắc đến Edgar, tôi thì hỏi rất nhiều lần, bao giờ anh cũng nói: “Ung Non chết rồi, Alan. Em đừng nghĩ nữa, ai chẳng phải chết, phải không?”

Qua mùa hoa oải hương tháng chín, Arnold đến thăm tôi. Anh ta ngồi trên chiếc xô-pha vải bông thêu hoa vụn của Andemund, vừa hút thuốc vừa kiểm tra cho tôi.

Gã bác sĩ tâm lý cảm thán: “Tự nhiên lại thấy bồ cũ của mình trong nhà người khác.”

Tôi cũng rất chi cảm thán thán ngày bên nhau với anh ta, vậy là thử hỏi: “Chứ anh với bé hôm trước thế nào rồi?”

Anh ta rầu rĩ rít một hơi thuốc: “Bỏ rồi.”

“Lại có bồ mới hử?”

“Không có.”

Anh ta nghe tim và mạch cho tôi, rồi thử phản xạ chân tay: “Hồi phục khá đấy. Chà chà, bé Alan này, lần nào cậu cũng để mình thâm quá. Bữa thấy cậu ở chỗ Ung Non tôi cứ nghĩ cậu tiêu rồi.”

Anh ta nằm dài ra xô-pha, vắt chéo chân, có vẻ rất thoải mái: “Alan, còn nhớ hồi trước tôi bảo tháng chính mình ra hồ ngắm oải hương không?”

“Sắp tháng mười rồi, giờ chắc họ gặt hết rồi. Sang năm đi không?”

Anh ta nheo mắt: “Ồ.”

Trước khi ra về, Arnold có vẻ trù trừ muốn nói gì đó. Rốt cuộc anh ta hỏi tôi: “Alan, cậu hỏi ngài Garcia chưa?”

“Hỏi gì?”

“Cậu không biết thật hay giả vờ không biết?”

Tôi không dám nhìn thẳng vào anh ta nữa.

Arnold ôm ghì lấy tôi, nói bằng giọng thật dịu dàng: “Đi nói chuyện với ngài Garcia đi. Lúc này còn tránh né được, nhưng cậu có tránh được cả đời không? À thì tất nhiên, bé yêu ạ, hai người mà thôi nhau được thì quá hay.”

Đầu tháng mười, tôi về trang trại Plymton. Andemund làm việc ở gác đỏ, Peter đứng khoanh tay dựa tường ngoài hành lang, thấy tôi liền mở cửa giùm. Phòng toàn mùi cà phê đen.

Tôi đi vào, bỏ thêm đường sữa vào tách cà phê của anh.

“Cứng à, uống thế này hoài hư dạ dày mất.”

Andemund cười mệt mỏi, ảnh ngả người ra ghế, tách hai chân ra: “Anh mệt quá, Alan, lại đây ngồi.”

Tôi đóng cửa ban công lại, bước tới ngồi lên đùi ảnh, hôn phần xương quai xanh lộ trên cổ áo sơ-mi phanh hờ của ảnh: “Em yêu anh.”

Ảnh khẽ khép đôi mắt đẹp như đá mắt mèo, vòng tay ôm ngang eo tôi, bắt đầu cởi thắt lưng tôi: “Ừ, Alan, anh cũng yêu em.”

Vẫn nhắm mắt, ảnh nhận hai cuộc điện thoại, tay kia thì luồn vào quần dài tôi. Tôi gác cằm lên hõm vai ảnh, kiên nhẫn đợi ảnh cúp máy rồi mới ghé tai ảnh thì thầm: “Cứng à, nếu phải chọn giữa em và cục tình báo, anh sẽ chọn bên nào?”

Anh ấy trả lời gần như ngay lập tức: “Em.”

“Nói dối.” tôi nói: “Thư từ ra vào trang trại Plymton đều bị kiểm tra. Thật ra anh đã biết Edgar viết thư cho em bằng giấy viết thư hết hạn của không quân Hoàng gia từ bao giờ hả?”

Tôi nâng cằm ảnh lên: “Cứng ơi, trước khi để em đi, anh không hề nghĩ Edgar sẽ thực sự giết em sao?”

Tôi cảm giác được toàn thân Andemund sượng cứng lại. Ảnh chậm rãi mở mắt, rút hẳn thắt lưng của tôi vứt xuống sàn rồi bế tôi ngồi lên bàn làm việc: “Cứng à, em đang nói gì vậy?”

“Em đang nghĩ, rốt cuộc anh đã biết Edgar là Ứng Non từ bao giờ?”

Andemund không trả lời tôi. Làm như thể không hề nghe thấy tôi nói gì, anh ấy bất thần đẩy tôi ngã xoài ra bàn, thô bạo giật tung áo sơ-mi của tôi. Lưng tôi tì trên mặt bàn cứng đau buốt, tôi kêu lên bảo anh ấy ngừng lại, nhưng vô ích. Ảnh hôn tôi, hôn đến khi cổ họng tôi tắt ngấm không phát ra được tiếng nào nữa rồi thúc gối đẩy mở hai chân tôi, trườn xuống hôn mé trong đùi tôi, khiến tôi bỏ cuộc vô phương chống cự vì khoái cảm. Sau này tôi còn trải qua những cuộc “chất vấn” như thế vô số lần, lần nào cũng kết thúc bằng sự im lặng của Andemund và làm tình. Anh ấy vĩnh viễn không trả lời tôi, chỉ kịch liệt xâm phạm để tôi không còn tâm trí lẫn sức lực gạn hỏi anh ấy nữa.

Bằng tia lý trí cuối cùng sót lại trước khi bị nhấn chìm trong bể khoái lạc, tôi thường bị thương nhớ lại cảnh tượng ngán ngùi khi mình xin nghỉ để về Cambridge với Edgar. Tôi nói tôi sẽ gặp Edgar, Andemund cười bảo để anh lái xe đưa em đi. Tôi bảo không cần. Ảnh hôn tôi, và chỉ có thế.

Lúc tôi được giải cứu, lính đeo súng vây kín căn nhà, Andemund đứng giữa bọn họ sừng sững như thần chết. Ban đầu tôi cho là họ tới cứu tôi, sau này mới hiểu rằng họ đến để đảm bảo Ứng Non phải chết.

Mọi chuyện ngay từ đầu đã là một cái bẫy, Andemund bình thần nhìn tôi nhảy vào, rồi lôi tôi thoát ra ngay trước khi tôi bị đẩy đến giới hạn cuối cùng.

Anh ấy thông qua tôi để giám sát Edgar rồi tháo tháo cả mạng lưới gián điệp Đức có liên hệ với cậu ta. Nghĩ lại những ngày trốn chạy của chúng tôi sao mà an toàn, bọn mật vụ Đức luôn bám riết lấy Edgar như chó săn đột nhiên bốc hơi như chưa từng tồn tại. Đầu tiên tôi nghĩ thật là may mắn, giờ mới vỡ lẽ chúng chắc hẳn đã bị Andemund xử lý cả rồi.

Tôi hiểu Andemund, anh ấy buộc phải xóa sổ Ứng Non, cơ sở tình báo của Berlin giữa lòng London, phá hủy mạng lưới thông tin của Đức Quốc xã. Nhưng tôi chỉ hy vọng trước tất cả ảnh đã cho tôi một chút ám chỉ, một chút thôi, thậm chí chỉ cần một câu “Alan, đi đường cẩn thận”.

Tôi bắt đầu ép mình không nghĩ đến chuyện này nữa để chú tâm vào giải mã. Tôi đặt loại mã bề ngoài rất giống “Mê” nhưng máy giải mã không thể giải được làm cái đích. Bởi vì đến nay phòng 1 đã thu được đến ba đoạn tin sử dụng thứ mã đó.

Mùa thu đến trong hơi thở chiến tranh, những phiến lá ngô đồng to bản bắt đầu lơ đãng rơi trên đường phố London.

Cuối cùng tôi cũng giải được mật mã đó.

Đó là một loại mã hoàn toàn thủ công, bởi vậy máy móc không thể phân tích được nó. Tôi giải được cũng chỉ nhờ trùng hợp.

Sau nhiều buổi ngồi mò khóa mã lê thê, một bữa tôi ngán ngẩm thử luôn ngày sinh của mình.

Văn bản xuất hiện cực kỳ ngắn, chỉ vồn vẹn hai từ và một dấu chấm câu.

Alan Castor?

37. Chương 37

Tôi lật đi lật lại bản dịch nhưng không phát hiện ra sai sót nào, đó chính xác là tên tôi. Đoạn tin này được gửi đi từ khoảng đầu tháng bảy, trước khi cuộc không chiến ở Anh bắt đầu. Tôi liên tục tự hỏi, là ai, ai muốn liên lạc với tôi, và với mục đích gì.

Tác giả của đoạn tin này biết rõ ít nhất ba điều.

Một: tôi là Alan Castor.

Hai: ngày sinh của tôi.

Ba: tôi ở phòng 1 trang trại Plymton, phụ trách giải mã “Mê”.

Vì thế mà ông ta (bà ta?) mới cố tình thiết kế mật mã có dạng hết sức tương đồng với “Mê”, để cuối cùng nó đến được văn phòng của tôi. Phương pháp mã hóa phức tạp đến không tưởng, vậy mà khóa mã rốt cuộc chỉ là một hàng số đơn giản – sinh nhật tôi, điều đó đủ để chắc chắn người giải được nó chỉ có thể là tôi.

Quan trọng hơn nữa chính là nội dung đoạn tin đó: Alan Castor?

Tôi không rõ đây là một thử thách, hay là một lời chào hỏi.

Tôi thử giải nốt hai đoạn tin còn lại. Kết quả thực sự kinh hoàng.

Một cái chúng tôi chặn được ngày hai bảy tháng chín:

Ba ngày nữa, chuyển đổi kế hoạch không kích ban ngày thành không kích đêm.

Tôi nhớ rõ khi đó, bắt đầu từ mùng một tháng mười, ban ngày máy bay Đức đột ngột giảm tần suất tấn công, hầu hết chúng chỉ xuất hiện lúc xẩm tối hoặc đêm khuya, thả một đợt bom rồi vội vã trở về căn cứ.

Đoạn tin thứ hai là một tuần sau đó:

Mở rộng phạm vi không kích ra ngoài London.

Ngày thứ tư sau khi chặn được tin này, Birmingham và Liverpool bị máy bay Đức tập kích giữa đêm, thành phố chìm trong biển lửa.

Trang giấy nháp mỏng manh chỉ chút mực đen bị ánh nắng thu xuyên thấu như trong suốt. Tôi bắt đầu tự hỏi không biết có nên đưa cho Andemund xem không.

Vậy mà Andemund lại đến tìm tôi trước.

Bọn tôi lái xe đi hóng gió cuối tuần. Ngoại thành London có nhiều đại lộ rộng thênh thang, hai bên đường cơ man là cây cỏ thụ xòe tán, lá cây bị mùa nhuộm thành màu vàng sáng lung linh hay đỏ sậm rực rỡ. Chùm quả nhựa ruồi treo trên hàng rào, nắm bắt đầu chen nhau mọc trong góc ruộng.

Chúng tôi đi ngang qua một cánh đồng lúa mạch đang gặt, Andemund dừng xe lại, hỏi tôi: “Alan, em thích nông thôn chứ?”

Tôi nhấp nhẩm đáp: “Em lớn lên ở Bedford. So với London thì khác gì nông thôn.”

Ảnh nghĩ ngợi một lát rồi nghiêm nghị hỏi tiếp: “Quan hệ của em với nhà bác thế nào?”

“Tháng nào chẳng gửi tiền cho ông.”

Hình như Andemund đang phân vân điều gì đó, vì những ngón tay xỏ găng trắng của ảnh cứ không ngừng gõ khê lên tay lái.

“Alan, về nhà bác đợi anh đi.” anh ấy nói: “Giờ vẫn còn kịp.”

Tôi kinh ngạc hỏi lại: “Đợi anh là sao? Anh định làm gì?”

Andemund chẳng có vẻ gì là muốn trả lời tôi. Cặp mắt màu lục sẫm của ảnh nheo lại, ảnh quay mặt về phía mảnh ruộng đã gặt xong non nửa. Bên này là biển vàng mượt mà trù phú, bên kia lúa gặt chất đống dưới đất, đàn quạ đen cách đó không xa nhón nhác kêu có vẻ rất thèm thuồng.

Một hồi lâu sau, ảnh mới nói: “Edgar yêu em, phải không?”

Tôi gật đầu.

“Em cũng yêu cậu ta, đúng không?”

“Về một nghĩa nào đó... đúng thế.” tôi ngừng lại một chút: “Nhưng chỉ là bạn bè.”

Hình như Andemund khẽ thở ra. Ảnh quay lại, híp mắt cười, xoa đầu tôi.

“Gần đây cục tình báo sẽ có biến động lớn. C sẽ từ chức. Ông ta lựa chọn đầu hàng thay vì chiến đấu, đó là sai lầm lớn nhất của ông ta. Thực tế ông ta đã phạm quá nhiều sai lầm, không còn thích hợp với vị trí hiện tại ở cục tình báo nữa.”

“Ai sẽ lên thay?”

“Anh.” Andemund đáp: “Sẽ rất nhanh thôi. Em về quận Bedford đợi anh đi.”

Tôi sững sốt.

“Đến bao giờ?”

“Đến khi chiến tranh chấm dứt.”

“Chà, chừng này, C từ chức thì liên quan gì đến em?”

Ngón tay mảnh dẻ của Andemund khẽ vuốt ve má tôi, lớp vải dệt bao tay mang theo hơi ấm của nắng thu. Cử chỉ của anh ấy sao mà dịu dàng.

“Vì em là mối uy hiếp duy nhất với anh. Anh không hy vọng C dùng em để kiểm soát anh.”

“Ý anh là C có thể gây khó dễ cho em à?” tôi thật không dám tin: “Ông ta lấy đâu ra có...”

“Rất nhiều có... ví dụ như mẹ em làm việc cho tình báo Đức, bạn tốt nhất thời đại học của em thuộc đảng Quốc xã. Hai người vẫn giữ quan hệ thư từ, thậm chí sau này còn có cả... quan hệ thể xác. Alan, nghe anh này, về nông trại của bác em ở Bedford đi, đợi anh. Chiến tranh kết thúc nhất định anh sẽ đến tìm em.”

Xe chúng tôi dừng trên con lộ vùng quê ngoại ô London, ánh dương ấm áp, hai bên đường rợp lá vàng kim. Trên đầu chúng tôi là bầu trời nước Anh xanh biếc thơ mộng.

Andemund muốn tôi rời khỏi cơ quan tình báo.

“Anh biết cơ mà, dù mẹ em làm việc cho tình báo Berlin nhưng không có nghĩa là em phản quốc.” trong giây lát tôi thấy cơn giận trào lên: “Dù em ngủ với Edgar cũng đâu phải lỗi của em! Mẹ kiếp anh biết tất cả cơ mà!”

“Nhưng những lão già ở bồi thẩm đoàn không biết. Nghe lời anh đi, Alan.” Andemund nắm lấy tay tôi, siết thật chặt.

Một lúc lâu sau anh ấy mới nói: “Anh yêu em.”

“Anh sợ sự có mặt của em sẽ ảnh hưởng đến địa vị của anh ở cục tình báo chứ gì?”

“Không, Alan!”

Không thể kiềm chế cơn kích động được nữa, tôi vùng đứng dậy, túm cổ áo Andemund. Tôi thấy đau đớn khôn kể, cảm nhận được hai vai mình run rẩy, cả người rung lên bần bật, cuống họng bỏng rát vì gào thét.

“Tình yêu ơi, anh đã lợi dụng em bao nhiêu lần? Lần nào em cũng suýt chết! Lena, Edgar... có bao giờ anh nói trước với em một lời không, rồi cuối cùng anh ngang nhiên xuất hiện cứu giúp em. Anh có biết cảm giác bị người bạn thân thiết nhất phản bội ra sao không? Chỉ cần anh ngầm ý trước với em một lời... chỉ cần một câu ‘đi đường cẩn thận’ mà thôi. Em bị nhốt trong cái phòng tối tăm không bao giờ thấy ánh mặt trời ấy, mọi hy vọng của em chỉ còn là một ngày nào đó được gặp lại anh. Chúng ta sẽ hạnh phúc, sẽ yêu nhau vĩnh viễn, phải thế không?”

Có một số điều nếu ta không đụng chạm đến, chúng có thể mãi mãi ngủ yên trong đáy lòng ta... nhưng chỉ cần khơi dậy, chúng sẽ lập tức trở thành cơn đại hồng thủy, không bao giờ dần nén được nữa.

Tôi nghe thấy giọng mình lạc đi: “Nhưng rốt cuộc thì sao, em uy hiếp lợi ích của anh, anh bảo em ra đi. Chiến tranh kết thúc anh sẽ ở đâu, ai mà biết được? Phải chứ, anh yêu? Liệu lúc ấy anh còn nhớ đến gã Alan Castor từng theo đuổi anh ư, giáo sư Wilson?”

Andemund không phản kháng, anh để mặc tôi siết cổ áo anh, gào thét vào mặt anh. Gương mặt anh ấy vẫn đẹp thanh tú như buổi nào, với hàng mi dài umber đầy bi thương.

Tôi đã gần như mất trí, chỉ biết điên cuồng lay anh ấy.

Cuối cùng anh ấy ôm lấy tôi, ôm rất chặt, khiến tôi không cách nào giãy giụa được nữa.

Anh ấy nói nhẹ nhàng: “Nếu chiến tranh kết thúc mà anh không thể đến tìm em, nghĩa là anh đã chết. Anh yêu em, Alan.”

“Vậy thì để em ở lại. Phòng 1 còn cần em.” tôi cố chấp nói: “Chỉ mình em có thể đối phó với ‘Mê’”

Lại một hồi im lặng, rồi anh ấy đáp: “Được.”

Chuyện cứ thế kết thúc ở đó. Tôi bắt đầu phân vân không biết có nên kể chuyện mật mã nọ cho Andemund không. Việc này xem như cơ quan tình báo Berlin muốn liên hệ với tôi, một khi báo cáo lên nó nghiêm nhiên sẽ thành nhược điểm chết người của tôi. Huống hồ trước mắt tin tức chẳng có bao nhiêu, mà cơ bản là chẳng khác gì thông tin phòng 1 đã giải mã được, dù có báo cũng chẳng ích gì.

Tôi quyết định chờ thêm một thời gian nữa.

Arnold thì rảnh muốn chết. Anh ta bắt đầu siêng mò đến trang trại Plymton hơn, bữa nào cũng mặc blu trắng, sợi dây đồng hồ vàng lòng thông thò ra từ túi áo ngực, đứng ngả ngón cạnh bàn làm việc của tôi: “Chu choa, bé Alan ơi, bữa nay vẫn đẹp trai quá đi.”

Tôi thật tình cảm ơn anh ta: “Cảm ơn.”

Thời gian ấy tinh thần tôi khá tệ, gã bác sĩ tâm lý cũng có vẻ chán đời không kém, bọn tôi thường đứng dựa hàng tường gạch đỏ của trang trại Plymton, vừa vung vẩy chân tán phét vừa đếm máy bay Đức liệng qua đầu.

Anh ta ngậm thuốc lá: “Mười hai chiếc, từ trưa đến giờ.”

“Hình như mười ba chứ.” tôi nói.

Arnold cãi phớt tỉnh: “Mười ba xui xẻo lắm. Tôi bảo mười hai là mười hai.”

Tôi hỏi anh ta: “Tôi nhớ trước anh không hút thuốc cơ mà?”

“Trước cậu cũng đâu sầu đời thế này.”

“Biến đi, đàn ông sành đời mới biết buồn tình chứ bộ.” tôi huých cùi chỏ anh ta: “Chứ anh sao?”

“Đàn ông đau khổ hút thuốc trông đẹp trai hơn.”

Tôi hỏi lại gã bác sĩ tâm lý: “Anh làm sao mà đau khổ?”

Arnold rít một hơi dài, ngẩng đầu lên, lim dim mắt: “Vì trước tôi không đủ chân thành, người tôi yêu bị người ta giết mất rồi.” anh ta quay lại nhìn tôi: “Bé Alan, ôm người ta một cái an ủi đi.”

Tôi ôm anh ta một cái, vỗ vỗ lưng anh ta: “Đáng lắm. Anh coi tôi tán Andemund nè, chưa bao giờ lo ra em nào khác đâu.”

Gã bác sĩ tâm lý có vẻ rất tổn thương: “Cưng ơi, có lẽ quá. Ôm thêm cái nữa đi.”

Nghĩ đến Andemund, đột nhiên tôi lại thấy ảm đạm.

Arnold kể nhiều về công việc của anh ta. Khéo léo né tránh những vấn đề tối mật, anh ta nói cho tôi nghe gần đây gián điệp Quốc xã bị xử lý ra sao. Nghe nói ngay trước khi bị tiêm bọn họ còn gào lên ‘Đế Quốc muôn năm, ‘Hitler muôn năm’, vậy mà chỉ ít phút sau khi ngấm thuốc họ đã nức nở khóc, không cách nào tỉnh trí được nữa.

“Ai cũng có góc yếu đuối trong lòng.” Arnold nói: “Cậu cũng vậy, tôi cũng vậy.”

Những gián điệp không có giá trị sẽ phải chịu phán quyết, một số thì bị giam lại để thẩm vấn.

“Phía Tây chúng tôi có một căn cứ quân sự, chuyên để giam loại người này. Xung quanh cắm hàng rào thép gai có điện, tường xây kiên cố và một tháp canh cao sừng sững. Đích thân ngài Garcia thiết kế đấy... chỗ đó mà vào rồi là hết đường ra.”

Arnold thở hắt ra: “Ngày nào cũng phải trông thấy mấy thứ ấy thật sự là mệt mỏi.”

Cuối tháng mười, trong lúc giải mã tôi lại gặp loại mật mã bí ẩn nọ.

Đoạn tin vẫn cụt ngắn như cũ:

Đêm ngày một tháng mười một, oanh tạc Southampton. Gửi Alan Castor.

Đồng thời, điện tín mã hóa bằng ‘Mê’ thu được từ Bộ chỉ huy không quân Đức cũng cho thông tin tương tự.

Ba giờ sáng ngày một tháng mười một, máy bay Đức và Ý thực sự xuất hiện trên bầu trời Southampton, lại một thành phố hóa thành biển lửa.

38. Chương 38

Sau hôm chạy xe hóng gió đó, Andemund hầu như mất tích khỏi tầm mắt tôi. Ảnh rất ít về làm việc ở gác đồ, mà tôi cũng hiếm khi gặp chiếc Rolls-Royce đen của ảnh đậu trong trang trại Plymton nữa.

Tôi không biết anh ấy đang ở cơ sở nào của cục tình báo, và làm gì ở đó.

Một bữa tôi vừa ngủ trưa dậy thì nghe nói Peter đang đợi mình dưới cửa túc xá. Anh ta đưa tôi một mảnh giấy ghi số điện thoại, nói rằng Andemund dặn có chuyện khẩn cấp cần tìm ảnh thì gọi số này.

Đó là thứ duy nhất Andemund để lại cho tôi.

Sau đó, anh ấy hoàn toàn dấn mình vào một thế giới tôi không cách nào chạm đến được, chính trường.

Trang trại Plymton vẫn bình lặng trong bầu không gian đầy chất học thuật. Tôi thì suốt ngày chôn mình trong văn phòng mờ khóa mã, đối phó với các dạng thiên biến vạn hóa của “Mê”, dần già cũng quên bằng rằng chúng tôi đang phải chia lìa.

Đầu tháng mười một, phòng 1 giải mã được kế hoạch “Sonata ánh trăng”. Đức âm mưu oanh tạc Conventry đêm ngày 14. Như thường lệ, tôi chuyển thông tin này lên trên.

Trưa ngày 12, một lần nữa, tôi nhận được điện tín bí ẩn từ Berlin.

Nội dung vẫn cụt lủn như trước: Đêm 14, oanh tạc Newcastle, “Sonata ánh trăng”, hãy tin tôi.

Cầm tờ giấy trên tay mà tôi sững sờ. Tin Conventry sắp bị tấn công đã được trình lên phòng thường trực không quân tại trang trại Plymton, kế hoạch ứng phó hẳn đã khởi động rồi. Từ trước đến nay nội dung những điện tín bí ẩn này luôn thống nhất với “Mê”, thật không ngờ lần này lại khác hẳn.

Raphael vừa sửa xong một máy giải mã, cậu ta lấy một tách cà phê ra ngồi xuống đối diện tôi.

Với sự tinh tường đặc biệt của người Do Thái, cậu ta bình phẩm về kế hoạch “Sonata ánh trăng”: “Alan, cậu thấy có lạ không? Chẳng hiểu bọn Đức đang nghĩ gì nhỉ.”

“Lạ gì?”

Bản dịch điện tín còn nằm trong cặp táp trên bàn, cậu ta với tay lôi ra, chỉ cho tôi xem: “Đây, mọi khi không kích bao giờ quân Đức cũng mã hóa tên thành phố thêm một lần, đúng chưa? Lần trước Southampton bị mã hóa thành ‘oanh tạc S12’, Birmingham thì điện tín ghi là ‘oanh tạc B32’. Xem ra bọn Đức có một danh sách mã hóa tên các thành phố của chúng ta, vậy mà lần này ‘Sonata ánh trăng’ lại không áp dụng.”

Raphael rà ngón tay thanh mảnh trên dòng chữ tiếng Đức: “Địa điểm ‘Sonata ánh trăng’, Conventry.” “Không mã hóa hai lần!” Đột nhiên tôi bừng tỉnh: “Nhất định phải mã hóa lần nữa mới đúng!”

“Thế tôi mới nói là lạ.” Raphael nhún vai: “Hay là bọn họ quá tin vào ‘Mê’ nên mới quên không mã hóa?”

Nhưng tôi vẫn cảm thấy sự việc không thể đơn giản như thế. Bởi vì bức điện tín bí ẩn nọ lại đưa ra mục tiêu không kích hoàn toàn khác... Newcastle. Đó là căn cứ đóng tàu trọng yếu của hải quân Hoàng gia tại vùng duyên hải Đại Tây Dương.

Tôi thử quay số điện thoại Andemund để lại, đầu dây bên kia đổ chuông rất lâu mà không ai bắt máy.

Từ sau khi trợ lý Annie của ảnh nhận nhiệm vụ xâm nhập vùng bị chiếm đóng, điện thoại của Andemund luôn trong tình trạng không ai nghe thế này. Ảnh không tin tưởng ai khác, mà tự ảnh có bao giờ rảnh ra để trực máy đầu.

Tôi lỡ mớ cảm thấy mình đã vô tình tiếp cận được một sự thật nào đó, cần phải báo với Andemund ngay lập tức. Chỉ có anh ấy mới hiểu được, và đồng tình với tôi.

Lệnh triệu tập của không quân phải mất vài ngày mới có hiệu lực, để chậm trễ hơn không chừng dân chúng Newcastle sẽ không kịp sơ tán trước không kích. Bao sinh mạng sẽ chịu chôn vùi cùng công viên, tòa phun nước, sân chơi tại thành phố ven biển ấy.

Tôi kiên nhẫn quay số gọi lại, rốt cuộc cũng nghe được giọng nam khô khan vang lên từ đầu dây bên kia: “Xin chào, đây là đường dây của ngài Garcia. Hiện giờ ông ấy không thể trả lời...”

“Peter?” tôi cắt lời anh ta: “Tôi Alan đây, Alan Castor. Gọi Andemund nghe máy đi!”

Hình như Peter do dự một lát, rốt cuộc anh ta nói: “Giữ máy đợi đi.”

Tôi nghe thấy tiếng ống nghe đặt xuống mặt bàn gỗ, rồi tiếng bước chân anh ta rời đi, năm phút sau Andemund bắt máy, giọng anh ấy thật nhẹ: “Anh đang họp, Alan. Có chuyện gì vậy?”

“Ngày mười bốn Coventry sẽ bị không kích, anh biết chưa?”

“Có báo cáo lên, anh xem rồi.” anh ấy nói.

“Đó là một cuộc tấn công kép, mục tiêu là cả Coventry và Newcastle.” tôi nuốt nước bọt một cách khó nhọc: “Phải sơ tán dân chúng ngay.”

“Alan, cứ gửi điện tín và báo cáo lên rồi đưa phòng thường trực không quân lưu một bản.” có vẻ Andemund đang cười: “Không phải hoảng hốt vậy, chúng ta vẫn kịp đối phó mà.”

Tôi ngần ngại một lát, rốt cuộc buộc phải nói ra: “Không có báo cáo nào cả, đó không phải điện tín em giải từ ‘Mê’. Có người ở cơ quan tình báo Berlin trực tiếp gửi tin cho em. Em cảm thấy có thể tin người đó.”

Đầu dây bên kia, Andemund chột trằm mặc.

“Alan, anh ở số 7 Downing Street, phòng tác chiến nội các. Cầm tài liệu đó đến đây, anh đợi em.” lại một chút nghĩ ngợi, rồi anh ấy nói thêm: “Đi đường cẩn thận. Anh yêu em.”

Tôi nhảy lên một chiếc xe jeep quân dụng, luôn miệng giục tài xế phóng nhanh lên. Phòng tác chiến nội các số 7 Downing Street, tôi đã đến đó một lần, để gặp C. Vẫn là tòa kiến trúc màu trắng đồ sộ được canh gác cẩn mật với bậc thang thật dài.

Andemund đứng đợi tôi dưới ban công phù điêu trắng của phòng họp tầng hai.

Anh ấy mặc rất trang trọng, quân phục xanh sẫm thẳng li và giày ống bóng loáng, còn cài cả quân hàm. Tôi không thuộc mấy bậc quân hàm này lắm, chắc lúc nào rảnh phải bảo anh dạy cho.

Thấy tôi, Andemund hí mắt cười, giơ ngón trỏ đặt khế lên môi: “Đừng vội, từ từ vào đây nói. Bọn anh đang bàn về ‘Sonata ánh trăng’ nên anh mới bảo em đến. Hôm nay không có Thủ tướng đâu, em cứ bình tĩnh nào.”

Anh ấy đẩy mở cửa phòng họp sau lưng, nghiêng người để tôi vào trước rồi giới thiệu: “Thưa các vị, đây là Alan Castor của viện mật mã, người đã giải ‘Mê’. Cậu ấy sẽ cho chúng ta tin tức mới nhất về ‘Sonata ánh trăng’.”

Phòng họp đặc biệt trống trải, kể cả Andemund cũng chỉ có năm người, họ ngồi quanh chiếc bàn tròn gỗ sồi quá khổ. Đầu cùng phòng họp treo bản đồ châu Âu, bên cạnh là bảng đen viết chi chít các địa danh bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Chính giữa bàn họp là sa bàn nước Anh với nhiều mốc lộ tuyến. Một lá cờ tam giác đỏ nhỏ cắm trên vị trí tượng trưng cho Coventry. Có lẽ vì yêu cầu bảo mật nên phòng lớn vậy mà không mở cửa sổ, chỉ có ánh sáng màu cam dịu dịu từ chùm đèn trên trần tỏa xuống bao phủ khắp mặt bàn.

Tôi không biết những người có mặt là ai, có lẽ cũng từng thấy họ trên báo mà tôi chẳng để ý. Andemund là người trẻ nhất trong số họ. Thái độ ai nấy đều cực kỳ nghiêm túc, không khí nặng nề đến khó chịu.

Tôi rất ngạc nhiên là C cũng có mặt. Trông ông ta có vẻ khá mệt mỏi, ông ta nhìn tôi qua cặp kính hình bán nguyệt và chìa tay ra: “Xin chào, Alan, chúng ta lại gặp nhau.”

Sau nửa năm, ông ta già đi rất nhiều. Tự dưng tôi nhớ đến lời Andemund lần trước, “Ông ta đã phạm quá nhiều sai lầm, không còn thích hợp với vị trí hiện tại ở cục tình báo nữa.”

Andemund không nói với tôi cuộc họp này là thế nào, tôi cũng chẳng hỏi. Sau này nhớ lại tôi đoán có lẽ đó chính là nội các của Thủ tướng Churchill trong chiến tranh, hôm ấy tôi đã tình cờ được tham dự một cuộc họp thường kỳ của họ. Những người tôi thấy ở đây chính là những nhân vật kiểm soát chiều hướng của cơn lốc chiến tranh. Sau chiến tranh, người ta chỉ biết rằng nội các của Thủ tướng gồm bốn thành viên,

chủ tịch mật viện John Anderson, bộ trưởng ngoại giao Halifax... Andemund là người thứ năm, không nằm trong phạm vi được công khai danh tính.

Giống như anh ấy từng nói, tình báo vĩnh viễn là góc tối của chính trường, chưa bao giờ nó bước ra trước mắt công chúng. Ở đây người ta không nói về lòng trung thành, chỉ có tin hay không tin, phản bội hay không phản bội.

Tôi cố hết sức giải thích vắn tắt ý tưởng của mình, đương nhiên cũng diễn giải cả phương pháp giải loại mã mới từ Berlin lên những khoảng còn trống ít ỏi của tấm bảng đen.

Ngoài Andemund và C, ba người còn lại chẳng tỏ ra hứng thú chút nào. Họ chỉ quan tâm đến kết quả.

“Vậy là, cậu cho rằng mục tiêu không kích thực ra là Newcastle phải không?” Cặp mắt màu lam nhạt của C hướng thẳng vào tôi sau cặp kính: “Cậu tin bức điện này sao?”

“Tôi cho rằng đây là cái bẫy của Đức.” tôi đáp: “Chúng định oanh tạc cả hai thành phố nhưng cố tình gửi điện tín được mã hóa bằng hai loại mật mã khác nhau. Một là ‘Mê’, loại kia thì chúng ta chưa rõ. Hơn nữa lần này địa danh Coventry không được mã hóa, việc này giống như đối phương đang cố tình cho ta biết mục tiêu tấn công, để thử... thử xem chúng ta có chuẩn bị đối phó hay không.”

“Có thể Hitler bắt đầu nghi ngờ hệ thống tình báo của mình có lỗ hổng, nhưng chưa biết thông tin rò rỉ từ đâu... ông ta đang thăm dò chúng ta. Nếu Coventry được mã hóa bởi ‘Mê’ có động thái phản công trong cuộc không kích mà Newcastle được mã hóa bởi hệ thống mã khác thì không, tức là ‘Mê’ đã thực sự bị giải mã. Nếu Newcastle đã chuẩn bị phòng thủ, tức là hệ thống mã kia có vấn đề, ‘Mê’ vẫn an toàn. Có thể người ở Berlin đó cũng chỉ biết về một trong hai địa điểm nên bà ấy cố ý báo cho ta biết mục tiêu của ‘Sonata ánh trăng’ là Newcastle. Cho đến nay mọi tin tức từ bà ấy đều chuẩn xác.”

Không ai cổ vũ ý kiến của tôi, đúng hơn là không ai phản ứng gì cả, nhất thời gian phòng chìm trong im lặng nặng nề. Tôi đứng trước tấm bảng đen nhỏ, tay cầm cây phấn viết dở, tự dưng thấy mình thật ngớ ngẩn.

Dưới ánh đèn, gương mặt Andemund hình như càng tái hơn.

Đột nhiên anh ấy bật dậy kéo tôi lại, nói một cách nhẹ nhàng: “Alan, anh hiểu cả rồi. Em về trước đi, điện tín để lại đây. Còn lại anh sẽ xử lý.”

Tôi đặt mẫu phần xuống bàn, chợt nghe C hỏi: “Alan, vừa rồi cậu nói ‘bà ấy’ cố ý gửi tin cho cậu. Chúng tôi muốn biết ‘bà ấy’ đó là ai, và làm cách nào cậu liên lạc được với Berlin mà cục tình báo không hề biết.”

Andemund lập tức cắt lời ông ta: “Chuyện này tự tôi sẽ hỏi. Alan, em về trước đi.”

Tôi sững người, vô thức há miệng thở dốc.

“Đó chỉ là suy đoán của tôi. Tôi chưa bao giờ chủ động liên lạc với tình báo Berlin, chẳng qua tôi tình cờ giải được một loại mã thường xuyên gửi cho chúng ta. Như tôi vừa trình bày với các ngài, khóa mã là ngày sinh của tôi.” tôi nói một cách khó nhọc: “Tôi nghi ngờ người gửi chúng là mẹ tôi, Jane Castor. Bà ấy làm việc cho tình báo Berlin.”

39. Chương 39

Nhắc tới cái tên Jane Castor, không hiểu có phải tôi nhìn lầm không nhưng dường như bàn tay đang cầm bút máy của C đã run lên.

Ông ta vẫn chưa chịu buông tha tôi.

“Alan, cậu hiểu tình huống hiện này chứ. Không quân đang hết sức căng thẳng, phải một trung đội đi phòng thủ Newcastle là một quyết định nghiêm trọng. Chúng ta phân tán đội bay tức là phòng tuyến chống trả tại địa điểm khác sẽ mỏng đi. Thế nên ta cần cậu phải thề, mọi lời cậu nói đều là sự thật.”

“Tôi thề.”

“Kể cả về nội dung mọi điện tín cậu đã nhận được?”

“Kể cả nội dung của chúng.” tôi nói.

“Trong đó thậm chí có một tin ghi rõ ‘Gửi Alan Castor’?”

“Đúng vậy, thưa ngài. Nhưng tôi chỉ nhận tin, chưa bao giờ chủ động liên lạc với đối phương.”

“Sau khi giải được điện tín cậu cũng không trình lên, đúng không? Và vẫn tiếp tục giải mã chúng?”

“Tôi cho rằng chúng không quan trọng.” tôi nói: “Hơn nữa đó có thể là mẹ tôi! Mẹ tôi không phản quốc!”

C hạ giọng lặp lại: “Có trình lên hay không?”

“Không.”

Ông ta gật đầu hài lòng, bảo tôi sang phòng bên cạnh đợi. Cửa phòng họp lại đóng kín. Tôi chán nản ngồi xuống cái ghế bọc da, nhìn cô phục vụ xinh xắn đẩy xe trà bánh ra ra vô vô.

Đợi mãi đến khi nắng chiều chiếu xiên vào phòng, cánh cửa mới mở ra lần nữa. Cuộc họp đã xong, mọi người bước ra. Andemund đi cuối cùng, C bước đằng trước ảnh.

Tôi nhìn về phía Andemund, lại thấy C tiến lại gần mình. Ông ta đã khoác cái áo khoác xám, tay chống cây cần gỗ đầu bịt bạc, ông ta dừng lại trước mặt tôi, nhìn tôi: “Chà, Alan, may quá cậu chưa bỏ về. Nếu không chúng ta lại mất thời giờ tìm cậu.”

“Newcastle sao rồi?”

“Cậu không cần lo. Alan, cậu trông giống Jane lắm.” ông ta cười có vẻ rất nhân từ: “Cứ nhìn cậu thế này có lẽ ta sẽ hối hận mất. Chà, ta có một trang trại bên hồ, cuộc sống thôn dã cũng không tệ phải không. Mùa thu sẽ có nho, rồi thì đồng oải hương... Nhưng đấu tranh đâu có dễ dàng như vậy, Andemund Garcia muốn giành cái ghế của ta cũng phải trả giá chút gì chứ, ví dụ như... cậu?”

“Tôi không hiểu ngài đang nói gì.”

“Ta từng yêu Jane, nhưng tính cách của cậu lại giống cha cậu, Alan. Cái đó thì rất khó ưa.”

“Phiền ngài không nói nữa. Việc này do tôi xử lý.”

Tôi quay lại, thấy Andemund. Anh ấy lạnh lùng đứng sau lưng tôi, hai tay đút trong túi quần. Chưa bao giờ tôi thấy vẻ mặt anh ấy khó coi đến thế.

Cặp mắt xanh biếc của Andemund nheo lại, anh nói bằng giọng cao ngạo: “Tôi đã nói rồi, ngài có thể không ưa tôi nhưng không có nghĩa là ngài được động đến người của tôi.”

C nhún vai, lùi lại chực bỏ đi: “Chàng trai trẻ ạ, ta đâu đã hết thời. Ta đang đợi kết quả xử lý của cậu đây.”

“Ngài đã nói là ngài tin tôi. Hồi tháng năm, chính tại đây, ngài nói rằng dù trước kia không thể tin nhiệm mẹ tôi nhưng ngài sẽ tin tôi, tin tôi vô điều kiện.” tôi vội vàng gọi theo ông ta: “Thưa ngài!”

C dừng bước mà không quay đầu lại: “Ta đã nói vậy sao? Ta không nhớ.”

Đột nhiên tôi thấy toàn thân mình lạnh toát.

“Giờ thì tôi mới nghĩ rằng... có phải trước kia ông cũng phản bội mẹ tôi thế này không, cũng như thế này mà mẹ tôi mới buộc phải chọn đến với Berlin. Ông hứa hẹn sẽ tin bà ấy để rồi khi biết Đức Quốc xã gửi thư cho cha tôi thì lập tức trở mặt phản bội lời nói của chính mình. Người mẹ mà tôi nhớ luôn yêu nước Anh nồng nhiệt, luôn luôn như thế!”

C không đáp lời tôi. Một giây khi đó, dường như tôi thấy lưng ông ta gù xuống. Như thể những lời của tôi nặng như chì, hoặc giả cột sống của ông ta chợt nhận ra nó không thể chống đỡ nổi sức nặng từ hàng chục năm nay nữa. Ông ta không đáp lời tôi mà tiếp tục bước đi, tiếng cây cần nện xuống sàn vang rõ mồn một trong hành lang trống trải. Hơn lúc nào hết, C thực sự trở thành một ông già tiều tụy.

Tôi hỏi Andemund, tình hình Coventry và Newcastle sao rồi.

Andemund chỉ bảo đừng lo.

“Vậy tiện đường cho em quá giang về luôn được không cưng?” tôi hỏi.

Lúc đó tầm giờ cơm tối, hành lang đã chẳng còn ai ngoài chúng tôi. Đột nhiên Andemund ôm ghì lấy tôi, ôm rất lâu mà không nói một lời.

“Alan, em không thể về được.” giọng anh ấy vừa dịu dàng vừa như pha chút hối tiếc: “Em phân tích hoàn toàn đúng, nhưng mẹ em làm việc cho Đức Quốc xã, bạn em từng là gián điệp cho Đức, giờ lại có người của tình báo Berlin muốn móc nối với em, không, phải nói là từ lâu rồi nhưng em không báo cáo với tổ chức... đó là một sai lầm quá lớn. C kiên quyết đòi trừng phạt em, để đảm bảo sự an toàn cho cục tình báo họ yêu cầu phải giam giữ em... anh đã ký chấp thuận rồi.”

Tôi hoảng hốt: “Điều cuối cùng là sao?! Em chỉ muốn lấy lại danh dự cho mẹ em thôi mà.”

“Vấn đề là đó chỉ ‘có thể’ là mẹ em. Alan, em nhớ những gì anh nói không? Đây là MI-6. Nếu em phản bội, em sẽ bị hành quyết bí mật. Nếu bị nghi ngờ phản bội em cũng sẽ bị xử lý. Mà người ký lệnh xử em chính là anh. Chính vì thế mà anh đã không muốn em vào trang trại Plymton.” Andemund lại ghì chặt tôi hơn: “Yên tâm, chỉ đơn thuần là giam giữ, hạn chế tự do thân thể của em thôi.”

“Đến bao giờ?” bỗng dưng tôi thấy thật nực cười: “Lúc chiến tranh chấm dứt sao?”

Andemund hôn má tôi: “Ừ, đến khi chiến tranh chấm dứt.”

“Xin lỗi, đáng ra anh có thể làm được nhiều hơn... nhưng tình hình lúc này quá đặc biệt, chỉ ít lâu nữa anh sẽ phải tiếp nhận vị trí của C, phụ trách toàn bộ cục tình báo, anh không thể đứng ra bảo vệ em. Việc anh làm được chỉ là... yêu cầu được trực tiếp xử lý việc này.”

Trong ký ức của tôi gương mặt Andemund sau câu nói ấy sao mà buồn thảm, hàng mi ảnh rũ xuống, môi mím chặt. Anh ấy muốn giúp tôi, giữa cuộc họp anh ấy đã cố tình ngăn tôi nói, nhưng vô ích. Chính anh ấy cũng hiểu đó là vô ích, nếu muốn không quân Hoàng gia cho lực lượng bảo vệ Newcastle tôi buộc phải trình bày mọi thứ về tin tức mình có. Mà một khi thừa nhận mọi chuyện, chắc chắn tôi sẽ mất sự tin nhiệm từ đương cục.

Đây là thời điểm then chốt với Andemund, anh ấy không thể giành lại niềm tin ấy cho tôi. Anh ấy không thể đứng lên nói rằng đây là Alan Castor, người yêu của tôi... dù mẹ cậu ấy ở Berlin, bạn thân của cậu ấy là người Đức, cậu ấy đồng tính luyến ái. Cậu ấy phạm sai lầm không báo cáo kịp thời cho cục, nhưng tôi tuyệt đối tin rằng cậu ấy không có ý định liên hệ với Berlin...

Anh ấy chỉ có thể đặt bút ký tên trên quyết định trừng phạt tôi, rồi nói rằng việc này sẽ do anh ấy thực hiện.

Đó là lý do khiến Andemund từng cương quyết ngăn cản tôi vào trang trại Plymton.

Chỉ mới đây thôi, thậm chí anh ấy đã khuyên tôi về Bedford, nói rằng nhất định C sẽ dùng tôi để khống chế anh ấy. Và đến lúc ấy rất có thể anh ấy sẽ không thể cứu tôi.

Anh ấy chỉ nói, đợi anh đi, Alan. Đến khi chiến tranh kết thúc. Nếu hết chiến tranh anh không thể đến gặp em, nghĩa là anh đã chết rồi.

Tôi bắt đầu hiểu tại sao cuối cùng mẹ lại chọn Berlin. Có lẽ bà đã phải trả giá quá nhiều, vậy mà đến thời điểm then chốt nhất chỉ vì một lá thư cho cha tôi, hay như với tôi lúc này, một bức điện tín, mà chúng tôi bị liệt vào danh sách đen của cục tình báo.

Từ một góc độ nào đó mà nói, cục tình báo luôn lựa chọn sai lầm.

Do dự một hồi lâu, Andemund hỏi tôi: “Alan, em sẽ không bỏ trốn, đúng không?”

Tôi đáp: “Không. Anh không phải còng tay em.”

Tôi quay lại nhìn lần cuối tòa nhà quốc hội sừng sững trong hoàng hôn rồi nhắm mắt lại, Peter rút ra một tấm vải đen bịt mắt tôi và đỡ tôi lên xe.

Chiếc Rolls-Royce vững vàng lăn bánh , Andemund cầm tay tôi.

Anh ấy nói: “Đừng sợ, Alan. Không có gì đáng sợ cả, em hoàn toàn được an toàn.”

“Arnold bảo em phía Tây có một nơi chuyên giam giữ gián điệp. Ta sẽ đến đó sao?”

Andemund không đáp, anh ấy chỉ cầm tay tôi và hôn nó.

“Anh sẽ thường xuyên đến thăm em.” anh ấy nói: “Bạn em cũng có thể đến.”

“Đến nhìn Alan Castor trong tù vì bị tình nghi thông đồng với địch sao?” tôi tuyệt vọng hỏi: “Nếu C bị hạ bệ, anh trở thành tổng cục trưởng cục tình báo em sẽ được ra chứ?”

“Dịch thân Thủ tướng ký lệnh xử lý em.” anh ấy đáp rất khê: “Riêng anh mà nói, anh hy vọng em sẽ ở đó đến hết chiến tranh. Chỗ đó thực sự an toàn.”

Trước khi đến Downing Street, tôi chỉ vội vàng ôm đi một chồng giấy tờ, chẳng hề chuẩn bị một thứ gì khác. Thậm chí tôi còn chưa kịp nhìn những món đồ ưa thích thêm một lần. Vậy mà đó là lần cuối cùng tôi bước qua cửa văn phòng số 1, để rồi không bao giờ còn được trở lại đó nữa.

Phía Tây London có một nơi được bao quanh bằng tường xây cao tít, hàng rào điện dày đặc và lính gác bông súng trước cổng. Sau tường bao là một khu nhà giam cũ được cải tạo thành căn cứ bí mật của cục tình báo. Tôi bị đưa vào một tòa tháp canh phía Tây. Tường xám tro kiên cố, đi lên theo bậc thang dày bụi rất lâu mới đến tầng đỉnh tháp. Bên dưới còn có vệ binh canh gác nghiêm ngặt.

Cửa sổ bằng đá không lớn, vừa đủ để nhìn xuống đến cổng chính bên ngoài. Tôi có thể thấy mỗi lần xe đưa Andemund đến làm việc, vệ binh chào anh ấy. Peter mở cửa, anh ấy xuất hiện trong áo khoác gió màu đen, đi về phía tôi.

Đến trước tháp canh anh ấy sẽ ngẩng lên mỉm cười, như thể biết tôi đang đứng trên này nhìn anh ấy.

Lệnh trừng phạt đến quá đột ngột, mất một thời gian dài sau đó tôi mới hiểu ra rằng... trước khi chiến tranh kết thúc tôi không thể bước ra khỏi tòa tháp này.

Mà đau đớn hơn là ngày thứ ba kể từ khi bị giam vào đây, tôi nghe tin Conventry bị oanh tạc. Người đưa cơm nói với tôi chuyện đó, không hề được phòng thủ, không ai biết máy bay Đức sẽ tập kích chỗ đó. Cuộc tấn công bắt đầu từ nửa đêm rồi kéo dài mười mấy giờ đồng hồ, thành cổ Conventry trở thành phế tích. Người ta thậm chí không tính toán nổi bao nhiêu người đã thiệt mạng trong trận không kích ác liệt ấy.

Andemund đến thăm tôi, tôi chất vấn anh ấy tại sao, tại sao Conventry không chống trả?

“Alan, em phân tích rất đúng. Hitler đang thử xem có phải chúng ta đã giải được ‘Mê’ không. Không thể mạo hiểm với hệ thống mật mã mới của Đức để bảo vệ Conventry, ta buộc phải hy sinh nó.”

Anh ấy đứng bên cửa sổ sao mà trầm lặng. Từ đây nhìn ra bầu trời luôn luôn mang màu lam xám, thỉnh thoảng có bóng bồ câu chao liệng qua.

“Nhưng Newcastle không sao cả. Không quân Hoàng gia đã phái một trung đội đến, cuộc không chiến đêm đó rất ác liệt, chúng ta giữ được Newcastle.” anh ấy lắc đầu: “Alan, quyết định bỏ mặc Conventry là của Thủ tướng, nhưng lý do chính là từ suy đoán của em... Đức đang thăm dò chúng ta.”

Tôi ngồi thẩn trên giường, lòng quặn lại.

Andemund bước tới, đặt tay lên vai tôi. Trầm ngâm một lát, anh ấy nói: “Nhưng chính anh là người đề nghị Thủ tướng hy sinh dân chúng thành phố đó. Alan, nếu em cảm thấy đó là tội lỗi thì chúng ta mỗi người phải gánh chịu một nửa. Một khi chiến tranh đã bắt đầu, ta chỉ có thể kết thúc nó bằng cách nhanh nhất, ít thương vong nhất mà thôi.”

Đỉnh tháp không mấy rộng rãi, chỉ có một cửa sổ nhỏ. Dưới cửa sổ là cái bàn gỗ, nước sơn xanh biếc đã tróc quá nửa. Một chiếc giường thép kê sát tường, trải ga lạnh trắng. Ngoài ra chẳng còn gì khác. Không có tủ, tất cả đồ đạc đều xếp trong cái rương gỗ dưới gầm giường.

Trên gối của tôi lúc này là tập thơ của Yeats, chính là tập thơ Andemund tặng tôi lúc trước. Ảnh mang đến cho tôi cùng vài cuốn sách khác, có cả giấy, bút máy và cuốn sổ ghi chép tôi vẫn dùng.

“Em yêu, giờ thì em có thời gian giải bảy bài toán của Hilbert rồi.” anh hôn trán tôi.

Andemund hỏi tôi: “Alan, em có hối hận vì yêu anh không?”

Tôi cười khỏ: “Có.”

“Anh đã biết có ngày em sẽ hối hận. Nhưng không kịp nữa rồi.” anh ấy ôm tôi từ sau lưng, gác cằm trên hõm vai tôi, nói bằng giọng như đang cười: “Người ở Berlin muốn liên lạc với em vẫn còn gửi tin tức cho chúng ta. Bọn anh dùng chính loại mã đó để trả lời bà ấy. Đó thật sự là mẹ em... phu nhân Jane Castor. Alan, em có một người mẹ rất dịu dàng.”

40. Chương 40

Từ cửa sổ tòa tháp nhìn ra xa có thể thấy toàn cảnh London. Nóc nhà màu xám và gạch đỏ nối dài bất tận, trên cao nữa là bầu trời trống không. Bỏ câu chào liệng qua từng đàn, đôi khi tôi thấy cả quạ đậu trên ống khói nhà xưởng cách đó không xa. Tôi hay ngồi bên cửa sổ đọc sách, gió rất mạnh, thường ào vào thổi mớ giấy trên bàn bay xoàn xoạt.

Những ngày không chiến khốc liệt đến đỉnh điểm, tôi thậm chí còn trông thấy máy bay Đức gầm rú phóng qua phía xa, đuôi mang biểu tượng Quốc xã màu đỏ tươi thật chói mắt.

Rốt cuộc C cũng bị hạ bệ, Andemund tìm thấy một số tài liệu cũ trong đồng giấy tờ ông ta để lại.

Hóa ra sự thật và đối trá chỉ cách nhau một ranh giới quá mong manh. Mà một khi bước qua nó, ta mới nhận ra thế giới này thật xa lạ.

C đã liên lạc với mẹ tôi qua gián điệp Anh ở Berlin. Ông ta gửi cho Jane Castor đang làm việc cho tình báo Berlin cả ảnh lẫn thông tin về tôi, nói với bà rằng tôi nằm trong tay tình báo Anh, hy vọng bà hợp tác với bọn họ. Kể từ khi C đồng ý cho tôi bước vào trang trại Plymton, tôi đã trở thành một quân cờ trong tay ông ta.

“Mẹ em đồng ý sao?”

“Không.” Andemund lắc đầu: “Phu nhân Castor bị giám sát rất chặt chẽ. Dù bà ấy có đồng ý cũng không thể truyền tin cho chúng ta được. Huống hồ bà ấy không tin tưởng cơ quan tình báo Anh.”

“Lúc đó C mới quyết định tiết lộ cho phu nhân Castor em làm việc cho cục tình báo, phụ trách giải mã ‘Mê’. Ông ta tán dương em là một thanh niên vĩ đại rồi mời gọi bà ấy tìm cơ hội giúp con mình, giúp tổ quốc của bà ấy. Anh nghĩ chính nhờ thế mà bà ấy biết em làm việc cho phòng 1, rồi mới mượn cách đó để chuyển tin cho em. Bà ấy đã chấp nhận mạo hiểm để gửi tin cho ta bằng loại mã tương tự với ‘Mê’ trong khi chẳng có gì đảm bảo em sẽ nhận được, hay giải được được chúng.”

“Tại sao bà không liên lạc thẳng với cục tình báo?”

“Bà ấy không tin tưởng cục tình báo, bà chỉ tin con trai mình. Alan, bà ấy nói bà ấy yêu em.”

“Em cũng yêu bà.” tôi nói: “Nhưng em không hiểu tại sao bà lại làm việc cho Berlin.”

Andemund ôm tôi, thở dài: “Mỗi người đều có tín ngưỡng của riêng mình.”

Tôi hiểu cảm giác không thể tin tưởng cơ quan tình báo của mẹ, nó chẳng khác gì điều tôi cảm thấy lúc này. Andemund nói đúng, đây là một thế giới quá đen tối, không kẻ nào có thể giữ mình trong sạch mà thoát khỏi nó. Nhưng tôi không lý giải nổi tại sao mẹ đã chấp nhận sống với niềm tin vào Đức Quốc xã, đã giúp người Đức sáng tạo ra ‘Mê’... mà cuối cùng lại tiết lộ thông tin cho chúng tôi. Xuất phát từ lòng yêu tổ quốc cháy bỏng, hay chỉ đơn thuần là phản ứng của một người mẹ khi nhận được lời đe dọa của C về đứa con đang phục vụ cho cục tình báo của bà?

Một thời gian dài sau đó, liên lạc bị gián đoạn. Andemund đưa thợ chụp ảnh đến chỗ tôi, chụp hàng đồng hình đen trắng.

Ảnh nói: “Em tỏ ra tuyệt vọng chút nữa thì tốt, Alan.”

Tôi thì tin rằng mình chẳng thể nào tuyệt vọng hơn được nữa. Cục tình báo trong tay C hay Andemund rồi cũng vẫn là một phương pháp, trắng trợn và đơn giản. Nói thẳng ra thì ít nhất C còn để tôi làm việc bình thường ở trang trại Plymton, còn Andemund cầm tù tôi trong cái tháp canh này.

Anh ấy chụp hàng đồng ảnh, rồi gửi cho mẹ tôi. Không lâu sau, sợi dây tình báo lại được nối lại.

Tôi cảm nhận được đó là một kiểu lợi dụng nhưng chẳng thể chỉ trích anh ấy, vì thủ đoạn tình báo có bao giờ không đề tiện và bẩn thỉu? Dù chúng xuất phát từ ý định cao thượng hoa mỹ đến đâu, sự thực vẫn là vậy.

Tôi cầu xin Andemund trả tự do cho mình.

Anh ấy từ chối, nói rằng anh ấy không có quyền đó.

Ảnh ôm tôi, liệt kê ra cơ man lý do... rằng quyết định cách ly tôi do Thủ tướng ký, rằng thả tôi hay không không phải do anh ấy quyết định, rằng cục tình báo đang dùng việc giam giữ tôi để uy hiếp mẹ tôi ở Berlin, và rằng mọi hành vi của anh ấy lúc này đều bị chú ý, không thể âm thầm phóng thích tình nhân của mình được.

“Xin lỗi, Alan. Ở địa vị của anh lúc này có rất nhiều điều trước kia có thể làm mà giờ không thể.”

Nhưng tôi ngờ rằng tất cả chỉ là cái cớ. Nguyên nhân đích thực chính là... tôi đã nằm trong danh sách bất tín nhiệm. Đương cục đang lo sợ. Họ biết chuyện này là bất công với tôi, họ sợ rằng một khi được tự do, sau khi biết mọi chuyện tôi sẽ tìm cách liên lạc với Berlin, rồi tiếp bước mẹ mình trở thành một đảng viên Đảng Quốc xã vĩ đại.

Tôi thực sự biết quá nhiều, tôi có thể cho Đức biết ‘Mê’ đã bị giải mã, thậm chí có thể hỗ trợ bọn họ thiết kế một bộ mã hoàn hảo hơn ‘Mê’. Bởi vậy họ không thể cho tôi tự do.

Arnold đến thăm tôi. Anh ta hình như hay tới đây làm phẫu thuật, lần nào đến cũng mặc áo blu trắng, ngồi vắt chân trên cái giường thép của tôi hút thuốc.

Tôi hỏi anh ta, liệu tôi có cơ hội ra khỏi đây không?

Anh ta nhìn chăm chăm vòng khói màu lam nhạt lơ lửng trên đầu, thở dài: “Tôi tưởng trước khi đồng ý cho cậu vào trang trại Plymton ngài Garcia phải nói trước với cậu mọi hậu quả rồi chứ. Một giây bị mất tín nhiệm thôi cũng đủ thành dao mổ kẻ cổ chúng ta rồi.”

“Ảnh có nói, nhưng tôi không hiểu hết.” tôi nói: “Tôi tưởng tượng ra rất nhiều kết cục mà chẳng cái nào giống thế này.”

Arnold không cho tôi câu trả lời, anh ta chỉ nói: “Chắc, bé Alan ạ, thế này chưa phải tệ nhất đâu.”

“Nếu có thể tôi cũng hy vọng sẽ đưa được cậu ra khỏi đây. Nhưng tôi không thể.” anh ta nói với vẻ chán chường: “Cậu đang cười nhạo tôi có vậy mà không làm được đúng không?”

“Andemund cũng không làm được.” tôi bước tới, ngồi xổm xuống cạnh anh ta: “Cho xin điều thuốc hút coi.”

Arnold móc trong hộp cho tôi một điếu, mời giùm tôi.

Tôi rít một hơi, khói cay xông tận phổi, tôi ho sặc sụa.

Anh ta với tay tính giật điếu thuốc của tôi: “Thôi bỏ đi.”

Tôi giữ lại: “Đàn ông sâu đời có điếu thuốc ngó đẹp trai hơn.”

Arnold cho tôi xem tác phẩm của thằng em họ anh ta, nguyên một xấp tranh màu sáp. Bức đầu tiên là bồn hoa kim tước đang nở trên bậu cửa sổ phòng đọc sách, bức kế là con ngựa gỗ nhỏ của nó. Kế nữa là một cặp kính gọng vàng méo mó vẹo vọ, ấy là Arnold. Tôi lật lướt lướt tiếp, có một bức vẽ cuốn vở toán, nhân ghi chữ như gà bới “Alan Castor”.

“Tôi đây hả?” tôi hỏi.

Arnold nheo mắt gật đầu: “Ngày nào Joe cũng đòi gia sư của nó đến. Nó bảo cậu hứa dạy nó vẽ tranh rồi.”

Đúng là tôi có hứa sẽ mời họa sĩ thiên tài đến dạy thằng nhỏ hư đốn vẽ, ấy là tôi tính đợi Edgar về Cambridge nghỉ phép sẽ dẫn cậu ta đến gặp thằng nhỏ. Giờ tôi đoán họ chẳng bao giờ có cơ hội gặp nhau nữa.

“Em họ anh phải Van Gogh đích thân dạy mới được.” tôi nói với Arnold.

Trước khi về, anh ta vẫn giật điều thuốc của tôi, nói: “Lần sau sẽ mang cho cậu loại nào nhẹ hơn.”

Mùa xuân năm 1941, Đức phá vỡ “Hiệp ước không xâm lược lẫn nhau giữa Đức và Liên Bang Xô Viết”, chính thức tấn công Liên Xô, không chiến tại Anh kết thúc, nước Anh chiến thắng.

Năm 1944, trận Normandie thành công.

Trong vòng bốn năm, Andemund vẫn đều đặn đến thăm tôi. Ảnh mang cho tôi rất nhiều mật mã từ trang trại Plymton. Tôi toàn giết thời gian với chúng.

Tôi chẳng biết đồng mật mã này được xếp cấp mấy, đã được giải ra chưa, ảnh tin tưởng đưa tôi giải hay chẳng qua là cho tôi có việc làm qua thì giờ. Những điều đó giờ không còn quan trọng. Ngày qua ngày tôi chơi với những con số, không một loại mã nào có thể giữ bí mật trước tôi quá một tuần.

Andemund luôn hôn tôi, nói: “Alan, em là thiên tài.”

Rồi ảnh cho lính gác bên ngoài đi, khóa cửa lại, lại hôn tôi, rồi cởi áo tôi. Chúng tôi làm tình vô độ trong ngọn tháp canh xám lạnh ấy. Trên cái giường thép, dưới sàn đá, thậm chí anh ấy đè tôi trên bàn, gác chân tôi lên vai mình, đẩy đầu tôi gần như ngật ra ngoài cửa sổ, chỉ cần mở mắt tôi có thể thấy độ cao hun hút khiến người ta rùng mình.

Ảnh khiêu khích tôi, ép tôi nói yêu ảnh mỗi khi tôi chạm đến cao trào.

Ảnh uy hiếp tôi, nếu không nói ảnh sẽ xô tôi khỏi cửa sổ. Tất cả mọi người sẽ thấy Alan Castor trần truồng rơi xuống, gương mặt trước khi chết còn mê li vì khoái cảm.

Thứ tình yêu vượt xa cả tuyệt vọng, tôi cảm giác rằng ngày nào đó mình sẽ phát điên.

Anh ấy nói, anh xin lỗi, Alan.

Nhưng thế thì ích gì?

Anh ấy nhận ra được sự đổ vỡ giữa chúng tôi, mà chỉ có thể chiếm đoạt để khóa lấp nó.

Ngày “Cuốn theo chiều gió” gây sốt, trên giá sách của Andemund có một bản tiểu thuyết gốc. Lắm khi rảnh rồi tôi cũng lấy ra coi, kết thúc sao mà sầu đời. Tôi còn từng chế giễu ảnh mắc gì đi xem loại sách diêm tình ba xu này.

Tôi nhớ nhân vật nam chính đã nói thế này: “Em yêu, em có từng nghĩ rằng tình yêu sâu đậm đến mấy rồi cũng sẽ có lúc chán ghét không.”... mà giờ tôi đang chán ghét.

Tôi nói với Andemund, cứ thế này sớm muộn tình cảm của tôi với anh ấy rồi cũng sẽ tiêu tan. Đây không phải lỗi của anh ấy, cũng không phải lỗi của tôi. Chúng tôi sai lầm ở chỗ yêu nhau trong cái thời chiến chinh này.

Andemund không trả lời tôi, anh ấy chỉ im lặng cởi quần áo của tôi, tiến vào cơ thể tôi hết lần này tới lần khác, cương bức tôi nói tôi yêu anh ấy.

Anh ấy hỏi tôi, nếu có một ngày được rời khỏi đây, tôi sẽ đi đâu?

Tôi trả lời sẽ về Bedford, ở nông trại của bác.

Andemund suy nghĩ rồi nói: “Không, em không thể bỏ anh được.”

Thời gian đã mất dần ý nghĩa, dòng chảy cuộc sống trở thành những con chữ đen trắng vô vị trên mặt báo.

Ngày 27 tháng 4 năm 1945, tôi đọc báo Times, thấy tiêu đề ngay trang đầu là Liên Xô đánh vào Berlin. Hitler uống thuốc độc tự sát cùng tình nhân trong tầng hầm dinh quốc trưởng.

Ba ngày sau, hơn một ngàn lính cận vệ lực lượng SS và quân tình nguyện nước ngoài cố thủ trước biểu tượng cuối cùng của Đế tam đế quốc – tòa nhà Quốc hội, the last battle. Hầu hết bọn họ thiệt mạng. Tôi lý giải được hành động của đội cận vệ SS, nhưng lại không thể hiểu tại sao lại có cả người nước ngoài ở đó, tại sao họ sẵn sàng chiến đấu đến cùng vì Đức Quốc xã?

Giống như tôi không thể hiểu tại sao mẹ lại làm việc cho Berlin.

Một ngày sau khi Berlin bị chiếm đóng, Andemund đưa cho tôi một bức điện đã được giải mã. Đó là điện tín cuối cùng tôi nhận được từ mẹ.

Nội dung vẫn chỉ có một câu.

Hãy nói với Alan, tôi yêu nó. Jane Castor.

Andemund nói quân Liên Xô đã lục soát toàn bộ Berlin, trụ sở cục tình báo đã bị thiêu hủy, hầu hết tài liệu quan trọng không còn. Rà soát trên những giấy tờ còn lại họ không tìm được dấu vết nào cho thấy sự tồn tại của vợ chồng Castor. Nhưng trong một phòng làm việc gần như cháy rụi, người ta phát hiện một cỗ máy phát tin ‘Mê’ sơ khai, trên bệ sắt tây khắc một cái tên bằng chữ hoa, phải rất cố gắng họ mới luận ra được đó là “Jane”.

Thế giới này là một khối mâu thuẫn. Mỗi lựa chọn của chúng ta đều là sai lầm, vậy mà ta không bao giờ khiến mình dừng chọn lựa được.

Tôi hỏi Andemund, Đức đầu hàng rồi, tôi có thể về chưa?

Anh ấy nhìn tôi ái ngại, nói rằng không được, Alan ạ. Em vẫn nằm trong danh sách bắt tin nhiệm của tổ chức.

Anh ấy xin lỗi, rồi lại xin lỗi, nhưng thế thì ích gì?

Tôi chán ghét bầu trời trống rỗng sau ô cửa sổ kia, chán ghét những ngày quạnh hiu đến đáng sợ. Tôi muốn làm tổn thương Andemund, tôi bảo với anh ấy: “Ngày trước em theo đuổi anh, đúng ra anh nên từ chối em rồi kiếm lấy một cô vợ mới phải. Ngày ấy em dại dột quá mà, đâu có hiểu sự đen tối của cục tình báo, giờ mới biết hối hận.”

Anh ấy chỉ ôm tôi, nói, Alan, anh xin lỗi.

Andemund bảo tôi rằng tôi chỉ có hai con đường để lựa chọn.

Giữ lại ký ức của mình, vĩnh viễn ở lại trong tháp canh này.

Hoặc chấp nhận vứt bỏ trí nhớ về mấy năm qua và trở lại với cuộc sống khi trước. Quên trang trại Plymton, quên chiến tranh, quên ‘Mê’ và tất cả.

“Alan, em đã biết quá nhiều. Em nằm trong danh sách bắt tin nhiệm của đương cục, lại từng nắm giữ chìa khóa của ‘Mê’.” Anh ấy nói.

Tôi cố chấp chọn con đường thứ nhất.

Tôi nói với anh ấy rằng: “Tình yêu ạ, em thà ôm cái ký ức vứt đi này rồi chết rục ở đây. Em mất quá nhiều rồi, anh không thể giết cả Alan Castor trong em được. Anh không thể làm như thế.”

Ngày nào đó bạn mở cuốn sổ tay này ra, Alan Castor đã không còn tồn tại trên cõi đời nữa. Cậu ta không nhớ mình là ai, có lẽ cậu ta đã bị cho một cái tên mới, bị nhồi vào đầu trí nhớ không thuộc về mình, bị trở thành một kẻ khác, và sống âm thầm như là chết.

Tôi ghi lại tất cả ở đây, bởi vì có một điều sắp không thể cứu vãn. Andemund Garcia đã lựa chọn thay tôi.

Anh ấy muốn tôi quên mọi chuyện, rời khỏi đây, ở bên anh ấy.

“Đây là mưu sát đấy, anh yêu.” tôi nói với anh ấy.

Anh ấy chỉ đáp: “Anh yêu em, Alan.”

Đúng ra mọi chuyện có thể đã khác.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Andemund mang đến cho tôi những tờ báo đăng tin Thế chiến thứ II chính thức kết thúc. Hàng loạt trang báo giở ra kín mặt bàn, tờ nào cũng giật tít Nhật đầu hàng, bên cạnh là dòng chữ thật đậm “Chiến tranh kết thúc!”.

Tôi nghĩ, thật là tốt, rốt cuộc tất cả đã xong.

Sau đó tôi vùng dậy rút lấy khẩu súng giắt trên thắt lưng Andemund, chìa thẳng vào anh ấy, bảo anh ấy để tôi ra ngoài.

Bị giam cầm quá lâu, thần kinh tôi trở nên đặc biệt yếu đuối, rất dễ rơi vào trạng thái kích động.

Như lúc này, tim tôi đang nảy lên điên cuồng trong ***g ngực.

Chìa khóa trong tay anh ấy, tôi đòi anh ấy ném cho tôi rồi gọi xe đưa tôi rời khỏi đây.

“Anh biết là em dám mà!” tôi nói.

Andemund đứng chắn trước cửa, lắc đầu: “Em yêu, trừ khi em bắn anh, em không thể ra khỏi đây được. Anh sẽ không đưa chìa khóa cho em.”

Tôi thấy cả người mình run bần bật, ngón tay lấn bần rất lâu mới giật mở được chốt an toàn. Rốt cuộc tôi bắn trúng bụng anh ấy, rồi vồ được chìa khóa mở cửa.

Andemund ôm bụng gục xuống dựa vào cánh cửa, một tay nắm chặt tay tôi, mặt anh ấy trắng bệch đến bi thảm.

Anh ấy nói: “Alan, em thực sự không còn yêu anh nữa rồi.”

Tôi xốc ảnh dậy, diu ảnh ra ngoài: “Đừng như thế, em cần anh làm con tin. Chừng nào an toàn em sẽ gọi bác sĩ cho anh.”

Tháp canh rất cao, bậc thang xoắn đi xuống hình như chẳng bao giờ có tận cùng. Andemund càng lúc càng yếu, anh ấy tì hẳn vào vai tôi, máu chảy xối xả. Tôi đã tưởng rằng đi cả đời cũng không thể xuống khỏi đây.

Đám lính gác dưới lầu sững sờ khi thấy tôi.

Họ bao vây tôi, tôi lệnh cho họ chuẩn bị xe và tiền.

Andemund ghì chặt vai tôi, tay kia phác một cử chỉ khó hiểu.

Sau ám hiệu của anh ấy, gã lính gác đứng gần nhất nổ súng bắn tôi.

Ký ức cuối cùng của tôi là bầu trời màu lam xám quay tít trên đầu và ống khói cao chót vót của nhà xưởng phía xa. Tôi ngã xuống cỏ. Andemund ôm tôi, dán mặt trên mặt tôi, máu trên người anh ấy nhuộm đầm áo tôi.

“Alan, anh xin lỗi.” Anh ấy nói: “Chúng ta sẽ ra ngoài, nhất định anh sẽ đưa em ra ngoài. Quên chuyện này đi, để chúng ta bắt đầu lại lần nữa.”

Giờ này ngồi viết ngực tôi vẫn còn ần ần đau. Viên đạn bắn thủng phổi tôi, mỗi lần hút thuốc bị sặc ho đều đau thấu trời. Tôi chưa bao giờ hợp với thuốc lá, hút hiệu gì rồi cũng ho, vậy mà hồi này thuốc chẳng thể rời tay.

Giờ mới hiểu tại sao từ dạo thất tình Arnold bắt đầu mê mải với thuốc lá.

Tỉnh lại, người đầu tiên tôi thấy là Arnold.

Anh ta đang tiêm thuốc giảm đau cho tôi: “Alan, tình trạng cậu tệ lắm đấy. Được ra khỏi đây phải nghỉ ngơi tử tế mới được.”

“Tôi nghĩ bốn năm rồi.” tôi hỏi anh ta: “Andemund bảo anh đến xóa trí nhớ của tôi sao?”

Gã bác sĩ tâm lý mỉm cười: “Trí nhớ giống như một căn phòng, tôi chỉ khóa nó lại rồi vứt chìa khóa đi. Đừng sợ, chúng vẫn còn trong đầu cậu, chẳng mất đi đâu cả.”

“Dùng thuốc sao?” tôi hỏi.

“Ừ, dùng thuốc.”

Arnold có vẻ thương tâm: “Tôi đã trao đổi với ngài Garcia rồi, đây là lựa chọn tốt nhất với cậu. Alan, tôi xin lỗi, tôi không giúp gì được cho cậu, đây là điều duy nhất tôi làm được. Hy vọng cậu sẽ được hạnh phúc.”

Arnold nói chỉ cần tôi thư giãn, quá trình xóa trí nhớ sẽ không đau đớn chút nào. Nhưng tôi biết, với một liều lớn morphine họ sẽ tiêm cho tôi, dù đau cũng chẳng thể biết được nữa.

Tôi nghe thấy tiếng chân ngoài cửa, có lẽ là Andemund, hoặc là Arnold. Đây chắc hẳn là câu cuối cùng tôi viết.

Tôi muốn nói với người sẽ đọc cuốn sổ tay này rằng, tác giả của nó là Alan Castor, đã chết sau khi Thế chiến thứ II thắng lợi. Cậu ta hoài niệm bầu trời xanh thẳm của Cambridge, và cả người yêu đứng mỉm cười dưới tàng cây táo trước thư viện. Cậu ta vứt bỏ ký ức để sống lại, nhưng không hạnh phúc.

41. Chương 41: Pn1

(nhân ngày cá tháng tư :> ~)

Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Poppy day đầu tiên kể từ khi cuộc chiến khốc liệt kết thúc, tôi lẫn mình vào đoàn người diễu hành lặng lẽ trong phục trang thật long trọng.

Hàng trăm cây thánh giá trắng dựng đứng trước mặt, mỗi cây gắn một đóa hoa hồng anh, bên trên là tên, quân hàm, tuổi và một tấm hình màu tươi tắn.

Biển thánh giá không được xếp thẳng hàng lối khiến người ta cảm thấy càng xót xa hơn, như thể nỗi than thở về sinh mệnh con người thật là mong manh, có lẽ chỉ mới năm qua thôi họ còn đang ngồi uống bia tươi trong quán, huyết sáo chòng ghẹo những cô nàng đi ngang qua, “Nhảy cùng anh một điệu không bé ơ?”

Vị phu nhân mặc lễ phục đứng trước tôi đột nhiên khụy xuống mà vẫn không thôi dõi mắt về phía trước. Bà ấy đeo mạng che mặt màu đen, bà khóc để nước mắt lẫn dài làm hoen nhòe cả son phấn, tôi đưa khăn tay của mình cho bà ấy, bà ấy ghen ngào cảm ơn tôi.

Tất cả đều đang cố kiềm lòng mình.

Không một ai nói, chúng tôi cùng cúi đầu, lòng thầm mặc niệm “Vì nước Anh”.

Tiếp tục bước theo đoàn người, bỗng dưng tôi bị hấp dẫn bởi một bức hình trên thánh giá.

Đó là một người trẻ tuổi với nụ cười thật ấm áp.

Nước da anh ta tái hơn người thường, gò má hơi cao, hàng mi dài mảnh rợp trên cặp mắt màu xanh sẫm xinh đẹp như những viên đá mắt mèo trong tiệm đồ cổ. Nụ cười khiến đôi môi anh ta vẽ thành một đường cong thật hoàn hảo, ôn hòa mà ấm áp.

Tôi có cảm giác rất quen thuộc, nhưng chỉ là trong một thoáng.

Thật là kỳ diệu, sự êm ái phút chốc ủa đến ngập tràn tâm hồn tôi, như thể tôi đã luôn cảm thấy như thế. Tôi thầm đoán rằng người này hẳn phải biết chơi đàn dương cầm, bởi vì khi nhìn thấy anh ta bên tai tôi bắt đầu vang lên tiếng đàn du dương kỳ ảo...

Có lẽ tôi đã rung động, một người đàn ông ưu tú và dịu dàng thế này, lại ở đúng độ tuổi nhiệt huyết hào hoa nhất, cha mẹ và người yêu anh ta hẳn phải rất đau lòng.

Trước khi bước qua, tôi dừng thêm một giây để nhìn tên anh ta.

Andemund Wilson, 32 tuổi.

Quen quá.

Thật sự quen thuộc quá.

Nhưng tôi không nhớ nổi, tôi đã gặp anh ta ở đâu đây?

Tôi cài bông hồng anh trên tay lên cây thánh giá của anh ta.

Ngủ ngon nhé, Andemund Wilson.

– Hoàn ngoại truyện –

42. Chương 42

Cuộc phỏng vấn không thành, tôi chán đời đứng dựa cột điện đầu đường London hút thuốc, ngắm các cô em vẩy ngắn túm tùm cho bồ câu ăn ở quảng trường Trafalgar đối diện. Đàn bồ câu trắng thi nhau sà xuống, đám thiếu nữ thì má hồng như trái táo, tiếng cười khanh khách như tiếng chuông ngân. Một đứa nhỏ mặc áo lông trùm đầu màu xanh lùn chùn chạy theo bọn con gái, tay cầm chùm ba quả bóng bay đỏ, vàng, xanh.

Áp-phích chiến thắng dán trên bờ tường gần đó, xa hơn nữa là một tấm bia tưởng niệm màu xám. Người bước qua đều giữ vẻ mặt trầm lặng, nền gạch dưới chân bia trải đầy hoa tulip, có cảnh đang nở, cũng có cảnh đã héo từ bao giờ.

Tôi thấy một bà già đứng thần người trước tấm bia, đưa bàn tay gầy guộc lên ngực làm dấu thánh, miệng lẩm bẩm gì đó.

Có lẽ con, hoặc chồng bà ấy đã không trở lại sau chiến tranh.

Rít được hai hơi thuốc thì tôi sặc ho khò khè, đành chửi thề ném điếu thuốc rẻ tiền đi.

Tôi là Alan Castor, tốt nghiệp khoa toán Cambridge, ra trường thì được chào đón bằng nền kinh tế điêu hiu thời chiến, vậy là đành xin làm thuê cho một quán ăn ở London. Nghe nói trận không kích cuối cùng của bọn Đức đã đánh sập cái quán ăn nọ, chùm đèn trên trần rớt xuống trúng đầu tôi.

Tôi được đưa vào một khu bệnh xá của quân đội. Bác sĩ nói cú đập của cái đèn chùm làm tôi mất trí nhớ, tôi lại còn bị một mảnh đạn văng vào ngực thể nên cứ ho là phổi sẽ đau. Tôi nằm viện một thời gian dài, cũng tiện thể tán hết loạt mấy nhỏ y tá hay vào chích thuốc cho tôi, làm bác sĩ điều trị giận ứa gan. Cuối cùng bọn họ cho tôi một khoản trợ cấp rồi đá tôi ra viện.

Tôi thuê được một phòng trọ ở phía Tây London, mà cũng sắp đến hạn tiền nhà rồi. Thất nghiệp, rỗng túi, mồm ngậm thuốc lá rẻ tiền, đứng dựa cột điện huýt gió với mấy con nhỏ xinh xinh đi qua, tôi đoán chắc trông mình lưu manh dữ lắm.

Chiều đến trời sáng trắng ra vì nắng, lúc ra đi thì thật dễ chịu, thể mà giờ mới chợt tôi không khí ẩm ướt dợn lên đã khiến vết thương cũ trên ngực tôi nhưng nhức. Tôi muốn về nhà, khổ cái trong ví lúc này chẳng còn xu nào để đi tàu điện.

Lại đốt một điếu thuốc nữa, tôi sàu đời nhìn quanh quất, hy vọng kiếm được cái xe nào để quá giang.

Một chiếc xe dài che rèm đen đột nhiên đỗ xích trước mặt tôi. Cửa xe mở ra, ghế sau là một gã đàn ông mặc áo khoác. Ông ta có mái tóc vàng nhạt và cặp mắt màu xanh biếc như đá mắt mèo trong tiệm đồ cổ, ông ta bước xuống xe, hai tay đút túi áo, tiến về phía tôi. Hoàng hôn thả những sợi màu ẩm áp trên tóc, trên vai ông ta, đẹp như nhân vật bước ra từ tranh vẽ.

Đủ để khiến tôi nhìn đến thất thần.

“Cho nhờ bật lửa được chứ, chàng trai?” ông ta nói với tôi.

Tôi thấy ông ta rút ra một hộp thuốc lá tinh xảo, lấy một điếu. Tôi lục lọi cả túi áo túi quần mới moi ra được cái bật lửa cà tàng cho ông mượn.

“Cảm ơn cậu.” ông ta nói bằng điệu bộ rất chỉ lịch lãm, hai ngón tay dài mảnh cầm điếu thuốc mà chẳng có vẻ gì là định hút.

Tôi thì liều mạng rít điếu thuốc trên tay mình, cố làm điệu bộ khinh đời nhất nhất có thể... gã này thuộc một thế giới khác xa tôi, một thằng cha có tiền.

Thằng chả tự dưng giật điếu thuốc của tôi, dụi tắt rồi quẳng xuống đất, nói: “Cậu không hợp với thuốc lá đâu, sẽ bị ho khan đấy.”

“Chà, cảm ơn, đừng có quan tâm đến tôi thế.” tôi ngả cả người vào cột điện, vung vẩy chân ra điệu vô lại: “Coi chừng tôi yêu ông đó.”

Cặp mắt xanh biếc của ông ta nheo lại, ông ta gật đầu: “Được thôi.”

Thế rồi ông ta chìa tay ra: “Tôi là Andemund. Andemund Garcia. Nếu hôm nay chưa có kế hoạch gì, cậu không ngại dùng bữa cùng tôi chứ?”

“Sao nói nghe như tán gái vậy?” tôi phản đối.

Cơ mà hồi trưa tôi mới gặm có một miếng bánh mì khô.

Vậy là một giờ sau, chúng tôi đã ngồi trong một nhà hàng Pháp trên đường Belford. Andemund gọi đồ ăn rất nhã nhặn, mà lại toàn trúng món tôi thích.

Thậm chí ông còn gọi trúng rượu táo cho tôi.

“Thế là cậu tên Alan Castor?” ông hỏi tôi.

“Không thích tên ấy hở?”

“Không.” ngón trỏ của Andemund mân mê cái ly đế cao, ông ta nói đầy hàm ý: “Tôi thích chứ. Vô cùng thích.”

Tôi hỏi lại ông ta: “Sao tự dưng lại mời tôi ăn?”

“Tôi đang theo đuổi cậu, Alan à.”

Đương ăn dở bánh tiramisu, miệng ngậm đầy bơ, tôi kinh hoàng ngẩng lên: “Thế đây là hẹn hò à?!”

“Cậu đã nói sẽ yêu tôi mà?”

Nuốt hết món bánh ngọt trắng miệng, tôi dứt khoát đứng dậy: “Ai chà, bạn thân mến ơi, ông nghe lộn rồi.”

Ông ta vươn tay nắm tay tôi lại.

“Nhưng tôi nghiêm túc đấy, Alan Castor.”

Sáng sớm hôm sau, tôi mặc áo ngủ mở cửa lấy báo, phân vân không biết hôm nay nên lang thang tiếp hay đi kiếm việc, vừa đẩy cửa ra thì đụng mặt gã lái xe cho Andemund hôm qua. Tôi vẫn nhớ gã này, tên là Peter, mặc quân phục phẳng lì, cặp mắt xanh nhìn người ta lúc nào cũng lạnh như tiền.

Gã nhìn gian phòng trọ chưa đầy hai chục mét vuông với cái ghế xô-pha bị bụi lò xo của tôi với vẻ rất soi mói nhưng chẳng nhận xét gì hết, thay vào đó gã dúm cho tôi bó hoa hồng đỏ to bụi, rồi lăm lăm quay lưng bỏ về.

Dưới bó hoa cài một mảnh giấy viết chữ hoa uốn lượn rất thích mắt:

Anh yêu em, Alan. – From Andemund Garcia

Tôi gọi gã lái xe lại: “Bảo lão sắp ông nhé, đồng tính luyến ái là phạm pháp đó!”

Gã lái xe mắt xanh khựng lại như cái máy, rồi gã quay lại nhìn tôi chăm chăm: “Ngài ấy có biết.”

Hôm sau tôi lại nhận được bó hoa hồng giống hệt, mảnh giấy thì viết thành:

Em yêu, đôi mắt em rất đẹp. – From Andmeund Garcia

Tôi hỏi Peter: “Andemund chỉ biết tán mỗi kiểu này thôi hở?”

Hôm thứ ba thì không có hoa hồng nữa, chỉ mỗi Peter đứng ngoài cửa, mặt trở như tượng, nói: “Ngài Garcia hỏi cậu: ‘Cưng à, em muốn anh tán em như thế nào?’”

Đến một bữa sáng sớm chuông cửa lại reo, như mọi khi, tôi miệng ngậm bánh mì, tay cầm tách cà phê ra mở cửa. Thò đầu ra là tôi gào lên luôn: “Về bảo lão sếp ông nha, đây không phải dân đồng tính đâu! Đúng là phải gió!”

Andemund mặc đồ tây trắng bốp, coi bộ càng đẹp trai hơn. Ông đáp lời tôi với vẻ rất quý ông: “Không đâu, em đúng là vậy mà.”

“Đã bảo không phải, quỷ tha ma bắt!”

“Đúng là vậy đấy.” ông vẫn ngoan cố không chịu thôi: “Anh yêu em, em yêu.”

“Alan, sao em không thử yêu anh một thời gian nhỉ? Nếu sau đó em vẫn thấy ghét thì cứ đi lúc nào tùy ý em.”

Sau này tôi hỏi Andemund hàng đồng lần rằng tại sao lại thích tôi. Bao giờ Andemund cũng nghĩ ngợi rất nghiêm túc một hồi rồi mới đáp: “Em yêu, đó là tiếng sét ái tình.”

Tôi cứ thấy không đúng lắm, nhưng lần nào anh nói cũng rất chân thành, hơn nữa anh luôn nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cũng từng từ chối anh, nhưng anh luôn ôm ghì lấy tôi, siết chặt đến mức hai vai tôi phát đau. Rồi nhắc đi nhắc lại rằng, Alan, anh yêu em.

“Anh chắc anh không bị dở hơi chứ?” tôi hỏi anh.

Anh ấy hôn tóc tôi, giọng êm như ru: “Không chắc.”

Tôi chỉ biết Andemund Garcia làm việc cho chính phủ, có chút quan hệ với quân đội. Anh kiếm cho tôi một chỗ làm trong sở nghiên cứu toán học, bọn tôi ở khu biệt thự nhỏ của anh tại London. Hai năm trôi qua, mọi thứ đẹp cứ như không thực. Tôi vẫn chẳng nhớ được gì cả, mà anh ấy cũng không bao giờ hỏi tôi chuyện cũ.

Anh ấy chỉ ôm tôi mỗi lần tôi ra sức muốn nhớ lại rồi nói rằng: “Alan, chuyện gì không thể nhớ được thì thôi, đừng cố nhớ nữa.”

Tôi không được hút thuốc nữa. Andemund vứt hết thuốc lá của tôi đi. Anh thì chẳng bao giờ cần nhả gì cả, nhưng hễ tôi lén lút mò bật lửa châm thuốc anh sẽ thành linh xuất hiện, dịu dàng lột đồ của tôi, quăng tôi lên giường, hành tôi chết đi sống lại.

Andemund biết chơi đàn dương cầm, tôi thích ngắm bộ dạng anh chăm chú bên chiếc đàn dương cầm tam giác trên lầu hai. Những giai điệu của Beethoven bay lên theo phím đàn, thật là tuyệt vời.

Có đôi khi anh ấy sẽ kể cho tôi mấy câu chuyện anh nghe được ở sở làm. Tôi thích nhất chuyện về đội chuyên gia giải mã đã giải loại mật mã gọi là “Mê” của Đức. Trong số họ có một người là thiên tài toán học tốt nghiệp Cambridge, đã dựa vào Lý thuyết nhóm để giải được câu đố vĩ đại nhất thời chiến ấy. Bọn họ thậm chí còn chế tạo được hẳn máy giải mật mã. Cái máy đó nghe nói là quá tiên tiến, thế nên sau khi chiến tranh kết thúc đích thân Thủ tướng Churchill đã ra lệnh rã tan thành nó ra, mỗi mảnh không được lớn hơn nắm tay người ta.

Lúc nghe chuyện ấy tôi đang chơi ô chữ trên báo, tự dưng thấy rất bất mãn: “Em cũng tốt nghiệp Cambridge nè, gã đó có thiên tài bằng em không?”

Andemund đang ngồi cạnh lò sưởi đọc tài liệu, anh nghĩ ngợi một hồi rồi nói: “Có.”

Tôi còn chưa chán: “Thế có đẹp trai quyến rũ siêu đẳng bằng em không?”

Anh ngắm tôi hồi lâu, rồi hí mắt cười: “Có.”

Lần này thì tôi tức thật tình: “Thế thì quỷ bắt gã đó đi.”

“Không, em yêu à.” Andemund đặt tập tài liệu xuống, bước tới hôn tôi: “Cậu ta đến với người yêu của cậu ta. Họ sẽ ở bên nhau mãi mãi.”

Có một lần tôi tìm được một tấm ảnh đen trắng trong tủ bát, trong ảnh là một cô gái xinh đẹp mặc quần và áo sơ-mi. Mái tóc quấn xoắn trên vai, nụ cười kiêu diễm như hoa nở.

“Bạn gái cũ à?” tôi hỏi.

“Đây là Annie, trợ lý của anh.” anh ấy thở dài: “Hồi chiến tranh cô ấy đã một mình đột nhập vào khu vực bị Đức chiếm đóng, cứu thoát được ba nữ đồng đội rất quan trọng. Cô ấy giỏi lắm.”

“Ồ, quá giỏi thật!” một giây lúc ấy, chẳng hiểu vì sao tôi cảm thấy hơi quyến luyến: “Lúc nào cho em gặp cổ được không?”

“Không được.” đôi mắt xanh sẫm của Andemund thoáng mờ đi: “Cô ấy mất rồi. Nhưng đồng đội của cô ấy thì sống.”

“Hình như em gặp cô ấy ở đâu rồi thì phải.”

“Áo giắc thôi.” anh ấy lấy tấm ảnh, bỏ vào túi áo: “Em nhớ lắm đấy.”

Tôi cứ hay nhớ lắm như vậy.

Cũng có lần tôi đến cửa hàng đồ điện tìm gặp người quen, lại thấy một gã công nhân ghi số điện. Đó là một người tóc quấn đen dài đến vai, mũi ưng như người Do Thái, anh ta mặc bộ đồ bảo hộ màu xanh dính đầy dầu mỡ, đang treo trên cột điện xem đồng hồ đo. Đột nhiên tôi thấy anh ta cực kỳ quen mắt.

Chẳng hiểu vì sao trong đầu tôi lại hiện ra hình ảnh anh ta mặc áo khoác dạ, ngồi vắt vẻo trên bậu cửa sổ phòng làm việc uống cà phê.

“Người đó tên gì vậy?” tôi hỏi bạn tôi.

“Raphael Hughes.” bạn tôi đáp nhạt nhẽo: “Gã đó hồi chiến tranh có đi lính đâu, loại nhất cây ấy mà.”

“Vậy chứ thời chiến anh ta ở đâu?”

“Trời biết, chẳng bao giờ thấy nói.” bạn tôi nhún vai đáp.

Tôi nghĩ lại mình cũng đâu có ra chiến trường, tự dưng thấy quen thuộc đến lạ. Nhưng quả là tôi không biết người tên Raphael Hughes này, thế nên tôi im lặng nhìn anh ta lần nữa rồi ra về.

Bạn tôi nói chuyện về cuộc chiến trên không lừng lẫy ở London ngày đó, về cả những người thân, bạn bè không trở về của cậu ta. Trông cậu ta thực sự đau khổ, nhưng ánh mắt vẫn sáng ngời: “Chiến thắng rồi, thật không dám tin!!”

Tôi thì chẳng có ấn tượng gì với những chuyện ấy. Mỗi lần cố gắng nhớ lại chỉ cảm thấy lòng mình trống rỗng, rồi đột nhiên bầu trời nước Anh xanh thẳm hiện ra.

Năm thứ hai ở cùng Andemund, tôi gặp được một người bạn từ hồi chưa mất trí nhớ. Tự anh ta tìm đến tôi, nói rằng tôi là gia sư của em họ anh ta, anh ta có món đồ muốn trả tôi.

Hôm ấy là buổi sáng mùa đông, đường phố lạnh lẽo âm u. Tôi mở cửa ra lấy sữa thì nghe có người gọi: “Alan?”

Đó là một người đàn ông đeo kính gọng vàng, tay trái cầm tay một đứa nhỏ tóc đỏ, chừng tám chín tuổi, họ đang đứng ở góc mù sương nhất bên đường. Anh ta để thằng bé đứng lại đợi rồi bước vội về phía tôi. Chúng tôi đứng tán dóc ngay ngoài cửa.

“Trước tôi làm cả gia sư hả?” tôi rất ngạc nhiên.

“Ừ. Tuần nào cậu cũng đến nhà ông ngoại tôi dạy học, chúng ta là bạn mà.” anh ta thân mật hỏi tôi: “Bé Alan này, nghe nói cậu mất trí nhớ à?”

“Đầu bị thương trong đợt không kích, đen quá.” tôi nhún vai.

Gã kính gọng vàng coi bộ có thói quen nheo mắt mỗi khi suy tư. Chúng tôi hàn huyên một lúc nữa, anh ta ngấm ngấm tôi rồi nói: “Alan, xem ra cậu sống đâu có tệ.”

“À, ừ. Tôi đang ở với người yêu.” tôi hỏi anh ta: “Trông anh thì có vẻ chán đời nhỉ.”

“Tôi thất tình rồi.”

“Thì cứ tán tới đi. Cưa gái là phải có bí quyết nha, chỉ cần anh làm đúng bài thì yên tâm, không em nào là không tán đổ được.” tôi an ủi anh ta: “Bí quyết chính là phải kiên trì. Bạn thân mến ạ, đừng có bỏ cuộc.”

“Alan, cậu không hiểu đâu.” anh ta nói: “Tôi không có khả năng bảo vệ người tôi yêu. Cậu ấy phải đối mặt với nguy hiểm vô cùng vậy mà tôi chỉ có thể đứng nhìn cậu ấy đau khổ, không cách nào cứu được cậu ấy. Tôi đã muốn cướp cậu ấy khỏi cái tháp canh ấy, đưa cậu ấy về nông thôn, tránh xa khỏi nơi ma quỷ này... mà lực bất tòng tâm. Alan à, thực sự tôi đã nghĩ như thế đấy... cậu phải tin tôi.”

“Cậu ta à?”

“À, phải rồi. Tôi là người đồng tính.”

“Khéo quá ta, tôi cũng vậy đây.” tôi cười vỗ vai anh ta: “Không sao, đừng có bỏ cuộc. Rồi sẽ ổn thôi.”

“Thật hả? Alan, cậu nghĩ vậy thật sao?!” đột nhiên anh ta sấn tới, nghiêm túc hỏi tôi, gương mặt như vừa được nhen lên một niềm hy vọng cháy bỏng.

“Cái gì thật hả?”

“Cậu cho là tôi không nên bỏ cuộc đúng không?” anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Trừ khi cậu ta yêu người khác rồi, không thì anh nên kiên trì, bạn thân mến ạ.”

Gương mặt anh ta thoát cái trở nên ảm đạm, anh ta thở dài, móc trong túi áo ra một cái đồng hồ quả quýt bằng vàng, đưa cho tôi.

“Cái này là của cậu, tôi trả lại cậu như đã hứa.”

Cái đồng hồ trông rất tinh xảo, hẳn phải là hàng chế tác cao cấp. Tôi cầm nó trong tay nghe nặng nặng mà lạnh toát. Tôi không nhớ mình đã từng cầm nó bao giờ, mà cũng nghĩ không ra tại sao lại có lúc mình đi mua món đồ quý giá cỡ này.

“Vào nhà uống tách cà phê nhé?” tôi đề nghị.

“Thôi. Tôi phải về rồi.” anh ta mỉm cười từ chối: “Có chút chuyện nhất định phải đi làm. Tôi tiện đường ghé qua chào tạm biệt người yêu thôi.”

“A, phải rồi.” anh ta như chợt nhớ ra chuyện gì: “Có chuyện này xưa lắm rồi, Alan à. Hồi đó mình đã hẹn nhau cuối tháng chín sẽ đi xe lửa đến vùng hồ xem đồng hoa oải hương. Vậy mà mãi chẳng có dịp, thật tiếc quá.”

“Ừ phải, tiếc thật.” tôi đồng tình.

Bọn tôi ôm chào tạm biệt nhau. Bấy giờ tôi mới nghĩ ra: “Phải rồi, chứ anh tên gì vậy?”

“Arnold. Arnold Visco, bác sĩ tâm lý.” anh ta đã đi được mấy bước thì dừng lại, quay đầu mỉm cười tung cho tôi một cái hôn gió: “Alan yêu quý, tạm biệt.”

Có lẽ là tôi nhìn lầm, nhưng trong phút chốc anh ta trông thật thương tâm.

Tôi ngó nhìn thẳng bé tóc đỏ đứng đợi anh ta đằng xa. Thắng nhỏ nhoi cả người lên vẫy tay rồi rít với tôi rồi quay lưng cùng anh họ nó biến mất vào làn sương mù dày đặc của London.

Tôi không thích mùa đông London. Quá lạnh, quá ẩm ướt, thời tiết làm vết thương cũ trên ngực tôi đau râm rứt. Lắm khi những thứ rất bình thường tự dưng trở nên méo mó quái dị chỉ vì màn sương, khiến người ta cảm thấy mơ hồ như một đứa trẻ con đang nghe thần thoại.

Mấy hôm trước Andemund lái xe đưa tôi ra ngoài, chúng tôi tới phía Tây London có chút việc. Hôm đó trời âm u chưa từng thấy, bàn tay xò ra gần như hứng được những giọt không khí triu nước. Tôi nhìn qua lớp

sương mờ trên cửa sổ xe, thấy một tòa tháp canh xám xịt títt đằng xa. Nói thật là trông không được rõ lắm, chỉ biết nó cao chót vót. Đỉnh tháp xây bằng gạch xám sừng sững giữa sương mù.

Đột nhiên tôi cảm thấy hình như mình đã từng thấy nó giữa một bầu trời trong trẻo.

Tòa tháp ấy có cửa sổ để nhìn ra ngoài, đứng trong đó hẳn sẽ thấy được ống khói nhà xưởng rất cao, thấy cả bờ câu chao liệng. Cửa hẳn sẽ khóa rất chắc chắn, mặc kệ ta tuyệt vọng nhường nào cũng không thể phá đổ để thoát ra.

Chẳng hiểu tại sao, những hình ảnh tưởng tượng đơn giản ấy lại khiến tôi rùng mình.

Tôi nói với Andemund: “Anh yêu, anh thấy tháp canh màu xám đằng kia không? Vừa trông thấy nó thôi mà tự dưng em thấy chẳng yêu anh nữa.”

Andemund không trả lời tôi ngay, anh ấy chỉ trượt một tay khỏi vô-lăng, siết chặt cả hai bàn tay tôi, rồi vội vã nhấn ga, phóng xe chạy xa khỏi con đường nọ.

Một lúc lâu sau đó anh mới quay sang mỉm cười với tôi: “Không sao, Alan. Chỉ cần anh yêu em mà thôi.”

Lại nghĩ một lát, Andemund nói: “Mùa xuân này có lẽ anh được nghỉ. Mình cùng đi Berlin nhé.”

“Em không thích đến đó.” tôi nói.

“Ở đó có rất nhiều phê tích của Thế chiến và nghĩa trang cộng đồng. Không chừng một thiên tài toán học cũng đã được an táng ở đó, anh muốn em đến thăm bà ấy cùng anh. Chính bà ấy đã tạo nên nền tảng cho máy mã hóa hiện đại bây giờ. Em nhất định sẽ thích... gần đây anh thấy em hay chơi giải mật mã trên báo mà.”

“Có hả?” tôi nói: “Anh còn hứa sẽ mua biệt thự ở Bedford, rồi tụi mình chuyển đến đó ở nữa nha.”

“À, phải rồi.” Andemund đánh xe vào vệ đường, nhào sang hôn tôi: “Em nói em thích nông thôn còn gì. Nhưng phải nhiều năm nữa kia.”

“Bao nhiêu năm mới được?”

“À, em yêu. Đợi đến khi chúng ta già kia.”

Sau Giáng sinh, tôi nhận được một lá thư từ Hoa Kỳ.

Trong bao thư chỉ có một tờ giấy gấp vuông vức và mấy cánh hoa hồng khô. Giấy viết thư chuyên dụng của không quân, mà chẳng thấy dòng chữ nào, chỉ có một bức vẽ bằng bút lông mực xanh. Đó là tôi thời thanh niên, tôi đương ôm cuốn sách dày cộp ngồi dưới gốc cây tán che rợp bóng. Trong tranh có gió thổi, tôi lim dim mắt, thì cầm lên gáy sách.

Một buổi nên thơ yên ả như lơ đãng trôi đi từ trang giấy viết thư.

Bì thư không đề địa chỉ, chỉ biết dấu bưu điện là từ San Francisco.

Tôi gấp lá thư lại, kẹp vào tập thơ của Yeats Andemund tặng tôi. Chẳng bao giờ tôi đọc thơ, thế mà Andemund cứ nhất định bắt tôi phải nhận nó.

Bài đầu tiên là “Khi em đã già”

Khi em đã già, mái tóc điểm bạc

Một mình em bên bếp lửa, cúi đầu

Em mở cuốn sách này, hãy đọc thật lâu

...

Biết bao kẻ yêu vẻ tươi vui trong phút chốc

Yêu vẻ đẹp của em, giả dối và chân thành

Nhưng chỉ một người yêu tâm hồn hành hương của em

Và yêu nét buồn đổi thay trên gương mặt.

...

Đáng lẽ phải ký tên lên trang bìa trong cuốn sách, cơ mà trang ấy bị ai xé đi mất rồi, thế nên Andemund dùng bút lông mực xanh viết tên chúng tôi ngay dưới bài thơ ấy.

Alan Castor

Andemund Garcia

– KẾT THÚC –

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/diary-in-grey-tower>